

335.4

T114s

Terry Eagleton

TẠI SAO MÁC ĐÚNG?

SÁCH THAM KHẢO
(TỦ SÁCH PHỤC VỤ LÃNH ĐẠO)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

THƯ VIỆN

Học viện CT-HCQG

Hồ Chí Minh

Phòng Mượn

LỜI NÓI ĐẦU

Điều đó không phải để nói rằng Các Mác không bao giờ sai lầm. Tôi không phải thuộc tuýp người cánh tả thường tuyên bố một cách cuồng tín rằng mọi việc đều cần được phê phán, để rồi khi được yêu cầu đưa ra ba phê bình quan trọng về Các Mác thì lại âm ừ nín lặng. Việc bản thân tôi nghi ngờ một vài tư tưởng của ông sẽ được thấy rõ qua cuốn sách này. Nhưng Các Mác đã đúng thời đó về những vấn đề quan trọng khiến cho việc tự gọi mình là một người mác xít trở nên hợp lý. Không người nào theo học thuyết Freud hình dung rằng Freud không bao giờ sai lầm, cũng như không có người hâm mộ Alfred Hitchcock nào lại không bảo vệ mọi lời thoại trong kịch bản của vị đạo diễn bậc thầy đó. Tôi đang cố gắng diễn tả những tư tưởng của Các Mác không phải là hoàn hảo nhưng đáng tin cậy. Để chứng minh điều này, tôi nêu ra trong cuốn sách 10 phê phán phổ biến nhất về Các Mác, không sắp xếp theo thứ tự tầm quan trọng mà tôi chỉ cố gắng phản bác từng ý kiến phê phán một. Theo cách này tôi cũng mong muốn giới thiệu một cách rõ ràng và dễ tiếp cận tư tưởng của ông cho những ai chưa biết tác phẩm của ông. Cuốn sách này có căn nguyên từ một tư tưởng duy nhất và nổi bật: Sẽ ra sao nếu hầu hết những phản bác quen thuộc về tác phẩm của Các Mác là sai? Hay ít ra nếu không phải là hoàn toàn cố chấp thì cũng gần như là vậy?

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã được mô tả là “không nghi ngờ gì, đó là tác phẩm duy nhất có ảnh hưởng nhất được viết ra trong thế kỷ XIX”^[1]. Hầu như không một nhà tư tưởng nào, không một nhà chính trị, khoa học, quân sự, truyền giáo... nào lại làm thay đổi được tiến trình lịch sử một cách rõ ràng như tác giả của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Không một chính phủ nào theo chủ thuyết Đề các, không có thủ lĩnh du kích nào theo chủ nghĩa Platon hay không công đoàn nào theo luận thuyết của Hê-ghen, thậm chí không một nhà phê bình Các Mác quyết liệt nhất nào lại phủ nhận rằng ông đã làm thay đổi hiểu biết của chúng ta về lịch sử loài người. Nhà tư tưởng chống chủ nghĩa xã hội Ludwig von Mises đã mô tả chủ nghĩa xã hội là “phong trào cải cách mạnh mẽ nhất mà lịch sử đã từng chứng kiến, khuynh hướng tư tưởng đầu tiên không chỉ bó hẹp trong một bộ phận nhân loại mà được ủng hộ bởi người dân đủ mọi sắc tộc, quốc gia, tín ngưỡng và nền văn minh”^[2]. Thế nhưng có một quan niệm lạ kỳ được lưu truyền rộng rãi cho rằng Các Mác và lý thuyết của ông giờ đây đã được yên nghỉ - và điều này lại xuất hiện trước một trong những khủng hoảng mang tính hủy diệt nhất trong lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa Mác, từ bao lâu nay

vẫn là sự phê phán phong phú nhất về mặt lý luận, không khoan nhượng nhất về mặt chính trị đối với hệ thống tư bản chủ nghĩa, thì giờ đây bằng lòng trở về dĩ vãng.

Cuộc khủng hoảng đó ít ra cũng có nghĩa rằng cụm từ chủ nghĩa tư bản thường được ngụy trang dưới những mỹ từ như “kỷ nguyên hiện đại”, “chủ nghĩa công nghiệp” hay “phương Tây”, lại một lần nữa trở nên thịnh hành. Bạn có thể nói hệ thống còn là điều tự nhiên như không khí chúng ta hít thở, mà thay vào đó có thể được coi là một hiện tượng khá mới về mặt lịch sử. Hơn nữa, bất cứ những gì được sinh ra cũng luôn có thể chết đi, đó là lý do tại sao các hệ thống xã hội luôn muốn thể hiện mình tồn tại bất diệt. Cũng giống như cơn sốt xuất huyết khiến bạn có được nhận biết mới về cơ thể của mình, thì một dạng thức của đời sống xã hội có thể được nhận biết nó như thế nào khi nó bắt đầu đổ vỡ. Các Mác là người đầu tiên nhận biết được đối tượng lịch sử được biết đến là chủ nghĩa tư bản – chứng minh nó xuất hiện như thế nào, hoạt động theo quy luật nào và có thể đi đến chỗ kết thúc ra sao. Cũng giống như Newton đã phát hiện ra những sức mạnh vô hình được biết đến là luật vạn vật hấp dẫn, hay Freud đã chỉ ra hoạt động của một hiện tượng vô hình được gọi là vô thức, Các Mác đã khám phá cuộc sống hàng ngày của chúng ta để phát hiện một thực thể chưa từng được nhận biết gọi là *phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa*.

Trong cuốn sách này, tôi không nói về chủ nghĩa Mác với tư cách là sự phê phán văn hóa hay đạo đức. Bởi vì nói chung điều đó không đặt ra sự phản bác đối với chủ nghĩa Mác và do đó nó cũng không phù hợp với dự định của tôi. Tuy nhiên, theo tôi, kho tàng những tác phẩm đồ sộ và phong phú một cách phi thường của Các Mác theo nghĩa này bản thân nó đã đủ là lý do để gắn bó với di sản của Các Mác. Sự xa lánh, “hàng hóa hóa” đời sống xã hội, một văn hóa tham lam, xâm lược, chủ nghĩa khoái lạc vô tâm và thuyết hư vô ngày càng phát triển, sự chảy máu không ngừng về ý nghĩa và giá trị từ sự tồn tại của con người: rất khó có thể tìm thấy sự thảo luận thông minh về những vấn đề này mà không mang ơn sâu sắc truyền thống mác xít.

Trong buổi đầu của chủ nghĩa nam nữ bình quyền, một số người trở nên vụng về nếu những tác giả nam giới có thiện chí trước đây thường viết: “Khi tôi nói “đàn ông” (men) dĩ nhiên tôi muốn nói “đàn ông và đàn bà” (men and women). Vậy tôi cũng muốn nói một cách tương tự là khi tôi nói Các Mác, tôi cũng thường muốn nói tới Các Mác và Ph.Ăng-ghe-n. Nhưng mối quan hệ giữa hai ông là một câu chuyện khác.

Tôi rất biết ơn Alex Callinicos, Philip Carpenter và Ellen Meiksins Wood, những người đã đọc bản thảo cuốn sách này và đã có những phê bình và gợi ý vô giá.

Đinh Xuân Hà và Phương Sơn dịch

[1] Peter Osborne, in Leo Panich and Colin Leys (eds.): *The Communist Manifesto Now: Socialist Register*, New York, 1998, p.190.

[2] Robin Blackburn: “Fin de Siècle: Socialism after the Crash”, *New Left Review*, no.185 (January/February 1991), p.7.

CHƯƠNG 1

CHỦ NGHĨA MÁC ĐÃ LỖI THỜI?

PHẢN BÁC:

Chủ nghĩa Mác đã kết thúc. Từng có thời chủ nghĩa Mác được coi là phù hợp với một thế giới của những nhà máy, những cuộc bạo loạn vì đói kém, những người công nhân mỏ, thợ nạo ống khói, sự khốn cùng tràn lan và đông đảo giai cấp lao động. Và tất nhiên nó chẳng ăn nhập gì với xã hội phương Tây hậu hiện đại ngày càng không còn giai cấp và dễ dàng biến đổi về mặt xã hội như ngày nay. Chủ nghĩa Mác chỉ là một thứ giáo điều của những kẻ cố chấp, sợ hãi hoặc bị lừa dối, không dám thừa nhận rằng thế giới ngày nay đã và đang thay đổi để trở nên tốt đẹp hơn, cả về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

BIỆN GIẢI:

Chủ nghĩa Mác đã kết thúc có vẻ như là một âm thanh dễ chịu đối với những người Mác-xít bất cứ nơi đâu. Họ có thể thôi tuân hành và bãi công, quay trở về với sự che chở, đùm bọc của gia đình vẫn đầy ưu tư phiền muộn, an nhàn tận hưởng mỗi buổi tối ở nhà thay vì phải tham gia những buổi hội họp tẻ nhạt. Người Mác-xít giờ đây chẳng mong gì hơn là không còn Mác-xít nữa. Trở thành một người Mác-xít thật chẳng khác nào một Phật tử hay là một tỷ phú vậy. Không những thế, một người Mác-xít còn như một thầy thuốc chuyên làm phúc. Nghĩa là người đó phải là người thật kiên trì, bền chí, thật chuyên tâm vào công việc cứu chữa người bệnh để rồi sau khi bệnh khỏi thì chẳng còn ai cần đến họ nữa. Cũng giống như vậy, sứ mệnh của các chính trị gia giáo điều là đi đến cái đích mà ở đó vai trò của họ không còn cần thiết nữa do nhiệm vụ đã hoàn tất. Khi đó, họ có thể thoải mái rút lui, đốt bỏ đi những tấm hình Che Guevara, cầm lại chiếc đàn vi-ô-lông-xen bị lãng quên bao ngày tháng, cùng nhau đàm đạo về điều gì đó thú vị hơn là các phương thức sản xuất Á châu. Giả sử trong 20 năm tới vẫn tồn tại đâu đó những người Mác-xít hay những người theo thuyết nam nữ bình quyền thì đó quả là một viễn cảnh đáng buồn. Chủ nghĩa Mác bao hàm một sứ mệnh chỉ mang tính tạm thời mà giải thích tại sao bất kỳ ai từng cống hiến hết mình cho nó cuối cùng cũng không hiểu được. Có một cuộc sống sau chủ nghĩa Mác là toàn bộ giá trị của chủ nghĩa Mác.

Viễn cảnh làm say mê lòng người khác thường này có một vấn đề duy nhất. Chủ nghĩa Mác là sự phê phán chủ nghĩa tư bản. Đó là sự phê phán sâu sắc, toàn diện và khắt khe nhất từ trước đến nay. Không những thế, chủ

nghĩa Mác còn là sự phê phán duy nhất làm thay đổi bộ phận lớn của thế giới. Điều đó muốn nói rằng, chừng nào chủ nghĩa tư bản còn tồn tại, thì chủ nghĩa Mác cũng sẽ tồn tại. Đào thải đối thủ của mình là tự đào thải chính mình. Trước khi biến mất, chủ nghĩa tư bản vẫn sẽ mạnh mẽ như xưa.

Hầu hết những phê phán của chủ nghĩa Mác ngày nay đều không tranh luận về điểm này. Thay vào đó, họ tuyên bố rằng, hệ thống tư bản chủ nghĩa đã thay đổi nhiều đến mức không còn nhận biết được nữa so với thời của Các Mác, và do đó những tư tưởng của Các Mác không còn phù hợp nữa. Trước khi xem xét nhận định này một cách chi tiết, cần lưu ý rằng bản thân Các Mác luôn ý thức được bản chất không ngừng vận động của cái hệ thống mà ông phản bác. Chính nhờ có chủ nghĩa Mác mà chúng ta có được những khái niệm về các hình thái lịch sử khác nhau của tư bản: tư bản thương mại, nông nghiệp, công nghiệp, độc quyền, tài chính, đế quốc... Vậy thì tại sao việc chủ nghĩa tư bản thay đổi bộ mặt của nó trong những thập niên gần đây lại làm mất niềm tin vào một học thuyết vốn coi sự thay đổi là thuộc tính của chủ nghĩa tư bản? Không những thế, Các Mác còn tiên đoán trước sự thu hẹp lại của giai cấp công nhân và tự tăng lên mạnh mẽ của lao động cổ cón. Chúng ta sẽ xem xét vấn đề này ở phần sau. Các Mác thậm chí còn nhìn thấy trước được cái mà chúng ta gọi ngày nay là “toàn cầu hóa”. Đây quả thực là một điều kỳ lạ đối với một người có tư tưởng bị coi là cổ xưa. Song có lẽ chính phẩm chất “cổ xưa” của Các Mác đã khiến cho Các Mác vẫn còn giá trị đến ngày nay. Các Mác bị lên án là lạc hậu bởi chính những người cổ xúy cho một chủ nghĩa tư bản đang nhanh chóng quay trở lại mức độ bất bình đẳng như dưới thời Victoria. Vào năm 1976, rất nhiều người ở phương Tây đã nghĩ rằng chủ nghĩa Mác có cơ sở hợp lý. Nhưng đến năm 1986 nhiều người trong số họ đã không còn nói như vậy nữa. Vậy thì chính xác điều gì đã xảy ra? Phải chăng những con người này đã bị chết trên giàn thiêu của những đũa tre chập chững biết đi? Phải chăng chủ nghĩa Mác giờ đây đã bị phát hiện là nhảm nhí bởi một nghiên cứu mới nào đó gây chấn động thế giới? Liệu chúng ta có tình cờ phát hiện ra một bản thảo của Các Mác bị thất lạc từ bao lâu nay thú nhận rằng tất cả chỉ là trò đùa? Không phải chúng ta giật mình khám phá ra rằng Các Mác làm thuê cho chủ nghĩa tư bản. Điều này thì chúng ta ai cũng biết. Nếu chẳng có cái nhà máy dệt Ermen & Engels ở Salford do cha của Ph.Ăng ghen làm chủ thì chắc hẳn Các Mác đã không thể cho ra đời những bút chiến chống lại những chủ sản xuất bông vải.

Quả là có điều gì đó đã xảy ra trong giai đoạn này. Kể từ giữa những năm 1970 trở lại đây, hệ thống phương Tây đã trải qua những thay đổi quan trọng^[1]. Đó là sự chuyển đổi từ sản xuất công nghiệp truyền thống sang nền văn hóa “hậu công nghiệp” trong đó bao gồm chủ nghĩa tiêu dùng, truyền thông, công nghệ thông tin và ngành dịch vụ. Những doanh nghiệp có quy

mô nhỏ, phi tập trung hóa, linh hoạt, và không buộc phải theo tôn ti thứ bậc đang nổi lên. Các thị trường được dỡ bỏ các quy định điều tiết, và phong trào giai cấp công nhân bị đè nén gay gắt cả về phương diện luật pháp lẫn phương diện chính trị. Lòng trung thành giai cấp truyền thống bị suy yếu, trong khi đó những bản sắc địa phương, giới tính và sắc tộc ngày càng nổi lên mạnh mẽ. Chính trị ngày càng bị thu tóm và lũng đoạn.

Công nghệ thông tin mới đóng vai trò chủ đạo trong việc đẩy nhanh quá trình toàn cầu hóa của hệ thống tư bản chủ nghĩa, nhất là khi một nhóm công ty xuyên quốc gia chi phối sản xuất và đầu tư trên khắp hành tinh nhằm tìm kiếm lợi nhuận nhanh nhất. Nhiều cơ sở sản xuất được chuyển đến những nơi có nguồn nhân công rẻ tại các quốc gia “kém phát triển”, khiến một số người phương Tây đầu óc thiển cận vội vã kết luận rằng, giờ đây ngành công nghiệp nặng đã biến mất khỏi hành tinh này. Tiếp sau sự lưu động mang tính toàn cầu này là luồng lao động di cư xuyên quốc gia, kéo theo đó là sự trỗi dậy của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa phát xít khi dòng người nhập cư nghèo khổ đổ xô đến những nền kinh tế phát triển cao. Trong lúc các quốc gia “ngoại vi” đang phải đối phó với điều kiện lao động cơ cực, các tài liệu sản xuất bị tư hữu hóa, chế độ phúc lợi bị cắt giảm và gánh chịu những điều kiện thương mại bất bình đẳng quái ác, thì các vị giám đốc điều hành đến từ các nước giàu nói lòng căm ghét, để phan hủi, gặm nhấm sức khỏe tinh thần của nhân viên.

Đã chẳng xảy ra điều gì khi hệ thống TB đang trong thời kỳ sung sức và vô tư. Nhưng những biểu hiện hung hãn như gần đây, cũng giống như hầu hết các hình thức gây hấn khác, có nguyên nhân từ sự lo lắng sâu xa bên trong. Nếu như hệ thống tư bản chủ nghĩa trở nên buồn vui thất thường, thì đó là vì sức khỏe của nó đang âm thầm suy nhược. Sự bùng nổ thời hậu chiến đột ngột biến mất đã dẫn đến sự thay đổi tổ chức này. Cạnh tranh quốc tế gia tăng khiến tỷ lệ lợi nhuận giảm sút, vắt kiệt các nguồn đầu tư và làm chậm tỷ lệ tăng trưởng. Thậm chí nền dân chủ xã hội giờ đây cũng trở thành một sự lựa chọn chính trị quá cực đoan và đắt đỏ. Do đó, vị trí sân khấu đã phải nhường cho Reagan và Thatcher, những nhân vật góp phần dỡ bỏ các nhà máy sản xuất truyền thống, kìm kẹp phong trào lao động, cho phép thị trường thả phanh chạy hết tốc lực, củng cố hơn nữa cánh tay trấn áp của nhà nước và ủng hộ nhiệt thành một thứ triết lý xã hội mới được biết đến là thói tham lam trơ tráo. Đầu tư cho sản xuất được thay bằng đầu tư vào ngành dịch vụ, tài chính và truyền thông chính là cách phản ứng trước tình trạng khủng hoảng kinh tế kéo dài, chứ không phải là một cú nhảy vọt từ một thế giới cũ kỹ xấu xa sang một thế giới mới mát mẻ và dũng cảm.

Tuy nhiên, khó có thể tin rằng, hầu hết những người theo quan điểm cấp

tiền trong thời kỳ từ những năm 1970 đến những năm 1980 thay đổi suy nghĩ của mình về hệ thống tư bản chủ nghĩa chỉ đơn giản vì các nhà máy dột vãi ngày càng ít đi. Đó không phải là lý do khiến họ từ bỏ chủ nghĩa Mác mà chính là niềm tin rằng không dễ gì phá dỡ được cái chính thể mà họ đang đối mặt. Cái mang tính quyết định không phải là những ảo tưởng về chủ nghĩa tư bản mới, mà chính là sự vỡ mộng về khả năng thay đổi chủ nghĩa tư bản. Chắc chắn có nhiều người một thời đi theo chủ nghĩa xã hội từng biện hộ cho nỗi u uất của mình bằng cách tuyên bố rằng, nếu như chủ nghĩa tư bản không thay đổi được, thì việc gì phải làm điều đó. Tuy nhiên, lý do vẫn là ở chỗ thiếu niềm tin vào một sự thay đổi có khả năng thuyết phục. Do phong trào giai cấp công nhân bị bóp méo và thâm đẫm máu, phe chính trị cánh tả thoái lui mạnh mẽ, tương lai dường như đã biến mất không còn dấu vết. Đối với một số người cánh tả, sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu diễn ra vào cuối thập niên 1980 đã khiến họ thực sự tỉnh ngộ. Không phải tự nhiên mà trào lưu cấp tiến thành công nhất kỷ nguyên hiện đại (chủ nghĩa dân tộc cách mạng) vào thời điểm này cũng hoàn toàn suy kiệt. Cái đã sản sinh ra văn hóa hậu hiện đại và sự phủ nhận của nó đối với cái gọi là đại luận thuyết (grand narratives) và lời tuyên bố hào hùng về “Sự kết thúc của Lịch sử” chính là sự tin chắc rằng giờ đây tương lai là nhiều thứ hơn hiện tại. Hoặc, như một nhà hậu hiện đại cởi mở từng nói: “Hiện tại cộng với nhiều sự lựa chọn hơn”.

Vậy thì, nguyên nhân gây mất niềm tin vào chủ nghĩa Mác trên hết là sự cảm nhận dần dần về căn bệnh bất lực chính trị. Khó mà giữ được niềm tin vào sự thay đổi khi sự thay đổi không nằm trong chương trình hành động, thậm chí là càng khó khi người ta cần phải duy trì niềm tin bằng mọi giá. Cuối cùng, nếu như không tránh được sự tất yếu hiển nhiên thì chúng ta sẽ không bao giờ biết được cái tất yếu sẽ tất yếu như thế nào. Nếu những kẻ nhất gan cố bám víu vào các luận điểm trước đây của họ trong hai thập niên nữa, họ có lẽ sẽ chứng kiến một chủ nghĩa tư bản thật hả hê, đặc chí và vững chắc đến nỗi mà vào năm 2008, nó chỉ việc tiếp tục cho những máy rút tiền tự động hoạt động trên các đại lộ xa hoa. Những kẻ nhất gan ấy còn được chứng kiến cả một châu lục phía nam Kênh đào Panama chuyển hẳn sang phía chính trị cánh tả. Giờ đây “Sự kết thúc của Lịch sử” đang ở điểm kết thúc. Dù thế nào đi nữa thì người Mác-xít cũng cần phải làm quen với thất bại. Thực ra họ đã từng chứng kiến những kết cục còn tệ thảm hơn thế nhiều. Lợi thế chính trị luôn ở về phía chế độ cầm quyền, nếu chỉ vì họ có nhiều xe tăng hơn là ta có. Tuy nhiên những viễn tưởng nóng vội và hy vọng sục sôi những năm cuối thập kỷ 1960 đã khiến cho sự suy sụp này trở thành một liều thuốc đắng khó nuốt đối với những người từng kinh qua thời kỳ đó.

Do đó, điều khiến cho chủ nghĩa Mác có vẻ không còn hợp lý không phải

là ở chỗ chủ nghĩa tư bản đã thay hình đổi dạng. Vấn đề ở đây hoàn toàn ngược lại. Thực tế là hệ thống tư bản chủ nghĩa vẫn đang hoạt động bình thường, thậm chí là còn tốt hơn bình thường. Điều nực cười là chính những cái tưởng như giúp đỡ phá chủ nghĩa Mác lại cũng làm tăng thêm niềm tin vào những khẳng định của chủ nghĩa Mác. Nó được đẩy đến cực điểm bởi vì trật tự xã hội mà chủ nghĩa Mác đương đầu, thay vì trở nên nhân từ và ôn hòa hơn, thì lại trở thành tàn nhẫn và cực đoan hơn bao giờ hết. Và chính điều này làm cho sự phê phán của Các Mác đối với toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa thành đúng đắn hơn. Xét trên quy mô toàn cầu, tư bản đã trở nên bị tập trung nhiều hơn vào tay một số ít người và ngày càng mang tính chất cướp bóc, còn giai cấp công nhân không ngừng tăng lên về số lượng. Hoàn toàn có thể hình dung một tương lai mà ở đó những kẻ siêu giàu sống trong những khu biệt thự kín cổng cao tường và được canh gác cẩn mật, trong khi đó khoảng một tỷ người phải sống trong các khu nhà ổ chuột tồi tàn dơ dáy với trạm gác và tường rào thép gai bao quanh. Trong tình cảnh đó, tuyên bố rằng chủ nghĩa Mác đã kết thúc chẳng khác gì lời tuyên bố rằng công việc cứu hỏa là hết thời bởi vì những kẻ phóng hỏa đã trở nên cực kỳ khôn ngoan và xảo quyệt.

Như Các Mác tiên đoán, bất bình đẳng thu nhập trong thời đại của chúng ta đã tăng lên mạnh mẽ. Thu nhập của một tỷ phú người Mexico ngày nay tương đương với số tiền kiếm được của 17 triệu đồng bào nghèo khổ nhất của ông ta. Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra sự thịnh vượng hơn bao giờ hết mà lịch sử nhân loại từng chứng kiến, nhưng cái giá phải trả là vô cùng lớn, nhất là khi nói đến cảnh bĩ cực của hàng tỷ con người. Theo Ngân hàng Thế giới, trong năm 2001 đến 2,74 tỷ người sống dựa vào mức thu nhập dưới 2 đôla mỗi ngày. Chúng ta đang đối diện với một tương lai gần như là chắc chắn mà ở đó các quốc gia có vũ khí hạt nhân gây chiến để giành giật những nguồn tài nguyên ngày một khan hiếm. Mà sự khan hiếm tài nguyên ấy lại chính là hệ quả của chủ nghĩa tư bản. Và lần đầu tiên trong lịch sử, dạng thức sống đang phổ biến của chúng ta có sức mạnh không chỉ sản sinh ra chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, làm lan rộng tình trạng ngu si văn hóa, đẩy chúng ta vào các cuộc chiến tranh hay xua chúng ta vào các trại tập trung, mà còn quét sạch chúng ta ra khỏi hành tinh này. Chủ nghĩa tư bản sẽ sẵn sàng chống lại xã hội nếu như điều đó mang lại lợi nhuận, và điều đó giờ đây có nghĩa là sự hủy diệt nhân loại trên một quy mô khôn lường. Cái điều từng bị coi là ý tưởng khả huyền không có thực thì ngày nay lại đơn giản là một chủ nghĩa hiện thực nghiêm túc. Khẩu hiệu truyền thống của phe cánh tả “chủ nghĩa xã hội hay là sự man rợ” chưa bao giờ tỏ ra thích hợp xác đáng hơn cũng chưa bao giờ thiếu đi sự khoa trương khoe mẽ. Trong những điều kiện khốn cùng này, như Fredric James đã viết: “Chủ nghĩa Mác đứt khoắc lại phải

đúng”[2]. Bất bình đẳng một cách lạ kỳ về của cải và quyền lực, chiến tranh ngang ngược, sự bóc lột thậm tệ, và một nhà nước hà khắc, thô bạo: nếu như tất cả những đặc điểm này mô tả thế giới ngày nay, thì đó cũng chính là những vấn đề mà chủ nghĩa Mác đã từng đề cập và lên án trong gần hai thế kỷ. Vậy thì có thể cho rằng vẫn còn một vài bài học để giáo dục hiện tại. Bản thân Các Mác từng ấn tượng mạnh mẽ với diễn biến bạo lực kinh hoàng khi tầng lớp lao động thành thị bị cưỡng ép, bị nhốt bắt gốc rễ nông dân tại nước Anh nơi ông sinh sống - một quá trình mà Brazil, Trung Quốc, Nga và Ấn Độ hiện đang phải trải qua. Tristram Hunt viết rằng tác phẩm *Hành tinh ổ chuột* của Mike Davis, một cuốn sách kể về “những núi phân hôi thối” quá quen thuộc với những khu ổ chuột ngày nay ở Lagos hay Dhaka, có thể xem như một phiên bản mới cho tác phẩm *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh* (*The Condition of the Working Class*) của Ph.Ăng-ghe-n. Khi Trung Quốc biến thành công xưởng của thế giới, thì như Hunt bình luận: “những đặc khu kinh tế ở Quảng Đông và Thượng Hải lại gợi nhớ đến Manchester và Glasgow của thời những năm 1840”[3].

Vậy điều gì xảy ra nếu như không phải chủ nghĩa Mác lỗi thời mà chính chủ nghĩa tư bản đã lỗi thời? Quay trở lại nước Anh thời Victoria, Các Mác đã nhìn thấy sự suy tàn của chế độ. Sau khi thúc đẩy sự xã hội phát triển ở thời hoàng kim của mình, chủ nghĩa tư bản ngày nay trở nên lê mê, chậm chạp đi theo sau sự phát triển xã hội. Các Mác coi xã hội tư bản đầy những thứ hão huyền, hoang đường và sùng bái, cho dù nó tự hào nhiều về tính hiện đại của mình. Chính sự khai sáng của chủ nghĩa tư bản – niềm tin đầy tự mãn vào tính hợp lý vượt trội của nó – cũng chỉ là một thứ mê tín. Nếu chủ nghĩa tư bản có thể có những tiến bộ đáng kinh ngạc nào đó, thì sẽ có một cảm nhận khác rằng chẳng qua nó buộc phải cố hết sức chỉ để tồn tại, Các Mác đã từng nhận xét rằng, giới hạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản chính là tư bản, và quá trình tái sản xuất không ngừng của tư bản là ranh giới mà chủ nghĩa tư bản không thể vượt qua. Bởi vậy, vẫn có cái gì đó tĩnh lặng và lặp đi lặp lại một cách đáng ngờ về chính cái hệ thống năng động nhất trong mọi hình thái xã hội tồn tại trong lịch sử. Cái thực tế rằng cơ sở logic chống đỡ cho chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi chính là lý do vì sao sự phê phán của Các Mác đối với chủ nghĩa tư bản vẫn có giá trị đến tận ngày nay. Chỉ khi nào chủ nghĩa tư bản thực sự có khả năng phá vỡ những giới hạn của chính nó, đồng thời mở đường cho những gì thật sự mới mẻ, thì sự từ bỏ học thuyết Mác mới trở thành hiện thực. Thế nhưng chủ nghĩa tư bản không thể tạo dựng được một tương lai mà không tái sản sinh hiện tại của nó theo đúng trình tự. Và rõ ràng, sẽ còn nhiều lựa chọn khác nữa.

Chủ nghĩa tư bản đã đem lại những thành tựu vật chất khổng lồ. Mặc dù cách tổ chức sắp xếp đời sống này đã có thời gian dài để chứng tỏ khả năng

thỏa mãn mọi nhu cầu của con người, thì nay dường như nó không còn làm được điều đó nữa. Vậy chúng ta phải chờ đợi bao lâu nữa để chủ nghĩa tư bản thực hiện cam kết của mình? Tại sao chúng ta vẫn tiếp tục thỏa mãn với câu chuyện hoang đường rằng sự giàu có thần kỳ được tạo ra bởi phương thức sản xuất này sẽ đến với tất cả mọi người vào thời điểm thích hợp? Liệu thế giới có đối xử với những tuyên bố tương tự của những người cực tả bằng sự độ lượng ôn hòa theo kiểu chúng ta hãy chờ xem sao? Những người cánh hữu từng thừa nhận rằng sẽ luôn có những bất công lớn tồn tại ngay trong lòng hệ thống tư bản chủ nghĩa, nhưng muốn có những thay đổi thì rất khó và biết đâu lại trở nên tồi tệ hơn. Chỉ ít những người theo quan niệm này vẫn còn trung thực hơn là những kẻ chỉ biết xưng tụng rằng rồi mọi chuyện sẽ tốt đẹp. Nếu ngẫu nhiên đã có cả người giàu và người nghèo, cũng như ngẫu nhiên có cả người da đen và người da trắng, thì những lợi thế của sự giàu sang sẽ có thể lan truyền kịp thời tới nơi khốn khó. Thế nhưng nếu nói rằng có những người nghèo túng và có cả những người giàu có thì thật chẳng khác nào nói rằng thế giới này có cả cảnh sát lẫn tội phạm. Mà thực tế là như vậy, nhưng việc đó che đậy một sự thật rằng, có cảnh sát là bởi vì có những tên tội phạm.

[1] Mặc dù một số nhà Marxist vẫn nghi ngờ tầm quan trọng về những thay đổi này. Chẳng hạn như Alex Callinicos trong tác phẩm *Against Postmodernism*, Cambridge, 1989, Chương 5.

[2] Fredric Jameson: *Hệ tư tưởng của học thuyết (The Ideologies of Theory)*, London, 2008, p.514."

[3] Tristram Hunt: "War of the Words", *Guardian*, 9 May 2009.

CHƯƠNG 2

CHỦ NGHĨA MÁC LÀ ĐỘC TÀI, BẠO LỰC?

PHẢN BÁC:

Chủ nghĩa Mác có thể rất đúng đắn về mặt lý thuyết. Tuy nhiên, khi đi vào thực tiễn thì kết quả lại là khủng bố, độc tài và giết người hàng loạt trên quy mô chưa từng có. Chủ nghĩa Mác có thể là một tư tưởng tốt đẹp đối với những học giả phương Tây giàu có – những người coi tự do và dân chủ là một lẽ đương nhiên. Nhưng đối với hàng triệu người bình thường, nó lại có nghĩa là đói nghèo, khổ sở, hành hạ, lao động cưỡng bức, một nền kinh tế đổ vỡ và một nhà nước áp bức nặng nề. Những người bất chấp tất cả vẫn tiếp tục ủng hộ học thuyết này là những người ngu dốt, đáng khinh hoặc tự lừa dối mình. Chủ nghĩa xã hội đồng nghĩa với thiếu tự do, nó còn đồng nghĩa với thiếu hàng hóa vật chất, bởi vì đây chắc chắn là hậu quả của việc xóa bỏ thị trường.

BIỆN GIẢI:

Rất nhiều người phương Tây ủng hộ nhiệt tình cho những tổ chức vô danh. Những người theo đạo Thiên Chúa chẳng hạn. Không có gì lạ khi những người tử tế giàu lòng trắc ẩn ủng hộ toàn bộ sự khai hóa văn minh ngập chìm trong máu. Những người tự do, những người bảo thủ cùng với rất nhiều người khác nữa cũng vậy. Những nước tư bản hiện đại là kết quả của một lịch sử nô dịch, diệt chủng, bạo lực và bóc lột một cách đáng ghê tởm – hơn cả Trung Quốc thời kỳ của Mao hay Liên Xô thời kỳ của Stalin. Chủ nghĩa tư bản cũng được tôi luyện trong máu và nước mắt; chỉ có điều nó đã tồn tại đủ lâu để quên đi nỗi khủng khiếp ấy, thế nhưng chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Mao lại không được như vậy. Nếu Các Mác được tha thứ cho sự lãng quên này, một phần là do ông đã sống ở thời những chế độ đó vẫn chưa được hình thành.

Mike Davis viết trong cuốn *Sự tàn sát khủng khiếp cuối thời Victoria (Late Victorian Holocausts)* về hàng chục triệu người Ấn Độ, châu Phi, Trung Quốc, Brazil, Triều Tiên, Nga và rất nhiều nước khác chết do nạn đói, hạn hán và dịch bệnh mà hoàn toàn có thể tránh được cuối thế kỷ XIX. Phần nhiều những thảm họa này là kết quả của tín điều thị trường tự do, ví dụ như giá ngũ cốc tăng vọt làm cho lương thực vượt ra ngoài khả năng của những người bình thường. Nhưng tất cả những điều cổ quái đó không phải cổ xưa như dưới thời Nữ hoàng Victoria. Trong hai thập kỷ cuối của thế kỷ XX, số người trên thế giới sống dưới 2 đôla một ngày đã tăng lên đến gần

một trăm triệu^[1]. Ngày nay, cứ ba trẻ em ở Anh thì có một trẻ em sống dưới mức đủ ăn, trong khi những người quản lý ngân hàng lại ngưng nguây nguởng khi mức thưởng hàng năm của họ giảm xuống còn một triệu bảng.

Nói đúng ra thì chủ nghĩa tư bản cũng mang lại cho chúng ta những hàng hóa quý giá bên cạnh những thứ ghê tởm. Không kể tầng lớp trung lưu mà Các Mác ca ngợi hết lời, chúng ta có lẽ sẽ thiếu đi một di sản về tự do, dân chủ, quyền công dân, chủ nghĩa nam nữ bình quyền, nền cộng hòa, tiến bộ khoa học và nhiều thứ khác nữa, cũng như thiếu một lịch sử về đình trệ kinh tế, bóc lột sức lao động, chủ nghĩa phát xít, chiến tranh đế quốc và tài tử điện ảnh Mel Gibson. Nhưng cái được gọi là chế độ xã hội chủ nghĩa cũng có những thành tựu của nó. Trung Quốc và Liên Xô đã đưa những công dân của mình ra khỏi lạc hậu kinh tế để đến với thế giới công nghiệp hiện đại, nhưng lại bằng cái giá khủng khiếp về con người; và cái giá lớn như vậy một phần là do thái độ thù địch của phương Tây tư bản chủ nghĩa. Thái độ thù địch đó cũng đã buộc Liên Xô phải chạy đua vũ trang, làm cho nền kinh tế ốm yếu của nước này lụn bại hơn, và cuối cùng sụp đổ.

Nhưng trong khi đó, cùng với các nước vệ tinh của mình, Liên Xô đã cố gắng đạt được nhà ở, nhiên liệu, giao thông và văn hóa giá rẻ, việc làm đầy đủ và những dịch vụ xã hội ấn tượng cho một nửa dân số châu Âu, cũng như một mức độ công bằng và đầy đủ về vật chất mà không một quốc gia nào trong số đó trước đây có thể sánh được. Nước Đông Đức cộng sản có thể kiêu hãnh về một trong những hệ thống chăm sóc trẻ em tốt nhất thế giới. Liên Xô giữ một vai trò quan trọng trong việc chống lại chủ nghĩa phát xít tàn bạo, đồng thời làm lung lay các cường quốc thực dân. Nó cũng tăng cường sự đoàn kết giữa các công dân của mình mà các quốc gia phương Tây dường như chỉ có thể giành được khi họ giết chóc người bản xứ ở những mảnh đất khác. Nói đúng ra thì tất cả những cái đó không thay thế được tự do, dân chủ và rau tươi trong cửa hàng, nhưng không thể bỏ qua những giá trị đó. Khi mà tự do và dân chủ cuối cùng là cứu cánh cho khối Xô viết, thì họ đã làm điều này dưới hình thức một liệu pháp sốc kinh tế, một dạng cướp ngày được gọi một cách mỉa mai là tư nhân hóa, khiến hàng chục triệu người thất nghiệp, nghèo đói và bất bình đẳng tăng nhanh một cách lạ lùng, dịch vụ chăm sóc trẻ em miễn phí biến mất, phụ nữ bị mất quyền bình đẳng, mạng lưới phúc lợi xã hội sụp đổ, những thứ mà trước đây đã phục vụ rất tốt cho những đất nước này.

Mặc dù vậy, thành tựu của chủ nghĩa cộng sản không thể bù đắp được những mất mát. Có thể, một hình thức nhà nước độc tài nào đó là không thể tránh khỏi trong tình trạng tồi tệ ở Liên Xô thời kỳ đầu; nhưng điều này không nhất thiết phải có chủ nghĩa Stalin hay bất kỳ cái gì tương tự. Nói tóm

lại, chủ nghĩa Mao và chủ nghĩa Stalin là những thể nghiệm chấp vạ đau xót, khiến chính ý tưởng về chủ nghĩa xã hội trở nên xấu xa đối với tất cả những người hưởng lợi nhất từ chủ nghĩa xã hội trên khắp thế gian. Nhưng còn chủ nghĩa tư bản thì sao? Như tôi đã viết, tình trạng thất nghiệp ở phương Tây đã lên tới hàng triệu và đang tăng lên một cách nhanh chóng. Những nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã không bị nổ tan tành chỉ nhờ chiếm đoạt hàng ngàn tỷ đôla từ những người công dân đang gặp khốn khó của nó. Giới ngân hàng và tài chính, những người đã đưa hệ thống tài chính thế giới đến bên bờ vực thẳm không còn nghi ngờ gì nữa, đang xếp hàng để phẫu thuật thẩm mỹ bởi họ sợ rằng sẽ bị những người dân đang tức giận đi tìm và đánh cho bầm dập.

Đúng là có những lúc chủ nghĩa tư bản rất hiệu quả, với cái nghĩa là nó đã đem lại thịnh vượng cho nhiều khu vực trên thế giới. Nhưng cũng giống như Mao và Stalin, nó làm được điều đó bằng cái giá kinh hoàng của nhân loại. Đó không chỉ là nạn diệt chủng, đói nghèo, chủ nghĩa đế quốc, và buôn bán nô lệ. Chế độ này cũng đã cho thấy rằng nó không có khả năng duy trì sự thịnh vượng mà không đi cùng với sự tước đoạt thậm tệ. Đúng là điều này có thể không ảnh hưởng nhiều về lâu dài, nhưng giờ đây con đường tư bản chủ nghĩa đang đe dọa phá hủy toàn bộ hành tinh này. Một học giả phương Tây xuất chúng đã mô tả sự biến đổi khí hậu như là “sự thất bại tồi tệ nhất trong lịch sử của thị trường”[\[2\]](#).

Chính Các Mác cũng không bao giờ hình dung chủ nghĩa xã hội có thể hoàn thành trong tình trạng nghèo khổ cùng cực. Một công trình như vậy đòi hỏi sự diệu kỳ giống như phát minh ra Internet vào thời Trung cổ. Trước Stalin, không một người theo chủ nghĩa Mác nào có thể hình dung điều này là khả thi, kể cả Lê-nin, Trotsky và những người lãnh đạo Bôn-sê-vich khác. Bạn không thể phân chia lại của cải có lợi cho tất cả mọi người nếu gần như chẳng có gì đáng giá để phân chia lại cả. Bạn cũng không thể xóa bỏ các tầng lớp xã hội trong tình trạng khan hiếm, bởi vì những mâu thuẫn nảy sinh khi phân thặng dư vật chất quá ít ỏi không thể đáp ứng nhu cầu của tất cả mọi người chắc chắn sẽ làm nảy sinh thêm mâu thuẫn. Như Các Mác đã bình luận trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, kết quả của một cuộc cách mạng trong điều kiện như thế sẽ dễ dàng lặp lại “một công việc bản thủ cũ rích”. Tất cả những gì bạn nhận được là sự khan hiếm được xã hội hóa. Nếu bạn cần tích lũy vốn từ vạch xuất phát, thì tuy thô bạo, nhưng cách hiệu quả nhất để làm được là thông qua động cơ vì lợi nhuận. Sự ham muốn tư lợi sẽ có khả năng tích lũy tiền của với một tốc độ nhanh chóng, mặc dù nó đồng thời có xu hướng tích tụ nghèo đói.

Không một người theo chủ nghĩa Mác nào từng nghĩ đến khả năng hoàn thành chủ nghĩa xã hội chỉ trong một đất nước. Phong trào phải mang tính

quốc tế hoặc không bao giờ có. Đây là một khẳng định duy vật thiết thực chứ không hề duy tâm. Nếu một quốc gia theo chủ nghĩa xã hội không giành được sự ủng hộ của quốc tế trong một thế giới mà sản xuất được chuyên môn hóa và có sự phân công giữa các quốc gia khác nhau, thì nó không thể thu hút được nguồn tài nguyên trên toàn thế giới cần thiết để khắc phục sự khan hiếm. Lượng của cải sản xuất ra của một nước đơn lẻ là không đủ. Khái niệm lạ lẫm về chủ nghĩa xã hội ở một nước được Stalin sáng tạo ra vào những năm 1920 gần như là sự hợp lý hóa đầy nhạo báng trước một thực tế rằng những quốc gia khác đã không thể giúp đỡ Liên Xô. Chính Các Mác cũng không hề biện hộ cho điều đó. Tất nhiên, những cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa phải diễn ra ở đâu đó. Nhưng chúng không thể hoàn thành trong biên giới một quốc gia. Việc đánh giá chủ nghĩa xã hội bằng kết quả của nó trong một quốc gia tách biệt giống như kết luận về cả loài người từ một nghiên cứu bệnh nhân tâm thần ở Kalamazoo.

Xây dựng một nền kinh tế từ những mức rất thấp là một nhiệm vụ vô cùng vất vả và dễ nản lòng. Con người khó có thể tự nguyện cam chịu cực khổ. Vì vậy, nếu công trình này không được tiến hành từ từ dưới sự điều hành dân chủ và phù hợp với giá trị xã hội chủ nghĩa, thì một nhà nước độc tài sẽ xuất hiện cưỡng bức những công dân của mình phải làm những việc mà họ không tự nguyện thực hiện. Sự quân sự hóa lao động ở Nga Bôn-sê-vich chính là như vậy. Nên một cách hết sức châm biếm, kết quả sẽ làm suy yếu kiến trúc thượng tầng chính trị của chủ nghĩa xã hội (nền dân chủ phổ biến, chế độ tự trị thực sự) trong nỗ lực xây dựng nền móng kinh tế của nó. Điều đó giống như được mời đến một bữa tiệc chỉ để rồi phát hiện ra rằng bạn không chỉ phải nướng bánh và ủ bia mà còn phải đào móng xây nhà. Bạn sẽ chẳng còn thời gian cho vui thú nữa.

Một cách lý tưởng thì chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải có được những người dân có kỹ năng, được giáo dục tốt, hiểu biết về chính trị, những thể chế dân sự phát triển; những công nghệ hiện đại; những truyền thống tự do văn minh và sự thích nghi với nền dân chủ. Không cái nào trong số này có thể đạt được nếu bạn thậm chí không có khả năng sửa chữa đường giao thông của mình, hoặc bạn không có chính sách bảo hiểm để chống lại bệnh tật hay nạn đói ngoài duy nhất một con lợn nuôi nhốt trong chuồng. Những quốc gia có lịch sử là thuộc địa càng có khả năng bị mất những lợi ích mà tôi vừa liệt kê, vì những đế quốc thực dân không có thực tâm muốn truyền bá các quyền tự do cơ bản của công dân hay các thể chế dân chủ cho những nước thuộc địa của họ.

Như Các Mác đã tuyên bố, chủ nghĩa xã hội cũng đòi hỏi giảm ngày làm việc – một phần để cung cấp thời gian rảnh rỗi cho mọi người đáp ứng nhu

cầu cá nhân, một phần nữa để tạo ra thời gian cho vấn đề tự quản chính trị và kinh tế. Bạn không thể làm điều này nếu người dân không có giấy đi, và việc phân chia giấy đi cho hàng triệu công dân chắc chắn đòi hỏi phải có một chính phủ quan liêu tập trung. Nếu quốc gia của bạn đang bị xâm lược bởi những cường quốc tư bản thù địch, như nước Nga trong cách mạng Bôn-sê-vích, một chính phủ chuyên quyền có vẻ là không tránh khỏi. Nước Anh trong Thế chiến thứ hai không phải là nước chuyên chế nhưng nó chẳng hề là một nước tự do, mà là một nước chẳng ai mong chờ.

Vì vậy, để đi lên xã hội chủ nghĩa, bạn cần tương đối khá giả, cả theo nghĩa đen và nghĩa bóng. Không một người theo chủ nghĩa Mác nào từ Các Mác và Ph.Ăngghen đến V.I.Lê-nin và Trotsky từng mơ về một thứ nào khác. Hoặc nếu bản thân bạn không sung túc, thì phải có một người hàng xóm đồng cảm sẵn sàng chia sẻ nguồn tài nguyên vật chất để giúp đỡ bạn. Trong trường hợp những người Bôn-sê-vích, điều này có nghĩa là những người hàng xóm (cụ thể là Đức) cũng có những cuộc cách mạng riêng. Nếu tầng lớp lao động của những nước này có thể lật đổ được những ông chủ tư bản của họ và giành lấy những năng lực sản xuất, thì họ có thể dùng những nguồn tài nguyên đó để cứu nhà nước công nhân đầu tiên khỏi bị chìm ngấm. Đây không phải là một kiến nghị bất khả thi. Châu Âu lúc đó đang hùng hực hy vọng về một cuộc cách mạng, khi những hội đồng đại biểu cho công nhân và quân nhân (hay còn gọi là Xô viết) bất ngờ xuất hiện ở nhiều thành phố như Bécslin, Vác-xa-va, Viên, Munich và Riga. Khi những cuộc nổi dậy này bị đàn áp, Lê-nin và Trotsky biết rằng cuộc cách mạng của họ đã rơi vào tình cảnh khó khăn khủng khiếp.

Không phải là việc xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể bắt đầu trong những điều kiện khôn khó. Đúng hơn là khi không có những nguồn tài nguyên vật chất, nó sẽ biến thành một bức tranh biếm họa kỳ cục về chủ nghĩa xã hội được biết đến là chủ nghĩa Stalin. Cuộc cách mạng Bôn-sê-vích sớm nhận ra nó đã bị bao vây bởi quân đội của những đế chế phương Tây, đồng thời bị đe dọa bởi lực lượng phản cách mạng, đói nghèo thành thị và một cuộc nội chiến đẫm máu. Nó bị bỏ lại giữa một đại dương mênh mông những người nông dân thù địch, những người miễn cưỡng giao nộp số thặng dư khó khăn mới kiếm được của mình cho những thị trấn đói kém dưới sự đe dọa của họng súng. Với một cơ sở tư bản chủ nghĩa eo hẹp, trình độ sản xuất vật chất thấp kém thảm hại, những dấu vết hiếm hoi của thể chế dân sự, tầng lớp lao động bị tàn sát và kiệt quệ, nông dân nổi dậy và bộ máy quan liêu hống hách sánh ngang với thời Nga hoàng, cuộc cách mạng gần như gặp rắc rối lớn ngay từ thuở ban đầu. Cuối cùng thì những người Bôn-sê-vích cũng dần dần được những người dân đói khổ, chán nản, mệt mỏi vì chiến tranh của mình đến với hiện đại trước họng súng đe dọa. Nhiều người công nhân quốc

phòng có đầu óc chính trị nhất đã hy sinh trong cuộc nội chiến do phương Tây hậu thuẫn, để lại cho Đảng Bôn-sê-vích một nền tảng xã hội thoái hóa. Đảng đó đã nhanh chóng chiếm đoạt Xô-viết của công nhân, cầm đầu hệ thống luật pháp và báo chí độc lập. Nó đàn áp những người bất đồng quan điểm chính trị và các đảng đối lập, bầu cử bị thao túng và lao động được quân sự hóa. Chương trình chống chủ nghĩa xã hội tàn nhẫn này đã dẫn đến nội chiến, làm lan rộng nạn đói và ngoại xâm. Nền kinh tế của Nga bị phá sản, cơ cấu xã hội của nước này bị tan rã. Trong sự trớ trêu đến bi thảm đánh dấu toàn bộ thế kỷ XX, chủ nghĩa xã hội đã chứng minh khả năng thực hiện thấp nhất ở nơi cần nó nhất.

Nhà sử học Issac Deutscher đã mô tả tình hình với tài hùng biện xuất sắc của mình. Tình hình nước Nga vào lúc đó “là nỗ lực xây dựng chủ nghĩa xã hội duy nhất cho đến nay được thực hiện trong những điều kiện tồi tệ nhất, không cần đến những lợi ích của sự tăng cường phân công lao động quốc tế, không cần đến cả những truyền thống văn hóa cổ xưa và phức tạp có tầm ảnh hưởng lớn, trong một môi trường nghèo nàn đáng kinh ngạc về vật chất và văn hóa, nguyên thủy và tàn nhẫn đến nỗi làm hỏng cả tinh thần đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội”^[3]. Nó khiến một nhà phê bình chủ nghĩa Mác trơ trẽn nhất phải thừa nhận rằng chẳng có cái nào trong số trên là thích đáng vì bất luận thế nào thì chủ nghĩa Mác cũng chỉ là một tín điều độc đoán. Nếu mai này nó được thực hiện ở nước Anh, thì chẳng mấy chốc sẽ có nhan nhản những trại lao động ngay tại thị trấn lịch sử Dorking ở phía nam London.

Như chúng ta thấy, chính Các Mác là nhà phê bình những giáo điều cứng nhắc, khủng bố quân sự, đàn áp chính trị và quyền lực nhà nước độc tài. Ông cho rằng, những đại biểu chính trị cần có trách nhiệm với các cử tri của mình. Ông cũng phê phán quan điểm chính trị nhà nước tập trung của Đảng Dân chủ Xã hội Đức đương thời với ông. Ông yêu cầu tự do ngôn luận và tự do dân sự, ông ghê sợ sự hình thành giai cấp vô sản thành thị theo kiểu cưỡng bức (theo ông trường hợp này là Anh chứ không phải Nga), và cho rằng quyền sở hữu chung ở nông thôn nên là một quá trình tự nguyện hơn là ép buộc. Là một người nhận ra chủ nghĩa xã hội không thể phát triển trong những điều kiện nghèo khó xơ xác, chắc là ông có thể hiểu chính xác vì sao cách mạng Nga lại đi đến thất bại.

Trong thực tế, thật là nghịch lý khi mà chủ nghĩa Stalin lại cung cấp bằng chứng cho tính hợp lý của chủ nghĩa Mác chứ không phải bôi nhọ tác phẩm của Các Mác. Nếu bạn muốn có một lời giải thích thuyết phục về quá trình chủ nghĩa Stalin xuất hiện như thế nào, bạn phải tìm hiểu chủ nghĩa Mác. Chỉ lên án đạo đức của kẻ hung bạo là chưa đủ. Chúng ta cần biết nó nảy sinh ở những điều kiện cụ thể nào, hoạt động ra sao và sẽ thất bại như thế

nào. Những luồng tư tưởng chính thống của chủ nghĩa Mác sẽ cho biết những kiến thức này. Những người Mác-xít như vậy, mà nhiều người trong số đó ủng hộ Leon Trotsky hay nhánh tự do của chủ nghĩa xã hội, khác với những người theo chủ nghĩa tự do phương Tây ở một khía cạnh quan trọng: sự phê phán của họ đối với cái được gọi là xã hội cộng sản vững chắc hơn rất nhiều. Họ không tự hài lòng với những mong ước khẩn thiết của mình về nền dân chủ hay dân quyền nhiều hơn. Thay vào đó, họ kêu gọi đánh đổ toàn bộ chính quyền tàn bạo, đòi hỏi chính xác như những người xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, họ đã đưa ra những đòi hỏi như vậy gần như từ khi Stalin lên cầm quyền. Cùng lúc đó, họ cảnh báo rằng nếu chế độ cộng sản cần phải sụp đổ thì chủ nghĩa tư bản sẽ châu chực để nhảy vào vồ lấy nó ngay giữa đông đảo nát đó. Leo Trotsky đã tiên đoán chính xác kết cục của Liên Xô và điều đó được chứng minh là đúng hai mươi năm trước.

Tưởng tượng rằng bộ máy tư bản chủ nghĩa hơi ngông cuồng tìm cách biến những bộ lạc cận đại thành một nhóm doanh nhân không ngừng học hỏi, nắm vững công nghệ, thành thạo về quan hệ công chúng và kinh tế thị trường tự do, tất cả chỉ trong một thời gian ngắn. Liệu một thử nghiệm chắc chắn không thành công đó có phải là một lời buộc tội chính đáng đối với chủ nghĩa tư bản? Chắc chắn là không. Suy nghĩ như vậy cũng vô lý giống như tuyên bố rằng nên giải tán phong trào nữ hướng đạo sinh vì họ không thể giải quyết được một số vấn đề gian lận trong vật lý lượng tử. Những người theo chủ nghĩa Mác không tin rằng truyền thống tự do hùng mạnh từ Thomas Jefferson đến John Stuart Mill sẽ bị thủ tiêu bởi sự tồn tại những nhà tù bí mật của CIA dùng để tra tấn những người Hồi giáo, mặc dù những nhà tù như vậy là một phần trong những chính sách chính trị của xã hội tự do ngày nay. Thế nhưng, những nhà phê bình chủ nghĩa Mác không sẵn sàng thừa nhận rằng xét xử công khai và khủng bố dân thường không phải là sự bác bỏ chủ nghĩa tư bản.

Tuy nhiên, vẫn có lý do nữa khiến một số người nghĩa chủ nghĩa Mác không hiệu quả. Cứ cho rằng bạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện thịnh vượng, làm sao bạn có thể điều hành một hệ thống kinh tế hiện đại phức tạp nếu không có thị trường? Câu trả lời của rất nhiều người Mác-xít là không cần phải lo. Thị trường theo quan điểm của họ, là một phần không thể thiếu trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cái được gọi là chủ nghĩa xã hội thị trường dự đoán trước được tương lai mà ở đó các phương thức sản xuất được tập thể sở hữu, nhưng hợp tác xã tự quản sẽ cạnh tranh với nhau trên thị trường^[4]. Theo cách này, một số điểm ưu việt của thị trường sẽ được giữ lại và những nhược điểm sẽ bị loại bỏ. Ở cấp độ từng doanh nghiệp, hợp tác sẽ đảm bảo sự gia tăng hiệu quả, vì có bằng chứng cho thấy rằng hiệu quả của hình thức kinh doanh này hầu như luôn bằng với kinh doanh tư bản chủ

nghĩa và thậm chí còn hơn. Còn ở cấp độ nền kinh tế nói chung, cạnh tranh bảo đảm rằng những vấn đề thông tin, phân phối và động lực đi cùng với mô hình kế hoạch tập trung truyền thống của chủ nghĩa Stalin sẽ không nảy sinh.

Một số người Mác-xít khẳng định chính Các Mác là một nhà xã hội chủ nghĩa thị trường, ít nhất với nghĩa là ông tin rằng thị trường sẽ còn rơi rớt lại trong thời kỳ quá độ sau cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ông cũng cho rằng thị trường vừa có tính giải phóng cũng vừa có tính bóc lột, giúp con người thoát khỏi sự phụ thuộc vào vua chúa và chủ đất. Thị trường làm sáng tỏ những bí ẩn của các quan hệ xã hội, bóc trần thực tế âm thầm của những mối quan hệ đó. Các Mác đã thích thú quan điểm này nhiều đến nỗi mà triết gia Hannah Arendt từng mô tả chương mở đầu của *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* là “sự tán dương hay nhất từng thấy về chủ nghĩa tư bản”[5]. Những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội thị trường cũng chỉ ra rằng, thị trường không hề là của riêng chủ nghĩa tư bản. Trotsky cũng ủng hộ thị trường (một vài môn đệ của ông có thể bất ngờ khi nghe nói vậy), dù chỉ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và trong sự kết hợp với kế hoạch hóa kinh tế. Ông cho rằng, thị trường là cần thiết để kiểm tra tính thỏa đáng và tính thích hợp của kế hoạch hóa, bởi “hạch toán kinh tế là không thể thực hiện nếu thiếu quan hệ thị trường”[6]. Cùng với nhóm đối lập cánh tả Xô-viết, ông là một nhà phê bình mạnh mẽ cái được gọi là nền kinh tế chỉ huy.

Chủ nghĩa xã hội thị trường thủ tiêu sở hữu cá nhân, giai cấp xã hội và sự bóc lột. Nó cũng đặt quyền lực kinh tế vào tay những người sản xuất thực sự. Như vậy chủ nghĩa xã hội thị trường là sự tiến bộ đáng mừng so với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, đối với một số người theo chủ nghĩa Mác, nó vẫn còn tồn tại quá nhiều đặc điểm không thể chấp nhận được của kinh tế tư bản chủ nghĩa. Dưới chế độ chủ nghĩa xã hội thị trường sẽ vẫn có sản xuất hàng hóa, bất bình đẳng, thất nghiệp và sự chao đảo của thị trường vượt quá tầm kiểm soát của con người. Làm thế nào để công nhân không bị dễ dàng biến thành nhà tư bản tập thể, luôn tối đa hóa lợi nhuận của họ, giảm bớt chất lượng, phớt lờ nhu cầu xã hội và cố gắng bảo vệ chủ nghĩa tiêu dùng để không ngừng tích lũy làm giàu? Làm sao người ta có thể tránh được chủ nghĩa ngắn hạn đã ăn sâu bén rễ của thị trường, luôn có thói quen phớt lờ toàn cảnh bức tranh xã hội và những tác động phản xã hội dài hạn bởi những quyết định manh mún của chính thị trường? Giáo dục và sự kiểm soát của nhà nước sẽ giảm bớt những mối nguy này, nhưng thay vào đó, một số người theo Chủ nghĩa Mác lại trông chờ vào một nền kinh tế không theo kế hoạch tập trung mà cũng không bị thị trường chi phối[7]. Theo mô hình này, tài nguyên sẽ được phân chia theo sự dàn xếp giữa nhà sản xuất, người tiêu dùng, các nhà môi trường học và các bên liên quan khác, trong mạng lưới

quan hệ gồm các cơ quan làm việc, khu dân cư sinh sống và hội đồng người tiêu dùng. Những vấn đề rộng lớn của nền kinh tế bao gồm những quyết định về phân phối tài nguyên nói chung, tỷ lệ đầu tư và phát triển, năng lượng, vận tải và những chính sách sinh thái học sẽ được giải quyết bởi những hội đồng đại biểu ở cấp địa phương, khu vực hay quốc gia. Những quyết định chung này, chẳng hạn như phân bổ nguồn lực, khi đó sẽ được chuyển giao xuống cấp vùng và địa phương, là nơi mà những kế hoạch chi tiết hơn sẽ tiếp tục được thực hiện. Ở mỗi giai đoạn, tranh cãi công khai về những kế hoạch kinh tế và chính sách thay thế là rất quan trọng. Theo cách này, chúng ta sản xuất cái gì và như thế nào cần được xác định rõ bởi nhu cầu xã hội hơn là lợi nhuận cá nhân. Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chúng ta bị tước quyền quyết định xem có nên xây thêm bệnh viện hay sản xuất thêm ngũ cốc cho bữa sáng. Còn dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền tự do này thường xuyên được sử dụng.

Quyền hành của những hội đồng này có thể được thông qua bởi bầu cử dân chủ từ dưới lên hơn là từ trên xuống. Những cơ quan được bầu cử một cách dân chủ này đại diện cho mỗi nhánh của thương mại hoặc sản xuất sẽ đàm phán với một hội đồng kinh tế quốc gia để đạt được thỏa thuận về những quyết định đầu tư. Giá cả không phải được quyết định từ cấp trung ương mà bằng những đơn vị sản xuất dựa trên cơ sở của nguồn đầu vào từ người tiêu dùng, người sử dụng, nhóm lợi ích... Một số người ủng hộ cái được gọi là nền kinh tế đồng tham gia này chấp nhận một hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa kết hợp: những hàng hóa thiết yếu đối với cộng đồng (như lương thực, y tế, thuốc men, giáo dục, vận tải, năng lượng, nhu yếu phẩm, thể chế tài chính, truyền thông và những thứ tương tự...) cần nằm trong sự kiểm soát dân chủ công khai, vì những người vận hành những hàng hóa này thường có hành vi phản xã hội nếu họ đánh hơi thấy cơ hội kiếm lợi từ việc này. Tuy nhiên, những mặt hàng ít thiết yếu hơn về mặt xã hội (những mặt hàng tiêu dùng, những sản phẩm xa xỉ) có thể để lại cho sự vận động của thị trường. Một số người theo chủ nghĩa xã hội thị trường cho rằng toàn bộ hệ thống này quá phức tạp khó có thể thực hiện được. Như Oscar Wilde đã từng đề cập, chủ nghĩa xã hội rắc rối ở chỗ nó chiếm mất quá nhiều buổi tối. Tuy nhiên, người ta ít ra cũng cần kể đến vai trò của công nghệ thông tin hiện đại trong việc tra dầu bánh xe cho một hệ thống như thế. Ngay cả cựu Phó chủ tịch Procter & Gamble cũng thừa nhận rằng nó khiến sự tự quản trong lao động trở thành khả thi[8]. Bên cạnh đó, Pat Devine nhắc chúng ta nhớ lại đã phải mất bao lâu để có được tổ chức và quản lý tư bản chủ nghĩa[9]. Không một lý do rõ ràng nào để nói xã hội chủ nghĩa sẽ mất nhiều thời gian hơn.

Một vài người ủng hộ mô hình đồng tham gia cho rằng mọi người cần

được trả công như nhau với cùng một lượng công việc, bất kể sự khác biệt về tài năng, đào tạo và nghề nghiệp. Như Michael Albert nói: “Người bác sĩ làm việc trong một môi trường thuận lợi với những điều kiện thoải mái thì kiếm được nhiều hơn người công nhân làm việc trong môi trường ồn ào, thiếu an toàn, nhàm chán và vất vả, bất chấp mỗi người đã làm việc vất vả như thế nào trong bao lâu”^[10]. Trong thực tế, có nhiều người ủng hộ việc trả lương những người làm công việc nhàm chán, nặng nhọc, dơ bẩn và nguy hiểm nhiều hơn những bác sĩ hoặc học giả... Rất nhiều công việc bẩn thỉu và nguy hiểm này có lẽ được thực hiện bởi những cựu thành viên của gia đình hoàng tộc. Chúng ta cần thay đổi lại các ưu tiên của chúng ta.

Vì tôi vừa mới đề cập đến truyền thông như một sự chín muồi đối với quyền sở hữu công, chúng ta nên xem đây là trường hợp điển hình. Hơn nửa thế kỷ trước, trong một cuốn sách xuất sắc có nhan đề là *Truyền thông*^[11], Raymond Williams đã vạch ra một kế hoạch xã hội chủ nghĩa cho giới nghệ thuật và truyền thông, một mặt phản đối sự kiểm soát về nội dung của chính phủ, mặt khác bác bỏ động cơ giành lợi nhuận độc quyền. Thay vào đó, những người cộng tác tích cực trong lĩnh vực này tự kiểm soát được cách thức biểu cảm và giao tiếp của mình. “Những nhà máy” thực sự của nghệ thuật và truyền thông – đài phát sóng, phòng hòa nhạc, mạng lưới thư viện, rạp hát, tòa soạn báo... sẽ thành sở hữu chung (dưới nhiều dạng thức), và ban quản lý sẽ trao lại quyền cho những đại biểu dân chủ. Họ bao gồm tất cả mọi người và những đại diện của giới truyền thông hoặc các nghệ sĩ.

Do vậy, những ủy ban hoàn toàn độc lập với chính phủ này sẽ có trách nhiệm trao nguồn tài nguyên công cộng và “cho thuê” những cơ sở vật chất thuộc quyền sở hữu của xã hội cho cá nhân các nhà hoạt động hay cho những công ty tự quản độc lập và dân chủ của diễn viên, nhà báo, nhạc sĩ... Những người này có thể tự do làm việc mà không phải chịu sự kiểm soát của nhà nước hay sức ép méo mó của thị trường. Chúng ta có thể không còn phải chứng kiến cảnh hàng đồng kẻ hám danh hám lợi, thông qua những kênh thông tin riêng của họ, ra lệnh cho công chúng phải tin tưởng vào những ý kiến vụ lợi của bản thân họ và chính phủ mà họ ủng hộ, và còn nhiều thứ khác nữa. Chúng ta biết rõ rằng, chủ nghĩa xã hội đã thiết lập lại chính mình khi chúng ta có khả năng nhìn lại vào sự hoài nghi tuyệt đối vào ý kiến cho rằng một nhóm tên côn đồ thương mại được quyền tự do thay đổi sai lạc tư tưởng của dân chúng bằng những quan điểm chính trị của người Nêandectan (Neanderthal) chỉ phục vụ không phải cái gì khác ngoài số tiền trong ngân hàng của họ.

Rất nhiều phương tiện truyền thông dưới chế độ tư bản chủ nghĩa lãng tránh những tác phẩm có tính đổi mới nhiều khó khăn hoặc gây tranh cãi bởi

vì chúng không mang lại lợi nhuận. Thay vào đó, họ chuyên về những chủ đề nhạt nhẽo, giật gân và định kiến mạnh mẽ. Ngược lại, truyền thông xã hội chủ nghĩa sẽ không cấm điều gì ngoại trừ Schoenberg, Racine và vô số kịch bản tác phẩm *Tư bản* của Các Mác. Sẽ có rất nhiều những rạp hát, đài truyền hình, tờ báo phổ thông. “Phổ thông” ở đây hoàn toàn không có nghĩa là “tầm thường”. Ai cũng biết Nelson Mandela nhưng ông đâu có tầm thường. Rất nhiều người bình thường đọc những tập san chuyên môn đầy rẫy những biệt ngữ không thể hiểu nổi đối với người bên ngoài ngành. Chỉ vì những tập san này thường nói về việc câu ca, nông cụ hay sự sinh sản của chó hơn là về thẩm mỹ học hoặc khoa nội tiết. Sự phổ thông sẽ trở thành hào nhoáng tầm thường khi giới truyền thông cảm thấy cần phải nhanh chóng chiếm lấy thị trường. Nhu cầu này chủ yếu là do động cơ thương mại thúc đẩy.

Không còn nghi ngờ gì nữa, những người ủng hộ xã hội chủ nghĩa sẽ tiếp tục tranh cãi về chi tiết của một nền kinh tế hậu tư bản chủ nghĩa. Hiện tại chưa ai đưa ra được một mô hình hoàn hảo. Người ta có thể đối chiếu sự thiếu hoàn chỉnh này với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, là cái đang hoạt động với một trật tự không chệch vào đâu được và chưa bao giờ phải chịu trách nhiệm về đói kém, lãng phí hay đình trệ dù là ở mức độ nhẹ nhất. Nền kinh tế này thừa nhận trách nhiệm với một số mức độ thất nghiệp quá cao, nhưng những quốc gia tư bản chủ nghĩa hàng đầu thế giới đã tìm ra được một giải pháp tài tình cho khiếm khuyết này. Ở nước Mỹ ngày nay, hơn một triệu người chắc đang đi tìm việc làm nếu họ không phải ngồi tù.

[1] Xem Joseph Stiglitz: *Toàn cầu hóa và những bất bình đối với toàn cầu hóa (Globalisation and Its Discontents)*, London, 2002, p.5.

[2] Slavoj Zizek: *First as Tragedy, Then as Farce*, London, 2009, p.91.

[3] Issac Deutscher: *The Prophet Armed: Trotsky 1879–1921*, London, 2003, p.373.

[4] Chẳng hạn xem, Alec Nove: *The Economics of Feasible Socialism*, London, 1983, David Schweickart, *Against Capitalism*, Cambridge, 1993, và Bertell Ollman (ed.), *Market Socialism: The Debate Among Socialists* (New York and London, 1998). Để thấy sự bảo vệ mang tính triết học hơn về chủ nghĩa xã hội thị trường, tham khảo thêm David Miller: *Market, State and Community: The Theoretical Foundations of Market Socialism*, Oxford, 1989.

[5] Melvin Hill (Chủ biên): *Hannah Arendt: The Recovery of the Public World*, New York, 1979, pp.334-335.

[6] Được Robin Blackburn trích dẫn trong *Fin de Siècle: Socialism after the Crash*, New Left Review, no.85 (January/February 1991), p.29.

[7] Xem Pat Devin: *Democracy and Economic Planning*, Cambridge,

1988; David Mc Nally: *Against the Market*, London, 1993, và Michael Albert: *Parecon: Life After Capitalism*, London, 2003. Tham khảo thêm tổng kết về vấn đề này trong Alex Callinicos: *An Anti-Capitalist Manifesto*, Cambridge, 2003, Ch.3.

[8] Tham khảo thêm Ernest Mandel: *The Myth of Market Socialism*, New Left Review, no.169 (May/June 1988), p.109.

[9] Devine: *Democracy and Economic Planning*, pp.253, 265-266.

[10] Albert, Parecon, p.59.

[11] Raymond Williams: *Communication*, Harmondsworth, 1962

CHƯƠNG 3

CHỦ NGHĨA MÁC LÀ THUYẾT QUYẾT ĐỊNH LUẬN?

PHẢN BÁC:

Chủ nghĩa Mác là một hình thức của thuyết quyết định luận. Nó coi con người chỉ đơn thuần là công cụ của lịch sử, và vì thế tách con người ra khỏi tự do cá nhân và tính cá thể. Các Mác tin vào những quy luật tất yếu của lịch sử, những quy luật này tự vận hành bằng sức mạnh không ai có thể ngăn cản. Chế độ phong kiến nhất định phải sinh ra chủ nghĩa tư bản, và chủ nghĩa tư bản sẽ tất yếu dẫn đến chủ nghĩa xã hội. Học thuyết về lịch sử của Các Mác chỉ là một phiên bản thể tục của thuyết Định mệnh. Nó công kích sự tự do và phẩm giá của con người, đúng như những gì đã xảy ra ở các nước xã hội chủ nghĩa.

BIỆN GIẢI

Chúng ta bắt đầu bằng câu hỏi: Điều gì khác biệt ở chủ nghĩa Mác? Điều gì có ở chủ nghĩa Mác mà không có ở các học thuyết chính trị khác? Rõ ràng đó không phải là ý niệm về cách mạng vốn đã có từ rất lâu trước công trình của Các Mác. Nó cũng không phải là ý niệm về chủ nghĩa cộng sản vốn có nguồn gốc từ cổ xưa. Các Mác không phát minh ra chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa cộng sản. Phong trào giai cấp công nhân ở châu Âu đã đạt tới tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong khi bản thân Các Mác vẫn đang là một người theo chủ nghĩa tự do. Trên thực tế khó có thể tìm ra một đặc tính chính trị duy nhất nào trong tư tưởng của ông. Chắc chắn, đó không phải là ý tưởng về đảng cách mạng đã đến với chúng ta từ cuộc Cách mạng Pháp. Dù sao thì Các Mác chưa đề cập nhiều về vấn đề này.

Thế còn khái niệm về giai cấp xã hội thì sao? Cũng không phải, vì chính Các Mác hoàn toàn phủ nhận việc ông nghĩ ra khái niệm này. Đúng là Các Mác đã định nghĩa lại một cách tỉ mỉ toàn bộ khái niệm nhưng không phải là do ông tự nghĩ ra. Ông cũng không nghĩ ra ý niệm về giai cấp vô sản vốn rất quen thuộc với nhiều nhà tư tưởng thế kỷ XIX. Khái niệm của ông về sự tha hóa hầu hết đều xuất phát từ Hê-gen. Khái niệm này cũng được nhà xã hội học lớn người Ai-Len và là người ủng hộ nam nữ bình quyền William Thompson nhắc đến từ trước. Chúng ta cũng sẽ thấy rằng, sau này Các Mác không phải là người duy nhất đưa vấn đề kinh tế trong đời sống xã hội lên hàng đầu. Ông tin tưởng vào một xã hội hợp tác tự do sản xuất được vận hành bởi chính những người sản xuất và cho rằng điều này chỉ có thể trở thành hiện thực bằng biện pháp cách mạng. Nhà xã hội học lớn của thế kỷ

XX, Raymond Williams, cũng nghĩ như vậy, nhưng ông không coi mình là người theo chủ nghĩa Mác. Rất nhiều người theo chủ nghĩa vô chính phủ, những nhà xã hội chủ nghĩa dân chủ và những người khác cũng tán thành quan điểm xã hội này nhưng lại kịch liệt phê phán chủ nghĩa Mác.

Có hai học thuyết chính nằm trong hệ tư tưởng của Các Mác. Một là, vai trò cơ bản của kinh tế trong đời sống xã hội. Hai là, ý niệm về sự kế tiếp nhau của phương thức sản xuất trong suốt quá trình lịch sử. Tuy nhiên, như chúng ta thấy, cả hai khái niệm này đều không phải là sự sáng tạo của bản thân Các Mác. Vậy phải chăng cái riêng có của chủ nghĩa Mác không phải là giai cấp mà là đấu tranh giai cấp? Rõ ràng đây gần như là điểm cốt lõi trong tư tưởng của Các Mác nhưng nó cũng không phải là nguyên bản của ông cũng giống như chính khái niệm về giai cấp. Xin dẫn câu thơ về một chúa đất giàu có trong bài thơ Ngôi làng hoang vắng của Oliver Goldsmith:

*“Chiếc áo choàng trùm chặt chân tay anh ta trong sự lười biếng nhưng
lụa,*

Đã trùm chặt cả những cánh đồng đang lên xanh của làng giềng.”

Sự cân xứng và tính kinh tế của chính những dòng thơ cùng với sự tương phản cân đối nhẹ nhàng của chúng là trái ngược với sự lãng phí và mất cân bằng của nền kinh tế mà chúng miêu tả. Câu thơ rõ ràng nói về đấu tranh giai cấp. Cái áo choàng chặt chúa đất đang tước đoạt người làm thuê của ông ta. Hay những dòng thơ trong tác phẩm *Comus* của John Milton:

“Nếu mỗi người bây giờ cứ khát khao đòi hỏi

Nhưng chỉ có một phần chia sẻ nhỏ nhoi

Của một thứ xa hoa sang trọng

Mà giờ đây chất đọng thừa thãi cho mấy người

Phúc lành may mắn phải được phân chia

Bằng những phần như nhau không thừa thãi.”

Những cảm nghĩ tương tự cũng được bi kịch *Vua Lear* thể hiện. Thực ra thì Milton đã lấy cắp một phần ý tưởng này từ Shakespeare. Voltaire tin rằng, người giàu béo múp míp trên xương máu những người nghèo, và rằng, sở hữu là trung tâm của mâu thuẫn xã hội. Jean-Jacques Rousseau, như ta sẽ thấy, cũng lập luận như vậy. Khái niệm về đấu tranh giai cấp không lẽ nào là sự riêng có của Các Mác, như chính bản thân ông cũng biết rất rõ.

Mặc dù vậy, đấu tranh giai cấp trở thành cực kỳ quan trọng đối với ông. Quan trọng đến nỗi mà trên thực tế, ông coi nó chính là sức mạnh chi phối

lịch sử nhân loại. Nó chính là động cơ hay động lực cho sự phát triển của loài người chứ không phải là một ý tưởng mà có lẽ cũng xuất hiện với John Milton. Trong khi nhiều nhà tư tưởng xã hội đã nhìn nhận xã hội loài người như một sự thống nhất hữu cơ, thì cái hình thành xã hội theo Các Mác là sự phân công. Nó được tạo nên bởi những lợi ích bất đồng nhau. Cơ sở logic của nó là những mâu thuẫn chứ không phải sự thống nhất. Ví dụ, vì lợi ích của mình giai cấp tư bản muốn giữ mức lương thấp, còn vì lợi ích của mình những người làm công ăn lương muốn đẩy nó lên cao.

Tuyên bố nổi tiếng của Các Mác trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* rằng: “Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp”. Dĩ nhiên ông không thể diễn tả điều này theo nghĩa đen. Nếu việc tôi đánh răng từ thứ tư tuần trước được tính là một phần của lịch sử, thì khó có thể nhìn nhận đó là vấn đề về đấu tranh giai cấp. Đứng co một chân trong trận đấu khúc côn cầu hay bị ám ảnh vô lý bởi loài chim cánh cụt thì chẳng liên quan gì đến đấu tranh giai cấp. Có lẽ “lịch sử” muốn nói tới những sự kiện quần chúng chứ không phải riêng tư như việc ai đó đánh răng. Nhưng vụ cãi vã ở quán rượu tối qua cũng đủ mang tính quần chúng. Vậy thì có lẽ lịch sử chỉ giới hạn ở những sự kiện quần chúng lớn. Nhưng theo định nghĩa của ai? Vậy thì làm thế nào đám cháy lớn thành London năm 1666 lại thành sản phẩm của đấu tranh giai cấp? Người ta sẽ coi là ví dụ về đấu tranh giai cấp nếu Che Guevara bị đụng xe, nhưng chỉ khi có một nhân viên CIA ngồi sau tay lái. Nếu không, nó cũng chỉ là một tai nạn. Câu chuyện về việc áp bức phụ nữ lỏng khớp với lịch sử đấu tranh giai cấp, nhưng không chỉ là một khía cạnh của đấu tranh giai cấp. Điều tương tự xảy ra đối với thơ của Wordsworth hay Seamus Heaney. Đấu tranh giai cấp không thể bao hàm mọi thứ.

Có lẽ Các Mác không đưa ra lời tuyên bố của mình theo nghĩa đen. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, xét cho cùng, được dự định như một phần của tuyên truyền chính trị, và bởi vậy, đầy những nét văn hoa mỹ miều mang tính hùng biện. Mặc dù vậy, một câu hỏi quan trọng là thực tế có bao nhiêu tư tưởng Mác-xít bao hàm ở trong đó. Một số nhà Mác-xít dường như coi nó là Lý thuyết về vạn vật (Theory of Everything), nhưng, rõ ràng, không phải thế. Việc chủ nghĩa Mác chả có gì thú vị để nói về rượu Whisky mạch nha hay bản chất của vô thức, hương thơm quyến rũ của một bông hồng hay tại sao có một ít còn hơn không, không làm mất uy tín của nó. Nó không được dự định để trở thành một triết lý tổng quát. Nó không cho chúng ta biết chi tiết về sắc đẹp hay tình ái, hay về việc nhà thơ Yeats có được sự âm vang kỳ lạ trong những vần thơ của mình. Nó gần như không nói gì về tình yêu, cái chết và ý nghĩa cuộc sống. Nói cụ thể thì nó là một đại luận thuyết (grand narrative) mô tả từ buổi bình minh của nền văn minh đến hiện tại và tương

lai. Nhưng cũng có nhiều đại luận thuyết khác bên cạnh chủ nghĩa Mác, như lịch sử của khoa học, hay tôn giáo, hay tình dục, cùng ảnh hưởng đến câu chuyện về đấu tranh giai cấp nhưng không thể quy về nó (những người theo chủ nghĩa hậu hiện đại có chiều hướng cho rằng, hoặc là có một đại luận thuyết hoặc là chỉ là nhiều tiểu luận thuyết. Nhưng không phải trường hợp này). Vậy cho dù Các Mác đã suy nghĩ thế nào chẳng nữa thì: “toàn bộ lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp” không nên được hiểu là tất cả những gì từng xảy ra đều là về vấn đề đấu tranh giai cấp. Nói đúng hơn, đấu tranh giai cấp là phần cơ bản nhất của lịch sử nhân loại.

Vậy cơ bản theo nghĩa nào? Ví dụ, nó cơ bản hơn lịch sử tôn giáo, khoa học hay áp bức tình dục thế nào? Giai cấp không nhất thiết phải là cơ bản theo nghĩa mang lại động lực mạnh mẽ nhất cho hoạt động chính trị. Hãy xem xét vai trò của bản sắc dân tộc theo khía cạnh này, một khía cạnh mà Chủ nghĩa Mác đã quá ít lưu tâm đến. Anthony Giddens tuyên bố rằng, những mâu thuẫn giữa các quốc gia, cùng với phân biệt chủng tộc và bất bình đẳng giới “có tầm quan trọng ngang bằng với bóc lột giai cấp”^[1]. Nhưng quan trọng như nhau để làm gì? Có tầm quan trọng như nhau về đạo đức và chính trị, hay quan trọng như nhau đối với việc đạt được chủ nghĩa xã hội? Chúng ta đôi khi gọi một thứ là cơ bản nếu nó là cơ sở cần thiết cho thứ khác, nhưng khó mà coi đấu tranh giai cấp là cơ sở cần thiết cho đức tin tín ngưỡng, phát kiến khoa học hay sự áp bức phụ nữ, liên quan nhiều đến đấu tranh giai cấp cho dù những thứ này là cơ bản. Có vẻ không đúng nếu ta gạt bỏ nền tảng cơ bản này đi thì Phật giáo, thiên văn và cuộc thi hoa hậu thế giới sẽ biến mất. Chúng ta có lịch sử tương đối độc lập của riêng mình.

Vậy, đấu tranh giai cấp là cơ sở nền tảng của cái gì? Câu trả lời của Các Mác có vẻ có hai hàm ý. Nó hình thành rất nhiều sự kiện, các thể chế và hình thức tư duy mà dường như thoát nhìn là vô hại với nó; và đấu tranh giai cấp đóng vai trò quyết định trong quá trình chuyển đổi hỗn loạn từ kỷ nguyên này sang kỷ nguyên khác của lịch sử. Nói đến lịch sử, Các Mác không phải nói đến “mọi thứ đã từng diễn ra” mà là những cái quan trọng cụ thể nằm trong quỹ đạo đó. Ông dùng “lịch sử” với nghĩa là tiến trình căn bản của các sự kiện, không đồng nghĩa với toàn bộ quá trình tồn tại của nhân loại tới nay.

Vậy ý niệm về đấu tranh giai cấp có phải là cái phân biệt tư tưởng Các Mác với những học thuyết xã hội khác? Không hẳn. Chúng ta đã thấy rằng, khái niệm này không phải là nguyên bản của ông, không khác gì khái niệm về phương thức sản xuất. Cái duy nhất trong tư tưởng của ông là ông hòa trộn hai khái niệm này – đấu tranh giai cấp và phương thức sản xuất – lại với nhau, để vẽ nên một viễn cảnh lịch sử thực sự mới. Hai ý niệm kết hợp với

nhau như thế nào đã trở thành một chủ đề tranh luận giữa những người Mác-xít, và chính Các Mác cũng khó mà làm nổi bật điểm này. Nhưng nếu chúng ta cứ đi tìm điều gì riêng biệt ở công trình của ông, thì có lẽ là tệ hơn là dừng tại đây. Về thực chất, chủ nghĩa Mác là một lý luận và thực tiễn về sự thay đổi của quá trình lịch sử lâu dài. Vấn đề là ở chỗ, như sau này chúng ta sẽ thấy, điểm khác biệt nhất của chủ nghĩa Mác cũng là điều cần phải bàn bạc nhất.

Nói một cách tổng quát, theo Các Mác, một phương thức sản xuất là sự kết hợp của lực lượng sản xuất nhất định với quan hệ sản xuất nhất định. Lực lượng sản xuất là tất cả các công cụ trên thế giới mà chúng ta sử dụng để tạo ra cuộc sống vật chất. Quan niệm này bao hàm tất cả những điều kiện thúc đẩy quyền làm chủ và sự thống trị thiên nhiên của con người cho mục đích sản xuất. Máy tính là một lực lượng sản xuất nếu chúng góp phần vào quá trình sản xuất vật chất, xét một cách toàn diện, hơn là được sử dụng để tán gẫu với những kẻ giết người hàng loạt nguy trang như những người lạ mặt thân thiện. Trong thế kỷ XIX, con lừa là một lực lượng sản xuất ở Ai-len. Sức lao động của con người là một lực lượng sản xuất. Nhưng những lực lượng sản xuất này chưa bao giờ tồn tại ở dạng nguyên thể. Chúng luôn được gắn với những quan hệ xã hội nhất định, mà Các Mác gọi là quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội. Ví dụ, một giai cấp xã hội có thể sở hữu và kiểm soát tư liệu sản xuất, trong khi giai cấp khác có thể thấy chính họ bị bóc lột bởi giai cấp kia.

Các Mác tin rằng, lực lượng sản xuất có xu hướng phát triển khi lịch sử sang trang. Điều đó không có nghĩa là chúng lúc nào cũng phát triển, bởi vì, ông dường như cũng cho rằng, chúng có thể rơi vào thời gian chìm lắng kéo dài. Tác nhân của sự phát triển này là bất cứ giai cấp xã hội nào đang nắm quyền điều hành sản xuất vật chất. Theo cách giải thích lịch sử này, dường như các lực lượng sản xuất “chọn lựa” một giai cấp có năng lực nhất cho việc mở rộng chúng. Tuy nhiên, đến một điểm nào đó, quan hệ sản xuất chiếm ưu thế sẽ không còn thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất mà bắt đầu cản trở lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất bắt đầu mâu thuẫn với lực lượng sản xuất, và hoàn cảnh thực tiễn nảy sinh cho cách mạng chính trị. Mâu thuẫn giai cấp trở nên sâu sắc, và giai cấp xã hội có năng lực tiếp nhận lực lượng sản xuất sẽ chiếm lấy quyền lực từ ông chủ cũ của nó. Ví dụ, chủ nghĩa tư bản chao đảo hết khủng hoảng này đến khủng hoảng khác, suy giảm liên tục, bởi chính quan hệ sản xuất mà nó bao hàm; và đến một điểm nhất định trong quá trình suy giảm, giai cấp lao động sẵn sàng giành quyền sở hữu và kiểm soát quá trình sản xuất. Trong một tác phẩm của mình, Các Mác đã từng nói: sẽ không có giai cấp xã hội nào mới xuất hiện nếu giai cấp xã hội trước đó không phát triển lực lượng sản xuất đến mức tối đa.

Điều đó thể hiện ngắn gọn nhất trong đoạn trích nổi tiếng dưới đây:

“Tới một giai đoạn phát triển nào đó của chúng, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có, hay – đây chỉ là biểu hiện pháp lý của những quan hệ sản xuất đó – mâu thuẫn với những quan hệ sở hữu, trong đó từ trước đến nay các lực lượng sản xuất vẫn phát triển. Từ chỗ là những hình thức phát triển của lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội”^[2].

Có vô số vấn đề trong học thuyết này, như chính những nhà Mác-xít cũng nhanh chóng chỉ ra. Thứ nhất, tại sao Các Mác khẳng định rằng: nhìn chung lực lượng sản xuất không ngừng phát triển? Thực tế là tiến bộ kỹ thuật có chiều hướng tích dồn lại, theo nghĩa là nhân loại khó có thể từ bỏ những tiến bộ mà họ tạo ra vì sự thịnh vượng và hiệu quả. Bởi vì con người là loài động vật có chút suy nghĩ hợp lý nhưng cũng khá lười nhác, và vì thế có khuynh hướng tiết kiệm lao động (chính những yếu tố này quyết định hàng người xếp hàng ở các quầy thanh toán ở siêu thị luôn dài đúng như nhau). Phát minh ra thư điện tử, chúng ta không thể quay trở lại việc vạch ký tự lên đá. Chúng ta cũng có khả năng chuyển những tiến bộ đó cho những thế hệ tương lai. Hiểu biết kỹ thuật khó mất đi, ngay cả khi chính công nghệ bị phá hủy. Nhưng cũng rất hiển nhiên là điều đó không chứng minh được gì nhiều. Nó không giải thích được, ví dụ, tại sao lực lượng sản xuất phát triển nhanh ở một thời gian nhất định nhưng có thể bị đình trệ hàng thế kỷ ở thời điểm khác. Việc có được những sự phát triển công nghệ lớn hay không phụ thuộc vào quan hệ xã hội đang phổ biến, chứ không phải vào động lực nội tại nào đó. Một số nhà Mác-xít cho rằng, sự cưỡng bách thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất không phải là một quy luật chung của lịch sử, mà là sự bắt buộc riêng có đối với chủ nghĩa tư bản. Họ không đồng ý với một điều đã được chấp nhận rằng: mỗi phương thức sản xuất phải được kế tiếp bằng một phương thức sản xuất khác năng xuất hơn. Liệu những nhà Mác-xít có bao gồm cả Mác hay không là một điểm gây tranh cãi.

Thứ hai, không rõ giai cấp xã hội nhất định được “lựa chọn” cho nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất theo cơ chế nào. Suy cho cùng, những lực lượng này không phải là một nhân vật quan trọng bí ẩn nào đó có khả năng nhận biết được ý thức xã hội và gọi một nhân vật thích hợp cụ thể nào đó đến cứu viện. Đương nhiên, giai cấp thống trị không phát triển lực lượng sản xuất vì lòng vị tha, không khác gì họ giành lấy quyền lực cho mục đích, đặc biệt là cứu giúp những người đói rách. Thay vào đó, họ có xu hướng theo đuổi mục đích vật chất của chính bản thân họ, chiếm lấy thặng dư từ lao động của người khác. Tuy nhiên, trong khi làm như thế họ đã vô tình thúc

đẩy lực lượng sản xuất nói chung, và cùng với họ (ít ra là trong dài hạn) là sự giàu có của nhân loại về cả vật chất lẫn tinh thần. Họ phát triển những tài nguyên mà số đông người trong xã hội có giai cấp bị loại trừ, nhưng theo cách đó tạo nên một di sản mà xét một cách toàn diện tất cả mọi người sẽ được thừa hưởng ở chủ nghĩa cộng sản trong tương lai.

Các Mác rõ ràng cho rằng, sự giàu có vật chất có thể phá hủy sức khỏe tinh thần của chúng ta. Dù vậy, ông không thấy khoảng cách lớn giữa tinh thần và vật chất như một số nhà tư tưởng duy tâm. Theo ông, sự nảy lộc đâm chồi của lực lượng sản xuất dẫn đến làm bộc lộ sức mạnh và năng lực sáng tạo của con người. Theo nghĩa này thì lịch sử không hoàn toàn là câu chuyện của sự phát triển. Thay vào đó chúng ta đi từ hình thái xã hội có giai cấp này sang hình thái xã hội có giai cấp khác, từ hình thức áp bức bóc lột này sang áp bức bóc lột khác. Tuy nhiên, theo nghĩa khác, sự mô tả nghiệt ngã này có thể được nhìn nhận như là sự chuyển động đi lên phía trước, khi nhân loại có những nhu cầu và ham muốn phức tạp hơn, tạo ra nhiều loại quan hệ mới và những hình thức thực hiện mới.

Nhân loại nói chung sẽ nhận được sự kế thừa này trong chủ nghĩa cộng sản tương lai; nhưng con đường xây dựng nó không thể tránh được bạo lực và bóc lột. Cuối cùng, quan hệ xã hội sẽ được thiết lập để phân phối của cải tích lũy được có lợi cho tất cả mọi người. Nhưng quá trình của chính sự tích lũy dẫn đến việc loại trừ đại đa số người ra khỏi việc hưởng thụ các thành quả đó. Chính vì thế, Các Mác lý luận lịch sử “phát triển nhờ mặt trái của nó”. Điều đó có vẻ như nói rằng sự bất công bằng hiện tại là không thể tránh khỏi để có công bằng sau này. Kết cục sẽ là rất mâu thuẫn: nếu không có bóc lột sẽ không có sự mở rộng quy mô của lực lượng sản xuất, và nếu không có sự mở rộng đó, sẽ không có cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

Các Mác rất đúng khi thấy rằng vật chất và tinh thần có cả mâu thuẫn và thống nhất. Ông không nguyên rủa xã hội có giai cấp vì sự tàn ác nhẫn tâm của nó, mặc dù ông thực tế có nguyên rủa; ông cũng thừa nhận rằng sự phát triển về tinh thần cần có nền tảng vật chất. Bạn không thể có một quan hệ tuyệt vời nếu như đang chết đói. Mỗi sự phát triển phương tiện giao tiếp của con người đều mang theo nó những hình thức cộng đồng mới và hình thức phân công mới. Những công nghệ mới có thể cản trở khả năng của con người, nhưng cũng có thể chấp cánh cho nó. Tính hiện đại không phải để hân hoan chào đón một cách thiếu suy nghĩ, nhưng cũng không phải để bị xua đuổi. Tính chất tích cực và tiêu cực của nó nói chung là các khía cạnh của cùng một quá trình. Điều đó giải thích tại sao chỉ có phương pháp tiếp cận biện chứng là cách tiếp cận nắm vững được bản chất các mâu thuẫn mới có thể đánh giá đầy đủ nhất.

Dẫu vậy, thực sự cũng có những vấn đề với học thuyết về lịch sử của Mác. Ví dụ, tại sao cũng cơ chế đó – mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất – lại hoạt động trong quá trình chuyển từ kỷ nguyên xã hội có giai cấp này sang kỷ nguyên xã hội có giai cấp khác? Điều gì giải thích cho sự nhất quán lạc lõng của lịch sử trải dài vô tận? Liệu có thể lật đổ được giai cấp thống trị khi nó đang ở thời kỳ vàng son, nếu phe chính trị đối lập không đủ sức mạnh? Liệu chúng ta có thực sự cần phải chờ đợi cho đến khi lực lượng sản xuất suy yếu? Và liệu sự trưởng thành của lực lượng sản xuất sẽ thực sự không làm suy yếu giai cấp đang sẵn sàng bị thay thế - ví dụ, bằng cách hình thành những hình thức mới cho công nghệ bóc lột? Quả thật, với sự trưởng thành của lực lượng sản xuất, những người công nhân trở nên lành nghề hơn, được tổ chức tốt hơn, được giáo dục tốt hơn và có lẽ tự tin hơn về chính trị, và tinh vi hơn; nhưng cũng vì thế sẽ có nhiều xe tăng hơn những máy camera giám sát, những tờ báo cánh hữu và những phương thức thuê lao động bên ngoài. Những công nghệ mới có thể đẩy nhiều người vào cảnh thất nghiệp, và vì thế chây ì về chính trị. Liệu một giai cấp xã hội đủ chín để làm nên cách mạng được hình thành bởi nhiều yếu tố hơn là liệu nó có sức mạnh để thúc đẩy lực lượng sản xuất. Năng lực của giai cấp được hình thành bởi hàng loạt yếu tố. Làm sao ta biết được một tập hợp cụ thể nào của các quan hệ sản xuất sẽ trở thành hữu dụng cho mục đích đó?

Một sự thay đổi của các quan hệ sản xuất không thể đơn giản được giải thích bằng việc lực lượng sản xuất phát triển. Cũng không phải sự thay đổi mang tính đột phá trong lực lượng sản xuất nhất thiết đưa đến quan hệ sản xuất mới, như cuộc cách mạng công nghiệp đã chứng minh. Cùng một lực lượng sản xuất có thể tồn tại với những quan hệ xã hội khác nhau. Chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa tư bản công nghiệp là một ví dụ. Khi đi từ nền nông nghiệp lạc hậu từ thời kỳ cổ xưa đến thời kỳ hiện đại, một loạt các quan hệ xã hội và hình thức sở hữu được chứng minh là khả thi. Hay cùng một quan hệ xã hội có thể thúc đẩy nhiều loại lực lượng sản xuất khác nhau. Lấy ví dụ về công nghiệp tư bản chủ nghĩa và nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất không phải lúc nào cũng khăng khít bên nhau một cách hòa thuận trong suốt lịch sử. Sự thật là mỗi giai đoạn phát triển của lực lượng sản xuất mở ra hàng loạt quan hệ xã hội, và không có gì đảm bảo rằng, một cặp quan hệ nào trong số đó thực sự xuất hiện. Cũng không có gì đảm bảo rằng, một nhân tố cách mạng tiềm tàng sẽ xuất hiện một cách thuận lợi khi khủng hoảng lịch sử đến. Đôi khi chẳng có giai cấp nào xuất hiện để đưa lực lượng sản xuất tiến xa hơn, như là đã từng xảy ra ở Trung Quốc cổ đại.

Mặc dù vậy, sự kết nối giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là rất

rõ ràng. Bên cạnh nhiều yếu tố khác, nó cho phép ta nhận ra rằng, chỉ có thể có những quan hệ xã hội nhất định nếu những lực lượng sản xuất phát triển đến mức độ nhất định. Nếu một số người cần được sống tiện nghi hơn hẳn số khác, bạn cần phải sản xuất một lượng thặng dư kinh tế đáng kể; và nó chỉ khả thi ở một điểm nhận định của sự phát triển sản xuất. Bạn không thể duy trì một tòa án hoàng gia hoành tráng với toàn những người hát rong, những trang giấy, những anh hề và những viên thị thần và tất cả mọi người lúc nào cũng phải trông trọt, chăn nuôi để tồn tại.

Mâu thuẫn giai cấp cơ bản là mâu thuẫn về thặng dư, và vì thế nó rất có thể sẽ tiếp tục chừng nào không có sự đầy đủ cho tất cả. Giai cấp xuất hiện khi nào sản xuất vật chất được tổ chức sao cho ép buộc được một số cá nhân phải chuyển lao động thặng dư của họ cho người khác để tồn tại. Nếu có quá ít hay không có thặng dư, như cái thời được gọi là cộng sản nguyên thủy, mọi người phải làm việc không ai có thể sống trên sự khó nhọc của người khác, vì thế, cũng không có giai cấp. Sau này mới có đủ thặng dư để nuôi sống giai cấp như lãnh chúa phong kiến, nhóm người sống bằng lao động của nô bộc của họ. Chỉ có chủ nghĩa tư bản mới có đủ thặng dư được tạo ra để thủ tiêu sự khan hiếm, và vì thế sự thủ tiêu giai cấp xã hội mới trở nên khả thi. Nhưng chỉ có chủ nghĩa xã hội có thể đưa điều đó vào thực tiễn.

Tuy nhiên, vẫn chưa rõ ràng, tại sao các lực lượng sản xuất luôn chiến thắng các quan hệ xã hội – tại sao quan hệ xã hội dường như phải khúm núm cung kính trước lực lượng sản xuất. Ngoài ra, học thuyết dường như không hài hòa với cách mà Các Mác trên thực tế mô tả sự quá độ từ chế độ phong kiến lên chế độ tư bản chủ nghĩa, hay theo một số khía cạnh khác là từ chế độ nô lệ sang chế độ phong kiến. Quả thật, cũng có những giai cấp xã hội vẫn tiếp tục thống trị hàng thế kỷ, bất chấp họ không có khả năng thúc đẩy sự phát triển sản xuất.

Một trong những khiếm khuyết rõ ràng của mô hình này là thuyết quyết định luận của nó. Dường như không gì có thể chống lại sự tiến lên phía trước của lực lượng sản xuất. Lịch sử tự vận hành theo một logic tất yếu ở bên trong nó. Có một “chủ đề” duy nhất của lịch sử (lực lượng sản xuất không ngừng phát triển) đi theo suốt lịch sử, lật đổ các thiết chế chính trị khác nhau khi nó đi qua. Đó là cái nhìn siêu hình với mức độ cao hơn bình thường. Thế nhưng, nó không còn là kịch bản đơn giản của sự tiến bộ nữa. Cuối cùng, sức mạnh và năng lực của con người phát triển cùng với những lực lượng sản xuất làm ra một nhân loại hoàn hảo hơn. Nhưng cái giá chúng ta phải trả thật đáng sợ. Mỗi bước tiến bộ của lực lượng sản xuất là chiến thắng của cả nền văn minh và chủ nghĩa man rợ. Nếu nó mang đến những khả năng mới cho sự giải phóng con người, thì nó cũng đi đến thành công với bộ quần áo

nhuộm máu. Các Mác đã không phải là nhà lái buôn tiền bộ ngây thơ. Ông đã nhận thức rõ cái giá kinh hoàng của chủ nghĩa cộng sản.

Quả thực là cũng có đấu tranh giai cấp, điều đó dường như nói rằng con người được tự do. Không thể nói rằng biểu tình, đình công và chiếm giữ được ra lệnh bởi lực lượng siêu nhiên nào đó. Nhưng chuyện gì xảy ra nếu như sự tự do ấy, có thể nói như vậy, được lập trình sẵn, đã được coi như một nhân tố trong bước tiến không thể cản trở của lịch sử? Ở đây có sự tương đồng với sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa ý Chúa và ý muốn con người trong đạo Cơ đốc. Đối với người Cơ đốc giáo, tôi cảm thấy thanh thản khi xiết cổ một cảnh sát trưởng địa phương; nhưng Chúa đã nhìn thấy trước từ trong sâu thẳm, bao gồm tất cả chuyện đó trong kế hoạch của Người cho nhân loại. Người không bắt tôi phải mặc như một cô hầu gái thứ sáu tuần trước và tự xưng là Milly; nhưng thông suốt mọi sự, Ngài biết rằng tôi sợ và vì thế hình thành câu truyện tranh về công việc của Milly. Khi cầu nguyện, Ngài ban cho một chú gấu bông nhìn thông minh hơn con gấu tai chó dơ dáy đang ngủ trên gối tôi lúc này, không phải Chúa không mảy may chú ý đến việc ban cho tôi một ân huệ như thế mà là, khi nghe lời cầu nguyện của tôi, Người thay đổi ý định. Chứ không thể thay đổi ý định của mình. Mà là Ngài quyết định từ trong sâu thẳm sẽ đưa tôi một con gấu bông mới vì lời cầu nguyện của tôi mà Ngài cũng đã nhìn thấy từ trong sâu thẳm. Theo một nghĩa nào đó, sự xuất hiện vương quốc tương lai của Chúa là không xác định trước: nó sẽ đến chỉ khi con người hành động vì nó trong hiện tại. Nhưng thực tế rằng họ sẽ hành động cho nó bằng ý muốn tự do cho riêng họ lại chính là kết quả tất yếu nhờ ơn Chúa.

Ở Các Mác có sự ảnh hưởng lẫn nhau tương tự giữa tự do và tính tất yếu. Ông đôi khi cho rằng đấu tranh giai cấp, dù theo nghĩa rộng chắc chắn sẽ trở nên sâu sắc hơn trong những điều kiện nhất định của lịch sử, và đến lúc đó sự xuất hiện của nó có thể dự báo trước một cách chắc chắn. Hãy lấy ví dụ về vấn đề chủ nghĩa xã hội. Các Mác gặp như coi việc tiến đến chủ nghĩa xã hội như một tất yếu. Ông nhiều lần nói vậy. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, sự sụp đổ của giai cấp tư bản và chiến thắng của giai cấp công nhân được miêu tả là “tất yếu như nhau”. Nhưng không phải vì Các Mác tin rằng có quy luật bí mật nào đó được ghi trong lịch sử sẽ dẫn tới chủ nghĩa xã hội dù con người có hành động hay không. Nếu như vậy, tại sao ông phải lý luận về sự cần thiết của đấu tranh chính trị? Nếu chủ nghĩa cộng sản thực sự là tất yếu, có người sẽ nghĩ chúng ta chẳng cần làm gì hơn là đợi nó đến, có lẽ gọi món cari hay suu tập hình xăm trong lúc chờ đợi. Quyết định luận mang tính lịch sử là một công thức cho chủ nghĩa ẩn dật chính trị. Trong thế kỷ XX, nó đóng vai trò then chốt cho sự thất bại của phong trào cộng sản trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít, chắc chắn như đó là thời điểm mà

chủ nghĩa phát xít không là gì ngoài tiếng nấc hấp hối của một hệ thống tư bản chủ nghĩa tại thời điểm diệt vong. Có thể nói rằng trong khi ở thế kỷ XIX sự tất yếu đôi khi được mong đợi háo hức, thì nó lại không đúng với chúng ta. Những câu mở đầu bằng “bây giờ điều tất yếu là...” nói chung là điềm báo xấu.

Các Mác không cho rằng, tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội nghĩa là tất cả chúng ta cứ việc ngủ yên. Mà ông tin rằng, một khi chủ nghĩa tư bản hoàn toàn thất bại, những người công nhân sẽ không có lý do gì để không thay thế nó và hoàn toàn có đủ lý do để làm như vậy. Họ sẽ nhận ra rằng, thay đổi hệ thống là vì lợi ích của họ, và rằng, vì họ chiếm đa số, họ cũng sẽ có sức mạnh làm điều đó. Họ sẽ hành động như những con thú có lý trí và thiết lập một sự thay thế mới. Vậy thì tại sao bạn lại kéo dài sự tồn tại bất hạnh dưới một chế độ mà bạn có khả năng thay đổi để có lợi cho mình? Tại sao bạn lại để chân ngựa đến không thể chịu nổi, khi bạn có khả năng gài nó? Cũng giống như đối với người theo đạo Cơ đốc, hành động của con người là tự do nhưng là một phần của kế hoạch định trước, với Các Mác cũng thế, sự tan rã của chủ nghĩa tư bản chắc chắn sẽ khiến con người xóa bỏ nó theo chính ý muốn của họ.

Vậy, ông sẽ cho biết con người tự do bắt buộc sẽ làm gì dưới những hoàn cảnh nhất định? Đó chắc chắn là một mâu thuẫn, vì tự do nghĩa là chả có gì mà bạn bị bắt buộc cả. Bạn không bị bắt buộc phải ăn ngấu nghiến một miếng thịt béo ngậy nếu dạ dày của bạn đang bị hành hạ bởi cơn đau quằn quại của cái đói. Như một người Hồi giáo mộ đạo, bạn sẽ thà chết. Nếu chỉ có một cách thức hành động mà tôi có thể thực hiện, và nếu tôi không thể không làm, thì trong trường hợp đó, tôi không tự do. Chủ nghĩa tư bản có thể đang ngấp nghé bên bờ của sự lụi bại, nhưng chưa chắc là chủ nghĩa xã hội sẽ thay thế nó. Có thể sẽ là chủ nghĩa phát xít, hay chủ nghĩa man rợ. Có lẽ sự sụp đổ của hệ thống tư bản chủ nghĩa sẽ làm giai cấp công nhân suy yếu và mất tinh thần đến mức không thể hành động một cách tích cực. Trong một khoảnh khắc u ám khó mô tả, Các Mác nhận xét, đấu tranh giai cấp có thể dẫn đến “sự lụi bại chung” của những giai cấp đang tranh giành nhau.

Hay có thể (một khả năng ông không lường trước đầy đủ) hệ thống sẽ tránh cuộc nổi dậy chính trị bằng cải cách. Dân chủ xã hội là một bức tường bảo vệ giữa bản thân dân chủ và thảm họa. Theo cách đó, thặng dư chiếm từ lực lượng sản xuất đã phát triển có thể dùng để mua đứt cách mạng, mà điều này không phù hợp một chút nào với bản phác thảo lịch sử của Các Mác. Ông dường như tin rằng, sự thịnh vượng của chủ nghĩa tư bản chỉ là tạm thời; hệ thống cuối cùng sẽ bị nhấn chìm; và rằng giai cấp công nhân tiếp đó sẽ tất yếu đứng lên và thay thế nó. Nhưng nó sẽ trải qua theo nhiều cách

(phức tạp hơn nhiều ở thời đại chúng ta hơn là của Các Mác) mà theo đó, thậm chí một khi chủ nghĩa tư bản bị khủng hoảng vẫn có thể tiếp tục duy trì được sự đồng thuận của những công dân của nó. Thời Các Mác không có kênh tin tức *Fox News* và tờ báo *Daily Mail*.

Tất nhiên, có một tương lai khác mà ta có thể nhìn thấy trước được gọi là không tương lai gì cả. Các Mác không thể nhìn trước những khả năng của vũ khí hạt nhân hủy diệt hàng loạt hay những thảm họa sinh thái. Hay có thể giai cấp thống trị sẽ bị hạ bệ bởi sự va chạm của tiểu hành tinh, một định mệnh mà một số trong đó có thể coi là hay hơn so với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngay cả học thuyết lịch sử mang tính quyết định luận nhiều nhất có thể bị đánh đắm bởi những sự kiện ngẫu nhiên như vậy. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể thẩm tra bao nhiêu phần của người theo thuyết quyết định luận lịch sử thực sự trong Các Mác. Nếu không có gì khác trong công trình của ông ngoài ý niệm về lực lượng sản xuất sinh ra quan hệ xã hội nhất định, câu trả lời là rõ ràng. Điều này rất cuộc là thuyết quyết định luận theo nghĩa đầy đủ nhất, và trong trường hợp như vậy, rất ít người theo chủ nghĩa Mác ngày nay sẽ sẵn sàng đi theo[3]. Theo cách nhìn này, không phải nhân loại là người tạo ra lịch sử của chính họ; mà đó là lực lượng sản xuất dẫn đến một cuộc sống lạ lẫm, thờ vật của chính nó.

Dù sao cũng có một dòng tư duy khác trong tác phẩm của Các Mác cho rằng, quan hệ xã hội của sản xuất có vị trí ưu tiên hơn lực lượng sản xuất. Nếu chế độ phong kiến mở đường cho chế độ tư bản, không phải là do chủ nghĩa tư bản có thể thúc đẩy lực lượng sản xuất hiệu quả hơn, mà vì quan hệ xã hội phong kiến ở miền quê dần dần bị hắt cẳng bởi quan hệ tư bản. Chế độ phong kiến tạo ra điều kiện mà giai cấp tư sản mới có thể lớn mạnh lên, nhưng giai cấp này không xuất hiện nhờ có sự trưởng thành của lực lượng sản xuất. Ngoài ra, nếu lực lượng sản xuất phát triển dưới chế độ phong kiến, không phải là do chúng có xu hướng tự thân nội tại nào đó để phát triển, mà là do lợi ích giai cấp. Như trong giai đoạn hiện đại, nếu lực lượng sản xuất đã lớn mạnh quá nhanh chóng trong vòng vài thế kỷ qua, là bởi vì chủ nghĩa tư bản không thể sống sót nếu không liên tục phát triển.

Theo học thuyết thay thế này, trong quá trình hình thành quan hệ xã hội và đấu tranh giai cấp, loài người thực sự là tác giả cho lịch sử của chính mình. Các Mác từng nhận xét rằng, ông và Ph.Ăng-ghe-n đã nhấn mạnh “đấu tranh giai cấp là động lực trực tiếp của lịch sử” trong gần bốn mươi năm[4]. Ý nghĩa quan trọng về đấu tranh giai cấp là không dự đoán được kết quả của nó, và quyết định luận có thể vì thế không tìm được chỗ đứng. Bạn có thể sẽ luôn cho rằng, mâu thuẫn giai cấp được quyết định – rằng, bản chất các giai cấp xã hội là theo đuổi những lợi ích xung đột lẫn nhau, và rằng, nó được

quyết định bởi phương thức sản xuất. Nhưng rất ít khi xung đột “khách quan” về lợi ích này mang hình thức của một trận chiến chính trị sống còn; và khó mà thấy được trước cuộc chiến diễn ra như thế nào. Các Mác có thể đã cho rằng chủ nghĩa xã hội là tất yếu, nhưng ông chắc chắn không nghĩ rằng Đạo luật Nhà máy (Factory Act) hay Công xã Paris cũng là tất yếu. Nếu ông thực sự là một nhà quyết định luận, ông có thể đã nói cho chúng ta chủ nghĩa xã hội xuất hiện khi nào và như thế nào. Nhưng ông là nhà tiên tri theo nghĩa là vạch mặt sự bất công, không phải với nghĩa là nhìn chăm chú vào quả cầu pha lê.

“Lịch sử”, Các Mác viết, “không làm gì hết, nó “không có tính phong phú vô cùng tận nào cả”, nó “không chiến đấu ở những trận nào cả”. Không phải “lịch sử”, mà chính con người, con người thực sự, con người sống mới là kẻ làm ra tất cả những cái đó, có tất cả những cái đó và chiến đấu cho tất cả những cái đó. “Lịch sử” không phải là một nhân cách đặc thù nào đó sử dụng con người làm phương tiện đạt tới các mục đích của mình”[5]. Khi Các Mác nói về quan hệ giai cấp thời cổ đại, thời trung cổ hay thế giới hiện đại, ông thường coi các quan hệ xã hội là cái quan trọng nhất. Ông cũng khẳng định rằng, mỗi phương thức sản xuất, từ chế độ nô lệ, phong kiến đến chủ nghĩa tư bản, có quy luật riêng của bản thân chúng về sự phát triển. Nếu như vậy thì người ta không cần nghĩ một tiến trình lịch sử “tuyến tính” một cách chặt chẽ, mà mỗi phương thức sản xuất theo gót của phương thức sản xuất khác theo logic ngầm nào đó. Chẳng có gì đặc thù trong chế độ phong kiến mà chuyển nó một cách dứt khoát sang chủ nghĩa tư bản. Cũng không còn duy nhất một sợi chỉ chạy xuyên suốt tám trăm lịch sử, mà là một tập hợp của những khác biệt và không liên tục. Chính nền kinh tế chính trị tư sản, chứ không phải chủ nghĩa Mác đã suy nghĩ về những quy luật cách mạng phổ biến. Quả thật, chính Các Mác phản bác sự cáo buộc ông đang tìm cách đưa toàn bộ lịch sử dưới một quy luật duy nhất. Ông kịch liệt phản đối sự suy diễn nhần tâm như thế, chỉ phù hợp với một tiểu thuyết gia lãng mạn. Ông khẳng định: “Phương pháp duy vật sẽ chuyển sang mặt đối lập của nó, nếu nó được hiểu không phải là nguyên tắc nghiên cứu mạng tính chỉ đạo mà là một khuôn mẫu có sẵn để người ta sắp xếp những sự kiện lịch sử ở trong đó theo đúng ý mình”[6]. Ông cảnh báo, cách nhìn nhận của ông về nguồn gốc của chủ nghĩa tư bản không nên được chuyển “thành một học thuyết triết học lịch sử về con đường đi chung do số phận sắp xếp cho tất cả các quốc gia dù hoàn cảnh lịch sử của các quốc gia đó như thế nào đi nữa”[7]. Nếu có những xu hướng nào đó đang diễn ra trong lịch sử, thì cũng có những xu hướng ngược lại, và điều đó nói rằng kết quả cuối cùng là không chắc chắn.

Một số nhà Mác-xít đã hạ thấp tầm quan trọng của “tính ưu việt của lực lượng sản xuất”, và đề cao học thuyết khác mà chúng ta vừa xem xét. Nhưng

có lẽ điều đó mang tính phòng thủ quá mức. Mô hình “tính ưu việt của lực lượng sản xuất” đã nắm được những điểm quan trọng trong công trình của Các Mác để thấy rằng ông rất nghiêm túc khi đưa ra nhận định đó. Đó cũng là cách mà những nhà Mác-xít như Lê-nin và Trostky hiểu Các Mác. Một số nhà bình luận cho rằng, trong thời gian viết *Tư bản*, Các Mác đã từ bỏ ít nhiều lòng trung thành trước kia của ông với lực lượng sản xuất với tư cách là người anh hùng của lịch sử. Nhưng những người khác không tin như vậy. Tuy nhiên, những học trò của Các Mác được tự do lựa chọn tư tưởng nào trong công trình của ông là đáng tin cậy nhất. Chỉ những nhà Mác-xít chính thống coi công trình đó như là Kinh Thánh, và bây giờ hầu như không có người nào như vậy ngoài những người Cơ đốc giáo.

Không có bằng chứng nào cho thấy rằng, Các Mác nói chung là người theo chủ nghĩa quyết định luận theo nghĩa phủ nhận hành động của con người là tự do. Trái lại, ông tin tưởng vào quyền tự do, và không phải chỉ riêng trong sự nghiệp nhà báo của mình, ông luôn luôn nói về việc cá nhân có thể (nhiều khi cần) hành động khác biệt như thế nào, cho dù giới hạn lịch sử đặt lên sự lựa chọn của họ là gì đi chăng nữa. Mặc dù được một số người nhìn nhận như một nhà quyết định luận tuyệt đối, nhưng sự yêu thích cả đời về chiến thuật quân sự của Ph.Ăng-ghe-nơ khó có thể là một vấn đề định mệnh^[8]. Các Mác cho rằng dũng cảm và nhất quán là yếu tố quan trọng cho chiến thắng chính trị, và dường như có tính đến ảnh hưởng mang tính quyết định của những sự kiện ngẫu nhiên trong tiến trình lịch sử. Thực tế giai cấp công nhân quân đội ở Pháp đã bị tàn phá bởi dịch tả năm 1849 là một ví dụ.

Dù sao thì cũng có nhiều dạng khác nhau của sự tất yếu. Bạn có thể coi một sự việc nào đó là tất yếu mà không cần phải là nhà quyết định luận. Thậm chí, những người theo chủ nghĩa tự do cũng tin rằng cái chết là không thể tránh khỏi. Nếu người dân Texas cố nhồi nhét vào bột điện thoại công cộng, chắc chắn một số người sẽ bị chết bẹp. Đây là vấn đề vật lý hơn là định mệnh. Nó không làm thay đổi thực tế là họ tự nhồi nhét theo ý muốn tự nguyện của chính họ. Hành động mà chúng ta tự do thực hiện thường có kết cục đưa chúng ta đối diện với những sức mạnh xa lạ. Học thuyết về sự tha hóa và sùng bái hàng hóa của Các Mác dựa trên chính sự thật này.

Cũng có nhiều cách hiểu về tính tất yếu. Tuyên bố rằng, chiến thắng của công lý ở Zimbabwe là tất yếu không có nghĩa là nó chắc chắn xảy ra. Nó có thể là một mệnh lệnh tinh thần hay chính trị hơn, nghĩa là khó nói theo cách khác. “Chủ nghĩa cộng sản hay chủ nghĩa man rợ” không có nghĩa rằng, chúng ta cuối cùng phải sống dưới chế độ này hoặc chế độ kia. Nó có thể là cách nhấn mạnh hậu quả khôn lường của việc không đạt được chủ nghĩa cộng sản. Các Mác chỉ rõ trong cuốn *Hệ tư tưởng Đức* rằng, tại thời điểm

hiện tại... các cá nhân phải thủ tiêu sở hữu tư nhân, nhưng “phải” ở đây là sự hô hào chính trị nhiều hơn là một gợi ý rằng chúng ta không có lựa chọn nào khác. Nhìn chung, Các Mác không phải là một người theo thuyết quyết định luận; song có rất nhiều cách diễn đạt trong công trình của ông chuyển tải ý nghĩa của thuyết quyết định luận lịch sử. Ông đôi khi so sánh những quy luật lịch sử với quy luật tự nhiên, như khi viết trong cuốn *Tư bản*, quy luật tự nhiên của chủ nghĩa tư bản... phù hợp với tính tất yếu để đến những kết quả tất yếu. Các Mác dường như nhất trí khi một nhà bình luận cho rằng công trình của ông coi sự phát triển xã hội như là một tiến trình lịch sử tự nhiên. Ông cũng tán thành một nhà phê bình tác phẩm như ông, như sự chứng minh cho “tính tất yếu của trật tự hiện thời” và sự chứng minh “cả tính tất yếu của một trật tự khác mà trật tự hiện thời nhất thiết phải chuyển sang”^[9]. Không rõ thuyết quyết định luận khổ hạnh này phù hợp thể nào với xu hướng luôn đặt đấu tranh giai cấp là trung tâm của mọi vấn đề.

Cũng có đôi lúc Ph.Ăng-ghe-n phân biệt rõ rệt quy luật lịch sử với quy luật tự nhiên, nhưng ở một số chỗ khác ông lại lập luận về sự giống nhau giữa chúng. Các Mác say sưa đi tìm một cơ sở cho lịch sử trong tự nhiên, nhưng cũng làm nổi bật thực tế là chúng ta tạo ra lịch sử chứ không phải tạo ra tự nhiên. Đôi khi ông phê phán ứng dụng sinh học cho lịch sử nhân loại, và phản đối quan điểm những quy luật lịch sử có giá trị phổ quát. Rất giống một nhà tư tưởng thế kỷ XIX, Các Mác nắm lấy uy quyền của khoa học tự nhiên, tiếp đó là phương thức tối cao của tri thức để xây dựng tính chính thống cho công trình của mình. Nhưng ông cũng đã tin rằng, quy luật lịch sử có thể biết được với tính chắc chắn của những quy luật khoa học.

Mặc dù vậy, khó mà tin rằng ông coi xu hướng tỷ lệ lợi nhuận giảm dần của chủ nghĩa tư bản theo nghĩa đen giống định luật hấp dẫn. Ông không thể nói rằng, lịch sử phát triển như một cơn bão sắp chớp. Đúng là ông coi quá trình diễn biến các sự kiện lịch sử như là sự biểu hiện của một tình trạng cụ thể có ý nghĩa quan trọng, nhưng không phải chỉ một mình ông khẳng định điều đó. Không mấy người nhìn nhận lịch sử nhân loại là hoàn toàn ngẫu nhiên. Nếu không có tính quy tắc hay những xu hướng có thể dự đoán chung trong đời sống xã hội, chúng ta không thể có khả năng hành động mang tính mục đích. Không phải là sự lựa chọn giữa quy luật thép và tình trạng hoàn toàn hỗn độn. Mọi xã hội, giống như mọi hành động của con người, mở ra tương lai này trong khi đóng lại những tương lai khác. Nhưng sự tác động qua lại giữa tự do và sự ép buộc này khác xa một số dạng của sự cần thiết tất yếu. Nếu anh chủ ý muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện kinh tế khó khăn, thì như chúng ta đã thấy, anh sẽ chắc chắn có kết cục như một hình thức nào đó của chủ nghĩa Stalin. Đây là một tấm gương lịch sử đã được kiểm nghiệm, được xác thực bằng một loạt thể nghiệm xã hội cầu thả.

Những người tự do và những người bảo thủ không thường xuyên say sưa với quy luật lịch sử có thể sẽ đổi giọng khi nói đến những trường hợp đặc biệt cụ thể này. Nhưng việc cho rằng nhất định kết thúc bằng chủ nghĩa Stalin là bỏ qua tính ngẫu nhiên của lịch sử. Có lẽ những người bình thường sẽ đứng dậy và giành chính quyền vào tay họ; hay có lẽ một nhóm quốc gia giàu có sẽ bắt ngờ bay đến trợ giúp; hay có lẽ anh sẽ phát hiện ra rằng, anh đang ngồi trên mỏ dầu lớn nhất hành tinh và sử dụng nó để xây dựng nền kinh tế của mình một cách dân chủ.

Tiến trình lịch sử cũng đúng như vậy. Các Mác dường như không tin rằng, những phương thức sản xuất khác nhau từ chế độ nô lệ cổ xưa đến chủ nghĩa tư bản hiện đại kế tiếp nhau theo mô thức không thể thay đổi nào đó. Ph.Ăng-ghe-nhê nhận xét rằng, lịch sử “phát triển rất nhanh và thường theo một đường đích đích”^[10]. Một mặt, những phương thức sản xuất khác nhau không chỉ kế tiếp nhau. Chúng có thể cùng tồn tại trong cùng một xã hội. Mặt khác, Các Mác cho rằng, quan điểm của ông về sự quá độ từ chế độ phong kiến lên chế độ tư bản chủ nghĩa áp dụng một cách cụ thể cho phương Tây không phải là phổ quát. Khi phương thức sản xuất phát triển, không phải mọi quốc gia đều phải đi theo cùng một con đường. Những người Bôn-sê-vích đã có thể nhảy từ nước Nga nửa phong kiến sang nhà nước xã hội chủ nghĩa mà không phải sống qua một thời kỳ dài của chủ nghĩa tư bản.

Các Mác đã có lúc tin là chính dân tộc Đức của ông phải trải qua giai đoạn tư sản trước khi tầng lớp công nhân có thể nắm quyền. Tuy nhiên, sau đó ông dường như bỏ rơi niềm tin ấy, thay vào đó nói đến “cách mạng triệt để” có thể rút ngắn các giai đoạn này. Cách nhìn tiêu biểu ở thời kỳ khai sáng về lịch sử này là một tiến trình phát triển hữu cơ, mà mỗi thời kỳ xuất hiện một cách tự nhiên ở giai đoạn tiếp theo để hình thành cái toàn bộ mà ta vẫn biết là sự tiến bộ. Trái lại, câu chuyện về những người Mác-xít lại được đánh dấu bằng bạo lực, sự chia rẽ, mâu thuẫn và ngắt quãng. Đúng là có tiến bộ, nhưng như Các Mác lập luận trong tác phẩm của ông về nước Ấn Độ, nó giống như một vị chúa Hindu uống rượu quý trong hộp sọ người.

Việc Các Mác tin đến mức nào vào sự tất yếu của lịch sử không chỉ là vấn đề kinh tế và chính trị, mà nó còn là vấn đề đạo đức. Ông dường như không cho rằng, chế độ phong kiến hay chủ nghĩa tư bản cần phải xuất hiện. Với một phương thức sản xuất cụ thể, có nhiều con đường đi khác nhau từ đó. Tất nhiên, có những giới hạn của nó. Anh sẽ không đi từ chủ nghĩa tư bản tiêu dùng sang săn bắt hái lượm, có lẽ trừ khi một cuộc chiến tranh hạt nhân xen vào. Lực lượng sản xuất đã phát triển sẽ khiến cho một sự trở lại như thế hoàn toàn không cần thiết và không mong muốn. Nhưng có một bước đi cụ thể mà Các Mác dường như xem là tất yếu: Cần có chủ nghĩa tư

bản đề có chủ nghĩa xã hội. Được dẫn dắt bởi lợi ích cá nhân, cạnh tranh tàn khốc và nhu cầu mở rộng không ngừng, chỉ có chủ nghĩa tư bản mới có năng lực để phát triển lực lượng sản xuất đến một điểm tại đó, dưới một chế độ chính trị khác, thặng dư mà họ tạo ra có thể được sử dụng để cung cấp sự no đủ cho tất cả mọi người. Để có chủ nghĩa xã hội, anh buộc phải có chủ nghĩa tư bản trước. Hay nói cách khác, anh có thể không cần chủ nghĩa tư bản, nhưng ai đó phải cần. Các Mác nghĩ rằng, nước Nga sẽ có thể duy trì một hình thái xã hội chủ nghĩa dựa trên công xã nông dân hơn là trên một lịch sử của chủ nghĩa tư bản công nghiệp; nhưng ông không thể tưởng tượng rằng, điều này có thể được thực hiện mà không có sự giúp đỡ của nguồn tư bản từ nơi khác. Một quốc gia khác không cần phải qua chủ nghĩa tư bản, nhưng chủ nghĩa tư bản phải tồn tại đâu đó nếu muốn đến chủ nghĩa xã hội.

Điều này đặt ra nhiều vấn đề đạo đức học búa. Như những người Cơ đốc giáo chấp nhận quỹ dữ là cần thiết theo kế hoạch với loài người của Chúa, bạn có thể thấy như vậy về Các Mác khi ông tuyên bố rằng, chủ nghĩa tư bản, tuy tham tàn và phi lý, phải được cam chịu vì tương lai của chủ nghĩa xã hội mà nó tất yếu sẽ mang đến cùng với sự xuất hiện của nó. Không chỉ chịu đựng, thực tế còn được khuyến khích một cách chủ động. Có những điểm trong công trình của Các Mác tán dương sự lớn mạnh của chủ nghĩa tư bản, vì chỉ có vậy sẽ dẫn đường cho chủ nghĩa xã hội được mở bung ra. Trong một bài thuyết trình năm 1847, ông bảo vệ tự do thương mại như là việc đẩy nhanh sự tiến tới chủ nghĩa xã hội. Ông cũng muốn nhìn nhận sự thống nhất của nước Đức trên cơ sở rằng, nó sẽ thúc đẩy chủ nghĩa tư bản Đức. Có nhiều chỗ trong công trình của ông, nhà chủ nghĩa xã hội cách mạng này tán dương khá nhiều viễn cảnh một giai cấp tư bản tiến bộ chấm dứt “chủ nghĩa man rợ”.

Đạo lý trong đó rõ ràng là mơ hồ. Có gì khác biệt với cuộc tàn sát giết chóc của Stalin hay Mao, thực hiện dưới danh nghĩa của tương lai chủ nghĩa xã hội? Mục đích có thể biện minh cho phương thức như thế nào? Và bởi vì ít người ngày nay tin chủ nghĩa xã hội là tất yếu, liệu có thêm lý do để thừa nhận một sự tể thời hiện tại đã man như vậy trên điện thờ tương lai mà có lẽ sẽ chẳng bao giờ đến? Nếu chủ nghĩa tư bản là thiết yếu cho chủ nghĩa xã hội, và nếu chủ nghĩa tư bản là bất công, liệu điều này có cho rằng sự bất công là chấp nhận được về mặt đạo đức? Nếu phải có công bằng trong tương lai, liệu buộc phải có bất công trong quá khứ? Các Mác viết trong cuốn *Học thuyết về giá trị thặng dư* rằng: “sự phát triển của năng lực loài người diễn ra với sự trả giá của đa số cá nhân và thậm chí các giai cấp”^[11]. Ông muốn nói rằng, sự tốt đẹp cho loài người cuối cùng sẽ chiến thắng trong hình hài của chủ nghĩa xã hội, nhưng rằng điều này có được với tổn thất lớn và bất công không thể tránh khỏi trên con đường đi. Sự thịnh vượng vật chất để cuối

cùng tạo điều kiện cho tự do là kết quả của sự mất tự do.

Có gì khác biệt giữa việc làm điều xấu để hy vọng điều tốt sẽ đến với việc tìm cách biến cái xấu của người này thành cái tốt đẹp. Những người xã hội chủ nghĩa không phạm vào chủ nghĩa tư bản, và vô tội với tội ác của nó; nhưng chấp nhận nó tồn tại, nó dường như là hợp lý trí để phát huy những cái tốt nhất từ chủ nghĩa tư bản. Điều này là có thể, bởi vì, chủ nghĩa tư bản đương nhiên không phải chỉ toàn là xấu xa. Nói như vậy là phiến diện trầm trọng, một lỗi mà chính Các Mác hiếm khi phạm phải. Như chúng ta đã thấy, chế độ tư bản chủ nghĩa ủng hộ tự do cũng như chủ nghĩa man rợ, sự giải phóng con người cùng với chế độ nô lệ. Xã hội tư bản tạo nên sự giàu có khổng lồ, nhưng theo một cách là không thể đặt sự giàu có đó vào tay của hầu hết người dân. Mặc dù vậy, luôn có thể vươn lên sự giàu có đó. Nó có thể thoát khỏi những hình thức tích trữ chủ nghĩa cá nhân đã từng nuôi dưỡng chủ nghĩa tư bản, đầu tư vào cộng đồng nói chung, và dùng để hạn chế đến mức nhỏ nhất những bất đồng ý kiến. Bởi vậy, nó có thể giải thoát con người khỏi ràng buộc của nhu cầu kinh tế tối thiểu để đến với một cuộc sống mà ở đó họ tự do thực hiện khả năng sáng tạo của mình. Đó là viễn cảnh của Các Mác về chủ nghĩa xã hội.

Điều đó không hề nói rằng, sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản là hoàn toàn tốt đẹp. Nó có thể tốt hơn nếu sự giải phóng con người có thể được tiến hành với ít máu, mồ hôi và nước mắt hơn. Theo nghĩa đó, học thuyết về lịch sử của Các Mác không phải là học thuyết “mục đích luận”. Một học thuyết mục đích luận nói rằng, mỗi giai đoạn của lịch sử xuất hiện không thể tránh khỏi từ những gì đi trước. Bản thân mỗi giai đoạn của tiến trình cần thiết, và cùng với tất cả các giai đoạn khác đều cần thiết để đi đến một đích nhất định. Bản thân mục đích đó cũng là tất yếu, đóng vai trò là động lực bên trong của toàn bộ tiến trình. Không gì trong câu chuyện này có thể bị loại bỏ, và mọi thứ có độc hại hay tiêu cực đều góp phần cho sự tốt đẹp toàn thể.

Đây không phải là những gì Các Mác dạy. Để nói rằng từ chủ nghĩa tư bản sẽ có một tương lai tiến bộ không phải là hàm ý rằng nó tồn tại cho lý do đó. Chủ nghĩa xã hội không nhất thiết phải tiếp theo sau chủ nghĩa tư bản. Không phải để nói rằng, tội ác của chủ nghĩa tư bản được bao biện cho việc tiến tới chủ nghĩa xã hội. Cũng không phải để ngụ ý rằng, chủ nghĩa tư bản nhất thiết phải tồn tại. Các phương thức sản xuất không nhất thiết phải xuất hiện. Không phải các phương thức sản xuất đều được gắn với tất cả các giai đoạn trước bởi một logic bên trong nào đó. Không giai đoạn nào của tiến trình tồn tại với giai đoạn khác. Có thể bỏ qua các giai đoạn, như những người Bôn-sê-vích đã làm. Không thể chắc chắn được điểm cuối cùng. Với Các Mác, lịch sử không di chuyển theo một hướng nào cụ thể. Chủ nghĩa tư

bản có thể được sử dụng để xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng là vô nghĩa khi toàn bộ tiến trình lịch sử dồn hết công sức tới cái đích này.

Thời đại chủ nghĩa tư bản hiện đại mang lại lợi ích không thể chối cãi. Nó có rất nhiều đặc tính tuyệt vời, từ cải tiến cách gây mê và xử phạt đến hệ thống vệ sinh ưu việt và tự do ngôn luận, mà bản thân chúng là quý báu, không phải đơn giản vì một tương lai chủ nghĩa xã hội sẽ tìm cách nào đó để sử dụng chúng. Nhưng điều đó không nhất thiết nghĩa là hệ thống đó cuối cùng được minh oan. Có thể lập luận rằng, dù nếu xã hội có giai cấp cuối cùng đi đến chủ nghĩa xã hội, cái giá nhân loại buộc phải trả cho kết cục may mắn này đơn giản là quá cao. Một thế giới xã hội chủ nghĩa sẽ tồn tại trong bao lâu, và nó cần mạnh mẽ đến đâu để hưng thịnh, để biện minh trong hồi tưởng cho những đau khổ của lịch sử giai cấp? Có thể làm được điều đó không hay chỉ giống như biện minh cho Auschwitz? Nhà triết gia Mác-xít Max Horkheimer lý luận rằng: “con đường đi của lịch sử nằm trên đau thương và khốn khổ của các cá nhân. Có một loạt các kết nối mang tính thanh minh giữa hai thực tiễn này, nhưng không có cái nào có ý nghĩa biện minh”[\[12\]](#).

Chủ nghĩa Mác nói chung không được nhìn nhận như là một viễn cảnh bi đát của thế giới. Chương cuối cùng của nó – chủ nghĩa cộng sản – xuất hiện quá lạc quan. Nhưng, không đánh giá khía cạnh buồn thảm của nó sẽ là bỏ sót chiều sâu phức tạp của nó. Câu chuyện của những nhà Mác-xít không buồn thảm theo nghĩa kết thúc tồi. Nhưng một câu chuyện không phải kết thúc dở sẽ trở nên buồn thảm. Thậm chí, nếu con người tìm ra sự hoàn hảo nào đó vào phút cuối, thì vẫn là bi thảm rằng, tổ tiên của họ đã phải bị đẩy xuống địa ngục để họ có được như vậy. Và sẽ có nhiều người ngã xuống bên đường, không đạt được mục đích và bị quên lãng. Thiếu sự phục sinh thực sự, chúng ta không bao giờ có thể thưởng phạt cho hàng triệu người bị ngã giữa đường này. Học thuyết lịch sử của Các Mác là bi kịch chỉ theo khía cạnh đó.

Đó là một điểm nổi bật mà Aijaz Ahmad biết rất rõ. Ông nói đến Các Mác về sự suy tàn của giai cấp nông dân, nhưng luận điểm này có một ứng dụng khái quát hơn trong công trình của ông. Ông viết: “Có một hàm ý về sự phá hủy tàn khốc và mất mát không thể cứu vãn, một tình thế tiến thoái lưỡng nan mà ở đó không thể hoàn toàn xác nhận cả cái cũ lẫn cái mới, thừa nhận rằng người chịu thiệt là người tử tế và chưa hoàn thiện, cũng thừa nhận rằng lịch sử của chiến thắng và mất mát thực sự là lịch sử của sản xuất vật chất, và cuối cùng là một hy vọng mong manh rằng, điều tốt đẹp nào đó có thể sẽ đến với lịch sử nhân tâm này”[\[13\]](#). Bi kịch không nhất thiết không có hy vọng.

Cuối cùng, còn một điểm nữa cần ghi nhớ. Chúng ta đã thấy rằng, chính Các Mác cho rằng chủ nghĩa tư bản là không thể tránh khỏi cho chủ nghĩa xã hội. Nhưng liệu có đúng không? Điều gì diễn ra nếu ai đó phải tìm cách phát triển lực lượng sản xuất từ một mức rất thấp, nhưng là mạnh nhất sao cho phù hợp với giá trị xã hội chủ nghĩa dân chủ? Đó sẽ là một nhiệm vụ khó khăn. Nhưng đó là quan điểm của những thành viên phe đối lập cánh tả ở nước Nga Bôn-sê-vích; và, mặc dù vậy, đó là một đề án bị đổ vỡ nhưng là chiến lược đúng đắn để đi theo trong hoàn cảnh đấy. Điều gì sẽ xảy ra nếu chủ nghĩa tư bản chưa từng tồn tại? Nhân loại liệu có thể tìm ra cách nào ít tàn ác hơn cho việc phát triển mà Các Mác xem như một hàng hóa quý giá nhất – sở hữu vật chất, một sự giàu có về sức sáng tạo của con người, tính tự quyết, truyền thông toàn cầu, tự do cá nhân, một nền văn hóa tráng lệ v.v.. và v.v..? Liệu một lịch sử khác có tạo ra được những nhân tài ngang với Raphael và Shakespeare? Ta hãy nghĩ đến sự tráng lệ của nghệ thuật và khoa học trong Hy Lạp cổ đại, xứ sở Ba Tư, Ai Cập, Trung Hoa, Ấn Độ, Mesopotamia và những nơi khác nữa. Sự hiện đại của chủ nghĩa tư bản có thực sự cần thiết? Làm thế nào để ai đó cân đong được giá trị của khoa học hiện đại và tự do con người với hàng hóa tinh thần của các xã hội bộ lạc? Điều gì xảy ra khi chúng ta đặt nền dân chủ cùng với sự hủy diệt hàng loạt?

Vấn đề có lẽ có nhiều hàm ý hơn là tính học thuật. Cứ cho rằng, một số ít người chúng ta có thể thoát ra khỏi thảm họa hạt nhân hay sinh thái, và bắt đầu nhiệm vụ nan lòng là xây dựng nền văn minh lại từ mới hỗn độn. Với những gì ta biết về nguyên nhân của thảm họa này, lần này liệu chúng ta sẽ khôn ngoan để thử lại theo con đường xã hội chủ nghĩa?

[1] Alex Callinicos (Chủ biên): *Marxist Theory*, Oxford, 1989, p.143.

[2] “Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị - Lời tựa”, trong Các Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia, H.1993, t.13, tr.15.

[3] Người bảo vệ mãnh liệt nhất cho học thuyết này là G.A.Cohen trong tác phẩm *Marx's Theory of History: A Defence* (Oxford, 1978). Hiếm có một ý tưởng ương ngạnh nào được nhiều người ủng hộ đến vậy. Xem thêm một giải thích tuyệt vời cho học thuyết lịch sử của Mác ở S.H.Rigby: *Marxism and History*, Manchester and New York, 1987, là tác phẩm tôi trích dẫn ở đây.

[4] Bởi Alex Callinicos and Chris Harmon: *The Changing Working Class*, London, 1983, p.13.

[5] “Gia đình thần thánh” trong Các Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2002, t.2, tr.141.

[6] Marx & Engels: *Tuyển tập các bức thư (Selected Correspondence)*, Moscow, 1975, pp.390-91, 293-94.

[7] Marx & Engels: *Tuyển tập các bức thư (Selected Correspondence)*, Moscow, 1975, pp.390-91, 293-94.

[8] Điểm này đã được John Maguire trình bày trong *Marx's Theory of Politics*, Cambridge, 1978, p.123.

[9] Lời bạt viết cho lần xuất bản thứ hai trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2002, t.23, tr.33.

[10] Umberto Melotti: *Chủ nghĩa Mác và thế giới thứ ba (Marxism and the Third World)*, London, 1972, p.6

[11] Karl Marx: *Theories of Surplus Value*, London, 1972, p.134.

[12] Xem Alfred Schmidt: *The Concept of Nature in Marx*, London, 1971, p.36.

[13] Aijaz Ahmad: *In Theory: Classes, Nations, Literatures*, London, 1992, p.228.

CHƯƠNG 4

CHỦ NGHĨA MARX LÀ KHÔNG TƯỞNG?

PHẢN BÁC:

Chủ nghĩa Mác là một giấc mơ về xã hội không tưởng. Nó đặt niềm tin vào một xã hội hoàn hảo, không có khổ cực, đau buồn, bạo lực và mâu thuẫn. Dưới chế độ cộng sản chủ nghĩa sẽ không có sự bon chen, vị kỷ, chiếm hữu, cạnh tranh hay bất bình đẳng. Không ai là ưu việt hay hạ đẳng đối với người khác. Không ai phải làm việc, loài người sống hoàn toàn hòa thuận với nhau, nguồn của cải vật chất sẽ tuôn chảy không bao giờ dứt. Viễn cảnh ngây thơ một cách đáng ngạc nhiên này bắt nguồn từ niềm tin ấu trĩ vào bản chất con người. Chỉ đơn giản là bản chất xấu xa của con người được loại trừ. Người ta không cần chú ý đến thực tế rằng con người là những sinh vật sinh ra vốn có bản chất ích kỷ, tham lam, thô bạo và ganh đua mà không một sự can thiệp xã hội nào có thể làm thay đổi. Chính viễn cảnh ngây ngô của Các Mác về tương lai phản ánh sự phi thực tế đến vô lý trong toàn bộ hệ thống quan điểm chính trị của ông.

BIỆN GIẢI:

“Vẫn có tai nạn giao thông ở xã hội không tưởng Mác-xít của các người chứ?” Đó là một câu hỏi nhạo báng mà những người Mác-xít đã quá quen thuộc. Trên thực tế, lời chỉ trích đó cho thấy sự thiếu hiểu biết của người nói, chứ không cho thấy những ảo tưởng của người Mác-xít. Bởi vì, nếu xã hội không tưởng có nghĩa là một xã hội hoàn hảo thì “xã hội không tưởng Mác-xít”^[1] lại có nghĩa trái ngược hoàn toàn.

Dường như có những cách sử dụng thú vị hơn nhiều đối với từ “không tưởng” trong truyền thống Mác-xít. Một trong những người Anh vĩ đại nhất là William Morris đã xuất bản một công trình không tưởng khó quên trong *Tin tức không ở đâu cả* (*New From Nowhere*), một tác phẩm không giống hầu hết những tác phẩm không tưởng khác, đã mô tả chi tiết quá trình thay đổi chính trị xuất hiện như thế nào. Tuy nhiên, khi từ này trở nên thông dụng thì cũng cần phải nói rằng, Các Mác đã không thể hiện một sự quan tâm dù nhỏ nhất đến một tương lai không có đau khổ, chết chóc, mất mát, thất bại, đổ vỡ, xung đột, thảm họa hay thậm chí lao động. Thực ra, ông không thể hiện sự quan tâm nhiều đến tương lai. Thật là giả dối đối với tác phẩm của ông khi cho rằng ông hầu như không nói rõ một xã hội xã hội chủ nghĩa hay xã hội cộng sản chủ nghĩa sẽ như thế nào. Những người phê phán

ông, bởi vậy, có thể trách cứ ông về sự vô tâm khó tha thứ, nhưng họ khó có thể làm được điều đó đồng thời đổ lỗi cho ông đã vẽ ra những kế hoạch không tưởng. Chính chủ nghĩa tư bản chứ không phải chủ nghĩa Mác đã mua bán tương lai. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, ông đã phản bác quan điểm về chủ nghĩa cộng sản là “lý tưởng mà hiện thực phải khuôn theo”. Thay vào đó, trong *Hệ tư tưởng Đức*, ông coi nó là “một phong trào hiện thực, nó xóa bỏ trạng thái hiện nay”^[2].

Cũng giống như người Do Thái trước đây bị cấm bói toán tương lai, thì Các Mác, một người Do Thái thế tục dường như không hề nói về những gì trong tương lai. Chúng ta đều thấy có thể ông tin rằng chủ nghĩa xã hội là tất yếu, nhưng ông không hề nói chủ nghĩa xã hội sẽ như thế nào. Có một vài lý do cho sự dè dặt này. Thứ nhất, tương lai không tồn tại, do đó bịa ra những hình ảnh về tương lai là một sự dối trá. Nếu làm được như vậy thì cũng có nghĩa cho rằng, tương lai được quyết định từ trước – nó ở chỗ nào đó chưa rõ rệt mà chúng ta cần phát hiện. Chúng ta cũng thấy rằng, có một hàm ý mà ở đó Các Mác khẳng định rằng, tương lai là tất yếu. Nhưng tất yếu không nhất thiết có nghĩa là điều đáng mong muốn. Cái chết cũng là tất yếu nhưng là cái không mong muốn đối với hầu hết mọi người. Tương lai có thể được quyết định từ trước nhưng không có lý do gì để nói rằng, tương lai sẽ là cái tốt đẹp hơn những gì chúng ta đang có. Tất yếu, như chúng ta đã thấy, thường là cái gì đó không thú vị mấy. Bản thân Các Mác cũng cần nhận thức thêm về điều đó.

Tuy nhiên, dự đoán tương lai không chỉ vô nghĩa; trên thực tế nó còn mang tính hủy diệt. Có sức mạnh đối với tương lai là một cách tạo cho mình một cảm giác sai lầm về sự an toàn. Đó là một thủ thuật che giấu mình trước bản chất cởi mở của hiện tại với tất cả tính không ổn định và khó dự đoán của nó. Tương lai khi đó được sử dụng như là một hình thức mê tín dị đoan, không khác gì ru ngủ đứa trẻ trong chăn ấm bằng câu chuyện cổ tích. Đó là một giá trị tuyệt đối không bao giờ làm chúng ta thất vọng (vì nó không tồn tại) bởi vì nó cũng xa rời hơi thở của lịch sử như một ảo ảnh. Bạn cũng có thể độc chiếm lấy tương lai như là một cách chi phối hiện tại. Những thầy bói thực thụ trong thời đại của chúng ta không phải là những kẻ để râu tóc rũ rượi, miệng la hét làm nhảm những lời khủng khiếp về cái chết của chủ nghĩa tư bản, mà là những chuyên gia được các công ty xuyên quốc gia thuê để nghiên cứu sấm soi ruột gan hệ thống và khẳng định với những kẻ cai trị của nó rằng, lợi nhuận của họ được bảo đảm trong mười năm nữa. Trái lại, nhà tiên tri không phải là người nhìn thấu suốt tương lai. Thật sai lầm khi cho rằng, những nhà tiên tri trong Kinh Thánh phải tìm cách dự báo tương lai, mà đúng hơn là nhà tiên tri vạch trần sự tham lam, mục nát, mua quan bán chức hiện nay, cảnh báo cho chúng rằng, nếu chúng ta không thay đổi,

chúng ta sẽ không thể có tương lai. Các Mác là một nhà tiên tri, chứ không phải là một thầy bói.

Còn một lý do nữa để nói rằng, tại sao Các Mác lại thận trọng với những hình ảnh của tương lai. Bởi vì, trong thời của ông có rất nhiều hình ảnh tương lai – hầu hết đó là hình ảnh do những người cấp tiến theo chủ nghĩa duy tâm một cách vô vọng vẽ nên. Quan điểm cho rằng, lịch sử đang tiến dần đến một trạng thái hoàn hảo không phải là một quan điểm tả khuynh. Quan điểm đó là phổ biến trong thời kỳ Khai sáng thế kỷ XVIII và không mấy nổi tiếng với tinh thần chủ nghĩa xã hội cách mạng thời đó. Nó phản ánh niềm tin của tầng lớp trung lưu châu Âu trong giai đoạn đầu tràn đầy sức sống. Lý do nằm ở quá trình chế ngự chế độ chuyên quyền, khoa học đuổi cổ mê tín dị đoan, còn hòa bình đánh bại kết quả chiến tranh. Kết quả là, toàn bộ lịch sử loài người (mà hầu hết những nhà tư tưởng này đều nghĩ là châu Âu) đều hướng tới đỉnh cao nhất là tình trạng tự do, hòa hợp, và thịnh vượng. Không thể có chuyện nhà phê bình trứ danh và nghiêm khắc nhất lịch sử thuộc tầng lớp trung lưu lại chấp nhận viễn cảnh tự mãn này. Như chúng ta thấy, Các Mác thực sự tin vào tiến bộ và văn minh nhưng ông cũng thừa nhận rằng, những cái đó không thể tách rời tình trạng man rợ và dốt nát.

Như thế không phải để nói rằng, Các Mác không học gì từ những triết gia không tưởng như Fourier, Saint Simon và Robert Owen. Nếu ông có thể khiếm nhã với những người này thì ông vẫn ngợi ca những tư tưởng của họ, mà nhiều khi là sự cầu tiến đáng ngưỡng mộ (nhưng không phải tất cả họ, chẳng hạn như Fourier là người đặt ra thuật ngữ “chủ nghĩa nam nữ bình quyền” và tổ chức xã hội lý tưởng của ông ta được xây dựng để bao hàm chính xác 1.620 người, đã tin rằng, trong xã hội tương lai biển sẽ trở thành nước chanh. Bản thân Các Mác có lẽ cũng yêu thích rượu vang Riesling tinh khiết). Cái mà Các Mác phản đối, cùng với một số thứ khác nữa, là niềm tin của những người theo chủ nghĩa không tưởng rằng, họ có thể giành thắng lợi trước đối thủ của mình chỉ hoàn toàn bằng sức mạnh của lý lẽ. Xã hội đối với họ là cuộc đấu tranh tư tưởng chứ không phải sự va chạm của lợi ích vật chất. Trái lại, Các Mác có quan điểm hoài nghi về niềm tin đó trong những cuộc đối thoại tri thức. Ông nhận thức rằng, những tư tưởng thực sự thu hút sự chú ý này xuất hiện thông qua những hoạt động thường ngày của con người, chứ không phải qua sự diễn giải của các triết gia hay qua tranh luận về xã hội. Nếu bạn muốn thấy con người thực sự tin vào điều gì, hãy nhìn vào những gì họ làm, chứ không phải những gì họ nói.

Đối với Các Mác, những dự án không tưởng là sự sao lãng với nhiệm vụ chính trị hiện tại. Những sức lực đầu tư vào đó có thể để phục vụ tốt hơn cho đấu tranh chính trị. Là một người duy vật, Các Mác rất thận trọng với những

tư tưởng xa rời thực tế lịch sử mà ông cho rằng có những lý do lịch sử chính đáng cho sự xa rời đó. Bất cứ ai có thời gian rảnh rỗi cũng có thể áp ủ những dự định cho một tương lai tốt đẹp hơn, cũng giống như một ai đó vạch ra vô số kế hoạch cho một cuốn tiểu thuyết đồ sộ mà họ không bao giờ bắt tay vào viết bởi vì họ lúc nào cũng đang lập kế hoạch để viết. Vấn đề với Các Mác không phải là mơ mộng về một tương lai tốt đẹp mà giải quyết những mâu thuẫn hiện tại đang cản trở sự xuất hiện của một tương lai tốt đẹp hơn. Khi đạt được điều này, sẽ không cần đến bất cứ người nào như ông nữa.

Trong tác phẩm *Nội chiến ở Pháp*, Các Mác viết rằng, những người công nhân cách mạng “không cần phải thực hiện một lý tưởng nào cả, mà chỉ cần giải phóng những nhân tố của xã hội mới đã phát triển trong lòng xã hội tư sản cũ đang sụp đổ” [3]. Hy vọng một tương lai tốt đẹp hơn không thể chỉ là sự mộng mơ “cuộc đời sẽ tốt đẹp nếu... Nếu là một cái gì đó không phải là những suy nghĩ vẩn vơ, thì một tương lai khác hoàn toàn không chỉ là điều mong đợi mà phải có khả năng thực hiện. Để thực hiện được, nó phải bắt nguồn từ thực tế hiện tại. Nó không thể chỉ do không gian chính trị bên ngoài đặt vào hiện tại. Mà phải là một hình thức chụp cắt lớp, hay chụp X quang đối với hiện tại để nhìn thấy rõ một tương lai đang hình thành ở trong đó. Nếu không làm được điều đó, bạn chỉ có thể giúp mọi người mơ mộng một cách tuyệt vọng, mà theo Freud, mơ mộng tuyệt vọng chính là chứng loạn thần kinh chức năng.

Do vậy, có những lực lượng trong hiện tại đem lại sức mạnh vượt ra ngoài nó. Chẳng hạn như chủ nghĩa bình quyền nam nữ là một phong trào chính trị đang hoạt động sôi nổi hiện nay, nhưng nó hoạt động bằng cách đi tìm một tương lai bỏ rất xa hiện tại. Với Các Mác, chính giai cấp công nhân – đã từng là một thực tế hiện tại và là một tác phẩm mà nhờ đó nó được biến đổi – tạo ra sự liên kết giữa hiện tại và tương lai. Chính trị mang tính giải phóng đã đặt tương lai vào trong lòng hiện tại. Chính trị là cầu nối giữa hiện tại và tương lai tại điểm giao nhau. Cả hiện tại và tương lai được kích thích bởi những nguồn lực của quá khứ, với nghĩa là những truyền thống chính trị quý giá mà ta phải đấu tranh để giữ gìn bằng được.

Một số người bảo thủ là những người theo chủ nghĩa không tưởng, nhưng sự không tưởng của họ nằm trong quá khứ chứ không phải ở tương lai. Theo quan điểm của họ, lịch sử là một sự suy giảm buồn thảm kéo dài so với thời vàng son bắt đầu từ thời Adam Virgil, Dante, Shakespeare, Samuel Johson, Jefferson, Disrael Magaret Thatcher hoặc ai đó nữa mà bạn muốn. Điều này sẽ coi quá khứ như là một vật thờ cúng, giống như những triết gia không tưởng làm với tương lai. Thực tế là, quá khứ cũng tồn tại không hề khác với tương lai, mặc dù người ta cảm thấy như vậy. Nhưng cũng có

những người bảo thủ phản đối truyện thần thoại này với lập luận rằng, mọi kỷ nguyên đều khủng khiếp như nhau. Với họ, tin tốt là mọi việc không trở nên tồi tệ hơn, còn tin xấu sẽ là điều đó là vì chúng không thể tồi tệ hơn được nữa. Cái chi phối lịch sử chính là bản chất của con người, đó là (a) trong một tình trạng ọp ẹp khủng khiếp và (b) tuyệt đối không thể thay đổi được. Điều rõ đại lớn nhất – mà thực ra là sự tàn nhẫn – là đem nhử trước mọi người những lý tưởng nói rằng, họ không thể đạt được một cách hợp hiến. Những người cấp tiến rốt cục chỉ khiến mọi người ghê tởm chính mình. Họ đẩy mọi người vào vòng tội lỗi và tuyệt vọng bằng cách tung hô họ với những điều cao cả hơn.

Bắt đầu từ chỗ mà chúng ta có thể không biết đến cuốn sổ tay hay nhất hướng dẫn chuyển đổi chính trị. Hiện tại có vẻ như là một trở ngại cho sự thay đổi nhiều hơn là một cơ hội cho nó. Giống như một người Ái Nhĩ Lan gốc nghèo điển hình trả lời khi được ai đó hỏi đường đến ga tàu hỏa: “Ồ, tôi sẽ không bắt đầu đi từ đây đâu”. Nhận xét này không phải phi lý như mọi người thường nghĩ, mà cũng đúng như người Ái Nhĩ Lan đó đã nghĩ. Điều đó có nghĩa là “Anh đáng lẽ có thể đến đó nhanh hơn và gần hơn nếu anh không bắt đầu đi từ chỗ khó đi và ở quá xa như chỗ này”. Những người xã hội chủ nghĩa hiện nay có lẽ thông cảm nhiều hơn với tình cảnh đó. Ta có thể hình dung một người Ái Nhĩ Lan quá quen thuộc trong các câu ngạn ngữ tìm hiểu về nước Nga sau cách mạng Bôn-sê-vích, chuẩn bị theo đuổi nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một đất nước nghèo nàn, lạc hậu và bị cô lập, anh ta nhận xét: “Ồ, tôi sẽ không bắt đầu đi từ đây đâu”.

Dĩ nhiên, cũng có trường hợp không còn chỗ nào khác để bắt đầu. Một tương lai khác biệt phải là tương lai của hiện tại cụ thể đó. Hầu hết hiện tại được hình thành từ quá khứ. Chúng ta chẳng có gì để từ đó xây dựng tương lai, ngoài một số ít ỏi công cụ mà chúng ta kế thừa từ lịch sử. Những công cụ này còn bị hư hỏng bởi di sản về cảnh khốn cùng và tình trạng bóc lột truyền qua nhiều đời đến chúng ta. Trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gotha*, Các Mác đã mô tả xã hội mới in dấu chàm của trật tự cũ từ trước khi nó chào đời như thế nào. Rõ ràng là không thể có một điểm “thuần khiết” để ta bắt đầu từ đó. Nếu tin rằng có được điểm đó sẽ là những ảo tưởng về chủ nghĩa cực tả (Lê-nin gọi đó là tình trạng lộn xộn ấu trĩ) mà với nhiệt tình cách mạng của nó, sẽ chối bỏ tất cả những chiếc xe tải chở đầy những công cụ đã bị tổn thương của hiện tại: cải cách xã hội, công đoàn, đảng chính trị, dân chủ nghị viện, v.v.. Bởi vậy, rốt cục nó trở nên trong trắng như một kẻ bất lực.

Bởi thế nên tương lai không thể chỉ kết dính với hiện tại, không khác gì tuổi trưởng thành được gắn liền với thời thơ ấu. Nó phải được nhận biết bằng

cách nào đó bên trong nó. Như thế không phải để nói rằng, một tương lai như vậy chắc chắn sẽ xuất hiện, giống như một đứa bé nhất định sẽ đến tuổi trưởng thành. Đứa trẻ đó vẫn có thể chết vì bệnh bạch hầu hầu trước khi trưởng thành. Vì vậy, chúng ta buộc phải thừa nhận rằng, với một hiện tại cụ thể, không thể có một tương lai đã biết đến từ lâu. Tương lai là để ngỏ, nhưng nó không để ngỏ hoàn toàn. Không giống như bất cứ điều gì đã biết từ lâu có thể xảy ra. Nơi mà tôi sẽ có mặt trong 10 phút nữa sẽ phụ thuộc vào tôi đang ở chỗ nào và một số thứ khác nữa. Để nhìn thấy tương lai như là một khả năng bên trong hiện tại sẽ không giống như coi một quả trứng sẽ trở thành con gà con. Nếu không bị rơi vỡ hay luộc chín để chuẩn bị cho một cuộc đi chơi dã ngoại, quả trứng sẽ nở thành gà con theo quy luật tự nhiên, nhưng tự nhiên không bảo đảm rằng chủ nghĩa xã hội sẽ theo sát gót chân của chủ nghĩa tư bản. Có nhiều tương lai khác nhau ẩn giấu đằng sau hiện tại, và chúng hoàn toàn không hấp dẫn như nhau. Nhìn tương lai như vậy sẽ là một sự bảo đảm để tránh hình dung sai lầm về nó. Chẳng hạn, cách nhìn này phản bác quan điểm về tương lai đầy tự mãn “theo chủ nghĩa tiến hóa”, coi tương lai đơn giản là nhiều hơn hiện tại. Đơn giản là, tương lai hiển nhiên là hiện tại. Nói ngắn gọn, đây là cách mà những nhà cai trị của chúng ta thích nhìn tương lai – tốt đẹp hơn hiện tại nhưng không ngừng thỏa mãn với nó. Những bất đồng sẽ được giảm tới mức nhỏ nhất. Sẽ không có chấn thương hay tai biến, chỉ có sự hoàn thiện dần dần những gì chúng ta đang có. Quan điểm này gần đây được biết đến là Sự Kết Thúc Của Lịch Sử, trước khi những người Hồi giáo cực đoan buộc lịch sử phải mở ra lần nữa. Bạn cũng có thể gọi đó là lý thuyết Con cá vàng về lịch sử, bởi nó mơ ước về một sự tồn tại an toàn nhưng buồn tẻ, như cuộc sống của con cá vàng trong bể nước. Nó trả giá cho sự tự do thoát khỏi những cú va đập (shake-up) bằng chôn mình trong buồn tẻ chán ngắt. Bởi vậy nó không nhìn thấy rằng, mặc dù tương lai có thể tồi tệ hơn rất nhiều so với hiện tại, nhưng một điều có thể khẳng định là tương lai sẽ rất khác. Một lý do khiến thị trường tài chính đổ vỡ mấy năm trước (2008 – 2009 – ND) là do chúng dựa vào mô hình giả định rằng, tương lai sẽ rất giống với hiện tại.

Trái lại, chủ nghĩa xã hội, theo một nghĩa nào đó là sự đột phá quyết định với hiện tại. Lịch sử cần được phá bỏ và làm lại – không phải bởi vì những người xã hội chủ nghĩa tùy tiện lựa chọn cách mạng chứ không phải cải cách, như con thú khát máu căm điếc trước tiếng gọi của sự tiết chế, mà bởi mức độ của cơn đau bắt buộc phải chữa trị. Tôi nói đến “lịch sử”, nhưng trên thực tế Các Mác e ngại đề cao mọi thứ đã xảy ra đến giờ liên quan đến cái “nhân đề” đó. Với ông, tất cả những gì chúng ta biết cho đến nay đều là “tiền sử” – tức là từ biến thể này đến biến thể khác của sự áp bức và bóc lột con người. Một hành động lịch sử duy nhất đúng là thoát khỏi bài văn tường

thuật buồn tẻ để trở thành lịch sử đúng nghĩa. Là một người theo chủ nghĩa xã hội, bạn phải sẵn sàng nói rõ điều đó sẽ đạt được như thế nào và nó sẽ dẫn đến những thể chế nào. Nhưng nếu trật tự xã hội mới phải mang tính chuyển đổi thực sự, thì tiếp đó sẽ có một giới hạn khắc nghiệt đặt ra cho việc bạn có thể nói bao nhiêu về nó ngay từ bây giờ. Xét cho cùng, chúng ta có thể mô tả tương lai chỉ bằng cách dựa vào quá khứ hay hiện tại; và một tương lai đoạn tuyệt với hiện tại sẽ là khó mô tả bởi những giới hạn của ngôn ngữ chúng ta. Như chính Các Mác đã nhận xét trong tác phẩm *Ngày 18 tháng Tư của Na-pô-lê-ông Bô-na-pác*: “[trong tương lai xã hội chủ nghĩa] nội dung sẽ nhiều hơn hình thức”. Raymon Williams cũng có cùng nhận xét như vậy trong tác phẩm *Văn hóa và xã hội 1780 – 1950*, khi viết: “chúng ta phải lập kế hoạch cho những gì có thể lập kế hoạch được theo những quyết định chung của chúng ta. Nhưng trọng tâm đặt vào quan điểm văn hóa là đúng khi điều đó nhắc chúng ta rằng, văn hóa về bản chất là không thể lập kế hoạch được. Chúng ta phải bảo đảm phương tiện cuộc sống, phương tiện của cộng đồng. Nhưng những gì sẽ sống được khi đó, bằng những phương tiện này, chúng ta không biết và cũng không thể nói được”^[4].

Có thể nói cách khác, nếu tất cả những cái đã xảy ra cho đến nay là “tiền sử” thì điều đó là dễ dự đoán hơn những gì Các Mác coi thực sự là lịch sử. Nếu chúng ta cắt tại một điểm bất kỳ trong lịch sử quá khứ và xem xét kỹ điểm giao cắt đó, chúng ta sẽ biết được trước những gì chúng ta sẽ tìm thấy ở đó. Chẳng hạn, chúng ta sẽ phát hiện thấy rằng, đại đa số người dân tại thời điểm đó đang sống một cuộc sống khó khăn cực khổ chỉ để phục vụ cho nhóm người cai trị. Chúng ta cũng sẽ phát hiện ra rằng, nhà nước chính trị, cho dù dưới bất kỳ hình thức nào, cũng luôn sẵn sàng sử dụng bạo lực để bảo vệ tình trạng này. Chúng ta sẽ phát hiện rằng, có rất nhiều truyện thần thoại, văn hóa và tư tưởng của giai đoạn đó cung cấp cơ sở hợp pháp nào đó cho sự tồn tại của tình trạng này. Chúng ta có thể cũng sẽ phát hiện ra một hình thức phản kháng nào đó của những người bị bóc lột đối với tình trạng bất công này.

Tuy nhiên, một khi những kim hãm sự phát triển của con người này được xóa bỏ, càng khó có thể nói được điều gì sẽ xảy ra. Khi đó mọi người sẽ được tự do hành xử như mong muốn, trong phạm vi trách nhiệm của họ đối với nhau. Nếu họ có thể dùng thời gian của mình nhiều hơn cho những gì mà giờ đây chúng ta gọi là hoạt động giải trí, chứ không phải là vào những công việc vất vả, thì hành vi của họ thậm chí còn trở nên khó dự đoán hơn. Tôi nói đến “những gì mà giờ đây chúng ta gọi là giải trí”, bởi vì, nếu chúng ta thực sự sử dụng những nguồn lực do chủ nghĩa tư bản tích lũy được để giải phóng một số lượng lớn người khỏi công việc, thì chúng ta sẽ không gọi những gì chúng ta đã làm thay cho nó là “giải trí”. Đó là vì quan niệm về giải trí phụ

thuộc vào sự tồn tại của cái đối lập với nó (lao động), cũng giống như chúng ta không thể định nghĩa được chiến tranh mà không có một khái niệm nào đó về hòa bình. Chúng ta cũng cần nhớ rằng, những hoạt động được gọi là giải trí thậm chí cũng đòi hỏi những nỗ lực to lớn và căng thẳng không kém việc xúc than. Bản thân Các Mác cũng thừa nhận điều này. Một số người cánh tả sẽ thất vọng khi nghe nói rằng, việc không được làm việc không nhất thiết có nghĩa là suốt cả ngày ngồi chơi xơi nước. Suy luận tương tự, lấy ví dụ hành vi của những người ở trong tù. Rất dễ để nói được những gì các tù nhân sẽ làm suốt cả ngày bởi vì những hoạt động của họ bị kiểm soát chặt chẽ. Những người cai tù có thể nói khá chắc chắn rằng tù nhân sẽ ở đâu vào lúc 5 giờ chiều ngày thứ tư và nếu họ không thể làm như vậy họ có thể bị Thống đốc triệu hồi. Thế nhưng, khi người phạm tội được thả về với xã hội, rất khó có thể kiểm soát được họ, trừ phi sự kiểm soát đó được thực hiện bằng hình thức điện tử. Họ đã chuyển từ thời “tiền sử” bị tổng giam của họ sang lịch sử thực thụ, có nghĩa là giờ đây, họ được tự do quyết định sự tồn tại của mình, chứ không phải do những thế lực bên ngoài quyết định. Với Các Mác, chủ nghĩa xã hội là thời kỳ mà ở đó chúng ta cùng quyết định theo hình thức tập thể đối với số phận của chính chúng ta. Đó chính là dân chủ với đầy đủ tính nghiêm túc nhất, chứ không phải dân chủ như là một trò chơi đồ chữ chính trị. Cái thực tế con người được tự do nhiều hơn có nghĩa là sẽ khó nói được họ sẽ đang làm gì vào lúc 5 giờ chiều ngày thứ tư.

Một tương lai khác hoàn toàn không phải là sự kéo dài đơn thuần hiện tại, cũng không phải là sự cắt đứt hoàn toàn với hiện tại. Nếu đó là sự cắt đứt hoàn toàn, làm thế nào chúng ta có thể nhận biết được điều đó? Tuy nhiên, nếu chúng ta có thể mô tả điều đó một cách khá dễ dàng bằng ngôn ngữ của hiện tại, thì nó sẽ thực sự khác theo nghĩa nào? Tư tưởng của Các Mác về giải phóng con người phản bác cả sự tiếp nối cũng như sự đoạn tuyệt hoàn toàn. Theo nghĩa này thì ông là người hiếm gặp nhất trong loài người, một người có đầu óc nhìn xa trông rộng, đồng thời cũng là một nhà hiện thực chân chính. Ông chuyển khúc nhạc phóng túng của tương lai thành những công việc buồn tẻ của hiện tại, nhưng đứng ở đó, ông đã tìm thấy một tương lai vô cùng phong phú cần được giải phóng. Ông u buồn với quá khứ nhiều hơn những nhà tư tưởng khác, nhưng lại đầy hy vọng so với hầu hết trong số họ về những gì sắp xảy ra.

Chủ nghĩa hiện thực và viễn cảnh ở đây gắn liền với nhau: để nhìn hiện tại đúng là hiện tại, ta sẽ phải nhìn nó trong khả năng có thể biến đổi của hiện tại. Nếu không như vậy, bạn không thể nhìn nó một cách chính xác, bởi vì bạn sẽ không nhìn được toàn diện một em bé mới lọt lòng nghĩa là gì nếu bạn không thừa nhận rằng nó là một đứa trẻ trong tương lai. Chủ nghĩa tư bản đã sinh ra những quyền lực và khả năng phi thường mà bản thân nó cũng

cảm thấy khó xử; chính vì vậy, Các Mác là người tràn đầy hy vọng mà không phải là một nhà quán quân tinh tường của Tiến bộ và là người hiện thực một cách chân chất mà không phải là người hoài nghi hay bạc nhược. Sẽ là một viễn cảnh bi thương nếu nhìn chăm chăm vào điểm xấu nhất (cái tồi tệ nhất) trên khuôn mặt, nhưng cần vượt lên nó bằng cách làm đúng như vậy. Các Mác, như chúng ta đã thấy, theo một cách nào đó là một nhà tư tưởng bi thương, không phải là một nhà tư tưởng bi quan.

Một mặt, những người Mác-xít thuộc loại người khó thông cảm, luôn hoài nghi tinh thần cao cả của luân thường đạo lý và luôn cảnh giác với chủ nghĩa duy tâm. Với lối suy nghĩ luôn luôn nghi ngờ theo bản năng, họ có chiều hướng đi tìm những lợi ích vật chất đằng sau những câu nói hoa mỹ đầy nhiệt huyết. Họ cảnh giác với những thế lực buồn tẻ, thường là ti tiện, thường thấy trong những câu nói đạo đức giả, hay ảo ảnh tình cảm ủy mị. Thế nhưng, đó là vì họ muốn giải phóng con người khỏi những thế lực đó với niềm tin rằng, học có đầy đủ khả năng làm được những điều tốt đẹp hơn. Bởi vậy, họ kết hợp tính nhân tâm với niềm tin vào tính nhân đạo. Chủ nghĩa duy vật không hề viễn vông, khó bị lừa dối bởi những lời khoa trương khoác lác, nhưng cũng quá hy vọng rằng mọi việc sẽ được hoàn thiện thành hoài nghi. Đã có một sự kết hợp tồi tệ trong lịch sử loài người.

Ta có thể nghĩ đến khẩu hiệu rất kêu của sinh viên Paris năm 1968: “Hãy hiện thực: đòi hỏi điều không thể!” Với tất cả tính chất hoa ngữ bóng bẩy của nó, khẩu hiệu này thật chính xác. Cái được yêu cầu một cách hiện thực để sửa chữa xã hội là vượt ra ngoài sức mạnh đang hiện hữu trong hệ thống, và theo nghĩa đó là điều không thể có. Nhưng là hiện thực khi tin rằng thế giới về nguyên tắc sẽ có thể được cải thiện rất nhiều. Những người chế giễu ý tưởng cho rằng có thể có được sự thay đổi xã hội lớn là những người tùy hứng mãnh liệt. Những người mộng mơ thực sự là những người phủ nhận mọi thứ nếu không phải là sự thay đổi dần dần đều có thể xuất hiện. Chủ nghĩa thực dụng ương ngạnh này cũng mang chứng hoang tưởng y như khi bạn tin rằng mình là Nữ hoàng Marie Antoinette. Những loại người như vậy luôn có nguy cơ gây bất ngờ cho lịch sử. Chẳng hạn, một số nhà tư tưởng thời phong kiến dám chối bỏ hệ thống kinh tế “phi tự nhiên” như chủ nghĩa tư bản có thể đã rất nổi tiếng. Cũng có những người đáng trách tự lừa dối mình tưởng tượng rằng nếu có nhiều thời gian và nỗ lực hơn, chủ nghĩa tư bản sẽ mang đến một thế giới dư giả cho tất cả mọi người. Với họ, hiện giờ nó chưa làm được như vậy chẳng qua chỉ là điều không may đáng tiếc. Họ không thấy rằng, bất bình đẳng đối với chủ nghĩa tư bản cũng là điều tự nhiên như tính kiêu căng và vĩ cuồng ở Hollywood.

Cái mà Các Mác phát hiện ở hiện tại là sự va chạm khốc liệt giữa các lợi

ích. Nhưng trong khi một triết gia không tưởng có thể hô hào chúng ta vượt lên trên những mâu thuẫn đó dưới danh nghĩa tình thương yêu đùm bọc, thì bản thân Các Mác chọn một con đường đi hoàn toàn khác. Ông thực sự tin tưởng vào tình yêu thương đùm bọc, nhưng ông không nghĩ sẽ đạt được những điều đó bằng sự hòa hợp giả dối. Người bị bóc lột và người bị tước đoạt phải không từ bỏ lợi ích của mình, là điều mà những người chủ của họ muốn họ làm nhưng bằng cách ép buộc. Chỉ đến khi đó thì một xã hội vượt lên trên tư lợi cuối cùng mới có thể xuất hiện. Không có gì sai lầm với việc là người vị kỷ nếu không có sự lựa chọn nào khác ngoài tự ôm lấy xiềng xích bằng tinh thần hy sinh giả tạo.

Những người phê phán Các Mác có thể thấy khó chịu với sự nhấn mạnh đến lợi ích giai cấp này. Nhưng họ không thể tuyên bố thẳng thừng rằng, ông có quan điểm tốt đẹp quá đáng về bản chất của con người. Chỉ bằng cách bắt đầu từ hiện tại không bao giờ lấy lại được, tự mình tìm phục cơ sở lô-gic không mấy giá trị của hiện tại, thì bạn mới có thể hy vọng đi qua và vượt lên trên hiện tại. Điều này cũng nằm trong tinh thần truyền thống của một tấn thảm kịch. Chỉ khi chấp nhận những mâu thuẫn đó là bản chất của xã hội có giai cấp, chứ không phải phủ nhận chúng theo tinh thần không vụ lợi trong sáng, thì bạn mới có thể giải phóng của cải của loài người mà những mâu thuẫn này đang kìm nén. Chính vào lúc những cơ sở lập luận về hiện tại bị thất bại, rơi vào bế tắc và trở nên không rõ ràng mạch lạc đã giúp Các Mác phác thảo ra một tương lai rạng rỡ. Hình ảnh thật sự của tương lai chính là sự thất bại của hiện tại.

Chủ nghĩa Mác, mà theo lời phàn nàn của nhiều người chỉ trích nó, có một quan điểm lý tưởng hóa một cách không chấp nhận được về bản chất con người. Nó mơ mộng một cách ngớ ngẩn về một tương lai mà ở đó mọi người sẽ hợp tác và thân thiện với nhau. Sự ganh đua, đố kỵ, bất bình đẳng, bạo lực, áp bức và cạnh tranh sẽ bị trục xuất ra khỏi trái đất. Thực ra khó có thể tìm thấy một từ nào trong các tác phẩm của Các Mác ủng hộ tuyên bố lạ kỳ đó, nhưng không có mấy người phê phán ông dám sẵn sàng bảo vệ lập luận của mình với các bằng chứng rõ ràng. Họ tin rằng, Các Mác đã tiên đoán một trạng thái phẩm hạnh của con người được gọi là chủ nghĩa cộng sản, mà thậm chí Thánh Gabriel cũng có thể gặp rắc rối khi sống theo nó. Khi tiên đoán điều đó, ông đã cố ý hoặc vô tình bỏ qua một thực trạng luôn bất mãn, không hoàn thiện và đầy khiếm khuyết được biết đến chính là bản chất của con người.

Một số người Mác-xít đáp lại sự cáo buộc này bằng cách tuyên bố rằng, nếu Các Mác coi nhẹ bản chất của con người thì đó là vì ông không tin vào khái niệm đó. Theo quan điểm này, khái niệm về bản chất con người đơn

giản là một cách giữ chúng ta có ý thức chính trị ở nơi chúng ta sống. Điều đó gợi ý rằng, loài người là những sinh vật nhu nhược, tham lam, vị kỷ; rằng, điều đó là không thay đổi theo suốt chiều dài lịch sử; và rằng, nó là hòn đá tảng mà không sức mạnh nào có thể lay chuyển. “Bạn không thể thay đổi bản chất con người” là một trong những lý do phản bác phổ biến nhất đối với những tư tưởng chính trị mang tính cách mạng. Ngược lại, một số nhà Mác-xít khẳng định rằng, không có điểm cốt yếu nào không thể thay đổi đối với loài người. Theo quan điểm của họ, chính lịch sử của chúng ta chứ không phải bản chất của chúng ta khiến chúng ta là chính chúng ta hiện tại và bởi vì lịch sử sẽ luôn thay đổi, chúng ta có thể biến đổi bản thân chúng ta bằng cách thay đổi điều kiện lịch sử của chúng ta.

Các Mác không hoàn toàn tán thành “chủ nghĩa lịch sử” này. Bằng chứng là ông thực sự tin vào bản chất con người, và điều đó là hoàn toàn đúng, như Norman Geras đã lập luận trong một cuốn sách nổi tiếng của mình[5]. Ông đã không coi bản chất con người lần át tầm quan trọng của cá nhân. Trái lại, ông cho rằng, đó là một nghịch lý trong bản chất phổ biến của chúng ta mà mỗi chúng ta trở thành một cá nhân duy nhất, không ai giống ai. Trong những tác phẩm đầu đời, Các Mác cho biết vì sao ông gọi con người là “loài người”, mà đó thực sự là một cách giải thích duy vật về bản chất con người. Do bản chất của cơ thể vật chất của chúng ta, chúng ta là những động vật nghèo khó, biết lao động, xã hội hóa, có giới tính, biết giao tiếp và biết tự biểu hiện, những động vật biết cần đến nhau để sinh tồn nhưng là những động vật biết đi tìm sự đáp ứng mà ở đó tình bạn còn cao hơn cả sự hữu ích về mặt xã hội của nó. Cho phép tôi trích dẫn một nhận xét trước đây của tôi: “Nếu một sinh vật khác về nguyên tắc có thể nói chuyện với chúng ta, cùng tham gia vào sự lao động vật chất với chúng ta, giao phối tình dục với chúng ta, tạo ra một cái gì đó ngờ ngợ giống nghệ thuật theo nghĩa là nó có vẻ khá vô nghĩa và nhạt nhẽo, khi đó chúng ta có thể suy luận từ những sự kiện sinh vật học này vô số những hệ quả đạo đức và thậm chí là chính trị”[6]. Trường hợp này, mà về kỹ thuật được gọi là nhân loại học triết học, hiện nay đã trở nên khá lạc hậu, nhưng đó là những gì Các Mác đã bảo vệ trong công trình đầu tay của ông, và không có lý do xứng đáng nào để tin rằng ông đã từ bỏ nó sau này.

Bởi vì, chúng ta là những sinh vật biết lao động, mong muốn và giao tiếp, chúng ta có thể biến đổi những điều kiện của chúng ta trong quá trình mà ta gọi là lịch sử. Khi làm được điều đó chúng ta đồng thời sẽ biến đổi chính mình. Nó khác, thay đổi không phải là mặt đối lập của bản chất con người; bởi vì chúng ta là loài sáng tạo, cởi mở và chưa hoàn thiện. Hay có thể nói thì đó không phải là những con chồn. Do bản chất cơ thể cụ thể của chúng, chồn không có lịch sử. Chồn cũng không có được chính trị, trừ

khi chúng không ngừng giấu giếm một cách xảo trá. Không có lý do gì để sợ rằng, một ngày nào đó chúng có thể cai trị chúng ta, ngay cả khi chúng có thể làm được những công việc tốt hơn cả những người lãnh đạo hiện nay của chúng ta. Như chúng ta biết, chúng không thể là những nhà dân chủ xã hội hay là những người theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Thế nhưng, loài người là những động vật chính trị theo đúng bản chất của mình – không phải bởi vì họ sống cộng đồng với nhau, mà vì họ cần một hệ thống nào đó để kiểm soát cuộc sống vật chất của họ. Họ cũng cần một hệ thống nào đó để kiểm soát cuộc sống tình dục của mình. Một lý do cho điều này là tình dục nếu không được kiểm soát sẽ trở nên quá lộn xộn về mặt xã hội. Lấy ví dụ, khát vọng cũng không khác một đặc trưng xã hội. Nhưng cũng có một lý do vì sao con người lại cần đến chính trị. Cách thức mà con người sản sinh ra sự tồn tại vật chất của mình đã dẫn tới bóc lột và bất bình đẳng, và cần có một hệ thống chính trị để kiểm soát những mâu thuẫn nảy sinh. Chúng ta cũng sẽ thấy những động vật con người có nhiều cách thể hiện tượng trưng khác nhau tất cả những điều này cho chính họ cho dù chúng ta gọi đó là nghệ thuật, thần thoại hay tư tưởng.

Với Các Mác, những bản chất cụ thể của chúng ta trang bị cho chúng ta những sức mạnh và khả năng nhất định. Chúng ta thể hiện tính người nhất khi được tự do thực hiện những sức mạnh đó như là một mục đích tự thân chứ không phải là một mục đích thuần túy mang tính vị lợi. Những sức mạnh và khả năng này luôn cụ thể về mặt lịch sử; nhưng chúng có một cơ sở nền tảng trong cơ thể của chúng ta và một số trong đó hầu như không thay đổi từ văn hóa loài người này sang văn hóa loài người khác. Hai cá thể ở hai nền văn hóa khác nhau không nói cùng một ngôn ngữ có thể dễ dàng hợp tác trong những công việc thực tiễn. Đó là vì cơ thể vật lý mà họ cùng có sẽ tạo ra một loạt những giả định, kỳ vọng và hiểu biết của chính cơ thể đó [7]. Mọi văn hóa loài người đều biết đau khổ và hạnh phúc, lao động và tình dục, tình bạn và thù hận, bóc lột và bất công, ốm đau và chết chóc, tình máu mủ và nghệ thuật. Đúng là nhiều khi họ biết những điều này theo những phong cách văn hóa rất khác nhau. Chết ở Madras không giống ở Manchester. Nhưng đằng nào chúng ta cũng chết. Chính Các Mác đã viết trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế-triết học năm 1844* rằng: “Cho nên con người, với tính cách là thực thể có đối tượng, có cảm giác, là một thực thể đang đau khổ; và vì thực thể đó cảm thấy sự khổ não của mình, cho nên nó là thực thể có dục vọng”. Ông viết trong tác phẩm *Tư bản*, sẽ là vấn đề đối với con người nếu cái chết của họ là quá sớm, cuộc sống của họ ngắn ngủi hơn mức họ cần do quá mệt nhọc, tai nạn, thương tích hay bệnh tật. Chủ nghĩa cộng sản có thể không phải lao động cực nhọc những cũng khó có thể tin rằng Các Mác tiên đoán một trật tự xã hội mà không có tai nạn, thương tích và bệnh tật, không khác

gì ông dự đoán người ta sẽ không chết.

Nếu chúng ta không có chung một nhân tính cơ bản giống nhau như vậy thì viễn cảnh của chủ nghĩa xã hội về sự hợp tác toàn cầu sẽ là vô nghĩa. Các Mác đã nói trong quyển I của bộ *Tư bản* “về bản chất con người nói chung và sau đó... được thay đổi trong mỗi giai đoạn lịch sử”. Có nhiều thứ về con người khó mà thay đổi trong suốt quá trình lịch sử - một sự thực mà chủ nghĩa hậu hiện đại hoặc là phủ nhận hoặc là bác bỏ như là một điều bình thường. Một phần bởi chủ nghĩa hậu hiện đại có định kiến phi lý về tự nhiên và sinh học; một phần khác do nó nghĩ rằng, tất cả những cuộc thảo luận về bản chất đều là cách phủ nhận thay đổi[8]; và một phần vì nó coi tất cả thay đổi là tích cực còn tính cố định là tiêu cực. Theo quan điểm cuối cùng này, chủ nghĩa hậu hiện đại đồng ý với những “nhà hiện đại hóa” tư bản chủ nghĩa ở khắp nơi. Sự thật – quá tầm thường để các trí thức phải đánh giá – là một số thay đổi rất thâm trọng và một số hình thức cố định lại hết sức đáng ao ước. Ví dụ, thật đáng tiếc nếu ngày mai tất cả vườn nho của người Pháp bị thiêu cháy, giống như thật buồn nếu một xã hội không có định kiến giới tính chỉ tồn tại trong ba tuần.

Những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội thường nói về áp bức, bất công và bóc lột. Nhưng nếu đây là tất cả những gì loài người từng biết đến, thì chúng ta sẽ không bao giờ có thể nhận biết được bản chất của chúng. Thay vào đó, đơn giản chúng sẽ giống như những điều kiện tự nhiên của chúng ta. Để hiểu được mối quan hệ bóc lột, bạn cần phải cần đến khái niệm bản chất con người để hiểu điều này. Thay vào đó bạn cần những nhân tố lịch sử. Nhưng rất hợp lý khi khẳng định rằng, có những đặc điểm của bản chất chúng ta làm tiêu chuẩn ở khía cạnh này. Ví dụ, loài người đều “bị dễ non”. Một thời gian dài sau khi sinh họ chưa thể tự lo liệu cho mình, và do đó, họ cần được chăm sóc thêm (một số nhà phân tích tâm lý tranh luận rằng, việc được chăm sóc thêm bất thường này sẽ phá hỏng tinh thần chúng ta sau này. Nếu những đứa trẻ có thể đứng dậy và tự đi từ khi còn nhỏ, thì người lớn sẽ bớt bị trầm cảm, không chỉ theo cái nghĩa là không còn những đứa bé hồn xược khóc lóc làm mất giấc của ta nữa). Ngay cả khi sự chăm sóc chúng nhận được là đáng sợ, trẻ con rất nhanh chóng tiếp thu khái niệm chăm sóc người khác là thế nào. Đây là một lý do vì sao mà sau đó chúng có thể nhận biết được cách sống thờ ơ một cách tàn nhẫn đối với nhu cầu con người. Theo nghĩa này, chúng ta có thể chuyển từ bị dễ non sang hoạt động chính trị.

Những nhu cầu rất quan trọng đối với sự tồn tại và sức khỏe của chúng ta, như được ăn, mặc, có nhà ở, kết bạn, không bị bắt làm nô lệ hay bị lạm dụng..., đóng vai trò cơ bản cho phê phán chính trị, theo cái nghĩa là bất cứ một xã hội nào không đáp ứng được đòi hỏi này rõ ràng là một xã hội không

ra gì. Dĩ nhiên, chúng ta có thể phản đối những xã hội như vậy trên cơ sở văn hóa và địa phương nhiều hơn. Nhưng nếu lập luận rằng, chúng vi phạm những đòi hỏi cơ bản nhất thuộc bản chất của chúng ta thì lại mang tính áp đặt nhiều hơn. Do đó, sẽ sai lầm khi cho rằng quan điểm về bản chất con người chỉ là một sự biện hộ cho việc giữ nguyên trạng. Và đó cũng là một thách thức lớn đối với bản chất con người.

Trong những tác phẩm đầu tay như *Bản thảo kinh tế-triết học năm 1844*, Các Mác đã giữ vững một quan điểm không hợp thời khi đó nói rằng cái cách mà chúng ta là những động vật cụ thể có thể cho chúng ta biết điều quan trọng về việc chúng ta nên sống như thế nào. Tức là bạn có thể rút ra một ý nghĩa nào đó từ cơ thể con người cho vấn đề đạo đức và chính trị. Nếu con người là những sinh vật tự phát triển thì chúng cần được tự do để đáp ứng những nhu cầu và thể hiện sức mạnh của mình. Nhưng nếu họ cũng là những động vật xã hội sống cùng với những loài tự biểu hiện khác thì họ cần đề phòng một sự va chạm không ngừng và mang tính hủy diệt giữa những sức mạnh này. Trên thực tế, đây là một trong những vấn đề khó giải quyết nhất của xã hội tự do, ở đó, các cá nhân được phép tự do nhưng là tự do trong sự bất bình của người khác. Trái lại, chủ nghĩa cộng sản tổ chức đời sống xã hội sao cho các cá nhân có khả năng hoàn thiện mình thông qua sự tự hoàn thiện của người khác. Như Các Mác đã phát biểu điều đó trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”. Theo nghĩa này, chủ nghĩa xã hội không đơn thuần phủ nhận xã hội tự do cùng với sự tận tâm nhiệt thành của nó đối với các cá nhân. Thay vào đó, nó xây dựng và hoàn thiện sự phát triển tự do. Để làm được điều đó, nó chỉ ra cách giải quyết một số mâu thuẫn của chủ nghĩa tự do mà ở đó quyền tự do của bạn chỉ có thể được phát huy bằng cách hạn chế quyền tự do của tôi. Chỉ thông qua người khác chúng ta mới có thể trở thành chính chúng ta. Điều này có nghĩa là làm phong phú quyền tự do của cá nhân chứ không phải là hạn chế nó. Thật khó có thể có được một đạo đức nào tốt hơn. Ở cấp độ cá nhân, cái đó được gọi là tình thân ái.

Cũng đáng nhấn mạnh đến quan tâm của Các Mác về cá nhân bởi vì nó trái ngược hoàn toàn với bức tranh biếm họa trong tác phẩm của ông. Theo quan điểm này, chủ nghĩa Mác toàn nói về tập thể chung chung chà đạp thô bạo lên đời sống cá nhân. Trên thực tế, không có gì là xa lạ đối với tư tưởng của Các Mác. Ta có thể nói rằng, sự phát triển của cá nhân là mục đích cao cả trong tư tưởng chính trị của ông, nếu chúng ta còn nhớ rằng, những cá nhân này phải tìm được một cách phát triển chung nào đó. Để khẳng định tính cá nhân, ông viết trong tác phẩm *Gia đình thần thánh*, là “biểu hiện vô cùng quan trọng sự tồn tại [của một người]”. Có thể khẳng định rằng, đây là

đạo lý xuyên suốt của Các Mác.

Có lý do chính đáng để nghi ngờ rằng, chưa bao giờ có được sự hòa hợp hoàn hảo giữa cá nhân và xã hội. Giác mơ về sự thống nhất hữu cơ giữa hai cái này là một sự tưởng tượng quá hào phóng. Luôn luôn có mâu thuẫn giữa sự đáp ứng của tôi với sự đáp ứng của bạn, hay giữa những cái đòi hỏi tôi là người công dân với những cái tôi tha thiết muốn làm. Những mâu thuẫn hiển nhiên này là một kiểu bi kịch, và chỉ có cái chết, đối lập với chủ nghĩa Mác, mới có thể giúp chúng ta thoát ra khỏi mâu thuẫn đó. Tuyên bố của Các Mác trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về quyền tự do phát triển của tất cả mọi người không bao giờ được thực hiện một cách đầy đủ. Giống như tất cả những ý tưởng tốt đẹp nhất, đó là một cái đích để hướng tới chứ không phải là một trạng thái có thể đạt được theo nghĩa đen. Các ý tưởng là biên chỉ đường, không phải là những thực thể hữu hình. Chúng chỉ cho chúng ta biết con đường sẽ đi. Những người nhạo báng các ý tưởng xã hội chủ nghĩa cần nhớ rằng, thị trường tự do cũng chưa bao giờ có được một cách hoàn hảo. Thế nhưng điều đó không ngăn cản những người ủng hộ thị trường tự do đi trên con đường của họ. Cái thực tế không có nền dân chủ tuyệt đối không khiến tất cả chúng ta phải miễn cưỡng chấp nhận bạo chúa. Chúng ta không từ bỏ những nỗ lực cứu giúp người nghèo đói trên thế giới bởi vì chúng ta biết một số họ sẽ chết nếu chúng ta không làm như vậy. Một số người tuyên bố chủ nghĩa xã hội không khả thi là những người tin rằng họ có thể xóa bỏ nghèo đói, giải quyết được khủng hoảng trái đất nóng lên, phổ biến dân chủ tự do Afghanistan và giải quyết các xung đột trên thế giới bằng các nghị quyết của Liên hợp quốc. Tất cả những nhiệm vụ khó khăn này đều có thể thực hiện được trong một phạm vi nào đó. Vì một lý do bí ẩn nào đó, chính chủ nghĩa xã hội lại ở ngoài tầm với.

Tuy nhiên, có thể dễ dàng đạt được mục tiêu của Các Mác nếu bạn không phải lúc nào cũng dựa vào một ai đó vĩ đại về mặt tinh thần. Chủ nghĩa xã hội không phải là một xã hội đòi hỏi những phẩm chất chói lọi ở những người công dân của mình. Điều đó không có nghĩa là chúng ta cần bao bọc lẫn nhau một cách quá sùng tín. Đó là vì những cơ chế cho phép đạt được mục tiêu của Các Mác trên thực tế được xây dựng thành những thể chế xã hội. Chúng không hoàn toàn dựa vào lòng tốt của cá nhân. Chẳng hạn như ý tưởng về một hợp tác xã tự quản mà Các Mác dường như coi là một đơn vị sản xuất quan trọng của tương lai xã hội chủ nghĩa. Sự đóng góp của một cá nhân cho một tổ chức như vậy cho phép có được một hình thức tự phát triển nào đấy, nhưng nó cũng đóng góp cho hạnh phúc của những người khác. Tôi không nhất thiết phải có tư tưởng nhân hậu với những người lao động đồng nghiệp với tôi, hay đắm mình với chủ nghĩa vị tha. Sự tự hoàn thiện của chính tôi sẽ giúp mọi người tự hoàn thiện nhờ có bản chất hợp tác, chia sẻ lợi

nhuận, bình quân chủ nghĩa và cùng nhau quản lý của tổ chức đó. Đây là một vấn đề mang tính cấu trúc chứ không phải vấn đề có tính chất cá nhân. Nó không đòi hỏi phải có một chủng tộc viên tướng người Cordelia.

Vì vậy, đối với một số mục tiêu xã hội chủ nghĩa, nếu tôi là loài sâu bọ dơ bẩn nhất miền Tây cũng không thành vấn đề gì. Theo cách đó, nếu tôi coi công việc một nhà hóa sinh làm cho công ty dược tư nhân là đóng góp lớn lao cho tiến bộ khoa học và sự phát triển của loài người cũng chẳng sao cả. Sự thật không thay đổi rằng nhiệm vụ chính là tạo ra lợi nhuận cho một đồng những tên cá mập vô liêm sỉ những người mà có thể bắt chính đứa con rút ruột để ra trả mười đô la cho một viên aspirin. Tôi cảm thấy như thế nào không quan trọng. Ý nghĩa công việc của tôi được quyết định bởi thể chế.

Người ta nghĩ rằng, bất kỳ một thể chế xã hội chủ nghĩa nào cũng có đầy đủ những kẻ cơ hội, xu nịnh, hồng hách, gian dối, lừa nhác, ăn trên ngồi chốc, ăn bám, và tâm thần. Chẳng có gì trong bài viết của Các Mác chỉ ra rằng, điều đó là không thể. Bên cạnh đó, nếu chủ nghĩa cộng sản là tất cả mọi người tham gia vào đời sống xã hội càng nhiều càng tốt, vậy thì, khi đó chúng ta thấy có nhiều mâu thuẫn hơn, vì ngày càng có nhiều cá nhân làm cùng một việc. Chủ nghĩa cộng sản không báo hiệu sự kết thúc cuộc đấu tranh của nhân loại. Chỉ có kết thúc theo nghĩa đen của lịch sử mới làm được điều đó. Sự đổ kỵ, xâm lược, thống trị, chiếm hữu và cạnh tranh sẽ vẫn tồn tại. Chỉ là chúng không thể ở dạng thức giống như dưới chế độ chủ nghĩa tư bản – không phải nhờ có những phẩm chất ưu việt của con người, mà bởi vì sự thay đổi của các thể chế.

Những khiếm khuyết này chắc chắn sẽ không phải là bóc lột lao động trẻ em, bạo lực thuộc địa, bất bình đẳng xã hội thô thiển và cạnh tranh kinh tế tàn khốc. Thay vào đó, chúng sẽ ở những dạng thức khác. Các xã hội bộ lạc có bạo lực, thù địch và thèm khát quyền lực, nhưng những thứ đó không thể dưới dạng chiến tranh đế quốc, cạnh tranh thị trường tự do hay thất nghiệp hàng loạt, bởi những thể chế như vậy không tồn tại với người Nuer hay người Dinka. Sẽ có những tên côn đồ, những kẻ bắt lương ở khắp mọi nơi, nhưng chỉ một vài kẻ trong số đó dám ăn cắp quỹ trợ cấp hay tung ra những tuyên truyền chính trị dối trá. Hầu hết bọn gang-xtơ không làm vậy. Thay vào đó, chúng tạm hài lòng với việc treo người ta trên móc thịt. Trong một xã hội xã hội chủ nghĩa, không ai dám làm vậy. Không phải vì họ quá thánh thiện, mà bởi không có quỹ trợ cấp riêng hay phương tiện truyền thông tư nhân. Những tên côn đồ của Shakespare phải tìm ra lối thoát cho sự độc ác của chúng nhưng không phải là phóng tên lửa vào trại tị nạn của người Palestin. Bạn không thể trở thành trùm công nghiệp hồng hách nếu chẳng có khu công nghiệp nào xung quanh. Thay vào đó, bạn chỉ cần tìm nô lệ, phụ tá

hoặc đồng nghiệp thời đồ đá mới của mình.

Bây giờ xét đến thực tiễn của nền dân chủ. Đúng là luôn có những kẻ ích kỷ kỳ quái luôn cố hãm dọa người khác, cũng như những kẻ cố đút lót hay nịnh bợ để có được quyền lực. Tuy nhiên, nền dân chủ là một bộ máy có cơ chế bảo vệ nội tại chống lại những hành vi như thế. Bắn những công cụ như “mỗi người một lá phiếu”, chế độ chủ tịch, sửa đổi bổ sung, trách nhiệm giải trình, các quy trình chuẩn, quyền của đại đa số... bạn sẽ làm mọi cách để đảm bảo rằng những kẻ hách dịch đó không thể thắng. Đôi khi những kẻ xấu xa này sẽ thành công bằng cách làm như vậy. Thậm chí chúng còn tìm cách mua chuộc toàn bộ quy trình. Nhưng có một quy trình được thiết chế vững chắc có nghĩa là chúng sẽ luôn luôn bị buộc phải phục tùng sự đồng thuận dân chủ. Như vậy, phẩm hạnh sẽ được xây dựng thành các nghi thức, chứ không để mặc cho thói đồng danh của tính cách cá nhân. Bạn không cần bắt mọi người phải dùng bạo lực để kết thúc chiến tranh. Bạn chỉ cần đàm phán, giảm trừ quân bị, các giải pháp hòa bình, giám sát... Điều này có thể khó khăn. Nhưng nó không khó bằng việc nuôi dưỡng một chủng người dễ dàng bị nôn mửa và bất tỉnh trước những dấu hiệu nhẹ nhất của sự xâm lược.

Vậy nên, Chủ nghĩa Mác không đưa ra lời hứa hẹn nào về sự hoàn hảo của con người. Nó thậm chí còn không đảm bảo việc thủ tiêu lao động nặng nhọc. Có vẻ như Các Mác tin rằng, một lượng công việc không vừa ý sẽ tiếp tục cần thiết kể cả khi đã sung túc. Lời nguyên của Adam sẽ còn tồn tại ngay trong vương quốc của sự thừa thãi. Điều mà chủ nghĩa Mác hứa hẹn là phải giải quyết những mâu thuẫn mà hiện đang ngăn không cho lịch sử theo đúng nghĩa diễn ra bình thường, một cách tự do và đa dạng.

Tuy nhiên, mục đích của chủ nghĩa Mác không chỉ là vật chất. Đối với Các Mác, chủ nghĩa cộng sản có nghĩa là chấm dứt sự khan hiếm, cùng với chấm dứt hầu hết lao động cưỡng ép. Nhưng sự tự do và nhàn rỗi mà chủ nghĩa cộng sản trao cho con người có thể tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển đầy đủ hơn đời sống tinh thần của họ. Như chúng ta đã thấy, đúng là sự phát triển vật chất và tinh thần không phải luôn song hành cùng nhau. Ta chỉ cần nhìn vào Keith Richards để nhận ra điều đó. Có rất nhiều thể loại giàu có về vật chất, báo hiệu sự chết chóc của tinh thần. Tuy nhiên, cũng đúng là không thể tự do làm những điều mình muốn nếu bạn đang bị thiếu đói, áp bức nặng nề hay ức chế tinh thần do cuộc sống lao động vất vả hết ngày này sang ngày khác. Những người theo chủ nghĩa duy vật không phủ nhận đời sống tinh thần, nhưng họ nhắc nhở chúng ta rằng việc đáp ứng nhu cầu tinh thần đòi hỏi những điều kiện vật chất nhất định. Những điều kiện này không đảm bảo đáp ứng mọi nhu cầu tinh thần, nhưng không thể đạt nếu thiếu chúng.

Loài người không phát triển rực rỡ nhất trong điều kiện khan hiếm, bất kể là sự khan hiếm tự nhiên hay nhân tạo. Những thiếu thốn như thế gây ra bạo lực, sợ hãi, tham lam, lo lắng, sở hữu, thống trị và sự phản kháng chết chóc. Vì vậy chúng ta có thể hy vọng rằng nếu con người được sống trong những điều kiện dư thừa về vật chất, thoát khỏi những áp lực méo mó, thì họ sẽ làm ăn có đạo đức hơn bây giờ. Khó có thể nói chắc chắn, vì chưa bao giờ chúng ta biết đến những điều kiện như thế. Đó là những điều Các Mác nghĩ khi ông tuyên bố trong cuốn *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* rằng toàn bộ lịch sử là đấu tranh giai cấp. Và thậm chí trong điều kiện sung túc cũng vẫn có rất nhiều điều làm chúng ta trở nên lo lắng, hung hăng và ích kỷ. Chúng ta không thể biến thành những thiên thần. Nhưng một vài nguyên nhân sâu xa cho sự suy đồi đạo đức đã bị loại bỏ. Trong phạm vi đó thì thực sự có lý khi khẳng định rằng xã hội cộng sản sẽ sản sinh ra những con người tốt đẹp hơn những gì chúng ta có bây giờ. Nhưng họ có thể vẫn có khiếm khuyết, hay xung đột, đôi khi là tàn bạo và hung ác.

Những kẻ hay chế nhạo không tin có một tiến bộ đạo đức như vậy cần xem xét sự khác biệt giữa việc hỏa thiêu thầy phù thủy và bắt buộc trả lương ngang bằng cho phụ nữ. Điều này không nói lên rằng chúng ta đã trở nên tinh tế, nhạy cảm và nhân đạo hơn thời Trung cổ. Trong phạm vi đó, chúng ta cũng nên xét đến sự khác nhau giữa cung tên và tên lửa đất đối không. Vấn đề không phải lịch sử nói chung đã có tiến bộ đạo đức. Đơn giản là chúng ta đã đạt được nhiều tiến bộ lớn. Thừa nhận sự thật này cũng đương nhiên giống như khẳng định rằng, chúng ta đã xấu xa đi ở một mặt nào đó so với thời Robin Hood. Không có đại luận thuyết nào về Tiến bộ, cũng như chẳng có câu chuyện cổ tích nào về Suy tàn.

Bất kỳ ai từng chứng kiến cảnh một đứa trẻ giật lấy đồ chơi từ tay của em nó với tiếng khóc thét “Của tao!” đều biết rõ sự kình địch và chiếm hữu đã thấm sâu bén rễ như thế nào vào tâm trí. Chúng ta đang nói đến văn hóa, tâm lý và thậm chí cả những thói quen tiến hóa đã ăn sâu, và sẽ không thay đổi được nếu chỉ sửa đổi một chút về thể chế. Nhưng thay đổi xã hội không phụ thuộc vào việc mọi người bất ngờ cách mạng hóa thái độ của mình. Hãy xem ví dụ về Bắc Ailen. Hòa bình không đến với vùng đất hỗn độn này bởi vì những người theo đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành cuối cùng cũng đã từ bỏ sự phản kháng hàng thế kỷ nay để hòa thuận với nhau. Không hề như vậy. Một vài người trong số họ sẽ còn tiếp tục thù ghét nhau cho đến sau này như chúng ta thấy. Thay đổi ý thức bề ngoài có vẻ chậm chạp về mặt địa chất. Tuy nhiên, theo một nghĩa nào đó điều này hoàn toàn không quan trọng. Điều quan trọng là đảm bảo được một thỏa thuận chính trị, được kiểm soát cẩn thận và tiến triển một cách khéo léo, trong bối cảnh toàn dân mệt mỏi vì ba

mười năm bạo lực.

Tuy nhiên, đó mới chỉ là một phần của câu chuyện. Sự thật là trong một khoảng thời gian dài, thay đổi thể chế đã thực sự có ảnh hưởng sâu sắc đến thái độ con người. Hầu như mọi lịch sử cải cách hình sự đạt được đến nay đều phải chịu đựng đủ cay đắng dưới thời của nó; nhưng hiện giờ chúng ta coi những thay đổi đó là đương nhiên đến nỗi mà ý kiến xử xa hình đối với những kẻ giết người có thể bị ghê tởm. Những cải cách như vậy đã bám chắc vào suy nghĩ của chúng ta. Điều gì thực sự làm biến đổi quan điểm của chúng ta về thế giới không quan trọng bằng những gì đã gắn chặt với thực tiễn xã hội hàng ngày. Nếu thay đổi thực tiễn ấy, mà làm được là cực kỳ khó khăn, rốt cục chúng ta có thể thay đổi cách nhìn của mình.

Đa số chúng ta không cần phải tự kìm nén thể hiện bản chất nơi đông người. Bởi vì có luật điều chỉnh điều đó, và bởi nó không được xã hội tán thành, do đó không làm vậy trở thành bản năng thứ hai của chúng ta. Điều này không phải là không ai trong chúng ta từng làm vậy, ít nhất ở các trung tâm thành phố khi những quán rượu vừa mới đóng cửa. Chỉ là chúng ta ít làm vậy hơn khi nó được coi như là đỉnh cao của sự thanh lịch. Lệnh của tòa án Anh bắt phải lái xe bên trái không gặp nhiều phản đối của những người dân Anh khát khao cháy bỏng được lái xe bên phải. Các thể chế định hình kinh nghiệm nội tại của chúng ta. Chúng là những công cụ của công tác giáo dục lại. Chúng ta bắt tay trong buổi gặp mặt đầu tiên một phần bởi đó là việc làm thông thường, nhưng cũng vì là tục lệ, nên ta cảm thấy thôi thúc cần làm vậy.

Sự thay đổi thói quen này cần một thời gian dài. Phải mất hàng thế kỷ để chủ nghĩa tư bản trừ tận gốc những cách thức suy nghĩ được thừa hưởng từ chế độ phong kiến, và một du khách bên ngoài Cung điện Buckingham có thể hoàn toàn nhận thấy rằng, một số vị trí quan trọng đã không được chú ý một cách bất cần. Ta sẽ hy vọng rằng, sẽ không phải mất quá lâu để sản sinh ra một trật tự xã hội mà ở đó trẻ em đang học lịch sử sẽ chào đón một cách hoài nghi trước thực tế rằng ngày xưa hàng triệu người đã bị chết đói trong khi một số người khác lại nuôi chó bằng trứng cá muối. Đối với họ, điều đó cũng xa lạ và khó chịu giống như hiện nay chúng ta nghĩ đến việc mổ bụng một người vì tội dị giáo.

Nói đến trẻ em sẽ đặt ra một vấn đề quan trọng. Rất nhiều trẻ em ngày nay là những người bảo vệ môi trường nhiệt thành. Chúng coi việc giết hại những con hải cẩu hay làm ô nhiễm bầu không khí là khủng khiếp và đáng ghê tởm. Một số trẻ em thậm chí còn thấy kinh sợ với việc vứt một mẫu rác. Điều này chủ yếu là nhờ có giáo dục – không chỉ chính thống mà còn cả sự ảnh hưởng của những hình thức suy nghĩ và cảm nghĩ mới về một thể hệ mà

ở đó những thói quen cảm nghĩ cũ đã ít bám chắc hơn. Không ai lập luận rằng điều này sẽ cứu được hành tinh. Đúng là có những trẻ em vui thích khi ném đá vào những người bán rong. Nhưng ngay cả vậy thì vẫn có bằng chứng cho thấy giáo dục có thể thay đổi thái độ và hình thành những kiểu hành vi mới như thế nào.

Bởi vậy, giáo dục chính trị là điều luôn luôn có thể làm được. Tại một hội nghị được tổ chức ở Anh vào đầu những năm 1970, người ta đã thảo luận về vấn đề liệu có những đặc điểm phổ quát nhất định của con người không. Một diễn giả nam đã đứng lên tuyên bố: “chúng ta đều có tinh hoàn”. Lập tức một người phụ nữ hét lên: “Làm gì có”. Chủ nghĩa nam nữ bình quyền ở Anh vẫn đang ở giai đoạn ban đầu của nó và nhận xét đó được hoan nghênh bởi rất nhiều người đàn ông trong khán phòng như là một sự lập dị. Thậm chí một người phụ nữ còn tỏ ra xấu hổ. Chỉ một vài năm sau đó, nếu một người đàn ông đưa ra một tuyên bố ngớ ngẩn như vậy thì anh ta có thể nhanh chóng trở thành ngoại lệ duy nhất với câu nói của mình.

Ở châu Âu thời Trung cổ và Cận đại, sự tham lam là xấu xa tồi tệ nhất. Từ đó cho đến khẩu hiệu của phố Wall “Tham lam là tốt!” đã dẫn đến một quá trình giáo dục lại diễn ra sâu rộng. Giáo dục lại ở đây không phải là nhờ có những nhà giáo hay là nhà sư phạm mà là bởi những thay đổi trong đời sống vật chất của chúng ta. Aristotle coi chế độ nô lệ là điều tự nhiên mặc dù một số triết gia cổ đại khác không đồng ý như vậy. Nhưng ông cũng nghĩ điều đó là trái ngược với bản chất của con người khi gắn sản xuất kinh tế với lợi nhuận mà điều này không hoàn toàn là ý kiến của Donald Trump (Aristotle đã phát biểu quan điểm này của mình với một lý do rất thú vị. Ông nghĩ rằng điều mà sau này Các Mác gọi là “giá trị trao đổi” - cách thức mà một hàng hóa có thể được đổi với thứ khác, thứ đó lại được đổi với cái khác nữa, và cứ như thế mãi – kéo theo một hình thức vô tận mà điều đó là xa lạ với bản chất sinh vật hữu hạn của con người). Có những nhà tư tưởng thời Trung cổ coi việc tìm kiếm lợi nhuận là điều phi tự nhiên bởi đối với họ bản chất của con người là bản chất phong kiến. Những người săn bắn hái lượm cũng có thể có cách nhìn nhận mông muội như vậy về khả năng có được một trật tự xã hội nào đó nhưng không phải của chính họ. Alan Greenspan, cựu chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã tin trong suốt sự nghiệp của ông rằng, cái gọi là thị trường tự do được bắt nguồn từ bản chất của con người, một tuyên bố cũng vô lý như khẳng định rằng, việc ngưỡng mộ Cliff Richard cũng bắt nguồn từ bản chất con người. Trên thực tế, thị trường tự do là một phát kiến lịch sử gần đây, và nó chỉ tồn tại trong một bộ phận nhỏ của hành tinh này trong một thời gian dài.

Tương tự, những người nói chủ nghĩa xã hội là trái ngược với bản chất

của con người cũng làm như vậy bởi theo cách nghĩ thiên cận của họ, họ đồng nhất bản chất đó với chủ nghĩa tư bản. Người Tuareg ở vùng trung sa mạc Sahara thực sự là những doanh nhân tư bản chủ nghĩa. Họ không thích một cái gì khác ngoài việc thành lập một ngân hàng đầu tư. Việc họ không hề có một khái niệm về ngân hàng đầu tư không quan trọng. Nhưng ta không thể mong chờ một điều gì đó mà ta không có khái niệm về nó. Tôi không hề mơ ước trở thành một nhà môi giới chứng khoán nếu tôi là nô lệ thời Athen cổ đại. Tôi có thể hết lòng cho lợi ích bản thân một cách tham lam, ích kỷ và mê muội. Nhưng tôi không thể là một nhà tư bản thực thụ chỉ vì tôi không khao khát trở thành một nhà giải phẫu thần kinh nếu tôi đang sống ở thế kỷ XI.

Trước đây, tôi đã khẳng định rằng, Các Mác vừa bi quan về quá khứ vừa lạc quan về tương lai một cách khác thường, đúng hơn là rất kỳ lạ. Có rất nhiều lý do cho điều này, nhưng đặc biệt một trong số đó có liên quan đến những vấn đề chúng ta đang nghiên cứu. Các Mác tỏ ra u buồn về phần lớn quá khứ bởi vì nó dường như lần lượt đại diện cho hết hình thức áp bức và bóc lột tồi tệ này đến hình thức khác. Theodor Adorno từng nhận xét rằng, những triết gia bi quan (ông ta muốn nhắc tới Freud chứ không phải Các Mác) phục vụ cho sự nghiệp giải phóng con người nhiều hơn là những nhà tư tưởng lạc quan nửa mùa. Đó là bởi vì họ đã chứng kiến sự bất công mà đang gào thét để được chuộc lỗi, nếu không chúng ta sẽ quên lãng chúng. Bằng việc gọi nhắc sự tồi tệ của mọi việc, họ thôi thúc chúng ta sửa chữa chúng. Chúng thúc giục ta làm mà không cần đến thuốc kích thích.

Tuy nhiên, nếu Các Mác cũng tiếp tục nuôi hy vọng về tương lai, đó là vì ông nhận ra rằng, những ghi chép ảm đạm này phần lớn không phải lỗi của chúng ta. Nếu lịch sử quá khát máu, thì đó không phải do nhiều người độc ác, mà bởi vì những áp lực cụ thể mà họ phải chịu đựng. Như vậy Các Mác có thể áp dụng một biện pháp hiện thực của quá khứ mà không cần ngừng phản đối chuyện hoang đường về trái tim con người. Và đây là một lý do vì sao ông có thể giữ được niềm tin trong tương lai. Chính chủ nghĩa duy vật đã cho ông niềm hy vọng đó. Nếu chiến tranh, đói kém và diệt chủng thực sự bắt nguồn từ một vài thói suy đồi không thay đổi của con người, thì chẳng có lý do nào để tin rằng tương lai sẽ tốt đẹp hơn. Tuy nhiên, nếu những điều này một phần là kết quả của hệ thống xã hội bất công, nơi mà đôi khi những cá nhân chỉ thực hiện chức năng của mình, thì có thể hy vọng rằng việc thay đổi hệ thống đó sẽ đem đến một thế giới tốt đẹp hơn. Trong khi đó, con ngáo ộp về sự hoàn mỹ có thể để mặc cho những thằng ngốc đang run sợ.

Điều này không chỉ ra rằng, con người trong xã hội có giai cấp có thể không bị truy xét vì hành động của mình, hay sự suy đồi cá nhân không đóng

vai trò gì trong chiến tranh và diệt chủng. Những công ty buộc hàng trăm hay thậm chí hàng nghìn công nhân rơi vào cuộc sống không công ăn việc làm chắc chắn là những công ty có lỗi nhiều nhất. Nhưng dường như không phải họ áp dụng những biện pháp như vậy xuất phát từ lòng căm ghét, ác tâm hay hiếu chiến. Họ tạo ra sự thất nghiệp bởi vì họ muốn bảo vệ lợi nhuận của mình trong một hệ thống cạnh tranh, họ sợ nếu không như vậy thì mình có thể bị tụt lại. Những người ra lệnh cho quân đội tham gia chiến tranh, nơi mà rốt cuộc sẽ thiêu chết cả những đứa trẻ, có thể lại là những người dễ bảo nhất. Thậm chí, chủ nghĩa phát xít Đức không chỉ là một thể chế chính trị độc hại; nó cũng dựa trên tính tàn bạo, đa nghi và lòng căm thù bệnh hoạn của những cá nhân được miêu tả chính xác là xấu xa. Nếu Hitler không độc ác thì sự phán xét chẳng có ý nghĩa gì. Nhưng bản chất xấu xa của họ sẽ chỉ đạt được những kết quả đáng kinh sợ bởi vì nó bị ràng buộc với hoạt động của một thể chế chính trị. Nó sẽ giống như bất nhân vật Iago của Shakespeare trông nom trại tù binh vậy.

Nếu thực sự có bản chất con người thì đó là những tin tốt lành, mặc kệ những người theo chủ nghĩa hậu hiện đại nghĩ gì. Bởi có một đặc điểm nhất quán trong bản chất, đó là sự phản kháng chống lại sự bất công. Đó là lý do vì sao sẽ ngu ngốc khi cho rằng bản chất con người luôn hoạt động theo tính chất bảo thủ. Khi khảo sát những ghi chép lịch sử, không khó để kết luận rằng đàn áp chính trị gần như luôn kích động các cuộc nổi loạn, cho dù bị khuất phục hay thất bại. Dường như có gì đó trong bản chất con người không ngoan ngoãn cúi đầu trước thói xấu láo của quyền lực. Đúng là, đế quốc chỉ thực sự thành công khi có được sự liên kết giữa các thuộc địa của nó. Tuy nhiên, bằng chứng cho thấy sự cấu kết này thường không hoàn chỉnh, mơ hồ và tạm thời. Những giai cấp thống trị nói chung thường được chấp nhận miễn cưỡng hơn là được ngưỡng mộ. Nếu bản chất của chúng ta hoàn toàn mang tính văn hóa, thì chẳng có lý do gì để những chế độ chính trị bất chúng ta phải chấp nhận uy quyền của họ mà không thắc mắc. Bởi vậy, họ thường thấy cực kỳ khó khăn khi đi tìm căn nguyên của sự phản kháng nằm ở đâu đó sâu hơn là văn hóa địa phương.

Vậy, Các Mác có phải là một triết gia không tưởng? Đúng, nếu theo nghĩa là ông vẽ ra một tương lai hoàn thiện hơn rất nhiều so với hiện tại. Ông tin vào tương lai sẽ không còn khan hiếm hàng hóa vật chất, sở hữu cá nhân, bóc lột, giai cấp xã hội và nhà nước như chúng ta biết. Thế nhưng, nhiều nhà tư tưởng khi nhìn vào những nguồn lực được tích lũy ở thế giới ngày nay sẽ biện minh cho việc thủ tiêu sự khan hiếm về nguyên tắc là hoàn toàn có thể, mặc dù rất khó để đạt được trong thực tiễn. Chính vấn đề về chính trị đang cản trở chúng ta.

Như ta đã biết, Các Mác cũng cho rằng, điều này sẽ dẫn đến sự giải phóng con người, sự phong phú tinh thần trên một phạm vi rộng lớn. Được giải phóng khỏi những ràng buộc cũ kỹ, con người có thể phát triển bản thân theo những cách mà trước kia là không khả thi đối với họ. Nhưng không có gì trong tác phẩm của Các Mác nói rằng, chúng ta sẽ đạt được một sự hoàn mỹ nào đó. Chính tình trạng sử dụng quyền tự do khiến con người có thể lạm dụng nó. Trên thực tế, không thể có tự do trên bất kỳ một phạm vi rộng lớn nào mà không có sự lạm dụng như vậy. Vì thế, có thể hiểu được khi tin rằng, trong xã hội cộng sản chủ nghĩa sẽ có rất nhiều vấn đề, mâu thuẫn và những bi kịch không thể bù đắp được. Sẽ có cả việc sát hại trẻ em, tai nạn giao thông, những cuốn tiểu thuyết đau thương, sự ghen tuông chết người, tham vọng quá cao, những bộ quần áo kệch cỡm và những nỗi đau buồn không thể nguôi ngoai. Sẽ có cả việc dọn dẹp nhà xí.

Chủ nghĩa cộng sản là để đáp ứng nhu cầu của tất cả mọi người, nhưng thậm chí trong xã hội sung túc, điều này vẫn cần được hạn chế. Như Norman Geras đã chỉ ra: “Nếu theo phương thức tự phát triển (dưới chế độ cộng sản chủ nghĩa) bạn cần một cây đàn vi-ô-lông và tôi cần một chiếc xe đạp đua thì điều này không thành vấn đề. Nhưng nếu tôi cần một khu vực cực kỳ rộng lớn, như nước Úc chẳng hạn, để đi lang thang khắp đảo hoặc sử dụng nó để không bị làm phiền bởi những người khác thì điều này là không hợp lý. Không có một sự sung túc nào có thể thỏa mãn nhu cầu của sự tự phát triển ở quy mô này... và cũng không khó gì khi nghĩ tới những nhu cầu ít quá đáng hơn nhưng kết quả cũng như nhau mà thôi”.

Như chúng ta đã thấy, Các Mác không coi tương lai là một sự suy đoán không có căn cứ mà là một phép ngoại suy khả thi từ hiện tại. Ông quan tâm không phải đến những ảo ảnh thi vị về hòa bình và tình đồng chí mà là đến tình trạng vật chất cho phép xuất hiện tương lai thực sự của loài người. Là một người theo chủ nghĩa duy vật, ông tỉnh táo trước những bản chất phức tạp, ngoan cố và chưa hoàn thiện của thực tế; và một thế giới như vậy không phù hợp với viễn cảnh về sự hoàn mỹ. Một thế giới hoàn hảo là nơi mà tính ngẫu nhiên bị thủ tiêu – tất cả những việc như va chạm ngẫu nhiên, các sự kiện may rủi và những thảm họa không đoán trước được hình thành nên cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Đó cũng có thể là thế giới mà chúng ta có thể đối xử công bằng với cả người chết và người sống, hủy bỏ tội ác và sửa chữa nỗi kinh hoàng của quá khứ. Không có xã hội nào như thế cả. Nó cũng không nhất thiết là cái đáng mong muốn. Một thế giới không có những vụ va chạm tàu hỏa cũng là thế giới không có khả năng chữa trị bệnh ung thư.

Không thể có một trật tự xã hội mà ở đó mọi người đều được hưởng công bằng. Lời phản nản rằng “chủ nghĩa xã hội sẽ khiến chúng ta như nhau” là

không có căn cứ. Các Mác không có mục đích như vậy. Ông là một kẻ thù cực đoan của sự đồng dạng. Trên thực tế, ông coi bình đẳng là một giá trị tư sản. Ông coi nó như là sự phản chiếu trong lĩnh vực chính trị của cái mà ông gọi là giá trị trao đổi, ở đó một hàng hóa được đánh giá ngang bằng về giá trị với hàng hóa khác. Ông đã từng nói rằng hàng hóa là “bình đẳng hiện thực”. Ông đã từng phát biểu về một hình thức chủ nghĩa cộng sản kéo theo sự cào bằng xã hội nói chung, và phản đối kịch liệt nó trong cuốn *Bản thảo kinh tế-triết học 1844* như là “sự phủ định trừu tượng đối với toàn bộ thế giới văn hóa và văn minh”. Các Mác cũng gắn khái niệm về bình đẳng với những gì ông coi là sự bình đẳng trừu tượng của dân chủ giai cấp trung lưu, mà ở đó, quyền bình đẳng chính thức của chúng ta với tư cách là người công dân và cử tri sẽ giúp che giấu sự bất bình đẳng về của cải và giai cấp. Trong cuốn *Phê phán cương lĩnh Gotha*, ông cũng phản đối ý tưởng về bình đẳng thu nhập, bởi mọi người có những nhu cầu rất khác nhau: một số làm nhiều việc trong môi trường bẩn thỉu và nguy hiểm hơn người khác, số khác lại phải nuôi nhiều con hơn...

Điều này không phải để nói rằng, ông bác bỏ ý kiến về bình đẳng. Các Mác không có thói quen viết một mạch các ý tưởng một cách dễ dàng vì chúng bắt nguồn từ tầng lớp trung lưu. Chẳng những từ chối quan niệm về xã hội giai cấp trung lưu, ông là người tiên phong dũng cảm cho những giá trị mang tính cách mạng về tự do, tự quyết và tự phát triển. Ông cho rằng, ngay cả sự bình đẳng trừu tượng cũng là một tiến bộ đáng hoan nghênh trong chế độ phong kiến. Đúng là ông cho rằng, những giá trị quý báu đó không có cơ hội được hoạt động cho tất cả mọi người chừng nào chủ nghĩa tư bản còn tồn tại. Mặc dù vậy, ông không ngần ngại khen ngợi giai cấp trung lưu là dạng thức cách mạng nhất mà lịch sử từng chứng kiến một thực tế mà những đối thủ thuộc tầng lớp trung lưu của ông thường bỏ qua. Có lẽ họ nghi ngờ rằng, việc được Các Mác khen ngợi là nụ hôn thần chết.

Theo quan điểm của Các Mác, cái khiến khái niệm về bình đẳng đang thịnh hành trở nên méo mó là vì nó quá trừu tượng. Nó không đủ chú ý đến tính cá thể của sự vật và con người – cái mà Các Mác gọi trong lĩnh vực kinh tế là “giá trị sử dụng”. Chính chủ nghĩa tư bản đã tiêu chuẩn hóa con người, chứ không phải chủ nghĩa xã hội. Đây là lý do vì sao Các Mác hơi dè dặt với khái niệm về quyền. Ông nhận xét, “Quyền, theo đúng bản chất thật của nó chỉ có thể nói chính xác là sự áp dụng một tiêu chuẩn bình đẳng; nhưng những cá thể bất bình đẳng (họ không phải là những cá nhân khác biệt nếu họ không bị bất bình đẳng) có thể được đo lường bằng một tiêu chuẩn bình đẳng chỉ trong phạm vi chúng được xây dựng bằng một quan điểm bình đẳng và được rút ra chỉ từ một bên xác định, chẳng hạn trong trường hợp hiện tại, chỉ được coi là người lao động và không phải ai khác cả, bỏ qua mọi thứ

khác”. Vậy thì điều này cũng rất đúng với Các Mác, người muốn đưa tất cả chúng ta về cùng một mức ngang bằng nhau. Điều này cũng rất đúng với Các Mác khi ông coi mọi người không phải ai khác ngoài là con người lao động. Bình đẳng đối với chủ nghĩa xã hội không có nghĩa là mọi người hoàn toàn như nhau – một tuyên bố hết sức vô lý. Ngay cả Các Mác cũng nhận xét rằng, ông thông minh hơn cả quận công Wellington. Điều đó không có nghĩa rằng, tất cả mọi người đều được hưởng của cải và nguồn lực đúng như nhau.

Bình đẳng thực sự không có nghĩa là đối xử như nhau đối với mọi người, mà là chăm sóc một cách bình đẳng đối với những nhu cầu khác nhau của tất cả mọi người. Đây chính là hình thức xã hội mà Các Mác mong muốn. Nhu cầu của con người không phải hoàn toàn tương đồng với nhau. Bạn không thể đo tất cả những nhu cầu đó bằng cùng một thước đo. Đối với Các Mác mọi người phải có quyền tự hoàn thiện như nhau, tham gia tích cực vào việc xây dựng đời sống xã hội. Những trở ngại bất bình đẳng bởi vậy sẽ được gỡ bỏ. Nhưng kết quả của điều này sẽ cho phép mỗi cá nhân phát triển chỉ khi họ là những cá nhân riêng biệt. Chủ nghĩa xã hội không phải là tất cả mọi người đều mặc cùng một bộ quần áo may sẵn. Chính chủ nghĩa tư bản tiêu dùng đã khoác những bộ đồng phục lên công dân của mình được biết đến là những bộ quần áo giày dép thể thao.

Theo quan điểm của Các Mác, chủ nghĩa xã hội bởi vậy sẽ hình thành nên một trật tự mang tính đa nguyên nhiều hơn là cái mà chúng ta đang có hiện giờ. Trong xã hội có giai cấp, quyền tự phát triển tự do của một số ít người có được với cái giá là kìm hãm sự phát triển của nhiều người. Những người sau đó sẽ chia sẻ phần lớn cùng một câu chuyện buồn tẻ. Chủ nghĩa cộng sản, chính xác bởi vì tất cả mọi người sẽ được khuyến khích phát triển những năng lực cá nhân của mình, sẽ là một thỏa thuận phổ biến, đa dạng và bất ngờ hơn. Nó sẽ giống một cuốn tiểu thuyết tân thời hơn là hiện thực. Những nhà phê bình Các Mác sẽ khinh miệt bảo đây chỉ là tưởng tượng. Nhưng họ không thể cùng một lúc than phiền rằng, cái trật tự xã hội được Các Mác lựa chọn rất giống với cái trật tự có trong cuốn *Năm 1984* của George Orwell.

Một dạng thức hiểm độc của chủ nghĩa không tưởng đã thực sự gây đau đớn thời hiện đại, nhưng đó không phải là chủ nghĩa Mác. Chính cái khái niệm điên rồ cho rằng, một hệ thống toàn cầu duy nhất được gọi là thị trường tự do mới có thể khai thác được những nền kinh tế và văn hóa đa dạng nhất đồng thời điều trị mọi khiếm khuyết của nó. Những người đề xướng ra những viễn cảnh chuyên chế này không phải đang che giấu những bộ mặt sợ hãi và giọng nói yếu ớt ở dưới những pháo đài trong hầm sâu giống như những nhân vật James Bond. Họ phải bị bắt gặp đang ăn tối ở những nhà

hàng sang trọng ở Washington và đang đi dạo ở những khu nhà giàu Sussex.

Câu trả lời của Theodor Adorno cho câu hỏi, liệu Các Mác có phải là một triết gia không tưởng chỉ là đúng hay sai mà thôi. Adorno viết, Các Mác là kẻ thù của không tưởng chính vì sự hiện thực của nó.

[1] Để có những nghiên cứu lý thú về ý nghĩa tích cực của quan điểm này, xin tham khảo Fredric Jameson, *Archaeologies of the Future*, London, 2005.

[2] “Hệ tư tưởng Đức”, tập 1, trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.1995, t.3, tr.53.

[3] “Nội chiến ở Pháp”, trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.1994, t.17, tr.455-456.

[4] Raymond Williams: *Văn hóa và xã hội – Culture and Society 1780-1950*, Harmondsworth, 1985, p.320.

[5] Norman Geras: *Mác với bản chất con người: Phản bác lại một huyền thoại (Marx and Human Nature: Refutation of a Legend)*, London, 1983.

[6] Terry Eagleton: *Những ảo tưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại (The Illusions of Postmodernism)*, Oxford, 1996, p.47.

[7] Xem thêm Len Doyal và Roger Harris: *Những nền tảng thực tiễn trong nhận thức của con người – (The Practical Foundations of Human Understanding)*, New Left Review, no.139 (May/Jun 1983).

[8] Để có lập luận phản bác lại, tham khảo Eagleton: *The Illusions of Postmodernism*.

CHƯƠNG 5

CHỦ NGHĨA MARX CHỈ SÙNG BÀI KINH TẾ?

PHẢN BÁC

Chủ nghĩa Mác quy mọi vấn đề về kinh tế. Chủ nghĩa Mác chỉ là một dạng của thuyết quyết định luận kinh tế. Tất cả các vấn đề về nghệ thuật, tôn giáo, chính trị, luật pháp, chiến tranh, đạo đức và sự biến đổi của lịch sử đều được nhìn nhận dưới những thuật ngữ thô thiển nhất, không nằm ngoài phản ánh của nền kinh tế hay xung đột giai cấp. Tính chất phức tạp thực sự của các vấn đề liên quan đến con người đã bị bỏ qua do một cách nhìn đơn sắc về lịch sử. Khi quan điểm của Các Mác bị chi phối bởi kinh tế như vậy, C. Mác trở thành một hình ảnh lộn ngược của hệ thống tư bản chủ nghĩa mà ông từng lên án. Tư tưởng của C. Mác chứa đầy mâu thuẫn với quan điểm đa nguyên về xã hội hiện đại, những xã hội nhận thức rõ rằng những kinh nghiệm lịch sử khác nhau không thể bị nhồi nhét trong một khuôn khổ cứng nhắc duy nhất.

BIỆN GIẢI

Về mặt nào đó, mọi thứ trên đời chung quy lại đều là vấn đề kinh tế thì cũng là hiển nhiên. Trong thực tế, rõ ràng không một ai hoài nghi về điều đó. Trước khi làm được điều gì, chúng ta cần phải ăn và uống trước đã. Chúng ta cũng cần quần áo mặc và nơi nương thân, cho dù chúng ta đang sống ở Sheffield chứ không phải là ở Samoa. C. Mác viết trong *Hệ tư tưởng Đức* rằng hoạt động mang tính lịch sử đầu tiên chính là sản xuất ra các phương tiện thỏa mãn nhu cầu vật chất của con người. Sau đó, con người ta mới học để chơi trò ban-giô, viết nên những vần thơ trữ tình hay trang hoàng những mái vòm. Cơ sở của văn hóa chính là lao động. Không có hoạt động sản xuất vật chất thì không thể có nền văn minh.

Tuy nhiên, chủ nghĩa Mác không chỉ dừng lại ở đó. Chủ nghĩa Mác khẳng định rằng, sản xuất vật chất là cơ sở nền tảng không chỉ theo nghĩa là sẽ không có nền văn minh nếu không có nó, mà sản xuất vật chất còn quyết định hoàn toàn bản chất của nền văn minh đó. Có sự khác nhau khi nói cây bút hay chiếc máy vi tính là không thể thiếu để viết một cuốn tiểu thuyết; và khi nói cây bút hay chiếc máy vi tính quyết định phần nào nội dung của cuốn tiểu thuyết. Cách nói thứ hai không rõ ràng tí nào, mặc dù cách nói Mác-xít

tương tự như vậy đã nhận được sự tán đồng của một số nhà tư tưởng chống Mác-xít. Triết gia John Gray, người phê phán Các Mác kịch liệt đã viết rằng: “trong các xã hội thị trường ... những hoạt động kinh tế không những được tách biệt với các hoạt động khác của đời sống xã hội, mà nó còn là điều kiện, và đôi khi chi phối toàn bộ xã hội”[\[1\]](#). Những gì Gray nói riêng cho xã hội thị trường, thì Các Mác cũng khái quát như vậy cho lịch sử nhân loại.

Những người chỉ trích Các Mác coi lời tuyên bố nào mạnh hơn trong hai cách nói đó là một hình thức giản lược hóa. Nó quy mọi vấn đề về cùng một nhân tố và điều này rõ ràng mang tính cố chấp. Có thể nào lịch sử nhân loại muôn màu muôn vẻ lại bị đóng khuôn đơn điệu theo cách đó? Chắc chắn có rất nhiều yếu tố tác động hiện hữu trong lịch sử, mà không bao giờ có thể rút lại thành một nguyên tắc duy nhất bất di bất dịch. Tuy nhiên, có thể đặt câu hỏi thuyết đa nguyên này đúng đến mức nào? Phải chăng không bao giờ có một nhân tố đơn nhất nào đó đóng một vai trò quan trọng hơn so với các nhân tố khác trong các hoàn cảnh lịch sử? Thật khó mà chấp nhận được nếu nói vậy. Ta có thể mãi tranh luận cho đến ngày Tận thế về những nguyên nhân dẫn đến cuộc cách mạng Pháp. Thế nhưng, không ai lại cho rằng, cuộc cách mạng xảy ra bởi những thay đổi sinh hóa trong não bộ của người Pháp do ăn quá nhiều pho mát. Chỉ có ít người tin vào số mệnh cho rằng nó xảy ra nhờ cung hoàng đạo. Ai cũng đồng ý rằng có những nhân tố lịch sử đóng vai trò quan trọng hơn so với những nhân tố khác. Điều đó không ngăn cản những người có suy nghĩ này trở thành những người theo thuyết đa nguyên, ít nhất là về một nghĩa nào đó của cụm từ này. Họ có lẽ vẫn thừa nhận rằng mọi sự kiện trong lịch sử trọng đại là kết quả của vô số yếu tố tác động. Chỉ có điều họ không dám nhận định là tất cả những yếu tố này có tầm quan trọng ngang nhau.

Ph. Ăgghen là một người theo thuyết đa nguyên theo đúng nghĩa này. Ông kịch liệt phản bác rằng ông và Các Mác từng có ý cho rằng kinh tế là yếu tố duy nhất quyết định tiến trình lịch sử. Ông cho đó là “một mệnh đề vô nghĩa, phi thực tế và điên rồ”[\[2\]](#). Sự thật thì không ai theo thuyết đa nguyên lại khẳng định rằng, trong một điều kiện nhất định, mọi yếu tố đóng vai trò như nhau. Ai cũng tin vào những trật tự thứ bậc nào đó cho dù là người cổ súy nhiệt thành nhất cho chủ nghĩa bình quân. Trên thực tế, hầu hết mọi người đều tin vào những thứ bậc tuyệt đối và bất di bất dịch. Khó mà tìm thấy ai có suy nghĩ rằng, cười cợt một người đang đói khát hay hơn là cho người đó ăn. Cũng chẳng có ai nói rằng, móng tay của vua Charles I dài hay ngắn là yếu tố quyết định hơn tôn giáo trong cuộc Nội chiến Anh. Có vô số lý do khiến tôi nhún đầu bạn xuống nước trong hai mươi phút (do thói tàn ác, do tò mò khoa học, do chiếc áo lè loét mà bạn đang mặc khiến tôi thất kinh,

một câu chuyện có thật chiều trong một bộ phim tài liệu cũ kỹ tẻ nhạt trên truyền hình). Nhưng có một lý do quan trọng hơn bất cứ lý do nào khác, ấy là để tôi được chạm tay vào những con ngựa đoạt giải mà bạn để lại cho tôi trong di chúc. Nếu vậy thì tại sao những sự kiện mang tính cộng đồng rộng lớn hơn lại không có những động cơ tương tự?

Một số người theo thuyết đa nguyên cũng đồng ý rằng những sự kiện như vậy có thể bắt nguồn từ một lý do có ưu thế nổi bật. Chỉ đơn giản là họ không nhìn ra được tại sao cùng một nguyên nhân nhưng lại chi phối trong mọi trường hợp. Rõ ràng cái gọi là lý thuyết kinh tế về lịch sử không thể chấp nhận ở chỗ nó quan niệm rằng, mọi thứ, ở bất cứ nơi nào, đều chịu tác động theo cùng một cách thức. Liệu điều đó muốn ám chỉ rằng lịch sử là một hiện tượng riêng lẻ, giống hệt như một chiếc đĩa tròn? Có thể ví von thế này, cơn đau đầu của tôi do mớ tóc giả theo kiểu cô đào Marilyn Monroe chặt cứng mà tôi cứ khăng khăng muốn đội trên đầu khi đi dự tiệc. Thế nhưng lịch sử không phải là một thứ đơn lẻ như cơn đau đầu. Như có người từng phàn nàn, lịch sử chỉ toàn những thứ vớ vẩn. Nó không có được tính hợp lý của một câu chuyện cổ tích, hay một bài văn trần thuật có kết cấu chặt chẽ. Không có được một ý nghĩ xuyên suốt chiều dài lịch sử.

Chúng ta cũng đã biết, hầu như không ai hình dung được rằng trong lịch sử không có khuôn mẫu nào dễ dàng nhận thức được. Cũng không có ai coi lịch sử chỉ đơn thuần là một đồng lõa xôn những hỗn loạn, ngẫu nhiên, tình cờ tiếp nối nhau, dù cho Friedrich Nietzsche và một trong những môn đồ của ông là Michel Foucault đã có lúc tiệm cận với quan điểm này. Đa số đều chấp nhận rằng, mặc dù phức tạp và khó nhận biết, có điều đó khiến cho lịch sử có một hình thức hỗn độn nào đó. Ví dụ, thật khó mà tin được rằng các quốc gia khác nhau bắt đầu thu tóm các thuộc địa tại một thời điểm nhất định của lịch sử vì những lý do không có liên quan gì đến nhau. Chẳng phải vô cớ mà những nô lệ châu Phi bị chở đến châu Mỹ. Chủ nghĩa phát xít nổi lên gần như cùng một lúc ở nhiều quốc gia khác nhau trong thế kỷ XX cũng không hẳn chỉ là bất chước lẫn nhau. Con người ta không phải bỗng dưng nhảy vào lửa một cách vô cớ. Có một khuôn mẫu chung nào đó về những người chắc chắn không tin như vậy trên khắp thế gian này.

Chắc chắn câu hỏi ở đây không phải là liệu trong lịch sử có những khuôn mẫu hay không, mà là liệu có một khuôn mẫu nổi bật hay không. Không thể tin vào vẻ trước nếu như không tin vào vẻ sau. Tại sao không phải chỉ là những tập hợp những hình mẫu đặt chồng lên nhau mà không bao giờ nhập vào một thể thống nhất? Làm thế quái nào một thứ đa dạng như lịch sử nhân loại lại có thể tạo nên một câu chuyện đơn giản? Việc khẳng định rằng lợi ích vật chất chính là động cơ chủ yếu trong toàn bộ quá trình từ thuở con

người sống trong hang động cho đến chủ nghĩa tư bản còn đáng tin hơn là niềm tin rằng sự ăn kiêng, chủ nghĩa vị tha, siêu nhân, môn nhảy sào hay sự giao hội của các hành tinh là động cơ chủ yếu. Tuy nhiên, không thể thỏa mãn với một câu trả lời đơn giản như vậy.

Nếu điều đó làm Các Mác thỏa mãn là bởi Các Mác quan niệm rằng lịch sử không hề đa dạng và muôn hình muôn vẻ như bề ngoài của nó. Lịch sử thậm chí còn là một câu chuyện kể đơn điệu hơn nhiều so với hình dung của mọi người. Thực ra cũng có một sự nhất quán trong đó, nhưng không phải là một dạng nhất quán mang lại cho ta sự thú vị giống như tác phẩm *Ngôi nhà hoang vắng* hay bộ phim *Giữa trưa đã có*. Phần lớn những nội dung kết nối sự thống nhất đó là sự khan hiếm, lao động nặng nhọc, bạo lực và bóc lột. Mặc dù những điều này tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng chính chúng đặt nền móng cho các nền văn minh trong lịch sử nhân loại. Chính sự tái diễn tối tăm ngu muội này đã khiến cho lịch sử nhân loại có thêm nhiều sự thống nhất ngoài mong đợi. Đáng tiếc ở đây quả thực có một đại luận thuyết. Như Theodor Adorno nhận xét: “Tất cả mọi thứ đều không ngừng vận động cho đến hôm nay – đôi khi dừng lại suy ngẫm – về mặt mục đích luận là nỗi thống khổ vô cùng”. Đại luận thuyết về lịch sử không phải là về tiến bộ, Lý trí hay Khai sáng. Đó còn là câu chuyện đau buồn, dẫn tới những lời sau đây của Adorno: “từ súng cao su đến bom nguyên tử”^[3].

Chúng ta có thể đồng ý bạo lực, lao động nặng nhọc, áp lực xuất hiện nhiều trong lịch sử nhân loại nhưng không cần phải chấp nhận rằng đó là cơ sở nền tảng của lịch sử nhân loại. Đối với những người theo chủ nghĩa Mác, một lý do lý giải vì sao các yếu tố nói trên có vị trí quan trọng bởi chúng gắn chặt với sự sinh tồn theo quy luật tự nhiên của con người. Chúng là những đặc trưng vĩnh cửu trong cách thức con người duy trì sự tồn tại vật chất của mình. Chúng không đơn giản là sự kiện ngẫu nhiên. Chúng ta không nói đến những hành vi tàn bạo hay xâm lược rải rác đâu đó. Nếu như những thứ này có sự cần thiết nào đó, thì đó là bởi chúng ta được đặt vào trong những cơ cấu mà ở đó chúng ta sản xuất và tái sản xuất đời sống vật chất của mình. Dù có vậy đi nữa thì cũng không một người theo chủ nghĩa Mác nào lại cho rằng, những yếu tố ảnh hưởng đó quyết định bản chất của mọi thứ. Bởi nếu thế, bệnh thương hàn, một tóc đuôi ngựa, cơn cười thất bại, đạo Sufism, bản nhạc Saint Mattherv Passion nổi tiếng của Bach, và sơn móng tay bằng thứ màu tím độc hại chẳng qua cũng chỉ là sự phản ánh của động cơ kinh tế. Bất kỳ cuộc chiến nào nếu không được tiến hành vì những động cơ kinh tế trực tiếp hay bất kỳ một tác phẩm nghệ thuật nào nếu không phản ánh được xung đột giai cấp đều không thể hiểu được.

Bản thân Các Mác dường như nhiều khi viết rằng, chính trị chẳng qua

chỉ là phản ánh của kinh tế. Tuy vậy Các Mác vẫn thường xuyên nghiên cứu tỉ mỉ những động lực xã hội, chính trị và quân sự đứng đằng sau những sự kiện lịch sử mà không đưa ra gợi ý nào dù bóng bẩy nhất rằng những động cơ ấy thực chất chỉ là sự biểu hiện bề ngoài của những động cơ mang mục đích kinh tế bên trong. Những lực lượng vật chất cũng có khi để lại dấu vết trực tiếp ở những vấn đề chính trị, nghệ thuật và cả trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, những ảnh hưởng của chúng thường mang tính lâu dài và kín đáo hơn. Có lúc ảnh hưởng này chỉ mang tính cục bộ nhưng cũng có những lúc không thể diễn tả được sự ảnh hưởng đó bằng những thuật ngữ như vậy. Vậy thì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có liên quan gì đến sở thích đeo ca-vát của riêng tôi? Nó quyết định thế nào đến thú vui giải trí bay bằng tàu lượn hoặc nghe nhạc blue?

Như vậy, giản hóa luận không hiện hữu ở đây. Chính trị, văn hóa, khoa học, tư tưởng và tồn tại xã hội không đơn giản chỉ là kinh tế học biến tướng, không khác gì một số nhà thần học vẫn tuyên bố rằng, tâm trí thực chất cũng chỉ là một dạng biến hình của não bộ. Chúng có những thực tế khách quan của riêng chúng, và vận động theo những logic tự thân của chúng. Chúng không đơn giản là sự phản ánh mờ nhạt của một cái khác. Hơn thế nữa, chúng còn quyết định bản chất của bản thân phương thức sản xuất. Mọi quan hệ giữa “cơ sở hạ tầng” kinh tế và “thượng tầng kiến trúc”, mà ta sẽ đề cập ở phần sau, không chỉ là mối quan hệ một chiều. Do đó, nếu ở đây ta không bàn một chút về thuyết quyết định luận cơ giới (mechanistic determinism), thì sự khẳng định sẽ là gì? Hay lại chỉ là một lời tuyên bố mờ nhạt, chung chung giống nhau như kiểu bất lực chính trị?

Lời khẳng định ở đây trước hết là một khẳng định mang tính phủ định. Chính cách thức con người sản xuất ra đời sống vật chất của mình sẽ đặt ra các giới hạn cho các thiết chế văn hóa, luật pháp, chính trị và xã hội mà con người tạo ra. Từ “quyết định” hiểu theo nghĩa đen có nghĩa là “đặt ra giới hạn”. Phương thức sản xuất không phải ra lệnh cho một loại hình chính trị, văn hóa hoặc một hệ thống tư tưởng. Chủ nghĩa tư bản không phải là sự nghiệp triết học của John Locke hoặc tiểu thuyết viễn tưởng của Jane Austen. Thay vào đó, chủ nghĩa tư bản là một bối cảnh mà ở đó hai tác giả được tỏa sáng. Cũng không phải là những phương thức sản xuất đã đẻ ra những tư tưởng hay những thiết kế đó để phục vụ cho đất nước của mình. Nếu điều đó là đúng, thì chủ nghĩa Mác sẽ trở thành cái không thể đạt được. Sẽ mãi là điều bí ẩn đối với nơi các rạp hát ngoài trời của những người vô chính phủ xuất hiện; hay làm thế nào mà Tom Paine viết nên một trong những cuốn sách bán chạy nhất mọi thời đại – một cuốn sách mang tính cách mạng có nhan đề *Quyền của con người* của ông ngay trong lòng một nhà

nước cảnh sát hà khắc như nước Anh hồi đó. Dù vậy, ta vẫn thấy ngạc nhiên khi khám phá rằng, nền văn hóa Anh chẳng có gì ngoài những người như Tom Paine và các nhóm kịch vô chính phủ. Hầu hết các tiểu thuyết gia, các học giả, các nhà quảng cáo, báo chí, giáo viên, các đài truyền hình không sản xuất ra những tác phẩm mang tính chất lật đổ tình trạng hiện thời. Điều đó quá hiển nhiên đến nỗi không làm cho chúng ta thấy có ý nghĩa gì. Quan điểm của Các Mác đơn giản nó không phải là ngẫu nhiên. Chính từ đây chúng ta có thể phát biểu một cách có hệ thống cho một phương diện tích cực hơn trong sự khẳng định của Các Mác. Nói tổng quát hơn, văn hóa, luật pháp và chính trị của xã hội có giai cấp gắn chặt với lợi ích của các giai cấp xã hội thống trị. Như Các Mác viết trong *Hệ tư tưởng Đức*: “Giai cấp nào là lực lượng vật chất thống trị trong xã hội thì đồng thời là lực lượng tinh thần thống trị xã hội ấy”.

Nếu tĩnh tâm suy nghĩ một chút thì hầu hết mọi người sẽ đồng ý rằng, sản xuất vật chất xuất hiện rất nhiều trong lịch sử loài người. Nó ngốn những nguồn tài nguyên vô tận về thời gian và sức lực, chôn ngòi cho các cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, chiếm đoạt số phận của rất nhiều con người từ khi sinh ra cho đến khi chết đi, và khiến cho không ít trong số đó phải đối đầu với vấn đề sinh tử. Thật ngạc nhiên nếu như sản xuất vật chất lại không để lại dấu vết nào trên các phương diện khác nhau của tồn tại nhân loại. Các thiết chế xã hội khác hấy mình bị cuốn vào quỹ đạo của nó. Sản xuất vật chất chi phối chính trị, pháp luật, văn hóa và tư tưởng bằng cách đòi hỏi rằng thay vì tự phát triển bản thân, chúng cần phải dành hết thời gian để hợp pháp hóa cái trật tự xã hội hiện hành. Lấy ví dụ về chủ nghĩa tư bản đương đại, trong đó dạng thức hàng hóa làm vấy bẩn lên mọi thứ, từ thể thao đến tình dục, từ làm thẻ nào để xoay sở được một chỗ tốt nơi thiên đường cho đến những tiếng chói tai của các phóng viên truyền hình Hoa Kỳ cố công lôi kéo sự chú ý sự chú ý của công chúng vì mục đích quảng cáo. Bằng chứng thuyết phục nhất đối với học thuyết lịch sử của Các Mác chính là xã hội tư bản gần đây. Có cảm tưởng rằng, càng ngày học thuyết lịch sử của Các Mác càng đúng với thực tế. Chính chủ nghĩa tư bản, chứ không phải là chủ nghĩa Mác, mới theo giản hóa luận kinh tế. Chỉ có chủ nghĩa tư bản mới tin vào sản xuất vì lợi ích của sản xuất; và tin vào nội hàm hẹp hơn của từ “sản xuất”.

Trái lại, Các Mác tin vào sản xuất là vì lợi ích của chính sản xuất theo một nội hàm rộng lớn hơn của từ này. Ông lập luận rằng, sự tự phát triển bản thân của con người cần được đánh giá là một mục đích tự thân của con người cần được đánh giá là một mục đích tự thân, thay vì quy nó là công cụ phục vụ cho một mục đích khác. Theo Các Mác điều này là không thể nếu vẫn bị chi phối bởi nội hàm hẹp hơn của sản xuất vì lợi ích của sản “xuất”; bởi lúc

đó hầu hết nguồn lực sáng tạo của con người sẽ dành để sản xuất ra các phương tiện sinh sống, thay vì làm đẹp thêm cuộc sống. Phần lớn nội dung của chủ nghĩa Mác có thể thấy trong sự tương phản giữa hai cách dùng của cụm từ “sản xuất vị sản xuất” này: một mang ý nghĩa kinh tế, và một mang ý nghĩa sáng tạo và thẩm mỹ. Vì không hề là một nhà giản hóa luận kinh tế nên Các Mác nghiêm khắc lên án việc đơn giản hóa hoạt động sản xuất của con người chỉ ở máy kéo và tuốc bin. Hoạt động sản xuất mà Các Mác quan tâm gần gũi với nghệ thuật hơn là chỉ có lắp ráp những chiếc radiô bán dẫn hoặc giết mổ cừu. Chúng ta sẽ quay lại chủ đề này sau.

Quả đúng là Các Mác luôn nhấn mạnh đến vai trò trung tâm của kinh tế (theo ý nghĩa hẹp của từ này) trong suốt lịch sử nhân loại cho đến ngày nay. Tuy thế, đây không phải là một niềm tin mà chỉ những người theo chủ nghĩa Mác mới có. Cicero đã phát biểu rằng, mục đích của nhà nước là bảo vệ quyền tư hữu. Học thuyết lịch sử “kinh tế” là rất phổ biến ở thời kỳ Khai sáng thế kỷ XVIII. Nhiều nhà tư tưởng thời Khai sáng nhìn nhận lịch sử là sự tiếp nối các phương thức sản xuất. Họ cũng tin rằng điều này có thể vận dụng để giải thích địa vị xã hội, lối sống, bất bình đẳng xã hội và các mối quan hệ trong gia đình và nhà nước. Adam Smith coi mỗi giai đoạn phát triển cụ thể trong lịch sử là để tạo ra những dạng thức luật pháp, sở hữu và nhà nước của chính giai đoạn đó. Jean-Jacques Rousseau cũng lập luận trong tác phẩm *Bàn về bất bình đẳng* rằng, sở hữu mang đến chiến tranh, bóc lột và xung đột giai cấp kể từ khi nó xuất hiện. Ông còn khẳng định rằng, cái gọi là khế ước xã hội thực chất cũng là một sự lừa gạt, bị vi phạm bởi chính kẻ giàu để bảo vệ đặc quyền, đặc lợi của chúng đối với người nghèo. Rousseau còn nói xã hội con người ngay từ đầu đã trói buộc kẻ yếu và trao quyền cho kẻ giàu - những quyền “hủy hoại tận gốc rễ những quyền tự do tự nhiên, thiết lập vĩnh viễn luật sở hữu và bất bình đẳng... và chỉ vì lợi ích của một nhóm nhỏ những kẻ tham vọng, kể từ đó bất nhân loại phải chìm trong thống khổ, nô lệ và khốn cùng”^[4]. Theo Rousseau thì luật pháp nói chung là ủng hộ kẻ mạnh, chống kẻ yếu; công lý chủ yếu đóng vai trò phương tiện của bạo lực và thống trị; còn văn hóa, khoa học, nghệ thuật và tôn giáo được sử dụng để bảo vệ và duy trì nguyên trạng, có chăng chỉ để tung cao “những vòng hoa” trên những gông cùm đang nhấn đầu con người cúi xuống. Rousseau khẳng định rằng, chính quyền sở hữu mới là căn nguyên gây ra tình trạng bất mãn của con người.

Nhà kinh tế học vĩ đại người Ailen thế kỷ XIX John Elliot Cairnes người từng quan niệm chủ nghĩa xã hội là “chồi cây sum sê của sự ngu dốt về kinh tế” và còn được coi là chính thống nhất trong tất cả các nhà kinh tế học cổ điển, nhận xét rằng, “lợi ích vật chất có tầm ảnh hưởng thật lớn, nó quyết

định ý kiến và hành vi chính trị của con người”[5]. Và trong Lời tựa cuốn *Quyền lực Nô lệ*, John Elliot Cairnes viết: “tiền trình lịch sử chủ yếu được định đoạt bởi hành vi xuất phát từ nguyên nhân kinh tế”. Một người đồng hương của ông W.E.H. Lecky, sử gia người Ailen vĩ đại nhất thời ấy đồng thời cũng là một người phản đối chủ nghĩa xã hội khét tiếng, đã viết rằng: “hầu như không có cái nào góp phần hình thành nên loại hình xã hội nhiều như các bộ luật quy định quyền kế thừa tài sản”[6]. Ngay cả Sigmund Freud cũng trung thành với một hình thức quyết định luận kinh tế nhất định. Ông cho rằng, nếu không tồn tại như cầu được lao động, con người chúng ta sẽ chỉ nằm ườn một chỗ suốt ngày, rồi tìm mọi cách nuông chiều nhu cầu thỏa mãn dục tính một cách không biết hổ thẹn. Nhờ quy luật kinh tế tất yếu, con người mới thoát ra khỏi thói biếng nhác cố hữu, để rồi được thúc đẩy tham gia vào các hoạt động xã hội.

Xin trích dẫn bình luận ít người biết sau đây của nhà duy vật lịch sử để làm ví dụ:

“Cư dân [của xã hội con người] phải trải qua những giai đoạn khác nhau, người đi săn, người chăn cừu, và người nông dân, đến khi tài sản trở nên đáng giá, hệ quả là tạo ra nguyên nhân gây bất công. Khi luật lệ được đặt ra để kìm chế thương tật và đảm bảo sự chiếm hữu, con người ta dưới sự bảo vệ của những luật lệ này, lại trở nên bị chiếm hữu bởi sự dư thừa vật chất, dẫn tới thói xa hoa và nhu cầu cung cấp không ngừng, và khi đó các ngành khoa học trở nên cần thiết và hữu ích, nhà nước sẽ không thể tồn tại nếu thiếu những thứ đó...”[7].

Đó không phải là những nhận xét của người theo chủ nghĩa Mác với lối tán tụng nhạt nhẽo cổ lỗ, mà chính là những suy ngẫm của nhà văn người Ailen thế kỷ XVIII là Oliver Oldsmith, một thanh viên đầy nhiệt huyết của Đảng Bảo thủ Anh. Nếu như dân tộc Ailen dường như có xu thế ủng hộ cái gọi là học thuyết lịch sử kinh tế, thì đó là vì cuộc sống rất khó khăn ở một thuộc địa nghèo xơ, nghèo xác, bị đô hộ bởi tầng lớp có ruộng đất người Ănglô – Ái Nhĩ Lan, và bỏ qua mọi vấn đề bức xúc đó. Ở Anh, do cấu trúc thượng tầng văn hóa phức tạp thời đó, nên các vấn đề kinh tế rõ ràng ít đau đớn hơn đôi với các thi sĩ và các sử gia. Nhưng ngày nay, rất nhiều người trong đó đã từng chối bỏ một cách đầy khinh thị học thuyết lịch sử của Các Mác sẽ hành xử trước toàn thế giới như thể lý thuyết ấy là đúng. Họ là các chủ ngân hàng, những cố vấn tài chính, quan chức bộ tài chính, tổng giám đốc các tập đoàn và những người tương tự. Tất cả những gì mà họ đang làm đều minh chứng cho lòng trung thành của họ dành cho ưu tiên kinh tế. Tất cả bọn họ, không trừ một ai, đều là những nhà Mác-xít tự nguyện.

Cũng cần phải nói thêm rằng, với một sự cân đối thú vị, “lý thuyết kinh tế của lịch sử” đã được ra đời ở Manchester, thành trì của chủ nghĩa tư bản công nghiệp. Ph.Ăngghen nhận xét, chính thời gian sống tại đây khiến ông lần đầu tiên ý thức được tính chất trung tâm của kinh tế. Do cha của ông, như chúng ta đã biết, sở hữu một nhà máy dệt, và chính cái nhà máy ấy đã nuôi nấng Ph.Ăngghen và Các Mác về sau này, thì sự hiểu biết sâu sắc này có thể được ươm mầm ngay trên quê hương của chính nó. Gia đình Ph.Ăngghen giàu có đã đóng vai trò hạ tầng cơ sở vật chất cho kiến trúc thượng tầng của Các Mác.

Khẳng định rằng, với Các Mác, tất cả mọi thứ đều do “kinh tế” quyết định sẽ là đơn giản hóa quá mức một cách ngớ ngẩn. Bởi theo Các Mác, cái hình thành nên lịch sử là đấu tranh giai cấp; mà giai cấp thì không thể quy gọn về các yếu tố kinh tế. Đúng là Các Mác coi giai cấp chủ yếu là nhóm người đứng cùng một vị trí trong một phương thức sản xuất. Tuy nhiên, điều quan trọng ở đây là chúng ta nói về các giai cấp xã hội chứ không phải là các giai cấp kinh tế. Các Mác đã viết về các mối quan hệ sản xuất “xã hội” và cũng bàn về cách mạng “xã hội”. Nếu các mối quan hệ xã hội của sản xuất có vị trí ưu tiên hơn so với lực lượng sản xuất, thì khó mà thấy rằng cái có tên là “kinh tế” trở thành động lực cơ bản của lịch sử.

Giai cấp không chỉ tồn tại trong các hầm mỏ và các văn phòng bảo hiểm. Giai cấp cũng là những tổ chức xã hội, những cộng đồng và rất nhiều các thực thể kinh tế nữa. Giai cấp bao hàm những tập tục, truyền thống, những thiết chế xã hội, tập hợp các giá trị và thói quen tư duy. Giai cấp còn là một hiện tượng chính trị. Thực tế thì, trong các tác phẩm của Các Mác đã có những gợi ý rằng, một giai cấp thiếu đại diện chính trị sẽ không còn là một giai cấp đúng nghĩa đầy đủ. Dường như theo Các Mác, giai cấp chỉ thực sự là giai cấp khi nó có ý thức về bản thân nó. Giai cấp còn bao hàm các quá trình luật pháp, xã hội, văn hóa, chính trị và tư tưởng. Trong các xã hội tiền tư bản chủ nghĩa, như Các Mác đã lập luận, chính những yếu tố phi kinh tế kể trên có tầm quan trọng đặc biệt. Giai cấp không giống nhau về hình thức, mà có rất nhiều sự phân chia bên trong và tính đa dạng.

Bên cạnh đó, như chúng ta sẽ sớm thấy, theo Các Mác, lao động liên quan đến nhiều thứ hơn là kinh tế. Lao động ở đây bao hàm trọn vẹn lĩnh vực nhân loại học, là một ngành khoa học nghiên cứu về tự nhiên, nhân tố con người (human agency), cơ thể và nhu cầu cơ thể, bản chất của các giác quan, các quan niệm về hợp tác xã hội và sự tự hoàn thiện cá nhân. Đây không phải là môn kinh tế học theo cách hiểu của tờ *Thời báo Phố Wall*. Cũng như độc giả sẽ chẳng đọc được gì nhiều về loài người trên tờ *Thời báo Tài chính*. Lao động còn bao hàm các vấn đề như giới, quan hệ máu mủ và

tình dục. Trước hết sẽ có câu hỏi là người lao động được tạo ra như thế nào, và người lao động được duy trì đời sống vật chất và bổ sung tinh thần ra sao? Sản xuất được tiến hành trong các dạng thức cụ thể của đời sống, và do đó chứa đựng nội dung xã hội phong phú. Bởi vì lao động luôn mang ý nghĩa quan trọng, và con người lại là loài động vật có ý nghĩa (theo nghĩa đen là biết biểu hiện), do đó lao động không bao giờ đơn thuần chỉ là một sự việc mang tính kỹ thuật hoặc vật chất. Ta có thể nhận thấy điều này là cách cầu Chúa, ngợi ca Tổ quốc, hay cách uống bia chùa. Nói tóm lại, kinh tế luôn bao hàm nhiều thứ hơn bản thân kinh tế. Nó không đơn giản là vấn đề thị trường phản ứng như thế nào. Khái niệm này còn liên quan đến cách thức ta trở thành con người như thế nào, chứ không chỉ cách thức làm thế nào chúng ta trở thành những nhà môi giới chứng khoán[8].

Do đó, giai cấp không đơn thuần mang tính kinh tế, không khác gì tình dục mang tính cá nhân. Trên thực tế không phải bất cứ cái gì cũng quy về kinh tế. Kể cả những đồng xu có thể được sưu tập và trưng bày trong tủ kính, để rồi được ngưỡng mộ vì những giá trị thẩm mỹ của nó, hay là bị nung chảy để lấy kim loại. Nói đến tiền là để hiểu được tại sao lại quy hết toàn bộ sự tồn tại của con người về kinh tế như thế, bởi vì điều đó đúng là những gì đồng tiền làm được. Đồng tiền thần kỳ biết bao, nhất là khi nó có thể cô đặc khả năng vô tận của con người vào trong phạm vi bé nhỏ của nó. Quả thật là trên đời này có nhiều thứ giá trị hơn tiền bạc, thế nhưng phải nhờ có tiền con người ta mới có thể sở hữu được những thứ đó. Có tiền, người ta mới đủ sự tự tin để tham gia vào các mối quan hệ với người khác mà không phải ngưng ngừng xấu hổ nếu chẳng may rơi vào cảnh đói khát bần hàn. Có tiền, người ta có thể mua được sự riêng tư, sức khỏe, giáo dục, sắc đẹp, vị trí trong xã hội, di chuyển dễ dàng, sự thoải mái, tự do, sự tôn trọng, và thỏa mãn nhu cầu các giác quan. Các Mác đã viết rất hay trong *Bản thảo kinh tế-triết học* về bản chất hay thay đổi, dễ biến dạng, thuật giả kim của đồng tiền, cách bạn có thể tiến hành trò ảo thuật làm xuất hiện đồng hàng hóa sang chói chỉ bằng những đồng tiền có hình thức thật tầm thường. Bản thân tiền chính là một hình thức giản hóa luận. Nó nhét cả vũ trụ vào đồng xu.

Nhưng ngay cả những đồng xu, như chúng ta biết, cũng không phải là kinh tế một cách thô thiển. Trên thực tế, “nền kinh tế” không bao giờ xuất hiện dưới dạng nguyên sơ cả. Những gì mà giới báo chí tài chính gọi là “nền kinh tế” thực ra là không có thật. Chắc chắn là chưa có ai mục sở thị nó. Đó là sự trừu tượng hóa từ một quá trình xã hội phức tạp. Chỉ có lối tư duy kinh tế chính thống mới có xu hướng bó hẹp nghĩa của khái niệm kinh tế. Trái lại, chủ nghĩa Mác quan niệm về sản xuất theo cách bao quát, phong phú nhất. Một lý do giải thích tại sao học thuyết lịch sử của Các Mác luôn đúng, đó là

hàng hóa hé lộ sự giàu có của con người. Vì vậy, con người ta đánh nhau đến chết chỉ vì đất đai, của cải, tiền bạc và vốn liếng. Không ai đánh giá kinh tế chỉ là kinh tế. Đó là vì sự tồn tại của con người bao bọc trong đó những khía cạnh khác nữa đóng vai trò vô cùng quan trọng trong lịch sử loài người.

Chủ nghĩa Mác thường bị buộc tội là một hình ảnh phản chiếu của những đối thủ chính trị. Cũng giống như chủ nghĩa tư bản quy nhân loại về Con người Kinh tế, thì đối thủ vĩ đại của nó cũng vậy. Chủ nghĩa tư bản thần thánh hóa sản xuất vật chất, và Các Mác cũng hoàn toàn như vậy. Tuy nhiên, ở đây đã có sự hiểu lầm quan niệm của Các Mác về sản xuất. Các Mác nhấn mạnh, hầu hết sản xuất đang diễn ra không phải là sản xuất đích thực. Theo quan điểm của ông, con người chỉ thực sự sản xuất khi họ tự do thực hiện và vì lợi ích của chính họ. Và điều này chỉ thực sự xảy ra trong chế độ cộng sản chủ nghĩa, nhưng đồng thời, chúng ta vẫn có thể thưởng thức sự sáng tạo ấy dưới hình thức sản xuất chuyên môn hóa mà chúng ta gọi là nghệ thuật. Các Mác viết: John Milton “tạo ra tác phẩm *Thiên đường đã mất* với cùng lý do như con tằm nhả kén. Đó là một hoạt động thuộc đúng bản chất của ông ta”^[9]. Nghệ thuật là một hình ảnh của lao động không bị tha hóa. Chính vì thế mà Các Mác từng mô tả là hình thành sự “trộn vện nghệ thuật” và được ông viết bằng văn phong gọt dũa kỹ càng (không giống rất nhiều học trò của ông sau này). Nhưng mỗi quan tâm về nghệ thuật của Các Mác không chỉ là lý thuyết Các Mác đã từng viết thơ tình, một cuốn tiểu thuyết hài dang dở, một đoạn kịch thơ và một bản thảo viết tay chưa công bố bản về nghệ thuật và tôn giáo. Các Mác còn dự định ra một tạp chí phê bình kịch nghệ và một chuyên luận về mỹ học. Các Mác có một kiến thức uyên thâm về văn học thế giới.

Lao động hiếm khi có một hình thức hoàn chỉnh. Một mặt lao động thường mang tính ép buộc đó chỉ đơn giản là nhu cầu không bị chết đói. Mặt khác, lao động diễn ra trong xã hội có giai cấp, và do đó, nó không chỉ là một mục đích tự thân mà còn là một phương tiện phục vụ cho quyền lực và lợi ích của kẻ khác. Với Các Mác, cũng như với bậc thầy Aristotle của ông, một cuộc sống tốt đẹp là cuộc sống được tham gia vào những hoạt động vì lợi ích của những hoạt động đó. Những điều tốt đẹp nhất chỉ có được khi không nhằm mục đích gì cả. Chúng ta thực hiện những điều ấy chỉ đơn giản là để đáp ứng bản năng của chúng ta, chứ những điều ấy chỉ đơn giản để đáp ứng bản năng của chúng ta, chứ không phải vì nghĩa vụ, truyền thống, tình cảm, uy quyền, nhu cầu vật chất, lợi ích xã hội hay là vì sợ Đấng toàn năng. Chẳng hạn, chúng ta không có lý do gì khi chúng ta vui thú trong mối quan hệ bạn bè. Tuy nhiên, khi chúng ta làm như vậy, chúng ta đang thực hiện một khả năng vô cùng quan trọng trong “giống loài” chúng ta. Và theo quan

niệm của Các Mác, đây là một dạng thức sản xuất có ý nghĩa giống ý như trồng khoai tây. Tình đoàn kết của con người là yếu tố căn bản cho sự thay đổi chính trị; nhưng cuối cùng nó phải phục vụ cho lẽ phải của chính nó. Đoạn trích cảm động sau đây từ *Bản thảo kinh tế-triết học* sẽ giúp thấy rõ hơn điều này: “Khi những người thợ thủ công cộng sản chủ nghĩa đoàn kết lại với nhau thì đối với họ mục đích trước hết là giáo dục, tuyên truyền... Nhưng đồng thời do đó ở họ nảy sinh nhu cầu mới, nhu cầu giao tiếp, và cải biến hiện ra là phương tiện lại trở thành mục đích... Ở đây hút thuốc, ăn uống... đã không còn là phương tiện để kết hợp người ta lại với nhau, đã không còn là phương tiện liên kết nữa. Đối với họ sự giao tiếp, sự liên hợp thành hội, cuộc nói chuyện vẫn lại nhằm mục đích giao tiếp với nhau cũng đủ rồi; trên miệng họ tình hữu ái của con người không phải là một câu nói mà là một sự thật, và từ bộ mặt thô ráp đi vì lao động của họ tỏa đến chúng ta sự cao quý của con người^[10]”.

Do đó, đối với Các Mác, sản xuất có nghĩa là thực hiện khả năng của con người thông qua hoạt động biến đổi thực tại. Ông khẳng định trong tác phẩm *Grundrisse*, sự thịnh vượng đúng nghĩa là, “sự phát huy tuyệt đối những tiềm lực sáng tạo của con người... nghĩa là sự phát triển của tất cả mọi khả năng con người với tư cách là một mục đích tự thân, chứ không phải được tính bằng thước đo đã định sẵn từ trước”. Các Mác viết trong bộ *Tư bản*, vượt lên trên lịch sử giai cấp, “sự phát triển tiềm lực của con người như là mục đích tự thân đó có thể bắt đầu một phạm vi thực sự”. Từ “sản xuất” trong các tác phẩm của Các Mác bao hàm mọi hoạt động hoàn thành ước mong của chính mình. Đó có thể là hoạt động thổi sáo, thưởng thức một trái đào, tranh cãi về Plato, nhảy một điệu vũ, đọc một bài diễn văn, tham dự chính trị, hay tổ chức một bữa tiệc sinh nhật cho con. Sản xuất không phải là vận động cơ bắp, không phải để điều võ giương oai. Khi Các Mác bàn về sản xuất với tư cách là bản chất của loài người, ông không có ý rằng, bản chất của loài người là làm xúc xích. Lao động theo như cách ta nghĩ thông thường là một dạng thức khác hẳn (tha hóa) với những gì mà ông ta gọi “Praxis” (thói quen), một từ tiếng Hy Lạp cổ, để chỉ một hoạt động tự do, phát huy năng lực sáng tạo của con người từ đó làm thay đổi thế giới. Trong thời Hy Lạp cổ đại, từ này còn có nghĩa là hành động của một người tự do, đối lập với nô lệ.

Thế nhưng, chỉ có kinh tế theo nghĩa hẹp mới cho phép chúng ta vượt lên trên kinh tế. Bằng cách cân đối lại các nguồn lực mà chủ nghĩa tư bản đã có ý tứ tạo ra cho chúng ta, thì chủ nghĩa xã hội mới có thể làm cho kinh tế đứng ở một vị trí thứ yếu hơn. Kinh tế sẽ không biến mất, nhưng nó sẽ không là thứ gây phiền nhiễu nữa. Tận hưởng sự dồi dào sẵn có của hàng

hóa vật chất không có nghĩa là lúc nào cũng phải bận tâm suy nghĩ về tiền bạc. Nó giải phóng chúng ta ra khỏi những đeo đuổi tẻ ngắt. Thay vì bị ám ảnh bởi những vấn đề kinh tế, Các Mác mong muốn một xã hội mà ở đó kinh tế không còn độc chiếm nhiều thời gian và sức lực như vậy nữa.

Chúng ta cần hiểu tổ tiên chúng ta đã phải bận tâm với vấn đề vật chất đến thế. Bởi nếu chỉ sản xuất được một chút thặng dư, hoặc chẳng có chút thặng dư nào, thì ở đó con người sẽ bị diệt vong cho dù là lao động cực không nghỉ. Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản lại tạo ra một thặng dư có thể đem sử dụng để tăng sự nghỉ ngơi lên đáng kể. Điều mỉa mai là ở chỗ, chủ nghĩa tư bản tạo ra một sự giàu có này theo một cách thức luôn đòi hỏi tích lũy và mở rộng không ngừng. Nó cũng tạo ra chính nó theo những cách thức tạo ra đói nghèo và cực khổ. Chủ nghĩa tư bản là một hệ thống tự cản trở chính mình. Do đó, con người hiện đại ngày nay được bao bọc trong sung túc khó hình dung đối với người săn bắt hái lượm, người nô lệ cổ đại, hay người nông nô xưa kia kết cục lại phải lao động cực nhọc và không ngừng nghỉ như các vị tổ tiên của mình xưa kia.

Tác phẩm của Các Mác luôn bàn về sự hưởng thụ của con người. Các Mác quan niệm một cuộc sống tốt đẹp không phải là cuộc sống lao động mà là nghỉ ngơi. Cụ thể là, tự thực hiện bản ngã của mình (self-realization) một cách tự do chính là một dạng thức “sản xuất”, nhưng đó không phải thứ mang tính ép buộc. Và niềm vui là cần thiết, nhất là khi con người dành thời gian để giải quyết những công việc của chính mình. Bởi vậy sẽ là ngạc nhiên nếu chủ nghĩa Mác không hấp dẫn những kẻ ăn không ngồi rồi và những kẻ rong chơi chuyên nghiệp. Tuy nhiên, đó là vì muốn đạt được mục đích này, cần phải dành nhiều sức lực cho nó. Nghỉ ngơi là cái mà mỗi người phải lao động vì nó.

ĐINH XUÂN HÀ và PHƯƠNG SƠN dịch

[1] John Gray: *False Dawn: The Delusions of Global Capitalism*, London, 2002, p.12.

[2] Marx and Engels: *Những bức thư chọn lọc (Selected Correspondence)*, Moscow, 1965, p.417.

[3] Theodor W. Adorno: *Phép biện chứng tiêu cực (Negative Dialectics)*, London, 1966, p.320.

[4] Jean-Jacques Rousseau: *Bàn về bất bình đẳng (A Discourse on Inequality)*, London, 1984, p.122.

[5] John Elliot Cairnes: *Mr Comte and Political Economy*, Fortnightly Review (May 1870).

[6] W.E.H.Leckey: *Những bài luận lịch sử và chính trị (Political and Historical Essays)*, London, 1908, p.11.

[7] Arthur Friedman (Chủ biên): *Tuyển tập tác phẩm của Oliver Goldsmith – Collected Works of Oliver Goldsmith*, Oxford, 1966, vol.2, p.338.

[8] Để có thảo luận thuyết phục hơn về điểm này, xem Peter Osborne: *Marx*, London, 2005, Ch.3.

[9] Marx: *Những học thuyết về giá trị thặng dư (Theories of Surplus Value)*, London, 1972, p.202.

[10] “Bản thảo kinh tế-triết học năm 1844”, trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2000, t.42, tr.195.

CHƯƠNG 6

MARX VÔ THẦN NÊN KHÔNG QUAN TÂM ĐẾN KHÍA CẠNH TINH THẦN CỦA CON NGƯỜI?

PHẢN BÁC:

Các Mác là một nhà duy vật. Ông tin rằng không có gì tồn tại mà không có ý nghĩa. Ông không quan tâm đến các khía cạnh tinh thần của con người, và coi ý thức của con người chỉ là sự phản ánh của thế giới vật chất. Các Mác thô lỗ một cách tàn bạo với tôn giáo, và cho rằng đạo đức chẳng qua là vấn đề mục đích biện minh cho phương tiện. Chủ nghĩa Mác làm cạn kiệt hết tất cả những gì quý giá nhất thuộc về con người, thu gọn chúng ta thành mớ lộn nhốn vật chất bị chi phối bởi ngoại cảnh của chúng ta. Từ viễn cảnh ảm đạm thô lương về con người này, chắc chắn là con đường dẫn tới sự tàn bạo của Stalin và những môn đồ khác nữa của Mác.

BIỆN GIẢI:

Thế giới được cấu tạo bằng vật chất, tinh thần hay bằng pho mát xanh đều không phải là một vấn đề khiến Các Mác phải hao tâm tổn trí. Các Mác luôn tỏ thái độ khinh miệt những thứ trừu tượng siêu hình như vậy, và thường nhanh chóng tìm cách kết kiểu những suy đoán tư biện không đầu ấy. Là một trong những bộ óc vĩ đại nhất thời hiện đại, Các Mác đặc biệt dị ứng với những ý tưởng ngông cuồng. Những người coi ông là một nhà lý luận lạnh lùng đều quên mất một điều rằng, Các Mác là một nhà tư tưởng lãng mạn, luôn cảnh giác trước những gì trừu tượng đồng thời say sưa không dứt với những gì cụ thể, rõ ràng. Đối với Các Mác, những thứ trừu tượng thật tầm thường và không đáng được đề cao; chính những gì cụ thể mới phong phú và phức tạp. Cho dù chủ nghĩa duy vật đối với Các Mác có ý nghĩa là gì đi nữa, thì nó cũng không xoay quanh vấn đề thế giới này được tạo nên bởi cái gì.

Điều này, cùng với một số thứ khác nữa, rất có ý nghĩa đối với những nhà triết học duy vật thời kỳ Khai sáng ở thế kỷ XVIII, mà một số người trong số họ quan niệm con người chỉ đóng chức năng cơ học thuần túy của thế giới vật chất. Thế nhưng, Các Mác coi lối tư duy này hoàn toàn mang tính lý thuyết suông. Một mặt, nó quy con người về một hoàn cảnh thụ động.

Theo đó, trí tuệ con người chỉ là những tờ giấy trắng, ghi chép lại những ấn tượng có được nhờ giác quan về thế giới vật chất bên ngoài. Từ ấn tượng thu nhận được ấy, con người mới hình thành tư tưởng. Do đó, nếu những ấn tượng này được điều khiển để tạo ra những tư tưởng "đúng đắn" nào đó, thì nhân loại đã có thể vững vàng tiến tới một trạng thái xã hội hoàn hảo. Đây không phải là sự ngây thơ về mặt chính trị. Những tư tưởng đó là của một trong những tư tưởng xuất sắc xuất thân từ tầng lớp trung lưu, người đã bảo vệ nhiệt thành cho chủ nghĩa cá nhân, bảo vệ tư hữu, thị trường tự do, cũng như công lý, tự do và nhân quyền. Và thông qua quá trình thay đổi tư duy này, họ hy vọng một cách mãnh liệt sẽ ảnh hưởng đến hành vi của những người bình thường. Khó có thể tin rằng, Các Mác tán thành chủ nghĩa duy vật kiểu này.

Nhưng đó không phải là tất cả nội dung của triết học duy vật trước khi Các Mác nắm vững nó. Tuy nhiên, ở góc độ này hay góc độ khác, Các Mác coi đó là một hình thức tư duy có liên hệ chặt chẽ với vận mệnh của giai cấp trung lưu. Dấu ấn riêng của ông với chủ nghĩa duy vật, như được phát triển trong *Luận cương về Feuerbach* và một số tác phẩm khác, là hoàn toàn khác; và Các Mác nhận thức rõ điều này. Ông cũng biết rõ rằng, ông đã đoạn tuyệt với hình thức chủ nghĩa duy vật kiểu cũ và đang thiết lập một là cái hoàn toàn mới. Với Các Mác, chủ nghĩa duy vật có nghĩa là bắt đầu từ những gì thuộc về loài người, chứ không phải từ những ý tưởng mờ nhạt mà chúng ta khao khát. Trước hết, chúng ta một loài có thể xác, có nhu cầu vật chất và đầu óc thực tế. Những cái khác mà chúng ta đang có, hoặc sẽ có, phải xuất phát từ thực tế cơ bản đó.

Bằng một bước đi đổi mới theo quan điểm thể xác, Các Mác phản đối chủ thể con người thụ động trong chủ nghĩa duy vật của giai cấp trung lưu và đặt con người vào vị trí chủ động. Mọi triết học đều phải xuất phát từ tiền đề rằng, dù có là gì thì con người trước hết phải là những tác nhân. Chúng là những sinh vật biết biến đổi chính mình bằng cách biến đổi hoàn cảnh vật chất xung quanh. Chúng không phải là những con tốt của Lịch sử, hay của Vật chất, hay của tinh thần mà là những sinh vật biết chủ động, tự quyết, và có khả năng tạo ra lịch sử của chính mình. Điều này có ý nghĩa là chủ nghĩa duy vật Mác-xít là một chủ nghĩa duy vật dân chủ, trái ngược với chủ nghĩa tinh hoa trí thức thời kỳ Khai sáng. Chỉ thông qua những hoạt động thực tiễn chung của một số đông người, thì những ý niệm chi phối đời sống chúng ta mới thực sự thay đổi. Bởi vì những ý niệm này đã ăn sâu bám rễ vào hành vi thực tiễn của chúng ta.

Theo nghĩa này, Các Mác là một phản triết gia hơn là một triết gia. Thực vậy, Etienne Balibar còn nói ông "có lẽ là một phản triết gia vĩ đại nhất của

thời hiện đại"[1]. Phản triết gia là những người hoài nghi với triết học, không phải theo kiểu của diễn viên điện ảnh Brad Pitt mà luôn bị kích thích vì những lý những lý do thú vị về mặt triết học. Họ thường đi đến những quan điểm nghi ngờ các quan niệm, và mặc dù họ gần như hoàn toàn có lý nhưng họ thường không tin rằng mọi thứ đều phải có lý do. Phoiơbắc, mà Các Mác học được phần nào từ chủ nghĩa duy vật của ông, viết rằng mọi triết học đáng tin cậy đều phải bắt đầu bằng cái đối lập, cái phi triết học của nó. Ông nhận xét, một nhà triết học phải thừa nhận "những cái trong con người không lý giải được về mặt triết học, những cái đối lập với triết học và tư duy trừu tượng"[2]. Ông cũng nhận xét rằng: "chính con người mới tư duy chủ nghĩa không phải là Bản ngã hay Lý trí"[3]. Như Alfred Schmidt nhận xét: "hiểu con người với tư cách là một sinh vật có nhu cầu, có cảm giác, có sinh lý là điều kiện tiên quyết cho mọi lý luận về tính chủ thể"[4]. Nói cách khác, ý thức của con người là cụ thể, nhưng như thế không phải nói rằng ý thức không có gì khác với thể xác. Trái lại, ý thức là dấu hiệu cho biết thể xác theo nghĩa nào đó, là luôn chưa hoàn thiện, có tính mở, luôn có khả năng hành động sáng tạo khác với những gì mà nó đang thể hiện.

Chúng ta tư duy khi chúng ta hành động, bởi vì loài động vật chúng ta là vậy. Nếu tư duy của chúng ta bộc lộ đúng lúc, thì đó cũng là do thể xác và tri giác chúng ta vốn như vậy. Các nhà triết học đôi khi tự hỏi rằng, một cỗ máy có thể tư duy không. Có thể là có, nhưng sẽ theo một cách rất khác với chúng ta. Đó là vì thành phần vật chất của một cỗ máy cũng khác với chúng ta. Chẳng hạn, nó không có những nhu cầu thể xác, và không có đời sống tình cảm mà như con người chúng ta luôn gắn chặt với những nhu cầu đó. Hình thức tư duy của riêng chúng ta không tách rời những điều kiện tình cảm, thực tiễn và cảm giác đó. Chính vì vậy, nếu một cỗ máy có thể suy nghĩ thì chúng ta cũng không thể hiểu nó đang nghĩ gì.

Triết học mà Các Mác đoạn tuyệt là thứ triết học nói chung mang tính thiên định. Diễn hình thường là một chủ thể con người thụ động, biệt lập, tách rời khỏi cái cụ thể, suy xét một khách thể biệt lập dưới góc độ không thiên vị. Như chúng ta đã biết, Các Mác phản bác hình thức chủ thể này. Nhưng ông cũng nhấn mạnh rằng khách thể của tri thức chúng ta không phải là một cái gì đó định sẵn và bất biến mãi mãi, nó phải là sản phẩm của hành động trong lịch sử của chính chúng ta. Giống như khi chúng ta tư duy lại chủ thể như là một dạng thức của thực tiễn, chúng ta cũng phải tư duy lại thể giới khách quan như là kết quả hoạt động thực tiễn của con người. Và điều này có nghĩa là kết quả hoạt động thực tiễn của con người. Và điều này có nghĩa là về nguyên tắc nó có thể thay đổi.

Việc bắt đầu với con người có tính chủ động, hành động thực tiễn rồi

mới đặt tư duy của con người vào trong bối cảnh đó sẽ giúp chúng ta làm sáng tỏ một số vấn đề đang gây rắc rối cho các nhà triết học. Những người cố gắng cải tạo thế giới thường không hay nghi ngờ có cái gì ở đó như những người suy ngẫm về thế giới với một thái độ nhân nhã. Trên thực tế, những người hoài nghi tồn tại trước hết là bởi vì có cái gì đó tồn tại. Nếu không có một thế giới vật chất nuôi sống họ, họ sẽ chết và những nghi ngờ của họ cũng sẽ tiêu tan cùng với họ. Nếu bạn tin rằng loài người là thụ động trước thực tại khách quan thì điều này cũng khiến bạn nghi ngờ về sự tồn tại của thế giới đó. Đó là vì chúng ta khẳng định sự tồn tại của sự vật bằng cách trải nghiệm sự phản kháng của chúng đối với những đòi hỏi của chúng ta. Và chúng ta làm điều này chủ yếu thông qua hoạt động thực tiễn.

Các nhà triết học đôi khi đặt câu hỏi về "những trí tuệ khác". Làm thế nào chúng ta biết được thể xác con người mà chúng ta nói tới có trí tuệ giống như chúng ta? Một nhà duy vật có thể trả lời rằng, nếu không có trí tuệ thì chúng ta đã không đặt ra câu hỏi này. Sẽ không có sự sản xuất vật chất nuôi sống chúng ta nếu không có sự hợp tác xã hội, và khả năng giao tiếp với người khác là phần chính yếu của cái mà chúng ta gọi là có trí tuệ. Ta cũng có thể nói, từ "trí tuệ" là một cách mô tả hành vi của một thể xác cụ thể nào đó: một cái biết sáng tạo, biết biểu hiện và biết giao tiếp. Chúng ta không cần soi vào đầu của một người hay lắp máy móc để xem liệu cái đầu đó có sở hữu cái thực thể bí hiểm này không. Chúng ta sẽ nhìn vào những gì họ làm. Ý thức không phải là một hiện tượng ma ám nào đó. Nó là cái chúng ta có thể nhìn thấy, nghe thấy và sờ mó. Thể xác con người là một khối vật chất, nhưng là vật chất biết biểu hiện và sáng tạo một cách riêng có; và chúng ta gọi tính sáng tạo này là trí tuệ. Nói con người có lý trí là muốn nói hành vi của họ thể hiện một hình thức nội dung hay ý nghĩa nào đó. Những nhà duy vật thời kỳ Khai sáng nhiều khi đã đúng khi trách cứ việc quy thế giới về vấn đề vật chất vô nghĩa và vô tri vô giác. Chủ nghĩa duy vật của Các Mác trái ngược hoàn toàn.

Câu trả lời của nhà duy vật với người hoài nghi không phải là một lập luận mang tính quyết định. Bạn luôn có thể khẳng định rằng, kinh nghiệm của chúng ta về sự hợp tác xã hội, hay sự phản kháng của thế giới đối với những kế hoạch của chúng ta, bản thân nó là không đáng tin cậy. Có chúng ta chỉ đang hình dung ra những sự việc này. Nhưng xem xét những vấn đề này trên tinh thần của nhà duy vật có thể làm sáng tỏ chúng theo một cách thức mới. Chẳng hạn, chúng ta sẽ thấy những nhà trí thức mà có quan điểm ban đầu là trí tuệ tách rời (disembodied mind) và họ cũng khó mà từ bỏ quan điểm đó, luôn thắc mắc trí tuệ có quan hệ như thế nào với thể xác, cũng như quan hệ thế nào với trí tuệ của người khác. Có thể họ mượn tượng ra một sự

tách rời giữa trí tuệ và thể giới. Điều này hơi buồn cười, bởi vì thường thì chính cái cách mà thể giới hình thành nên trí tuệ của họ mới làm xuất hiện ý niệm này. Bản thân những nhà trí thức là loại người phần nào đó xa lánh thể giới vật chất. Chỉ nhờ có sự thặng dư vật chất trong xã hội mới sản sinh ra một đội ngũ tinh hoa chuyên nghiệp các tu sĩ, hiền triết, nghệ sĩ, luật sư, giảng viên Oxford...

Platon cho rằng triết học đòi hỏi phải có những người tinh hoa quý tộc nhàn nhã. Không thể có những phòng khách văn chương và xã hội thông thái nếu tất cả mọi người phải làm việc quần quật để duy trì hoạt động bình thường của đời sống xã hội. Tháp ngà[5] cũng khó thấy như bãi chơi ky (bowling) ở những nền văn hóa bộ lạc (nó cũng khó thấy ở những xã hội tiên tiến mà ở đó trường đại học trở thành bộ phận hữu cơ của chủ nghĩa tư bản tập đoàn). Bởi vì, nhà trí thức không làm việc giống như những người thợ hồ, họ cũng không thể tự coi mình và những tư tưởng của mình là độc lập với những tồn tại xã hội khác. Đây là một trong nhiều thứ mà những người Mác-xít gọi là tư tưởng. Những người này thường không cho rằng sự tách biệt của họ với xã hội là do xã hội quy định. Chính thực tại xã hội hình thành nên thiên kiến cho rằng tư duy độc lập với thực tại.

Theo Các Mác, tư duy của chúng ta hình thành trong quá trình cải tạo thể giới, và đây là tính tất yếu vật chất được quyết định bởi nhu cầu thể xác chúng ta. Như vậy, có thể khẳng định rằng, tư duy bản thân nó là tính tất yếu của vật chất. Tư duy và động lực thể xác của chúng ta quan hệ chặt chẽ với nhau, như chúng vốn vậy theo Nietzsche và Freud. Ý thức là kết quả của mối tương tác giữa bản thân chúng ta với thể giới vật chất xung quanh ta. Bản thân ý thức là một sản phẩm của lịch sử. Theo Các Mác, con người do thể giới vật chất “thiết lập”, bởi vì chỉ bằng cách tham gia vào thể giới vật chất chúng ta mới có thể thực thi được khả năng của chúng ta và khẳng định thực tại của những khả năng đó. Chính “cái tính khác” của thực tại, sự phản kháng của nó đối với dự định của chúng ta đặt lên nó, là cái đầu tiên đưa chúng ta đến sự tự nhận thức. Quan trọng hơn hết, điều này có nghĩa là có sự tồn tại của những cái khác. Thông qua những cái khác mà chúng ta trở thành chúng ta như bây giờ. Bản sắc cá nhân là một sản phẩm xã hội. không thể chỉ có một cá nhân, không khác gì chỉ có một con số.

Tuy nhiên, đồng thời thực tại này cần được coi là sản phẩm của chính chúng ta. Nếu không coi như vậy – tức là coi nó là điều tự nhiên và không thể giải thích, độc lập với hoạt động của chúng ta – thì Các Mác gọi đó là sự tha hóa. Ông muốn nói tới một tình trạng mà ở đó chúng ta quên mất rằng lịch sử là tác phẩm của chính chúng ta, và chúng ta dần bị lịch sử điều khiển giống như bởi một thể lực xa lạ. Nhà triết học người Đức Jurgen Habermas

viết, theo Các Mác, tính khách thể của giới “được đặt nền móng... trong sự sắp xếp tổ chức của thể xác con người luôn hướng tới hành động”^[6].

Theo một nghĩa nào đó thì ý thức luôn “đến sau”, giống như lý trí đến sau ở một đứa trẻ. Trước khi chúng ta có thể phản ánh, chúng ta phải được đặt vào trong một điều kiện vật chất đã. Tư duy của chúng ta, tuy rõ ràng là trừu tượng và mang tính lý thuyết, hoàn toàn lại do thực tại này hình thành nên. Chính chủ nghĩa lý tưởng triết học mới quên mất rằng tư tưởng của chúng ta có nền móng từ trong thực tiễn. Nếu tách chúng ra khỏi điều kiện này sẽ rơi vào ảo tưởng cho rằng chính tư duy hình thành nên thực tại.

Do đó với Các Mác, có một mối liên hệ chặt chẽ giữa lý trí và đời sống thể xác của chúng ta. Các giác quan của con người là một hình thức ranh giới giữa hai cái đó. Trái lại, đối với một số nhà triết học theo chủ nghĩa lý tưởng, “vật chất” là một thứ còn tư tưởng hay “tinh thần” là thứ hoàn toàn khác. Theo Các Mác, thể xác con người bản thân nó là sự bác bỏ chia tách như vậy. Nói đúng hơn thì thể xác con người đang hành động mới là sự bác bỏ chia tách đó. Vì thế thực tiễn này rõ ràng là một vấn đề vật chất, chúng đồng thời cũng là vấn đề của những nội dung, giá trị, mục đích và dự định. Nếu nó có “tính chủ thể” thì nó cũng có “tính khách thể”. Hoặc có lẽ nó nghi ngờ toàn bộ sự phân biệt đó. Một nhà tư tưởng trước đây coi trí tuệ là chủ động còn giác quan là thụ động. Tuy nhiên, Các Mác coi các giác quan của con người là hình thức tự thân của việc tham gia vào thực tại. Chúng là kết quả của một lịch sử tương tác lâu dài với thể giới vật chất. Ông viết trong *Bản thảo kinh tế-triết học*: “sự phát triển của năm giác quan là sản phẩm của toàn bộ lịch sử từ trước”. Một số nhà tư tưởng như Locke hay Hume bắt đầu bằng các giác quan. Trái lại, Các Mác đặt câu hỏi bản thân các giác quan từ đâu tới. Câu trả lời có vẻ sẽ như thế này: Những nhu cầu sinh học của chúng ta là sơ sở nền tảng cho lịch sử. Chúng ta có lịch sử bởi vì chúng ta là những sinh vật khiếm khuyết (creatures of lack), và theo nghĩa đó thì lịch sử là điều tự nhiên đối với chúng ta. Tự nhiên và lịch sử theo quan điểm của Các Mác là hai mặt của một đồng xu. Tuy nhiên, khi nhu cầu của chúng ta được bắt kịp trong lịch sử, chúng ta sẽ thấy mình đang tạo ra những nhu cầu mới. Và trong toàn bộ quá trình này, đời sống cảm xúc của chúng ta được hình thành và hoàn chỉnh. Mọi thứ này xuất hiện bởi vì việc thỏa mãn nhu cầu của chúng ta cũng kéo theo sự ham muốn, nhưng hãy để cho Freud hoàn chỉnh nốt bức tranh này.

Chúng ta bắt đầu câu chuyện theo cách này. Trên thực tế chúng ta bắt đầu là một câu chuyện. Những động vật không có khả năng ham muốn, không có khả năng lao động phức tạp và tạo ra các hình thức giao tiếp sẽ có chiều hướng lặp lại chính bản thân. Cuộc sống của chúng được quyết định

bởi chu kỳ tự nhiên. Chúng không hình thành một bài tự sự (narrative) về bản thân chúng, cái mà Các Mác gọi là tự do. Điều hài hước trong quan điểm của ông là ở chỗ, mặc dù sự tự quyết này thuộc về bản chất của con người thì đại đa số con người lại không thể thực hiện được quyền tự quyết đó trong suốt chiều dài lịch sử. Họ không được phép là một con người đầy đủ. Thay vào đó, cuộc sống của họ nói chung do những chu kỳ buồn thảm của xã hội có giai cấp quyết định. Tại sao lại như vậy và nó được giải thích thế nào chính là nội dung những công trình nghiên cứu của Các Mác. Nó cho biết chúng ta đã chuyển từ trạng thái bị bắt buộc sang vương quốc tự do như thế nào, tức là từ người man di mọi rợ thành người như chúng ta bây giờ. Sau khi đưa chúng ta tới ngưỡng cửa của tự do đó, Các Mác để chúng ta tự xoay xở. Tự do sẽ ra sao nếu không được như vậy?

Nếu bạn muốn tránh được thuyết nhị nguyên của những nhà triết học, hãy xem xét hành vi của con người chúng ta trên thực tế như thế nào. Thể xác con người theo một nghĩa nào đó là một đối tượng vật chất cụ thể, một phần của tự nhiên đồng thời cũng là một phần của lịch sử. Thế nhưng nó là một loại đối tượng đặc biệt, hoàn toàn không giống cái bắp cải hay cái gàu xúc than. Trước hết nó có một khả năng thay đổi hoàn cảnh của mình. Nó cũng có thể biến đổi Tự nhiên thành một hình thức mở rộng của chính nó, trong khi gàu xúc than không thể có như vậy. Lao động của con người cải tạo Tự nhiên thành sự mở rộng đó của thể xác của chúng ta được gọi là nền văn minh. Tất cả các thiết chế của con người từ phòng trưng bày nghệ thuật, tiệm hút thuốc phiện đến các Tổ chức Y tế Thế giới là sự mở rộng những thể xác có khả năng sản xuất này.

Chúng cũng là hiện thân của ý thức con người. “Ngành con người”, Các Mác sử dụng từ “ngành” theo nghĩa rộng nhất, “là một cuốn sách mở về ý thức của con người, tâm lý của con người nhận được bằng các giác quan”. Thể xác có thể làm được tất cả những điều này vì nó có khả năng vượt lên trên chính nó – biến đổi chính mình và hoàn cảnh của mình, cũng như tham gia vào những mối quan hệ phức tạp với những thể xác giống như nó, trong một quá trình không có kết thúc mà chúng ta gọi là lịch sử. Thể xác con người không làm được điều đó thì chúng ta gọi là xác chết.

Bắp cải không thể làm được điều này và chúng cũng không cần phải làm vậy. Chúng hoàn toàn là những thực thể tự nhiên, không có những hình thức nhu cầu mà chúng ta thấy ở loài người. Loài người có thể kiến tạo nên lịch sử bởi vì họ là loài sinh vật có khả năng sản xuất; nhưng họ cũng cần làm vậy bởi vì trong điều kiện khan hiếm họ phải không ngừng sản xuất và tái sản xuất đời sống vật chất của mình. Chính điều này đã thúc đẩy loài người lao động không ngừng. Họ có một lịch sử xuất phát bắt buộc. Trong điều

kiện dồi dào vật chất, chúng ta vẫn có một lịch sử nhưng theo một nghĩa khác với từ lịch sử mà chúng ta biết đến bây giờ. Chúng ta có thể đáp ứng những nhu cầu tự nhiên của chúng ta chỉ bằng các phương thức xã hội, bằng cách cùng tạo ra phương thức sản xuất của chúng ta. Điều này sau đó sẽ làm xuất hiện những nhu cầu khác, và đến lượt nó lại làm xuất hiện những nhu cầu khác nữa. Nhưng cốt lõi của tất cả những cái này, mà chúng ta biết đến là văn hóa, lịch sử hay văn minh, là thể xác con người có nhu cầu và điều kiện vật chất cụ thể của nó. Đây đơn giản là một cách nói khác rằng kinh tế là cơ sở nền tảng của toàn bộ đời sống chúng ta. Nó là mối liên hệ có tính chất vô cùng quan trọng giữa cái sinh vật và cái xã hội.

Như vậy, điều này cho biết làm thế nào chúng ta có lịch sử, nhưng đó cũng là cái mà chúng ta gọi là tinh thần. Tinh thần không phải là cái tách rời khỏi thể xác và thuộc thể giới khác. Chính nhà tư sản giàu sụ mới hay coi tinh thần là một lĩnh vực xa vời với cuộc sống hằng ngày, bởi vì ông ta cần một chỗ ẩn nấp cho chủ nghĩa duy vật thô bỉ của ông ta. Không có gì ngạc nhiên khi những cô gái vật chất như ca sĩ Madonna lại bị đạo Kabbala[7] mê hoặc đến như vậy. Trái lại, theo Các Mác, “tinh thần” là về nghệ thuật, tình bạn, sự vui thú, lòng trắc ẩn, tiếng cười, tình yêu xác thịt, sự hỗn loạn, sự sáng tạo, khoái cảm, tức giận, dồi dào sinh lực (tuy nhiên, đôi khi ông cũng vui đùa hơi quá: ông đã từng lê la khắp các quán rượu ở Phố Oxford đến Đường Hamstead với mấy người bạn, mỗi nơi một tí, bị cảnh sát đuổi bắt vì đã ném đá làm vỡ đèn đường[8]. Lý luận của ông về bản chất trấn áp của nhà nước, mà có vẻ đúng như vậy, không hề là sự suy đoán hoàn toàn trừu tượng). Trong tác phẩm *Ngày mười tám tháng Suong mù của Lu-i Bônápác-tơ*, ông bàn về chính trị dưới góc độ lợi ích xã hội, như chúng ta sẽ thấy; nhưng ông cũng viết rất hùng biện về chính trị khi thể hiện “những ký ức cũ, kẻ thù cá nhân, sợ hãi và hy vọng, định kiến và ảo tưởng, thông cảm và ác cảm, sự lên án, những bài báo về niềm tin và nguyên tắc”. Tất cả những thứ này đều từ một nhà tư tưởng lạnh lùng vô cảm có khả năng tượng tượng phản Mác-xít?

Mọi hoạt động tinh thần mà tôi vừa nêu đều có liên hệ chặt chẽ với thể xác, bởi vì loài người chúng ta là vậy. Mọi thứ không thuộc về thể xác tôi thì cũng không thuộc về tôi. Khi tôi nói chuyện với bạn trên điện thoại, tôi hiện diện trước bạn về mặt thể xác, mặc dù không phải về mặt vật chất. Nhà triết học Ludwig Wittgenstein đã viết, nếu bạn muốn có hình ảnh của linh hồn, hãy nhìn vào thể xác con người. Niềm vui sướng theo Các Mác, cũng như theo Aristotle, là hoạt động thực tiễn, chứ không phải là một tình trạng trí tuệ. Với truyền thống Do thái mà ông là một con người vô thần, “tinh thần” là lấy thức ăn cho người đói, giang rộng tay với người nhập cư và bảo vệ

người nghèo trước cách cư xử hung bạo của người giàu. Đó không phải là cái đối lập với sự tồn tại trần tục hàng ngày, mà là một phương cách đặc biệt để thực hiện sự tồn tại đó.

Có một hoạt động của thể xác mà tinh thần được thể hiện đặc biệt rõ, đó chính là ngôn ngữ. Giống như thể xác nói chung, ngôn ngữ là biểu hiện vật chất cụ thể của tinh thần hay ý thức con người. Các Mác viết trong Hệ tư tưởng Đức: “Ngôn ngữ cũng tồn tại lâu như ý thức; ngôn ngữ là ý thức hiện thực, thực tiễn, tồn tại vì cả những người khác và chỉ do đó nó mới cũng tồn tại vì bản thân tôi nữa, và cũng như ý thức, ngôn ngữ chỉ xuất hiện từ nhu cầu, từ sự tất yếu phải giao tiếp với những người khác”^[9]. Ý thức rõ ràng mang tính xã hội và thực tiễn, do vậy ngôn ngữ là biểu hiện cao nhất của ý thức. Tôi được coi là có trí tuệ chỉ tôi sinh ra trong một di sản ý nghĩa chung. Các Mác cũng nói ngôn ngữ là “cái chung biện hộ cho bản thân (the communal being speaking for itself)”. Ông nhận xét, ngôn ngữ của triết học là một hình thức bị bóp méo của ngôn ngữ về thế giới thực tại. Tư duy và ngôn ngữ, không phải tồn tại trong thế giới riêng của chúng, mà là sự biểu thị của đời sống thực. Ngay cả những khái niệm tinh vi nhất rốt cục cũng có thể tìm thấy trong sự tồn tại của chúng ta.

Như vậy, ý thức của con người đòi hỏi phải có rất nhiều khung cảnh vật chất cụ thể. Xuất phát từ ý thức con người, phần lớn triết học cũng xuất phát như vậy, nói chung là bỏ qua thực tế này. Điều đó là quá ư nguy hiểm (It is to beg too many questions)^[10]. Triết học truyền thống không bắt đầu từ lâu lắm. Nó coi nhẹ những điều kiện xã hội làm xuất hiện các tư tưởng: những đam mê mà chúng bị lôi cuốn, những đấu tranh quyền lực mà chúng tham gia, những nhu cầu vật chất mà nó phục vụ. Người ta thường không hỏi rằng “Chủ thể con người này từ đâu mà có?” hay, “Khách thể được được sinh ra như thế nào?” Trước khi chúng ta tư duy; chúng ta phải ăn đã; và từ “ăn” mở ra toàn bộ vấn đề về phương thức sản xuất xã hội. Chúng ta cũng phải được sinh ra, và từ “sinh ra” mở ra toàn bộ phạm trù về tình ruột thịt, tình dục, chế độ phụ hệ, sinh sản tính dục ... Trước khi chúng ta bắt đầu phản ánh thực tại, chúng ta đã gắn bó với nó bằng hoạt động thực tiễn và tình cảm, và tư duy của chúng ta luôn tiếp diễn trong phạm vi bối cảnh đó. Như nhà triết học John Macmurray nhận xét: “Kiến thức của chúng ta về thế giới chủ yếu là một khía cạnh hành động của chúng ta về thế giới”^[11]. Các Mác viết trong tác phẩm *Bình luận về Vácno* (Comment on Wagner): “Con người không hề bắt đầu bằng phát hiện bản thân mình trong một mối quan hệ lý thuyết với những sự vật khác của thế giới bên ngoài”^[12]. Rất nhiều thứ phải tồn tại trước khi chúng ta bắt đầu suy luận.

Tư duy của chúng ta cũng gắn với thế giới theo một nghĩa khác. Nó

không chỉ đơn giản là một sự phản ánh thực tại, mà còn là một lực lượng vật chất của chính nó. Học thuyết Mác-xít không chỉ đơn giản bài bình luận về thế giới, mà còn là một công cụ để thay đổi thế giới. Bản thân Các Mác dường như đôi khi cũng nói rằng tư duy chỉ thuần túy là “sự phản ánh” các hoàn cảnh vật chất, nhưng điều đó là đôi xử không công bằng với những kiến thức tinh tế của ông. Một số lý luận nhất định – lý luận về giải phóng con người, mà mọi người nói chung đều biết, có thể có vai trò là một lực lượng chính trị trong thế giới, chứ không chỉ đơn giản là một cách giải thích thế giới. Điều này khiến cho chúng có một đặc tính riêng biệt. Có nghĩa là chúng hình thành một mối liên kết giữa vấn đề các sự vật là như thế nào với vấn đề các sự vật có thể sẽ như thế nào. Chúng mô tả thế giới như thế nào, nhưng khi làm điều đó chúng có thể thay đổi cách thức con người hiểu về thế giới, và đến lượt mình điều đó sẽ góp phần làm thay đổi thực tại. Một người nô lệ biết rõ anh ta là nô lệ, nhưng biết tại sao mình là nô lệ là bước đầu tiên phải biết nếu muốn không phải là nô lệ. Do đó bằng cách mô tả các sự vật, những lý luận này cũng đưa ra cách thức để biến đổi các sự vật sang trạng thái đáng mong muốn hơn. Chúng sẽ đi từ trạng thái đang như thế nào sang trạng thái nên như thế nào. Những lý thuyết loại này sẽ giúp con người mô tả bản thân và hoàn cảnh của mình theo những cách thức đặt nghi vấn đối với chúng và cuối cùng cho phép họ mô tả lại bản thân. Theo cách này, sẽ có một mối quan hệ chặt chẽ giữa suy luận, kiến thức và quyền tự do. Những loại kiến thức này là vô cùng quan trọng đối với tự do và hạnh phúc của con người. Khi con người hành động theo những kiến thức này, họ bắt đầu hiểu sâu sắc hơn về nó, và do đó lại cho phép họ hành động một cách hiệu quả hơn. Khi chúng ta hiểu càng nhiều, chúng ta càng có thể làm được nhiều hơn. Nhưng theo quan điểm của Các Mác, loại kiến thức thực sự muốn nói tới chỉ thực sự xuất hiện thông qua đấu tranh thực tiễn. Cũng giống như chơi kèn tuba là một kiểu kiến thức thực tiễn, giải phóng chính trị cũng vậy.

Chính vì lý do này mà chúng ta phải cho thêm gia vị vào bản Luận cương thứ mười một về Phoiơbắc xuất sắc của Các Mác. Ông viết, các nhà triết học chỉ giải thích thế giới; điểm mấu chốt là phải thay đổi thế giới. Nhưng làm thế nào thay đổi được thế giới nếu không hiểu về nó? Và liệu khả năng hiểu biết về thế giới dưới một ánh sáng đặc biệt có phải là sự khởi đầu của sự thay đổi chính trị hay không?

Các Mác viết trong *Hệ tư tưởng Đức*: “Chính cái xã hội quyết định ý thức”. Hay như Ludwig Wittgenstein nhấn mạnh trong tác phẩm *Bàn về sự chắc chắn (On Certainty)* của mình rằng: “Những gì chúng ta đang làm là lý do thực sự trong trò chơi ngôn ngữ của chúng ta (language games)”^[13]. Điều này có một hệ quả chính trị quan trọng. Chẳng hạn, điều đó có nghĩa là,

nếu chúng ta muốn thay đổi cách tư duy của chúng ta và cảm thấy đủ mạnh, chúng ta phải thay đổi những gì chúng ta đang làm. Giáo dục hay sự thay đổi trái tim là chưa đủ. Cái xã hội của chúng ta đặt ra giới hạn cho tư duy của chúng ta. Và chúng ta chỉ có thể phá vỡ những giới hạn này bằng cách thay đổi cái xã hội đó, tức là dạng thức đời sống vật chất của chúng ta. Chúng ta không thể vượt qua giới hạn tư duy của chúng ta chỉ bằng cách đơn giản là tư duy.

Nhưng liệu điều này có dẫn đến một sự lưỡng phân sai lầm? Nếu nói cái xã hội là những thứ mà chúng ta đang làm, thì điều này đã phải kéo theo ý thức. Không thể ý thức nằm ở một bên của sự phân chia còn hoạt động xã hội của chúng ta nằm ở bên kia. Bạn không thể bỏ phiếu, ôm hôn, bắt tay hay bóc lột lao động nhập cư mà không có nội dung hay mục đích. Chúng ta không thể gọi một chút hành vi mà những sự việc này không hiện hữu trong đó là một hành động của con người, không khác gì chúng ta coi vấp chân hay sôi bụng là một kế hoạch có chủ đích. Tôi cho rằng, Các Mác sẽ không phủ nhận thực tế này. Như chúng ta đã biết, ông coi ý thức của con người là cái được thể hiện – hiện thân trong những hành vi thực tiễn của chúng ta. Cho dù như vậy, ông vẫn khẳng định rằng sự tồn tại vật chất theo một nghĩa nào đó là quan trọng hơn ý nghĩa và tư tưởng, và cái ý nghĩa và tư tưởng đó có thể được giải thích bằng sự tồn tại vật chất đó. Chúng ta phải hiểu lời tuyên bố đó như thế nào?

Câu trả lời là, như chúng ta đã biết, tư duy đối với con người là một sự cần thiết vật chất, giống như đối với hải ly và nhím theo một cách thô sơ hơn. Chúng ta cần tư duy bởi vì chúng ta là loài động vật có thể xác. Theo Các Mác, quá trình nhận thức phát triển song hành với lao động, sự cần cù và thử nghiệm. Ông viết trong *Hệ tư tưởng Đức*: “Sự sản xuất ra những ý niệm, những quan niệm và ý thức thì lúc đầu là trực tiếp gắn liền mật thiết với hoạt động vật chất và với sự giao tiếp vật chất của con người – ngôn ngữ của cuộc sống hiện thực”^[14]. Nếu Thiên nhiên chỉ đơn giản là đút những thứ quý giá ngọt ngào của nó vào cái miệng đang há rộng đầy vẻ biết ơn của chúng ta, hoặc nếu (một kiểu tư duy lười tàn) chúng ta chỉ cần ăn một lần duy nhất trong đời, thì có lẽ chúng ta chỉ cần nằm dài hưởng thụ. Nhưng lạy thánh Ala, Thiên nhiên hà tiện hơn thế nhiều. Và thể xác con người đầy ham muốn đòi hỏi không ngừng phải thỏa mãn.

Vậy thì, trước hết, chính nhu cầu của thể xác chúng ta hình thành cách thức tư duy của chúng ta. Điều này có nghĩa là tư duy không phải là có tính tối thượng, mặc dù rất nhiều kiểu tư duy muốn như thế. Các Mác lập luận, ở một giai đoạn phát triển muộn hơn của con người, các tư tưởng trở nên độc lập hơn với các nhu cầu này, và đây chính là văn hóa như chúng ta đã biết.

Chúng ta bắt đầu thấy say mê các tư tưởng vì chính bản thân những tư tưởng đó chứ không phải vì giá trị tồn tại của chúng. Như Bertolt Brecht đã có lần nhận xét, tư duy có thể trở thành sự thú vị cảm nhận được một cách thực sự. Cho dù như vậy thì suy luận, tuy đã được nâng cao lên, vẫn có nguồn gốc khiêm tốn trong nhu cầu sinh học. Đúng như Friedrich Nietzsche đã dạy, nó có liên hệ chặt chẽ với khả năng thực thi sức mạnh của chúng ta đối với Thiên nhiên[15]. Động cơ muốn kiểm soát thực tiễn môi trường của chúng ta, vốn là vấn đề sống hay chết, nằm trong tất cả những hoạt tri thức trừu tượng hơn của chúng ta.

Theo nghĩa này, dường như có một lễ hội hóa trang (carnavalesque) trong tư tưởng của Các Mác, cũng giống như các tư tưởng của Nietzsche và Freud. Cái ở dưới thấp bao giờ cũng bị cái ở trên cao che khuất. Như nhà phê bình William Empson nhận xét: “Những ước muốn tao nhã nhất có ở trong cái đơn giản nhất, và sẽ là sai lầm nếu chúng không có ở đó”[16]. Gốc rễ của những quan niệm cao quý nhất của chúng ta lại là bạo lực, sự thiếu thốn, ước muốn, thèm khát, khan hiếm và gây hấn. Chính điều này là chiếc đáy bí mật của cái chúng ta gọi là nền văn minh. Theodor Adorno đã mô tả bằng một cụm từ sinh động “Nỗi khiếp sợ nhưng nhúc dưới tảng đá văn hóa”[17]. Walter Benjamin viết: “Đấu tranh giai cấp ... là cuộc chiến đấu vì những thứ thô lỗ và vật chất mà nếu không có nó sẽ không thể có những thứ tao nhã và tinh thần”[18]. Chúng ta nên nhớ rằng, cũng giống Các Mác, Benjamin không hề muốn phủ nhận giá trị của “những thứ thanh tao và tinh thần”. Ông muốn đặt chúng vào trong bối cảnh lịch sử. Giống như nhiều nhà triết học lễ hội hóa trang, Các Mác là một nhà tư tưởng khổng lồ thực sự nghi ngờ những tư tưởng cao thượng. Trái lại, những chính trị gia thông thường hay nói công khai bằng những lời lẽ nghiêm túc theo chủ nghĩa lý tưởng nhưng lại nói riêng với chính mình bằng những lời lẽ bất mãn của chủ nghĩa duy vật.

Chúng ta đã chạm vào một nghĩa khác mà theo đó “cái xã hội” có ưu thế hơn ý thức. Rõ ràng những hiểu biết thực sự có vấn đề thường nảy sinh từ những gì chúng ta đang làm trên thực tế. Thực vậy, những nhà lý luận xã hội nói đến một loại tri thức – được gọi là tri thức ngầm – mà chỉ có thể thu nhận được khi hành động làm một cái gì đó, và bởi vậy nó không thể truyền sang cho người khác được dưới hình thức lý thuyết. Ví dụ cố gắng giải thích cho ai đó cách thổi sáo bản nhạc “Danny Boy”. Nhưng ngay cả khi kiến thức của chúng ta không thuộc loại này thì điều đó vẫn đúng. Bạn không thể học chơi đàn vi-ô-lông bằng cuốn sách tự học rồi nhanh chóng vồ lấy nhạc cụ và trình diễn xuất sắc bản hòa tấu đàn vi-ô-lông Violin Concerto in E Minor của Mendelssohn. Điều đó có nghĩa là kiến thức về hòa tấu là tách biệt với khả

năng biểu diễn bản hòa tấu đó.

Còn một nghĩa nữa mà ở đó thực tại vật chất có ưu thế hơn so với tư tưởng. Khi Các Mác bàn về ý thức, không phải lúc nào ông cũng nghĩ đến các tư tưởng và giá trị đang tiềm ẩn trong các hoạt động hàng ngày của chúng ta. Nhiều khi ông nói đến những hệ thống khái niệm chính thức hơn như luật pháp, khoa học, chính trị... Và giá trị của ông là ở chỗ những hình thức tư tưởng này suy cho cùng cũng do thực tại xã hội quyết định. Đây trên thực tế là học thuyết cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng nổi tiếng và cũng bị chê bai nhiều nhất của Các Mác, được ông phác thảo như sau: Trong quá trình sản xuất xã hội vì sự tồn tại của mình, con người luôn tham gia vào những mối quan hệ sản xuất phù hợp với một giai đoạn phát triển nhất định của lực lượng sản xuất vật chất. Toàn bộ những quan hệ sản xuất này hình thành nên cơ cấu kinh tế của xã hội, cái cơ sở nền tảng thực sự mà nhờ đó làm xuất hiện kiến trúc thượng tầng chính trị và tương ứng với đó là những hình thái ý thức xã hội xác định.

Các Mác nói “cơ cấu kinh tế” hay “cơ sở hạ tầng” là muốn nói đến các lực lượng và quan hệ sản xuất, còn kiến trúc thượng tầng là nói đến những thể chế như nhà nước, luật pháp, chính trị, tôn giáo và văn hóa. Theo ông, chức năng của những thể chế này là để phục vụ “cơ sở hạ tầng”, có nghĩa là hệ thống giai cấp chiếm ưu thế. Một số thể chế, chẳng hạn như văn hóa và tôn giáo, thực hiện nhiệm vụ này chủ yếu bằng cách sản sinh ra những tư tưởng tạo ra tính hợp pháp cho hệ thống. Cái này cũng được gọi là hệ tư tưởng. Các Mác viết trong *Hệ tư tưởng Đức*: “Trong mọi thời đại, những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị”. Sẽ là kỳ cục khi thấy một xã hội phong kiến thịnh vượng mà hầu hết những tư tưởng phổ biến trong xã hội đó là chống phong kiến kịch liệt. Như chúng ta đã biết, Các Mác nói rằng, những người kiểm soát sản xuất vật chất cũng sẽ kiểm soát sản xuất tinh thần. Tuyên bố này thậm chí càng đúng trong thời đại của những ông trùm báo chí hay truyền thông, đúng hơn nhiều so với thời của Các Mác.

Do mô hình cơ sở hạ tầng – kiến trúc thượng tầng bị một số người phê phán Các Mác chế giễu, thậm chí là cả một số người ủng hộ ông, tôi sẽ cố tình ngang ngược dành cho nó những lời tốt đẹp ở đây. Người ta phê phán rằng mô hình này là quá tĩnh; nhưng mọi mô hình đều tĩnh, cũng như được đơn giản hóa. Các Mác không nói rằng đời sống xã hội chỉ có hai tầng hoàn toàn riêng biệt. Trái lại có rất nhiều sự qua lại giữa hai tầng này. Cơ sở hạ tầng có thể làm xuất hiện kiến trúc thượng tầng, nhưng kiến trúc thượng tầng là rất quan trọng để cơ sở hạ tầng tiếp tục tồn tại. Nếu không có sự hỗ trợ của nhà nước, bộ máy lập pháp, các đảng chính trị và sự tuyên truyền ủng hộ chủ nghĩa tư bản của các phương tiện truyền thông và các phương tiện khác nữa

thì chế độ sở hữu hiện tại đã bị lung lay rất nhiều. Theo quan điểm của Các Mác, sự qua lại hai chiều này thậm chí còn thể hiện rõ hơn ở những xã hội tiền tư bản chủ nghĩa mà ở đó luật pháp, tôn giáo, chính trị, quan hệ dòng họ, và nhà nước tham gia một cách thô bạo vào quá trình sản xuất vật chất.

Kiến trúc thượng tầng không phải ở vị trí thứ yếu so với cơ sở hạ tầng vì nó ít hiện thực hơn. Nhà tù, nhà thờ, trường học, đài truyền hình cũng hiện thực y như các ngân hàng và mỏ than. Có lẽ cơ sở hạ tầng là quan trọng hơn kiến trúc thượng tầng; nhưng quan trọng hơn ở góc độ nào? Nghệ thuật là quan trọng với hạnh phúc tinh thần của con người hơn việc sáng tạo ra những thanh kẹo sô-cô-la kiểu mới, nhưng những thanh kẹo sô-cô-la lại được coi là một bộ phận của cơ sở hạ tầng trong khi nghệ thuật lại không. Những nhà Mác-xít sẽ lập luận, cơ sở hạ tầng là quan trọng ở chỗ những biến cố trọng đại trong lịch sử đều là kết quả của các lực lượng vật chất chứ không phải của tư tưởng hay niềm tin.

Tư tưởng và niềm tin có thể có những ảnh hưởng ghê gớm, nhưng sự khẳng định duy vật sẽ là, chúng có được sức mạnh mang tính lịch sử thật sự chỉ khi chúng liên kết với những lợi ích vật chất có sức mạnh chi phối. Hôme có thể nhìn nhận cuộc chiến thành Troia về mặt danh dự, lòng quả cảm và là ý muốn của Thượng đế, nhưng sử gia Hy Lạp cổ đại Thucydides, một nhà duy vật hoàn toàn theo kiểu của ông đã nói một cách nghiêm túc rằng, do thiếu thôn tài nguyên, cộng với thói quen thích gây hấn để dẫn mình vào những cuộc viễn chinh mở rộng đất đai và tước đoạt đã dẫn đến xung đột kéo dài. Thucydides cũng nhìn nhận toàn bộ hệ thống quyền lực Hy Lạp cổ đại dựa trên sự phát triển của nghề đi biển, thương mại và sự tích lũy của cải mà ngành này mang lại. Học thuyết duy vật về lịch sử đã xuất hiện từ trước Các Mác rất lâu.

Cũng có nhiều thể chế mà có thể nói là đồng thời thuộc về cơ sở hạ tầng hay kiến trúc thượng tầng. Những nhà thờ Cơ Đốc phúc âm ở Hoa Kỳ là trung tâm (power-house) tư tưởng nhưng đồng thời cũng là những doanh nghiệp làm ăn rất có lãi. Những ngành như xuất bản, truyền thông hay phim ảnh cũng vậy. Một số trường đại học ở Mỹ là những doanh nghiệp khổng lồ đồng thời cũng là những công xưởng sản xuất tri thức. Hay lấy ví dụ Thái tử Sácơ, mà sự tồn tại của ông ta chủ yếu là để chiều lòng nền cộng hòa Anh, nhưng đồng thời ông ta kiếm được hàng đồng lợi nhuận nhờ được như vậy.

Tuy nhiên, liệu có chắc chắn là toàn bộ lịch sử của loài người không thể chia cắt ra giữa cơ sở hạ tầng? Chắc chắn là không. Có vô số những thứ không thuộc về sản xuất vật chất cũng không thuộc về cái gọi là kiến trúc thượng tầng. Ngôn ngữ, tình yêu giới tính, xương ống chân, sao Kim, lòng

nhân ái, điệu nhảy tăng gô, hay những cánh đồng Bắc Yorshine là một vài ví dụ. Chủ nghĩa Mác, như chúng ta đã thấy, không phải là Lý thuyết về vạn vật. Đúng là chúng ta có thể bắt gặp đâu đó những liên hệ giữa đấu tranh giai cấp và văn hóa. Tình yêu giới tính là thích hợp với cơ sở hạ tầng vật chất bởi vì nó rõ ràng có khả năng đem lại sự sản sinh ra nguồn lao động mới tiềm năng được biết đến là trẻ em. Các bác sĩ nha khoa trong thời suy thoái cho biết số người bị đau quai hàm tăng lên rất nhiều, có nguyên nhân vì nghiện răng do căng thẳng gây ra. Chúng nghiện răng khi gặp tai ương rõ ràng không còn là một phép ẩn dụ nữa. Khi tiểu thuyết gia Marcel Proust vẫn còn trong bào thai, người mẹ vô thần của ông đã vô cùng đau khổ khi nỗ lực công xã Pari xã hội chủ nghĩa, và một số người suy đoán rằng sự thống khổ đó là nguyên nhân gây ra bệnh hen suyễn kinh niên của Proust. Cũng có lý thuyết nói rằng những câu văn dài dòng và trúc trắc kinh khủng của Proust là một hình thức bù đắp tâm lý cho bệnh khó thở của ông. Phải chăng có mối liên hệ giữa cách hành văn của Proust với Công xã Pari.

Nếu mô hình này gợi ý rằng kiến trúc thượng tầng thực sự phải xuất hiện là để phục vụ những chức năng của nó thì hoàn toàn sai lầm. Điều này có thể đúng đối với nhà nước nhưng không thể đúng với nghệ thuật. Cũng không đúng khi nói rằng tất cả các hoạt động của trường học, báo chí, nhà thờ và nhà nước đều hỗ trợ hệ thống xã hội hiện tại. Khi nhà trường dạy trẻ em buộc dây giày như thế nào, hay khi đài truyền hình phát đi bản tin dự báo thời tiết, không có nghĩa là họ đang hành động “về mặt kiến trúc thượng tầng”. Họ không phải đang củng cố các mối quan hệ sản xuất. Nhà nước cử lực lượng đặc biệt đến trấn áp những người biểu tình hòa bình, nhưng cảnh sát cũng đi tìm kiếm những đứa trẻ mất tích. Khi những tờ báo khổ nhỏ phản đối những người nhập cư, họ đang hành xử theo kiểu kiến trúc thượng tầng, nhưng khi họ thông báo những vụ tai nạn giao thông thì lại không phải như vậy (tuy nhiên, những báo cáo về tai nạn giao thông luôn được sử dụng để chống lại chế độ. Người ta nói rằng tòa soạn của tờ báo *Daily Worker*, một tờ báo cũ của Đảng cộng sản Anh, các biên tập viên thường chú thích thêm ở những báo cáo tai nạn giao thông này bằng dòng chữ “xung đột giai cấp là đây thừa các đồng chí” (class-angle that, comrade). Do đó nếu nói rằng các trường học, nhà thờ hay đài truyền hình thuộc về kiến trúc thượng tầng sẽ là nhầm lẫn. Chúng ta có thể nói rằng kiến trúc thượng tầng có vị trí thấp hơn một số thực tiễn khác. Bản thân Các Mác có lẽ không nói kiến trúc thượng tầng theo cách này nhưng đó là một phong cách tinh tế trong lập luận của ông.

Đúng là mọi thứ về nguyên tắc có thể được sử dụng để chống đỡ cho hệ thống hiện tại. Nếu phát thanh viên dự báo thời tiết trên truyền hình thông

báo loa qua về một cơn bão mạnh sắp đến vì bản tin này có thể làm người xem lo lắng, và các công dân phờ phạc sẽ không làm việc chăm chỉ như những người tươi tắn khác thì khi đó anh ta đang làm việc như một nhân viên của chính quyền (có niềm tin lạ lùng rằng bầu trời xám xịt là dấu hiệu lật đổ chính trị, kể cả ở nước Mỹ vốn lạc quan một cách thái quá). Tuy nhiên, nhìn chung chúng ta có thể nói rằng một số khía cạnh của những thể chế này hành xử theo cách như vậy, trong khi một số khía cạnh khác thì không. Hoặc một số thể chế này hành xử theo cách như vậy nhưng lúc khác lại không. Vâng đúng là một thể chế là kiến trúc thượng tầng vào ngày Thứ Tư nhưng sẽ không phải vào ngày Thứ Sáu. Từ “kiến trúc thượng tầng” buộc chúng ta phải đặt một thực tiễn vào bối cảnh cụ thể. Đó là điều kiện của quan hệ, đòi hỏi một hình thức hành động sẽ phục vụ chức năng nào trong mối quan hệ với chức năng khác. Như G.A.Cohen đã lập luận, điều đó giải thích một số thể chế phi kinh tế nhất định theo nội dung kinh tế^[19]. Nhưng nó không giải thích toàn bộ những thể chế như vậy, hoặc tất cả những gì mà chúng bày bừa ra, hoặc rốt cục vì sao chúng tồn tại.

Tuy nhiên, quan điểm của Các Mác sắc sảo hơn nhiều. Nó không phải đơn giản là vấn đề tuyên bố rằng một số sự vật là kiến trúc thượng tầng còn một số khác không, giống như một số quả táo có màu nâu còn một số quả khác không. Mà là nếu chúng ta xem xét luật pháp, chính trị, tôn giáo, giáo dục và văn hóa của xã hội có giai cấp, chúng ta sẽ thấy rằng hầu hết những gì chúng làm là để ủng hộ cho các trật tự xã hội đang chiếm ưu thế. Và quả thật chúng ta cũng không mong gì hơn thế. Không có nền văn minh tư bản chủ nghĩa mà ở đó luật pháp cấm đoán sở hữu tư nhân, hay ở đó trẻ em thường xuyên được dạy bảo những điều xấu xa của cạnh tranh kinh tế. Đúng là có rất nhiều tác phẩm nghệ thuật và văn học lên án tình trạng này. Nhưng điều đó không có nghĩa là Shelley, Blake, Mary Wollstonecraft, Emily Bronte, Dickens, George Orwell và D.H.Lawrence tất cả bọn họ đang tuôn ra những lời lẽ tuyên truyền một cách không biết xấu hổ nhân danh giai cấp cầm quyền. Thế nhưng nếu chúng ta nhìn vào văn học Anh nói chung, chúng ta sẽ thấy rằng sự phê phán của nó đối với trật tự xã hội ít khi mở rộng đến chỗ đặt nghi vấn với hệ thống sở hữu. Trong học thuyết về giá trị thặng dư, Các Mác bàn đến những gì mà chúng ta gọi là “sản xuất tinh thần tự do”, mà ông đặt nghệ thuật vào trong phạm vi đó, chứ không phải sản xuất tư tưởng. Có thể nói chính xác hơn là, nghệ thuật bao hàm cả hai thứ này.

Trong cuốn tiểu thuyết *Jude Kẻ âm thầm*, nhà văn Thomas Hardy viết về nhân vật Fawley, một người thợ thủ công nghèo khổ sống ở Jericho – một khu của tầng lớp lao động ở Oxford. Nhân vật Jude tự kể rằng, số mệnh anh ta không được gắn với những tháp mái uy nghiêm bao quanh sân trường đại

học, mà là “giữa những người lao động cực khổ trong những khu phố tồi tàn bẩn thỉu mà nhiều người tán tụng và khách tham quan cũng không nhận ra nổi đây lại là một phần của thành phố; mà nếu không có những cư dân của nó, người đọc kiên nhẫn nhất cũng không thể hiểu nổi nói chẳng những nhà tư tưởng cao siêu...” (Phần 2, Chương 6). Phải chăng những dòng văn sâu sắc này thay lời muốn nói đến học thuyết cơ sở hạ tầng/ kiến trúc thượng tầng của Các Mác? Không hẳn vậy. Theo tinh thần chủ nghĩa duy vật thì lao động trí óc không thể tách rời lao động tay chân. Trường Oxford là một “kiến trúc thượng tầng” đối với “cơ sở hạ tầng” Jericho. Nếu các học giả phải tự mình làm người nấu bếp, người thợ hàn, thợ nề, hay thợ in... thì học sẽ chẳng còn đâu thời gian dành cho việc học tập nghiên cứu nữa. Mỗi một tác phẩm triết học đều bao hàm một đội quân lao động âm thầm, hay mỗi bản giao hưởng hay một thánh đường cũng vậy. Nhưng như chúng ta biết, Các Mác còn muốn nói nhiều hơn thế. Không phải chỉ nói đơn giản là muốn tìm hiểu Plato, con người cần phải ăn trước đã, mà còn nói rằng, sản xuất vật chất được tổ chức như thế nào sẽ chi phối cách con người suy nghĩ về Platon.

Chính bản chất của lối tư duy đang được thực hiện ở Oxford, chứ hoàn toàn không phải cái thực tế tư duy đang diễn ra ở đó, mới là cái đang gặp phải nguy cơ. Như bất cứ ai, các học giả Oxford coi tư duy của họ được hình thành bởi thực tại vật chất của thời đại họ đang sống. Hầu hết trong số họ đều không hiểu Platon và có lẽ những tác giả khác nữa, theo cái cách sẽ làm suy yếu quyền sở hữu, sự cần thiết phải có trật tự xã hội... Sau khi nhân vật Jude liệu mình viết một bức thư gửi người hiệu trưởng một trường cao đẳng để xin làm sinh viên của trường, anh ta nhận được lời phúc đáp nói rằng một người lao động như anh ta chẳng nên cố gắng thế để làm gì (điều khôi hài là ở chỗ bản thân tác giả Hardy cũng đồng tình với lời khuyên này, mặc dù với lý do không giống thế).

Tại sao cần phải có kiến trúc thượng tầng? Nên nhớ rằng câu hỏi này hoàn toàn khác với câu hỏi tại sao chúng ta có nghệ thuật, luật pháp hay tôn giáo. Có rất nhiều cách trả lời khác nhau. Thay vào đó, câu hỏi đặt ra ở đây là: “Tại sao nghệ thuật, luật pháp và tôn giáo lại chủ yếu phục vụ cho hệ thống hiện tại”. Câu trả lời gói gọn lại trong một khái niệm là, “cơ sở hạ tầng” tự phân tách. Do tồn tại áp bức bóc lột, nó làm xuất hiện các mâu thuẫn. Vai trò của kiến trúc thượng tầng chính là điều chỉnh và hợp pháp hóa những mâu thuẫn ấy. Kiến trúc thượng tầng là cần thiết bởi vì bóc lột tồn tại. Nếu bóc lột không tồn tại, chúng ta vẫn có nghệ thuật, luật pháp và thậm chí là cả tôn giáo nữa. Nhưng lúc đó, nghệ thuật, luật pháp và tôn giáo không còn để phục vụ cho những chức năng nhơ nhuốc đó nữa; thay vào đó, chúng

sẽ xóa bỏ những ràng buộc ấy và trở nên tự do hơn bao giờ hết.

Mô hình “cơ sở hạ tầng – kiến trúc thượng tầng” là một mô hình cấu trúc theo chiều dọc. Tuy nhiên, cũng có thể hiểu mô hình ấy cấu trúc theo chiều ngang. Nghĩa là ở đó, cơ sở hạ tầng là cái rốt cục sẽ chống lại những đòi hỏi của con người – là cái không chịu đầu hàng ngay cả khi mọi biện pháp cải cách khác đã chịu thua. Do đó, mô hình này có một tầm quan trọng chính trị đáng kể. Những ai ủng hộ việc có thể thay đổi những yếu tố nền tảng của xã hội chỉ bằng cách đơn giản là thay đổi tư duy con người hoặc lập nên một đảng phái chính trị mới, sẽ thấy mô hình này có thể được sử dụng để cho biết tại sao những sự việc này, mà đa phần có vai trò cực kỳ quan trọng, lại không phải là những cái mà con người phải sống theo đến cùng. Những người có ý kiến kiểu đó rất có thể lại xoay sang những mục tiêu mang lại những kết quả ngọt ngào hơn. Cơ sở hạ tầng chính là rào cản cuối cùng mà các quan điểm chính trị xã hội chủ nghĩa không ngừng thúc ép. Nói theo cách của dân Mỹ: “ấy mới là mấu chốt của vấn đề”. Và cũng bởi cái “mấu chốt của vấn đề” của người Mỹ nhiều khi là tiền bạc, điều đó rõ ràng cho thấy rất nhiều công dân của mảnh đất tự do này đã trở thành những người theo chủ nghĩa Mác mà không hay biết. Đối với bản thân tôi, thực tế đã giúp tôi thấy rõ điều này nhờ vào một câu chuyện xảy ra cách đây vài năm. Hôm đó, tôi lái xe đi cùng với một vị Trưởng khoa Nghệ thuật của một trường đại học ở vùng Trung Tây nước Mỹ, lướt qua một cánh đồng ngô trải dài, nở rộ hoa vàng óng ả. Đưa mắt liếc nhìn cảnh tượng ấy, bất giác vị Trưởng khoa thốt lên: “Năm nay chắc sẽ được mùa. Chắc sẽ phải trôn mấy tay giáo sư ra đây mới được”.

Những người duy vật không phải là những người không có cảm xúc. Và giả sử họ không có thì cũng không phải vì họ là những người duy vật. Bản thân Các Mác vốn được nuôi dưỡng và giáo dục một cách vô cùng khắt khe theo truyền thống trung Âu vĩ đại. Khi đó, ông chỉ mong sao cho chóng xong cái mà ông gọi một cách khinh miệt là “đồ thô tả kinh tế” (economic crap) trong bộ *Tư bản* để bắt tay viết một cuốn sách về Balzac. Thật đáng tiếc cho ông, nhưng lại là may mắn cho chúng ta là Các Mác đã không bao giờ thực hiện được ước muốn đó. Các Mác đã có lần nói rằng, ông đã hy sinh tất cả sức khỏe, hạnh phúc riêng tư và gia đình khi viết *Tư bản*; nhưng có lẽ ông chỉ là một “con bò đực” nếu ông quay lưng lại nỗi thống khổ của con người[20]. Ông cũng bình phẩm, không ai viết nhiều về tiền bạc như vậy mà lại chẳng có đồng xu dính túi. Các Mác là một con người rất giàu cảm thông, châm biếm và hóm hỉnh, nhưng có một tâm hồn bất khuất, ẩn sau đó là một nội tâm phong phú, nhạy cảm, biết thưởng ngoạn song cũng là một cây bút chiến không khoan nhượng, trong khi phải chống chọi kiên cường với hoàn

cảnh bản hàn và bệnh tật kinh niên[21]. Dĩ nhiên, Các Mác là một người theo chủ nghĩa vô thần, nhưng nên nhớ rằng không phải kẻ mộ đạo nào cũng là người biết hướng về tâm linh. Và những giá trị tinh thần cao cả được đề cao trong đạo Do Thái (công bằng, giải phóng con người, sự ngự trị hòa bình và sung túc vật chất, ngày đền tội; lịch sử loài người như bài tự sự về giải phóng mà sự cứu rỗi không chỉ một cá nhân mà còn là với bất cứ ai bị tước đoạt) đã được tái hiện lại sinh động và cụ thể trong các tác phẩm của Các Mác. Ông còn là người kế thừa truyền thống của đạo Do Thái khi phản đối thói sùng bái thần tượng, sùng bái cá nhân và những ảo tưởng có thể làm nô dịch con người.

Cần lưu ý rằng, nói đến tôn giáo thì cũng có những nhà Mác-xít Do Thái, Mác-xít Hồi Giáo, và Mác-xít Thiên Chúa giáo để gọi tên những người cổ súy cho cái gọi là “thần học tự do”. Tất cả họ đều là những nhà duy vật theo nghĩa từ này của Các Mác. Con gái của Các Mác, bà Eleanor Marx, kể lại rằng, Các Mác từng khuyên vợ mình rằng, nếu như muốn thỏa mãn mong muốn tìm hiểu về siêu hình học, thì nên tìm đọc chúng trong sách tiên tri Do Thái giáo, thay vì tìm hiểu trong Hội những người ủng hộ Chủ nghĩa thế tục (Secular Society) mà bà thỉnh thoảng tham dự[22]. Chủ nghĩa duy vật Mác-xít không phải tập hợp những lời tuyên bố về vũ trụ kiểu như “Mọi thứ được cấu tạo từ nguyên tử”, hay “Thượng đế không tồn tại”. Mà đó là lý luận về các sinh vật hoạt động ra sao trong lịch sử.

Kế thừa truyền thống Do Thái giáo từ gia đình, Các Mác là một nhà tư tưởng đạo đức xuất chúng. Nếu Các Mác từng có ý định viết một cuốn sách về Balzac sau khi hoàn thành bộ *Tư bản* thì ông cũng còn dự định viết một cuốn sách về Đạo đức. Nếu vậy thì chẳng còn gì để nói với cái định kiến cho rằng ông là người phi luân lý một cách nhẵn tâm với cách tiếp cận xã hội chỉ mang tính khoa học thuần túy. Thật khó mà hình dung con người này lại viết rằng chủ nghĩa tư bản đã xé nát tất cả những mối liên hệ ràng buộc chân thực nhất giữa con người với con người, và thay vào đó là thói ích kỷ, nhu cầu chỉ biết đến bản thân, và phân hủy thể giới con người thành thể giới của những “cá nhân nhỏ bé, thù địch lẫn nhau”[23]. Các Mác tin rằng cái thứ đạo đức đang thống soái trong xã hội tư bản – cái tư tưởng cho rằng “tôi sẽ chỉ phục vụ anh chừng nào tôi được lợi” – là phong cách sống đáng ghê tởm. Chúng ta sẽ không hành xử như vậy với bạn bè, hay với con cái theo cách ấy, vậy thì có sao chúng ta lại đi chấp nhận đó là điều hoàn toàn hiển nhiên khi đối xử như vậy với người khác trong xã hội?

Đúng là Các Mác thường xuyên lên án giáo lý (morality). Tuy nhiên, khi lên án giáo lý, Các Mác muốn nói đến những nghiên cứu về lịch sử bỏ qua các yếu tố vật chất mà chỉ chú trọng đến các yếu tố tinh thần. Do đó, sự

nguyên cứu loại này phải được gọi là “giáo điều” (moralism) chứ không phải là “giáo lý”. Chủ nghĩa giáo điều trừu tượng hóa một thứ nào đó là “các giá trị đạo đức” từ trong bối cảnh lịch sử tổng thể mà những giá trị này được đặt vào, và do đó thường dẫn tới những nhận định thuần túy đạo đức. Trong khi đó, một nguyên cứu mang tính đạo đức đúng nghĩa luôn xem xét cân nhắc tất cả mọi mặt liên quan đến một hoàn cảnh con người cụ thể. Nó tuyệt đối không tách biệt những giá trị, hành xử, các mối quan hệ và phẩm chất cá nhân của con người ra khỏi những yếu tố xã hội và lịch sử hình thành nên chúng. Nhờ đó mới tránh khỏi sự phân tách sai lầm giữa một bên là những nhận định mang tính đạo đức và một bên là những phân tích khoa học. Một nhận định đạo đức đúng nghĩa cần xem xét tất cả những sự vật, hiện tượng có liên quan một cách nghiêm khắc nhất. Xét theo nghĩa này thì Các Mác chính là một nhà đạo đức học đúng nghĩa theo truyền thống của Aristotle, cho dù Các Mác không bao giờ biết mình là như vậy.

Hơn nữa, Các Mác thuộc về truyền thống Aristotle vĩ đại, theo đó giáo lý không đơn thuần chỉ là một vấn đề của luật pháp, bốn phần chuẩn mực, những điều răn mà là làm thế nào để sống tự do nhất, trọn vẹn nhất và tự đáp ứng được nhiều nhất. Giáo lý trong quan niệm của Các Mác rốt cục là hạnh phúc với chính mình. Nhưng vì không ai có thể sống cuộc sống biệt lập, nên đạo đức cũng phải kéo theo sự tham gia của chính trị. Tư tưởng Aristotle cũng hoàn toàn như vậy.

Vấn đề tâm linh lại thuộc về một thế giới khác nữa. Nhưng không phải về một thế giới khác như các giáo sĩ vẫn thường quan niệm. Đó là một thế giới khác mà những người cộng sản muốn xây đắp nên trong tương lai, thay thế cho cái thế giới hiện tại rõ ràng đã trở nên không còn cần thiết nữa. Và nếu ai đó không quan niệm một thế giới khác theo nghĩa này thì hẳn là người đó chưa hề biết suy xét những gì xung quanh mình.

[1] Etienne Balibar: *Triết học Mác* (The Philosophy of Marx), London, 1995, p.2.

[2] Xem Alfred Schmidt: *Khái niệm bản chất ở Marx* (The Concept of Nature in Marx), London, 1971, p.24.

[3] Alfred Schmidt. *Sđđ*. p.26

[4] Alfred Schmidt. *Sđđ*. p.25

[5] Tác giả sử dụng hình ảnh tháp ngà để chỉ tình trạng sống khép kín không liên hệ với thực tế bên ngoài, chủ yếu là những triết gia thời xưa (ND).

[6] Jurgen Habermas: *Kiến thức và những quan tâm của con người* (Knowledge and Human Interests), Oxford, 1987, p.35.

[7] Kabbalah là một hệ thống triết học tôn giáo khẳng định sự thấu hiểu được bản chất của thần thánh (ND).

[8] Xem Alex Callinicos: *Những tư tưởng cách mạng của Các Mác* (The Revolutionary Ideas of Karl Marx), London và Sydney, 1983, p.31.

[9] “Hệ tư tưởng Đức” tập 1, trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia, H.1995, t3, tr43.

[10] Dĩ nhiên câu này không có nghĩa là "đặt ra quá nhiều vấn đề". Những bạn đọc nào hiểu như vậy nên tham khảo *Từ điển tiếng Anh Oxford*.

[11] John Macmurray: *Bản thân là tác nhân* (The Self as Agent), London, 1957, p.101.

[12] John Elster: *Tìm hiểu Mác* (Making Sense of Marx), Cambridge, 1985, p.64.

[13] Muốn biết hai nghiên cứu lý thú về những quan hệ giữa hai nhà tư tưởng này, xem David Rubinstein, *Mác và Wittgenstein: Tri thức, Giáo lý và Chính trị* (Marx and Wittgenstein: Knowledge, Morality and Politics), London, 1981, và G.Kitching và Nigel Pleasants (Chủ biên): *Mác và Wittgenstein*, London, 2006.

[14] “Hệ tư tưởng Đức”, tập 1, trong *Các Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập*, NXB. Chính trị quốc gia, H.1995, t.3, tr.37.

[15] Trong tác phẩm *Những ghi chép về Vácno* (Notes on Wagner), Mác sử dụng những thuật ngữ của Freud khi viết rằng con người trước tiên phân biệt các đối tượng trong thế giới nhờ đau đớn và sung sướng, sau đó mới phân biệt cái nào trong đó thỏa mãn nhu cầu và cái nào không. Kiến thức, như theo Nietzsche, bắt đầu dưới hình thức kiểm soát những đối tượng này. Bởi vậy, theo cả Mác và Nietzsche, nó có quan hệ với khả năng.

[16] William Empson: *Một số phác họa đồng quê* (Some Versions of Pastoral), London, 1966, p.114.

[17] Theodor Adorno: *Lăng kính* (Prisms), London, 1967, p.260

[18] Hannah Arendt (Chủ biên): *Walter Benjamin: Illuminations*, London, 1973, pp.256-257.

[19] Xem “Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị - Lời tựa”, trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H.1993, t13, tr.15.

[20] G.A.Cohen: *Lịch sử, lao động và tự do* (History, Labour and Freedom), Oxford, 1988, p.178.

[21] Xem S.H.Rigby: *Ăngghen và sự hình thành chủ nghĩa Mác* (Engels and the Formation of Marxism), Manchester, 1992, p.233.

[22] Xem Francis Wheen: *Karl Marx*, London, 1999.

[23] Xem Max Beer: *Năm mươi năm chủ nghĩa xã hội quốc tế* (Fifty year of International Socialism), London, 1935, p.74.

CHƯƠNG 7

HIỆN NAY KHÔNG CÒN ĐAU TRANH GIAI CẤP?

PHẢN BÁC:

Nỗi ám ảnh chán ngắt về giai cấp đã khiến chủ nghĩa Mác quá ư lạc hậu. Những người theo chủ nghĩa Mác dường như đã không để ý rằng, hình ảnh giai cấp xã hội đã thay đổi không còn nhận ra so với ngày Các Mác viết những tác phẩm của mình. Cụ thể là giai cấp công nhân, những người họ hình dung một cách ngây thơ rằng, sẽ đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội, đã biến mất hầu như không còn dấu vết. Ngày nay, chúng ta đang sống trong một thế giới hòa đồng (social world), nơi mà những vấn đề giai cấp ngày càng ít đi, tính lưu động xã hội ngày càng lớn, và việc bàn luận về đấu tranh giai cấp cũng cổ xưa như bàn luận về việc thiêu chết những người dị giáo. Những người công nhân cách mạng, giống như những ông chủ tư bản độc ác, là điều bịa đặt trong trí tưởng tượng của những người theo chủ nghĩa Mác.

BIỆN GIẢI:

Chúng ta thấy rằng, những người theo chủ nghĩa Mác có vấn đề với chủ nghĩa xã hội không tưởng. Đây là một lý do vì sao họ phản đối một cách ảo tưởng rằng, chỉ vì ngày nay những vị giám đốc điều hành có thể chưng diện những chiếc giày thể thao hàng hiệu, nghe nhạc Range Against the Machine^[1] và giai cấp xã hội đã biến mất khỏi bề mặt trái đất. Chủ nghĩa Mác không định nghĩa giai cấp theo phong cách sống, địa vị, thu nhập, giọng nói, nghề nghiệp hay tình trạng gia đình. Những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội không phải đấu tranh hay đôi khi hy sinh qua hàng thế kỷ chỉ đơn giản để chấm dứt thói trường giả học làm sang.

Khái niệm kỳ quặc của người Mỹ về "chủ nghĩa giai cấp" dường như chỉ ra rằng hầu như giai cấp là vấn đề thái độ. Tầng lớp trung lưu nên ngừng tỏ ra khinh bỉ giai cấp lao động giống như người da trắng nên thôi cảm thấy mình cao cấp hơn những người Mỹ gốc Phi. Nhưng chủ nghĩa Mác không phải là vấn đề thái độ. Đối với chủ nghĩa Mác, giống như đức hạnh đối với Aristotle, giai cấp không phải là vấn đề anh cảm thấy thế nào mà là anh đang làm gì. Đó là vấn đề anh đang đứng ở đâu trong một phương thức sản xuất cụ thể – dù là nô lệ, nông dân tự canh tác, tá điền, chủ tư bản, tài phiệt, người bán sức lao động, tiểu tư sản,... Chủ nghĩa Mác chưa bị đẩy đến bước phá

sản do những học sinh trường Eton^[2]² đã bắt đầu trở thành những người không có học thức, những hoàng tử hoàng tộc nôn mửa ra rãnh nước bên ngoài những hộp đêm, hay một số nghi thức cổ xưa độc đáo đã bị lu mờ bởi chất dung môi phổ biến được biết đến là tiền. Thực ra, việc tầng lớp quý tộc châu Âu rất vinh dự được đàn đúm với ca sĩ nhạc rock Mick Jagger rõ ràng không thể đánh dấu sự khởi đầu cho xã hội không có giai cấp.

Chúng ta đã nhiều lần được nghe nói đến sự biến mất của tầng lớp lao động... Tuy nhiên, trước khi chúng ta chuyển sang chủ đề đó, thì sự biến mất không báo trước của giai cấp tư sản giàu sang truyền thống hay giai cấp trung lưu bên trên là gì? Như Perry Anderson đã viết, loại người được khắc họa một cách đáng nhớ bởi những tiểu thuyết gia như Marcel Proust và Thomas Mann đều đã bị tuyệt chủng. Anderson viết: "nhìn chung giai cấp tư sản, như Baudelaire hay Các Mác, Ibsen hay Rimbaud, Groz hay Brecht – thậm chí Sartre hay O'Hara – đều thuộc về quá khứ". Tuy nhiên, những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội không nên quá phấn khích bởi cáo phó này. Như những gì mà Anderson tiếp tục bình luận: "thay thế cho giảng đường vững chắc đó là một biển rộng những dạng thức phù du, trôi nổi – những người đặt kế hoạch (projector) và những giám đốc quản lý, kiểm toán viên và người dọn dẹp vệ sinh, nhân viên chính quyền và những kẻ đầu cơ tư bản hiện đại: chức năng của hệ thống tiền tệ được biết đến là không có tính chất hao mòn xã hội hay tính đồng nhất ổn định"^[3]³. Giai cấp luôn luôn thay đổi kết cấu của nó. Nhưng như thế không có nghĩa là nó hoàn toàn biến mất không dấu vết.

Bản chất của chủ nghĩa tư bản là làm tiêu tan những nét độc đáo, đánh đổ các thứ bậc và pha trộn hỗn lộn những dạng thức phong phú nhất của cuộc sống với nhau. Không có hình thức nào lai tạp và mang tính đa nguyên hơn. Nếu nói về người nào cần bị bóc lột, hệ thống này sẽ là người theo chủ nghĩa bình quân đáng ngưỡng mộ. Nó chống lại tôn ti trật tự như chủ nghĩa hậu hiện đại với đạo đức giả nhất, nhưng cũng bao dung rộng lượng như giáo hoàng phái Anh đứng đắn nhất. Thật đáng lo ngại khi không loại trừ ai cả. Nơi nào có thể tạo ra lợi nhuận, người da đen hay da trắng, đàn bà hay đàn ông, trẻ con hay người già, những vùng lân cận ở Wakefield hay những ngôi làng nông thôn ở Sumatra, đều được đối xử công bằng không chệch vào đâu được. Hàng hóa không kiểm tra xem những khách hàng tiềm năng của nó học ở trường nào hoặc có nói ngọng hay không. Nó luôn áp đặt một hình thức thống nhất mà Các Mác hoàn toàn phản đối như chúng ta đã thấy.

Vì vậy, chúng ta không nên bắt ngờ rằng chủ nghĩa tư bản tiến bộ sẽ nuôi dưỡng ảo tưởng về tình trạng phi giai cấp. Đây không đơn giản là mặt trước

của tòa nhà mà đằng sau đó chế độ này đang che giấu những bất bình đẳng, mà đây thuộc về bản chất của loài thú vật. Tuy vậy, có những tương phản đáng chú ý giữa không khí vui vẻ thân mật trong những văn phòng hiện đại với hệ thống toàn cầu mà ở đó sự khác biệt giữa giàu sang và quyền lực lớn hơn bao giờ hết. Hệ thống cấp bậc lỗi thời ở một số lĩnh vực kinh tế đã nhường chỗ cho những dạng thức, tổ chức phi tập trung hóa, dựa vào mạng lưới, làm việc theo nhóm, phong phú thông tin, gọi nhau theo tên thân mật, áo không cài khuy cổ. Nhưng vốn vẫn tập trung vào một số ít người hơn bao giờ hết, và cấp độ nghèo túng và mất quyền sở hữu tăng lên từng giờ. Trong khi những vi giám đốc điều hành vượt thẳng quần jeans bên trên đôi giày thể thao của mình, thì hơn một triệu người khắp hành tinh bị đói mỗi ngày. Hầu hết những thành phố lớn ở phía Nam địa cầu đều là những khu ổ chuột hôi hám đầy rẫy bệnh tật và chật chội quá mức, và những người sống trong khu ổ chuột chiếm một phần ba dân thành thị trên toàn cầu. Tổng số người nghèo thành thị chiếm ít nhất một nửa dân số thế giới[4]. Trong khi đó, một số người ở phương Tây cố gắng tìm nhiệt tình của mình theo kinh Phúc Âm để truyền bá nền dân chủ tự do đến những người còn lại trên trái đất, ở chính cái nơi mà vận mệnh thế giới đang được quyết định bởi một nhóm tập đoàn phương Tây chỉ chịu trách nhiệm trước không ai khác ngoài những cổ đông của họ.

Mặc dù vậy, những người ủng hộ chủ nghĩa Mác không đơn thuần "chống lại" tầng lớp tư bản, như người ta chống lại việc săn bắn thú rừng hay hút thuốc lá. Chúng ta đã thấy rằng, không ai ngưỡng mộ những thành tựu to lớn của họ hơn Các Mác. Chính bản thân chủ nghĩa xã hội cũng cần dựa trên những thành tựu này: sự phản đối cương quyết đối với chuyên chế chính trị, sự tích lũy của cải quy mô lớn mang lại viễn cảnh cho sự thịnh vượng chung, tôn trọng cá nhân, tự do công dân, quyền dân chủ, một cộng đồng quốc tế thực sự... Lịch sử giai cấp đã từng có được không dễ dàng bị loại bỏ. Như chúng ta đã nói, chủ nghĩa tư bản đã chứng tỏ là một lực lượng mang tính giải phóng nhưng cũng đồng thời thảm khốc không kém; và chỉ có chủ nghĩa Mác, chứ không phải bất kỳ một học thuyết chính trị nào khác, đã cố gắng truyền tải một giải thích đúng đắn về chủ nghĩa tư bản, khác hẳn với sự tán dương hồ đồ hoặc kết tội chụp mũ. Tuy nhiên, trong số những món quà to lớn mà chủ nghĩa tư bản ban cho thế giới, có thứ ngoài dự tính đó là giai cấp công nhân – một lực lượng xã hội mà chủ nghĩa tư bản đã dựng lên vì những mục đích tư lợi của chính nó đến mức giai cấp này về nguyên tắc có khả năng tiếp quản lại chủ nghĩa tư bản. Đây là một lý do vì sao sự trở trêu lại nằm ngay trong viễn cảnh của Các Mác về lịch sử. Viễn cảnh của trật tự tư bản chủ nghĩa đã chứa đựng một không khí u ám sản sinh ra người đào mồ chôn chính nó.

Chủ nghĩa Mác không đặt trọng tâm vào giai cấp công nhân chỉ vì nó nhìn thấy một số ưu điểm xuất sắc của lao động. Những tên kẻ trộm và chủ ngân hàng cũng phải làm việc vất vả, nhưng Các Mác không nổi tiếng bởi sự đấu tranh cho những loại người này (tuy nhiên, ông đã từng viết về những kẻ trèo tường khoét vách trong một bài văn khôi hài nhại lại học thuyết kinh tế của chính ông). Như chúng ta đã thấy, chủ nghĩa Mác muốn thủ tiêu lao động càng nhiều càng tốt. Chủ nghĩa Mác cũng không đặt tầm quan trọng chính trị như vậy vào giai cấp công nhân bởi họ được cho là bị chà đạp nhất trong số các nhóm xã hội. Có rất nhiều nhóm như thế – dân du mục, sinh viên, người tị nạn, người già, người thất nghiệp tạm thời và những người thất nghiệp lâu năm – là những người nghèo túng hơn người lao động bình thường. Giai cấp công nhân vẫn không ngừng là mối quan tâm đối với những người ủng hộ chủ nghĩa Mác ngay cả khi họ có được phòng vệ sinh trong nhà hay ti vi màu. Mà điểm quyết định nhất chính là giai cấp công nhân có được vị trí trong lòng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Chỉ có những ai trong hệ thống đó, đã quen với cách làm việc, được chủ nghĩa tư bản tổ chức thành một lực lượng có kỹ năng, có ý thức tập thể và chính trị tinh tảo. Là những người không thể thiếu được đối với sự hoạt động thành công của chủ nghĩa tư bản nhưng có lợi ích vật chất bị nó làm cho suy giảm, mới có khả năng tiếp quản và vận hành nó vì lợi ích của tất cả mọi người. Không một chính sách gia trưởng thiện chí hay những người kích động bên ngoài nào có thể làm điều đó vì họ – điều đó muốn nói rằng quan tâm của Các Mác đến giai cấp công nhân (mà dưới thời ông chiếm phần lớn dân số) là không thể tách rời sự tôn trọng của ông đối với nền dân chủ.

Nếu Các Mác gán cho giai cấp công nhân (và một số thứ khác nữa) tầm quan trọng như thế là vì ông coi họ là những người mang sứ mệnh giải phóng cho tất cả loài người.

"Ở sự hình thành một giai cấp bị trói buộc bởi những xiềng xích triệt để, một giai cấp của xã hội công dân mà không phải là giai cấp của xã hội công dân; ở sự hình thành một lĩnh vực do phải chịu những đau khổ phổ biến mà có tính chất phổ biến và không đòi hỏi một quyền đặc thù nào cả, vì cái đang đè nặng lên nó không phải là sự vô quyền đặc thù mà là sự vô quyền nói chung, không còn có thể viện đến quyền lịch sử mà chỉ có thể viện đến quyền của con người... - tóm lại, một lĩnh vực biểu hiện sự mất đi hoàn toàn của con người và do đó chỉ có thể hồi sinh được bản thân mình bằng cách hồi sinh con người một cách hoàn toàn. Kết quả ấy của sự giải thể của xã hội, với tính cách là một đẳng cấp đặc thù, chính là giai cấp vô sản"[5].

Đối với Các Mác, giai cấp công nhân về ý nghĩa nào đó là một nhóm xã

hội cụ thể. Không chỉ bởi vì theo ông, nó báo hiệu sự sai lầm kéo theo nhiều loại sai lầm khác (chiến tranh đế quốc, mở rộng thuộc địa, đói kém, diệt chủng, sự tước đoạt thiên nhiên, và ở mức độ nào đó là chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chế độ gia trưởng), mà nó còn có ý nghĩa to lớn vượt ra ngoài vi phạm của chính nó. Với nghĩa này, nó giống như anh chàng giờ đầu chịu báng trong những xã hội cổ đại, bị đuổi ra khỏi thành phố bởi vì đại diện cho tội phạm phổ biến, nhưng cũng cùng lý do đó mà có được sức mạnh để trở thành nền móng của một trật tự mới. Bởi vì, giai cấp công nhân vừa cần thiết cho chế độ tư bản chủ nghĩa, đồng thời cũng bị chính chế độ tư bản loại trừ, "cái giai cấp mà không phải là một giai cấp" này là một điều bí ẩn hay câu hỏi hóc búa chưa có lời giải. Theo nghĩa đen hoàn toàn, nó tạo ra trật tự xã hội – mà cả một cơ ngơi đồ sộ phải dựa vào lực lượng lao động thâm lậu, bần bĩ của nó – nhưng nó lại không thể tìm thấy sự đại diện thực sự nào trong trật tự đó, không được thừa nhận đầy đủ về nhân tính của nó. Nó có khả năng lao động, nhưng đồng thời cũng bị tước quyền sở hữu, vừa cụ thể lại vừa phổ biến, một phần không thể thiếu của xã hội loài người nhưng lại không là một cái gì cả.

Theo nghĩa đó, do chính cái nền tảng của xã hội này có tính tự mâu thuẫn nên giai cấp công nhân báo hiệu thời điểm mà ở đó toàn bộ cơ sở logic của trật tự đó bắt đầu phân hủy và tan rã. Nó là bảo bối có khả năng lật ngược tình thế của nền văn minh, một nhân tố chắc chắn không phải ở bên trong cũng không phải ở bên ngoài, một vị thế mà ở đó dạng thức sự sống đó bị buộc phải đương đầu với chính mâu thuẫn hình thành nên nó. Bởi vì giai cấp công nhân không có lợi ích thực sự trong tình trạng nguyên trạng, nó trở nên phần nào vô hình bên trong nó; nhưng cùng với lý do đó, nó có thể báo trước một tương lai thay thế khác. Đó là "sự tan rã" của xã hội theo chủ nghĩa phủ định của nó – sản phẩm phế thải hay thứ rác rưởi mà trật tự xã hội không thể tìm được đúng nơi dành cho nó. Theo nghĩa này, nó như là một dấu hiệu nào đó cho sự phá hủy và tái tạo căn bản cần thiết để bao gồm cả nó. Nhưng nó cũng là sự tan rã của xã hội hiện tại với nghĩa tích cực hơn, vì khi giai cấp công nhân nắm được chính quyền, cuối cùng sẽ thủ tiêu hoàn toàn xã hội có giai cấp. Những cá nhân rốt cục sẽ không còn chịu sự ràng buộc của giai cấp xã hội, và sẽ có khả năng tự phát triển bản thân. Theo nghĩa này, giai cấp công nhân cũng mang tính "phổ biến", bởi trong sự cố gắng thay đổi hoàn cảnh, họ cũng có thể rung chuông hạ màn toàn bộ bản trường ca bản thiêu của xã hội có giai cấp.

Vì vậy, đây lại là một sự trớ trêu hay mâu thuẫn nữa – chỉ thông qua giai cấp thì giai cấp mới chiến thắng được. Nếu chủ nghĩa Mác quá say sưa với khái niệm giai cấp, thì đó là vì nó muốn nhìn thấy mặt sau của giai cấp.

Chính Các Mác dường như đã coi giai cấp xã hội như là một hình thức của sự tha hóa. Gọi con người đơn thuần là "công nhân" hay "tư bản" là để che đi những tính cách riêng biệt của họ bên dưới một phạm trù vô hình. Nhưng sự tha hóa chỉ có thể được xóa bỏ từ bên trong. Chỉ bằng cách thông qua giai cấp, chấp nhận nó như là một thực thể xã hội không thể tránh khỏi thay vì mong ước nó biến mất, mới có thể phá hủy nó. Điều này cũng đúng đối với dân tộc và giới tính. Coi mỗi cá nhân là duy nhất cũng là chưa đủ, như những người Mỹ theo chủ nghĩa tự do (có lẽ bao gồm cả trùm truyền thông Donald Trump và những kẻ giết người hàng loạt ở Boston – The Boston Strangler) coi ai cũng là "đặc biệt". Theo một nghĩa nào đó thì việc mọi người ẩn danh tập trung với nhau có thể coi là sự tha hóa, nhưng theo nghĩa khác, nó lại là điều kiện cho sự giải phóng họ. Lại một lần nữa, lịch sử chuyển động bằng mặt "xấu" của nó. Những người theo chủ nghĩa tự do đầy thiện chí mà coi mỗi thành viên của Phong trào Giải phóng Ruritania^[6] như một cá nhân duy nhất đã không nắm bắt được mục đích của phong trào này. Mục đích của nó là làm cho những người Ruritania có thể thực sự tự do là chính mình. Tuy nhiên, nếu ngay bây giờ họ được như thế, họ có thể không cần Phong trào Giải phóng.

Việc chủ nghĩa Mác nhìn xa vượt ra ngoài giai cấp công nhân khi xem xét nó còn mang một ý nghĩa khác nữa. Không một người ủng hộ chủ nghĩa xã hội có tự trọng nào từng tin rằng giai cấp công nhân có thể tự mình hạ bệ chủ nghĩa tư bản. Chỉ gò ép làm đồng minh chính trị thôi đã có thể coi là một nhiệm vụ nan giải. Chính Các Mác đã nghĩ rằng, giai cấp công nhân nên ủng hộ giai cấp nông dân tiểu tư sản, không chỉ ở những nước Pháp, Nga và Đức, nơi mà công nhân công nghiệp vẫn còn ít. Những người Bôn-sê-vích cũng đã tìm cách vun đắp một mặt trận liên minh của công nhân, nông dân nghèo, quân nhân, thủy thủ, trí thức thành thị v.v...

Khía cạnh này có điểm đáng lưu ý là những người vô sản đầu tiên lại không phải là những nam thanh niên cổ xanh. Mà đó lại là những người phụ nữ thuộc tầng lớp dưới trong xã hội cổ đại. Từ "giai cấp vô sản" bắt nguồn từ tiếng Latinh là "con đẻ", có nghĩa là, những người quá nghèo chỉ có thể phục vụ nhà nước bằng dạ con của mình. Do quá thiếu thốn không thể đóng góp cho cuộc sống kinh tế bằng bất kỳ cách nào khác, những người phụ nữ này tạo ra lực lượng lao động dưới dạng trẻ em. Họ không có gì để giao nộp ngoài thành quả của cơ thể họ. Cái mà xã hội yêu cầu ở họ không phải là sản xuất mà là tái sản xuất. Giai cấp vô sản bắt đầu cuộc sống từ những thứ nằm ngoài quá trình lao động chứ không phải nằm bên trong quá trình đó. Thế nhưng, công việc vất vả mà họ phải chịu đựng còn đau đớn hơn là đi phá đá.

Ngày nay, trong kỷ nguyên của những xí nghiệp bóc lột công nhân tàn tệ

và lao động công nghiệp ở Thế giới thứ ba, người vô sản điển hình vẫn là phụ nữ. Công việc lao động trí óc dưới thời Victoria hầu hết được thực hiện bởi những người đàn ông thuộc tầng lớp trung lưu bên dưới thì ngày nay, phần lớn dành cho công nhân nữ, những người thường được trả lương ít hơn công nhân nam lao động chân tay không có kỹ thuật. Cũng chính những phụ nữ là những người cung cấp nhân viên cho sự bành trướng rộng lớn của những công việc bán hàng và văn phòng khi ngành công nghiệp nặng suy giảm mạnh sau Thế chiến thứ nhất. Trong thời của Các Mác, nhóm những người làm công ăn lương lớn nhất không phải là giai cấp công nhân công nghiệp mà là đầy tớ trong nhà, hầu hết là phụ nữ.

Vì vậy, giai cấp công nhân không phải luôn luôn là đàn ông, khỏe mạnh và khéo tay với một chiếc búa tạ. Nếu bạn nghĩ theo cách đó, bạn sẽ thấy sững sốt bởi tuyên bố của nhà địa lý David Harvey rằng: "giai cấp vô sản thế giới chưa bao giờ nhiều như hiện nay" [7]. Nếu giai cấp công nhân có nghĩa là những công nhân nhà máy cỏ xanh, thì xã hội tư bản chủ nghĩa tiên tiến thực sự giảm rõ rệt – mặc dù, một phần là do những công việc như vậy đã được xuất khẩu sang những vùng nghèo nàn hơn trên thế giới. Tuy nhiên, đúng là việc làm trong ngành công nghiệp trên phạm vi toàn cầu đã giảm xuống. Ngay cả khi nước Anh là phân xưởng của thế giới, những người giúp việc trong gia đình và những người lao động nông nghiệp vẫn nhiều hơn công nhân chế tạo [8]. Xu hướng giảm lao động chân tay và tăng lao động trí óc không phải là hiện tượng "hậu hiện đại". Trái lại, có thể thấy điều đó ngay từ những ngày đầu của thế kỷ XX.

Các Mác không cho rằng, bạn phải lao động chân tay để được coi là giai cấp công nhân. Ví dụ, trong bộ *Tư bản*, ông xếp những người lao động trong ngành thương mại cùng hạng với công nhân công nghiệp, và không đồng nhất hoàn toàn giai cấp vô sản với cái được gọi là công nhân sản xuất theo nghĩa là những người trực tiếp tạo ra hàng hóa. Đúng hơn là giai cấp công nhân bao gồm tất cả những người bị ép bán sức lao động của mình cho tư bản, những người tiều tụy vì những kỷ luật hà khắc và những người không có hoặc có rất ít quyền kiểm soát điều kiện lao động của mình. Nói một cách tiêu cực, chúng ta có thể mô tả họ là những người được nhiều lợi nhất nếu chủ nghĩa tư bản sụp đổ. Theo nghĩa này, những lao động cổ trắng tầng lớp dưới, thường là những người không có kỹ thuật, lương thấp, việc làm bấp bênh và không có tiếng nói trong quá trình lao động được tính trong nhóm đó. Có cả giai cấp công nhân lao động trí óc cũng như lao động công nghiệp, bao gồm rất nhiều công nhân kỹ thuật, văn phòng và hành chính bị tước đi sự tự chủ và quyền của mình. Chúng ta nên nhớ lại, giai cấp không chỉ là vấn đề về sở hữu hợp pháp trừu tượng mà còn là khả năng triển khai sức mạnh

của mình đối với người khác nhờ lợi thế của chính mình.

Trong số những người mong muốn chủ trì lễ tang của giai cấp công nhân, rất nhiều người xuất thân từ sự phát triển ghê gớm của lĩnh vực dịch vụ, thông tin liên lạc. Sự quá độ từ công nghiệp đến chủ nghĩa tư bản "cuối cùng", chủ nghĩa tư bản "tiêu dùng", chủ nghĩa tư bản "hậu công nghiệp" hoặc "hậu hiện đại" thực sự đã kéo theo một số thay đổi đáng kể, như ta đã thấy gần đây. Nhưng chúng ta cũng thấy rằng, không gì trong số này thay thế được bản chất cơ bản của những mối quan hệ sở hữu tư bản chủ nghĩa. Ngược lại, những thay đổi như vậy, những thay đổi như vậy hầu như là để mở rộng và củng cố chúng. Cũng cần nhớ lại rằng, công việc trong lĩnh vực dịch vụ cũng có thể nặng nhọc, bần thiêu và không thú vị như những công việc trong ngành công nghiệp truyền thống. Chúng ta không những phải nghĩ đến những bếp trưởng sang trọng và nhân viên tiếp tân ở Phố Harley mà còn nghĩ đến công nhân bốc vác, vận tải, dọn phế thải, bưu điện, bệnh viện, vệ sinh và cung cấp thực phẩm. Quả thực là, hầu như không nhìn thấy được sự khác biệt giữa công nhân dịch vụ và chế tạo nếu xét về lương, điều kiện làm việc và quản lý giám sát. Những người làm việc ở tổng đài cũng bị bóc lột giống như những người lao động cực nhọc ở mỏ than. Gọi tên là "dịch vụ" hay "lao động cô trắng" làm mờ nhạt những khác biệt to lớn giữa phi công hàng không và nhân viên bảo vệ bệnh viện, hay công chức cấp cao và nữ phục vụ khách sạn. Như Jules Townshend bình luận: "Việc phân loại công nhân lao động trí óc ở lớp dưới, những người không kiểm soát được công việc của mình, phải chịu lương thấp và việc làm bấp bênh, không thuộc giai cấp công nhân là có vấn đề"[\[9\]](#).

Trong mọi trường hợp, bản thân ngành công nghiệp dịch vụ liên quan đến rất nhiều hàng hóa chế tạo. Nếu công nhân công nghiệp bị xếp dưới nhân viên ngân hàng và nhân viên phục vụ quán rượu, thì tất cả quầy thu ngân, bàn làm việc, quầy bán rượu, máy tính và máy rút tiền mặt ở đâu ra? Một nữ nhân viên phục vụ, tài xế, trợ giảng hay thợ sửa máy tính không được tính là tầng lớp trung lưu đơn giản vì họ không sản xuất ra những sản phẩm hữu hình. Nếu xét đến lợi ích vật chất thì họ cũng có nhiều lợi ích khi thiết lập một trật tự xã hội công bằng hơn như đối với những người nô lệ bị bóc lột nhất vậy. Chúng ta cũng nên nhớ rằng, một lực lượng lớn người nghỉ hưu, thất nghiệp và bệnh tật kinh niên, cùng với những người không có nghề nghiệp ổn định, không phải là một bộ phận cố định của quá trình lao động "chính thức" nhưng là những người chắc chắn được tính là giai cấp công nhân.

Đúng là công việc về kỹ thuật, hành chính và quản trị đã tăng lên mạnh mẽ, vì chủ nghĩa tư bản sử dụng công nghệ để sản xuất được nhiều sản phẩm

hơn trong khi cần ít nhân công hơn. Thế nhưng nếu điều này không bác bỏ chủ nghĩa Mác thì một phần là bởi chính Các Mác cực kỳ lưu ý đến nó. Từ giữa thế kỷ XIX, ông đã viết về "sự gia tăng liên tục của tầng lớp trung lưu", trong đó ông phê phán môn kinh tế chính trị chính thống đã bỏ sót vấn đề này. Đây là những người "đứng ở giữa ranh giới, một bên là công nhân, còn bên kia lại là nhà tư bản"[\[10\]](#) – một cách diễn đạt vừa đủ để làm mất uy tín câu chuyện hoang đường rằng, Các Mác biến sự phức tạp của xã hội hiện đại thành hai giai cấp hoàn toàn phân cực. Trong thực tế, một nhà phân tích lập luận rằng, ông đã nhìn thấy trước sự biến mất thực sự của giai cấp vô sản giống như ta đã biết dưới thời của ông. Không phải bị lật đổ bởi những người tước quyền sở hữu và nghèo đói, mà chủ nghĩa tư bản hạ bệ bởi sự áp dụng khoa học kỹ thuật tiên bộ vào sản xuất, một hoàn cảnh có thể đem lại một xã hội của những cá nhân tự do và bình đẳng. Bất luận nghĩ gì về tác phẩm này của Các Mác, không có gì nghi ngờ rằng ông đã nhận thức rõ ràng về việc làm thế nào mà phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày càng sản sinh ra nhiều lao động chuyên môn và kỹ thuật như vậy. Ông đã nói trong tác phẩm *Grundrisse* về "kiến thức xã hội tổng quát đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp", một cụm từ hình dung trước cho cái mà hiện nay người ta gọi là xã hội thông tin.

Thế nhưng, sự phổ biến của lĩnh vực kỹ thuật và quản lý hành chính đã khiến cho đường ranh giới không ngừng mờ nhạt giữa giai cấp công nhân và tầng lớp trung lưu. Công nghệ thông tin mới báo hiệu sự biến mất của rất nhiều công việc truyền thống, cùng với tình trạng giảm mạnh sự ổn định kinh tế, cơ cấu việc làm ổn định và thiên hướng nghề nghiệp. Một ảnh hưởng của nó là làm gia tăng quá trình vô sản hóa những nhà chuyên môn, cùng với tình trạng tái vô sản hóa rất nhiều công nhân công nghiệp. Như John Gray chỉ rõ: "Tầng lớp trung lưu đang đang gặp lại tình trạng kinh tế bấp bênh không có tài sản đã từng làm khổ sở giai cấp vô sản thế kỷ XIX"[\[11\]](#). Nhiều người trong số đó mà theo truyền thống sẽ bị gán mác giai cấp trung lưu bậc thấp – giáo viên, công nhân xã hội, kỹ sư, nhà báo, mục sư bậc trung và viên chức hành chính – thì nay phải chấp nhận một quá trình vô sản hóa tàn nhẫn, bởi vì họ phải chịu một sức ép từ những kỷ luật quản lý chặt chẽ. Và điều này có nghĩa là họ cũng bị lôi cuốn vào sự nghiệp của giai cấp công nhân khi có một cuộc khủng hoảng chính trị.

Tất nhiên, sẽ là điều tuyệt vời cho những người theo chủ nghĩa xã hội nếu những vị giám đốc, quản lý và các nhà quản trị kinh doanh hàng đầu cũng đấu tranh vì sự nghiệp của họ. Những người Mác-xít không hề chống lại những quan tòa, ngôi sao nhạc rock, trùm truyền thông và những vị tướng lĩnh đang nhiệt tình gia nhập hàng ngũ của họ. Không có gì ngăn cản Rupert

Murdoch và Paris Hilton, miễn là họ chứng tỏ đã biết ăn năn hối lỗi và trải qua một thời gian sám hối lâu dài. Thậm chí, Martin Amis và Tom Cruise cũng có thể được trao tư cách làm thành viên tạm thời. Do địa vị xã hội và tình trạng tài sản của mình, đúng là những cá nhân này thường có xu hướng gắn bó với chế độ hiện hành. Tuy nhiên, nếu vì một vài lý do lạ lùng nào đó vì lợi ích của các nhà thiết kế thời trang chứ không phải của nhân viên bưu điện muốn chế độ đó kết thúc, thì những người Mác-xít sẽ tập trung sự chú ý chính trị của họ vào những nhà thiết kế thời trang và phản đối mạnh mẽ sự tiến bộ của nhân viên bưu điện.

Vì vậy, vấn đề không hề rõ ràng như những nhà lý luận về Cái-chết-của-công-nhân đã đưa ra. Trên đỉnh của xã hội bậc thang, chúng ta thấy rõ cái gọi là giai cấp cầm quyền, mặc dù đó không hề là âm mưu của những kẻ xấu xa theo chủ nghĩa tư bản. Đội ngũ của họ bao gồm quý tộc, quan tòa, luật sư và giáo sĩ, ông trùm truyền thông, sĩ quan quân đội cao cấp và bình luận viên báo chí, chính trị gia, sĩ quan cảnh sát và viên chức nhà nước, giảng viên (một vài người trong số họ là kẻ phản bội chính trị), đại địa chủ, nhân viên ngân hàng, môi giới chứng khoán, nhà tư bản công nghiệp, lãnh đạo cao cấp, hiệu trưởng các trường công... Hầu hết bản thân họ không phải là nhà tư bản, nhưng một cách gián tiếp họ lại đóng vai trò là tác nhân của tư bản. Dù họ không sống dựa vào tư bản, tô nhượng hay thu thập từ lương cũng chẳng có gì khác biệt. Không phải tất cả những người kiếm được tiền hay lương đều là giai cấp công nhân. Lấy cô ca sĩ Britney Spears làm ví dụ. Bên dưới tầng xã hội cao nhất này là nhiều tầng xã hội trung lưu khác gồm những giám đốc, nhà khoa học, quản lý, viên chức... Và những nhóm người này chiếm một tỷ lệ lớn trong dân số thế giới. Chris Harman ước tính, quy mô của giai cấp công nhân toàn cầu vào khoảng hai tỷ người, hay với con số tương tự tùy thuộc nhiều vào cùng một cơ sở lập luận kinh tế[12]. Một ước tính khác cho là khoảng ba tỷ người[13]. Giai cấp công nhân dường như đã biến mất, giống hệt sự mất tích của Huân tước Lucan[14].

Không nên quên một số lượng lớn dân số thế giới sống ở những khu ổ chuột đang tăng nhanh một cách đáng kinh ngạc. Nếu những người sống ở khu ổ chuột chưa chiếm hầu hết dân số thành thị toàn cầu, thì họ sẽ sớm làm được điều đó. Những người này không phải một phần của giai cấp công nhân theo nghĩa cổ điển của thuật ngữ này, nhưng họ hoàn toàn không đứng ngoài quá trình sản xuất. Họ có xu hướng tham gia không ổn định vào quá trình đó, làm những công việc lương thấp, không được đào tạo hay được bảo vệ, không có hợp đồng, quyền lợi, quản lý hay khả năng thương lượng. Họ bao gồm những người bán rong, nhân viên bán quần áo, người bán đồ ăn, gái điếm, lao động trẻ em, người đạp xe ba gác, đầy tớ trong nhà và nhà kinh

doanh tư nhân nhỏ lẻ. Chính Các Mác cũng phân biệt những tầng lớp khác nhau của những người thất nghiệp; và những gì Các Mác nói về thất nghiệp "trôi nổi" hay lao động lúc có lúc không trong thời của ông, những người mà ông vẫn coi là giai cấp công nhân, có vẻ giống như tình trạng của rất nhiều người sống trong khu ổ chuột hiện nay. Nếu họ không thường xuyên bị bóc lột, thì chắc chắn họ vẫn gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế; và cùng với nhau, họ hình thành nên cộng đồng xã hội phát triển nhanh nhất nhất thế giới. Nếu họ có thể dễ dàng làm môi cho những phong trào tôn giáo phản động thì họ cũng có thể tập hợp những hành động phản kháng chính trị ẩn tượng. Ở Mỹ Latinh hiện nay, nền kinh tế chính thức này sử dụng hơn một nửa lực lượng lao động. Họ hình thành nên một giai cấp vô sản không chính thức mà đã chứng tỏ khả năng tổ chức chính trị tốt của mình; và nếu họ nổi dậy chống lại những tình trạng thảm khốc của mình, thì không có gì nghi ngờ rằng hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới sẽ lung lay tận gốc rễ.

Các Mác cho rằng, sự tập trung công nhân trong nhà máy là điều kiện tiên quyết cho giải phóng chính trị. Bằng việc tập hợp công nhân lại vì những mục đích tư lợi của chính họ, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra những điều kiện mà họ có thể tổ chức về mặt chính trị, điều mà nhà cầm quyền không hề nghĩ đến. Chủ nghĩa tư bản không thể tồn tại mà không có giai cấp công nhân, trong khi giai cấp công nhân có thể phát triển thịnh vượng hơn nhiều nếu không có chủ nghĩa tư bản. Những người sống trong khu ổ chuột ở các thành phố lớn trên thế giới không được tổ chức vì mục đích sản xuất, nhưng không có lý do gì để cho rằng, đây là nơi duy nhất mà những người khốn khổ trên trái đất có thể hiệp lực lại để thay đổi tình trạng của mình. Giống như giai cấp vô sản cổ điển, họ tồn tại như một tập thể, có lợi ích nhất khi kết thúc trật tự thế giới hiện đại, và không còn gì để mất ngoài xiềng xích^[15].

Vậy thì, sự tiêu vong của giai cấp công nhân đã bị quá phóng đại. Người ta đã nói đến sự thay đổi của những vòng tròn đẳng phương từ giai cấp đến dân tộc, giới tính và chủ nghĩa hậu thực dân. Chúng ta có thể kiểm chứng điều này sau. Trong khi chờ đợi, chúng ta nên nhớ rằng, chỉ những người coi giai cấp là vấn đề những ông chủ nhà máy quần áo bảnh bao và những công nhân lem luốc mới có thể nắm được khái niệm đơn giản như vậy. Tin rằng giai cấp đã chết giống như Chiến tranh lạnh, họ chuyển sang văn hóa, bản sắc, tính dân tộc và giới tính. Tuy nhiên, trong thế giới ngày nay, những điều này cũng gắn bó với giai cấp xã hội như trước đây.

^[1] Một ban nhạc rock nổi tiếng của Mỹ những năm 1980 (ND).

^[2] Trường Eton được thành lập năm 1440 bởi vua Henry VI của Anh, là

một trường công đào tạo những học sinh nam mà nhiều người trong số này sau này trở thành những người nổi tiếng (ND).

[3] Perry Anderson: *Nguồn gốc của tính hậu hiện đại* (The Origins of Postmodernity), London, 1998, tr.85.

[4] Xem Mike Davis: *Hành tinh ổ chuột* (Planet of Slums), London, 2006, tr.25.

[5] “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen - Lời nói đầu”, trong *Các Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H2002, t.1, tr.588.

[6] Ruritania là một vương quốc viễn tưởng nằm chính giữa châu Âu, được hình thành từ ba tác phẩm của nhà văn Anthony Hope (1863-1933) (ND).

[7] Xem Leo Panitch và Colin Leys (Đồng chủ biên): *The Socialist Register*, New York, 1998, tr.68.

[8] Tôi dựa trên những tính toán của Alex Callinicos và Chris Harman: *Những thay đổi của giai cấp công nhân* (The Changing Working Class), London and Melbourne, 1987; Lindsey German: *Vấn đề giai cấp* (A Question of Class), London, 1996; và Chris Harman: *Những người công nhân của thế giới* (The Workers of the World), Tạp chí International Socialism, số 96, 8-2002.

[9] Jules Townshend: *Chính trị học của chủ nghĩa Mác* (The Politics of Marxism), London and New York, 1996, tr.237.

[10] Tom Bottomore (Chủ biên): *Luận giải về Mác* (Interpretation of Marx), Oxford, 1968, tr.19.

[11] John Gray: *Bình minh giả tạo: Những ảo tưởng về chủ nghĩa tư bản toàn cầu* (False Dawn: The Delusions of Global Capitalism), London, 2002, tr.111.

[12] Chirs Harman: *Những người công nhân của thế giới* (The Workers of the World). Để có so sánh tương phản về giai cấp công nhân, tham khảo G.A.Cohen: *Nếu bạn là một người theo chủ nghĩa bình quân, tại sao bạn lại giàu thế* (If You're an Egalitarian, How Come You're So Rich?), London, 2000.

[13] Xem Perry Anderson: *New Left Review*, no.48 (November/December 2007), tr.29.

[14] Để các bạn đọc rõ hơn về tội ác của tầng lớp bên trên ở Anh, Huân tước Lucan là một nhà quý tộc người Anh được cho là đã giết chết người giúp việc của mình và biến mất không để lại dấu vết nhiều năm trước đây.

[15] Slavoj Žižek đã nói vậy trong: *Bảo vệ sự nghiệp đã mất* (In Defense of Lost Causes), London, 2008, tr.425. Để biết sự giải thích tuyệt vời về tình trạng khu ổ chuột hiện nay, xem Mike Davis: *Hành tinh ổ chuột* (Planet of Slums), London, 2006.

CHƯƠNG 8

CHỦ NGHĨA MARX ĐỐI LẬP VỚI DÂN CHỦ?

PHẢN BÁC:

Những người Mác-xít là những người cổ vũ cho hành động chính trị bạo lực. Họ không tán thành biện pháp cải tổ dần dần và ôn hòa, mà thay vào đó là sự lựa chọn những cuộc hỗn loạn vậy máu. Một nhóm thiểu số những kẻ nổi dậy vùng lên, lật đổ chính phủ và áp đặt ý chí của mình lên đại đa số. Đây là một trong số những điều khiến cho chủ nghĩa Mác và dân chủ không thể song song cùng tồn tại. Bởi vì họ thường coi đạo đức chỉ là tư tưởng thuần túy, nếu những người Mác-xít không bị rơi vào tình trạng lộn xộn thì quan điểm chính trị của họ sẽ áp đặt lên toàn dân chúng. Mặc dù mục đích đã biện minh cho những phương tiện ấy, song đã có rất nhiều người phải bỏ mạng trong quá trình này.

BIỆN GIẢI:

Ý niệm về cách mạng thường gợi lên những hình ảnh bạo lực và sự hỗn loạn. Điều này đối lập với cải cách xã hội, là những gì mà chúng ta có xu hướng coi là hòa bình, ôn hòa và diễn tiến dần dần. Tuy nhiên, đó là một sự đối lập sai lầm. Nhiều cải cách đã từng là bất cứ thứ gì ngoại trừ hòa bình. Lấy ví dụ về phong trào dân quyền ở Hoa Kỳ, một phong trào không hề có tính cách mạng nhưng gây ra chết chóc, đánh lộn, phân biệt chủng tộc và đàn áp tàn bạo. Ở những nước Mỹ Latinh thuộc địa của thế kỷ XVIII và XIX, mọi cố gắng cho cải cách dân chủ đều làm bùng lên xung đột bạo lực xã hội.

Một số cuộc cách mạng, ngược lại, lại diễn ra khá hòa bình. Có những cuộc cách mạng nhưng lựa bên cạnh những cuộc cách mạng bạo lực. Không có nhiều người chết trong cuộc nổi dậy ở Dublin năm 1916, cuộc nổi dậy đã dẫn tới độc lập một phần cho Ailen. Cuộc cách mạng Bôn-sê-vích năm 1917 cũng có ít máu đổ đến đáng ngạc nhiên. Thực tế, việc tiếp quản những vị trí then chốt ở Mátxcova được hoàn thành mà không một tiếng súng nổ. Chính phủ, theo lời của Isaac Deutscher, "bị hất nhẹ nhàng ra khỏi chỗ"^[1], sự ủng hộ của quần chúng nhân dân đối với những người nổi dậy là quá lớn. Khi hệ thống Xôviết đổ vỡ hơn bảy mươi năm sau, phần đất đai rộng lớn với một lịch sử xung đột bạo tàn này đã sụp đổ mà không đổ nhiều máu, giống như những gì đã diễn ra trong những ngày nó thành lập.

Đúng là một cuộc nội chiến đẫm máu đã theo sát ngay sau cách mạng Bôn-sê-vích. Nhưng đây là bởi vì trật tự xã hội mới xuất hiện cùng với sự tấn công của lực lượng cánh hữu cũng như ngoại xâm. Quân đội Anh và Pháp đã ra sức ủng hộ lực lượng Bạch vệ phản cách mạng.

Đối với chủ nghĩa Mác, một cuộc cách mạng không được mô tả bởi việc nó kéo theo bao nhiêu bạo lực. Đó cũng không phải là một cuộc lật đổ hoàn toàn. Nước Nga đã không thức dậy trong buổi sáng sau cách mạng Bôn-sê-vích để chợt nhận thấy tất cả quan hệ thị trường đã bị xóa bỏ và toàn bộ nền công nghiệp giờ đây thuộc sở hữu nhà nước. Ngược lại, thị trường và sở hữu tư nhân đã tồn tại một thời gian dài sau khi những người Bôn-sê-vích tiến hành xóa bỏ một cách dần dần. Đảng cánh tả đã sử dụng đường lối ủng hộ giai cấp nông dân. Không hề có việc ép buộc vào hợp tác nông nghiệp; thay vào đó, quá trình này diễn ra dần dần và nhận được sự đồng thuận.

Các cuộc cách mạng thường được chuẩn bị trong một thời gian dài, và có thể mất hàng thế kỷ để đạt được mục đích. Giai cấp trung lưu ở châu Âu không xóa bỏ chế độ phong kiến qua một đêm. Giành quyền lực chính trị là một hành động trước mắt; thay đổi phong tục tập quán, thể chế và thói quen của xã hội kéo dài hơn rất nhiều. Bạn có thể tổ chức toàn bộ ngành công nghiệp theo phương thức xã hội chủ nghĩa bằng một mệnh lệnh chính phủ, nhưng chỉ một mình pháp luật không thể sản sinh ra những con người cảm nhận và cư xử khác với ông bà của họ. Điều đó phải có một quá trình thay đổi về giáo dục và văn hóa lâu dài.

Những người nghi ngờ tính khả thi của sự thay đổi như thế nên nhìn kỹ lại bản thân mình. Bản thân chúng ta ở nước Anh thời hiện đại là sản phẩm của một quá trình lâu dài, một cuộc cách mạng đạt tới đỉnh điểm vào thế kỷ XVII, và dấu ấn thành công của nó là ở chỗ hầu hết chúng ta hoàn toàn không biết về thực tế đó. Những cuộc cách mạng thành công là những cuộc cách mạng kết thúc bằng việc xóa sạch mọi dấu vết của chính chúng. Để làm được như vậy, chúng làm cho hoàn cảnh đấu tranh dường như xuất hiện hoàn toàn tự nhiên. Như thế, chúng khá giống như việc sinh đẻ. Để hoạt động như một con người "bình thường", chúng ta phải quên đi nỗi đau và sợ hãi về sự sinh sản của chúng ta. Nguồn gốc thường gây đau thương, dù là của cá nhân hay nhà nước chính trị. Các Mác nhắc nhở chúng ta trong cuốn *Tư bản* rằng, nhà nước Anh hiện đại, được xây dựng trên sự bóc lột thậm tệ những người vô sản xuất thân từ nông dân, đã xuất hiện nhuốm đầy máu và vấy bẩn từ đầu đến chân. Đây là một lý do tại sao ông chắc sẽ phải kinh sợ khi chứng kiến sự thành thị hóa một cách cưỡng ép của Stalin với giai cấp nông dân Nga. Hầu hết các nhà nước chính trị đều xuất hiện thông qua cách mạng, xâm lược, chiếm đóng, cướp đoạt hay hủy diệt (trong trường

hợp của những xã hội như Hoa Kỳ). Nhà nước thành công là những nhà nước thành công trong việc quét sạch lịch sử đẫm máu này khỏi tâm trí những công dân của chúng. Những nhà nước còn quá mới để có thể xóa đi nguồn gốc không chính đáng của mình – ví dụ như Israel và Bắc Ailen – chắc chắn sẽ ngập chìm trong xung đột chính trị.

Nếu chính chúng ta là sản phẩm của một cuộc cách mạng thành công mỹ mãn, thì bản thân điều đó chính là câu trả lời cho sự quy kết mang tính bảo thủ rằng, tất cả các cuộc cách mạng đều kết thúc bằng thất bại, hay quay trở lại như những gì trước đó, hay làm mọi thứ tồi tệ hơn gấp một nghìn lần, hay ăn thịt chính con của mình. Có lẽ tôi bỏ sót lời tuyên bố này trên báo, nhưng nước Pháp dường như đã không khôi phục tầng lớp quý tộc phong kiến trong chính phủ, hay nước Đức không khôi phục tầng lớp địa chủ. Trên thực tế, nước Anh có nhiều tàn dư phong kiến hơn mọi quốc gia hiện đại nhất, từ Thượng viện đến quan cảnh vệ Black Rod^[2], nhưng nói chung, bởi vì họ tỏ ra hữu dụng cho tầng lớp trung lưu cầm quyền. Giống chế độ quân chủ, họ tạo ra thứ không khí thần bí dùng để giữ cho đông đảo quần chúng khuất phục và tôn kính. Việc đa số người Anh không coi Hoàng tử Andrew đang phát tiết ra một không khí mê hoặc thần bí gợi ý rằng, có lẽ có những cách đáng tin cậy hơn để chống đỡ quyền lực.

Đa số người phương Tây hiện nay sẽ dứt khoát tuyên bố phản đối cách mạng. Điều đó có thể có nghĩa là họ chống lại một số cuộc cách mạng này, nhưng lại ủng hộ những cuộc cách mạng khác. Cách mạng của người khác, giống như thức ăn của người khác trong nhà hàng thường hấp dẫn hơn là của chính mình. Đa số những người này sẽ tán thành không do dự cuộc cách mạng thủ tiêu quyền lực của nước Anh ở Mỹ vào cuối thế kỷ XVIII, hay các quốc gia thuộc địa từ Ailen, Ấn Độ đến Kenya và Malaysia giành độc lập. Tuy nhiên, nhiều người trong số họ khó có thể nhỏ nước mắt cay đắng khi khôi phục Xô Viết sụp đổ. Khởi nghĩa của người nô lệ từ Spactacus đến các bang miền Nam nước Mỹ chắc chắn tìm được sự ủng hộ của họ. Nhưng tất cả các cuộc khởi nghĩa này đều kéo theo bạo lực – mà trong một số trường hợp, còn nhiều bạo lực hơn cả cách mạng Bôn-sê-vích. Vậy thì tại sao không thành thật thú nhận rằng, sao lại phản đối cách mạng xã hội chủ nghĩa chứ không phải phản đối bản thân cách mạng?

Tất nhiên, có một nhóm nhỏ những người được gọi là những người theo chủ nghĩa hòa bình hoàn toàn bác bỏ bạo lực. Họ thật đáng ngưỡng mộ vì lòng dũng cảm và kiên quyết trong nguyên tắc của họ, cho dù thường phải đối mặt với những lời chửi rủa công khai. Nhưng những người theo chủ nghĩa hòa bình không phải là những người duy nhất ghê tởm bạo lực. Đa số

mọi người đều như thế, ngoài trừ một vài kẻ tàn ác và tâm thần. Chủ nghĩa hòa bình đáng bàn không phải là thứ chỉ đưa ra tuyên bố đạo đức giả rằng, chiến tranh thật kinh khủng. Những trường hợp mà tất cả mọi người đều đồng ý thường nhằm chán, tuy nhiên, chúng cũng có lý nào đó. Người theo chủ nghĩa hòa bình đáng bàn duy nhất là người bác bỏ không chỉ chiến tranh hay cách mạng, mà còn khước từ việc đập vào đầu tên giết người, đủ làm bất tỉnh chứ không giết hẳn, khi hắn đang chĩa súng vào những đứa trẻ trong lớp học. Bất kỳ ai ở trong tình huống làm hay không làm điều đó sẽ có nhiều lời giải thích tại hội nghị PTA tới. Theo nghĩa rất hẹp, chủ nghĩa hòa bình phi đạo đức một cách thô thiển. Đa số đồng ý với sự cần thiết phải sử dụng bạo lực trong những trường hợp cực đoan và ngoại lệ. Hiến chương Liên hợp cho phép sự kháng cự vũ trang đối với một lực lượng chiếm đóng. Nhưng bất kỳ sự xâm lược nào như thế phải được giới hạn bằng một số tiêu chí nghiêm ngặt. Nhưng chủ yếu đó phải là tính phòng thủ, phải là biện pháp cuối cùng sau tất cả những thứ khác đã được thử và thất bại, phải có cơ hội thành công thỏa đáng, không được gây ra sự giết hại những người dân vô tội v.v. và v.v...

Trong sự nghiệp ngăn ngui nhưng đầm máu của mình, chủ nghĩa Mác đã gây ra nhiều bạo lực ghê gớm. Cả Stalin và Mao Trạch Đông đều là những kẻ sát nhân hàng loạt ở mức độ gần như không thể tưởng tượng nổi. Hầu như không có người Mác-xít nào ngày nay, như chúng ta đã thấy, cố gắng bảo vệ những tội ác ghê sợ này, trong khi nhiều người phi Mác-xít lại bảo vệ, ví dụ, sự hủy diệt ở Dresden hay Hiroshima. Tôi đã từng nói rằng, chủ nghĩa Mác, hơn bất kỳ trường hợp phái tư tưởng nào khác, đã cung cấp rất nhiều lời giải thích có sức thuyết phục về việc làm thế nào mà những hành động tàn ác của con người như Stalin lại xuất hiện, và vì thế, phải làm thế nào để chúng có thể được ngăn chặn khỏi tái diễn. Nhưng tội ác của chủ nghĩa tư bản thì sao? Nói thế nào với bể máu man rợ được biết đến là Thế chiến thứ nhất, trong đó sự xung đột giữa những cường quốc đói khát thuộc địa đã đẩy những người lính thuộc tầng lớp lao động tới cái chết vô ích? Lịch sử của chủ nghĩa tư bản, bên cạnh nhiều thứ khác, là một câu chuyện của chiến tranh toàn cầu, bóc lột thuộc địa, tội diệt chủng và nạn đói. Nếu một phiên bản sai lệch của chủ nghĩa Mác sinh ra nhà nước Stalin, thì một biến đổi cực đoan của chủ nghĩa tư bản sinh ra chủ nghĩa phát xít. Nếu một triệu người chết trong nạn đói khủng khiếp ở Ailen những năm bốn mươi của thế kỷ XIX, thì đó chủ yếu là do chính phủ Anh đương thời đã quá tuân theo những quy luật của thị trường tự do trong chính sách cứu trợ đầy ai oán của họ. Chúng ta đã thấy rằng, Các Mác viết với sự tức giận được kìm nén trong cuốn *Tư bản* về quá trình đầm máu, kéo dài khiến giai cấp nông dân Anh bị đẩy khỏi ruộng đất. Chính lịch sử bóc lột tàn bạo này nằm ẩn dưới sự thanh bình của cảnh làng

quê nước Anh. Nếu so sánh với giai đoạn khủng khiếp này, một giai đoạn đã trải qua một thời gian dài, thì một sự kiện như cách mạng Cuba chỉ là một bữa tiệc trà.

Đối với những nhà Mác-xít, sự đối lập nằm trong chính bản chất của chủ nghĩa tư bản. Điều này đúng không chỉ với mâu thuẫn giai cấp mà nó kéo theo, mà còn với những cuộc chiến tranh mà nó gây ra khi những quốc gia tư bản xung đột về tài nguyên thế giới hay phạm vi ảnh hưởng đế quốc. Ngược lại, một trong những mục tiêu cấp bách của phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế là hòa bình. Khi những người Bôn-sê-vích nắm quyền, họ rút nước Nga ra khỏi sự tàn sát của Thế chiến thứ nhất. Những người xã hội chủ nghĩa, với lòng căm thù chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa sô vanh, đã đóng vai trò chính trong phần lớn phong trào hòa bình xuyên suốt lịch sử hiện đại. Phong trào công nhân không phải là bạo lực, mà chấm dứt bạo lực.

Những người Mác-xít có truyền thống thù địch với cái họ gọi là "chủ nghĩa phiêu lưu", với nghĩa là nóng vội đẩy một nhóm nhỏ những người khởi nghĩa chống lại lực lượng khổng lồ của nhà nước. Cách mạng Bôn-sê-vích được tạo nên không phải bởi một nhóm những người âm mưu bí mật mà bởi những cá nhân được bầu công khai từ những thiết chế đại diện của nhân dân, được biết đến là Xô-viết. Các Mác hoàn toàn quay lưng lại với những cuộc nổi dậy nửa vời của những người lính mặt mũi bặm trợn chĩa đinh ba trước xe tăng. Theo ông, cuộc cách mạng thành công cần những tiền đề vật chất nhất định. Không phải chỉ là vấn đề của ý chí sắt đá và lòng dũng cảm. Rõ ràng thành công hơn nhiều trong một cuộc khủng hoảng lớn mà ở đó giai cấp thống trị đang suy yếu và chia rẽ, với lực lượng xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ và được tổ chức tốt, hơn là khi chính phủ mạnh lên, còn phe đối lập thì nhu nhược và phân tán. Theo đó, có một sự liên quan giữa chủ nghĩa duy vật của Các Mác – sự nhấn mạnh của ông khi phân tích lực lượng vật chất tồn tại trong xã hội – và vấn đề về bạo lực cách mạng.

Đa số những cuộc phản kháng của giai cấp công nhân nước Anh đều diễn ra hòa bình, từ phong trào Hiến chương đến những cuộc diễu hành của những người thất nghiệp những năm 1930. Nhìn chung, các phong trào công nhân phải dùng đến bạo lực chỉ khi bị khiêu khích, hay tại những thời điểm thật cần thiết, hay khi những cách thức hòa bình đã rõ ràng thất bại. Điều này rất giống với những gì đã diễn ra với phong trào đòi quyền đi bầu cử của phụ nữ ở Anh cuối thế kỷ XIX (còn được gọi tên là Suffragettes). Sự bất đắc dĩ phải đổ máu của những người lao động trái ngược hoàn toàn với sự sẵn sàng dùng roi và súng của những ông chủ. Họ cũng không tùy tiện sử dụng bất kỳ thứ gì như nhà nước tư bản đã sử dụng tiềm lực quân sự hà khắc sẵn sàng triển khai vũ khí chống lại những người biểu tình và diễu hành hòa bình đã

trở thành chuyện bình thường. Như triết gia người Đức Walter Benjamin đã viết rằng, cách mạng không phải là đoàn tàu chạy trốn; nó là việc ứng dụng chiếc phanh khẩn cấp. Chính hỗn loạn của các lực lượng thị trường, còn chủ nghĩa xã hội đang cố gắng giành quyền làm chủ tập thể nào đó từ con thú giận dữ này.

Nếu các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa có gây ra bạo lực, thì chủ yếu là vì giai cấp có tài sản hiếm khi nhường lại quyền lợi của họ mà không tìm mọi cách giữ lại. Ngay cả khi như thế, vẫn có những lý do hợp lý để hy vọng rằng, việc sử dụng sức mạnh là ở mức thấp nhất. Đó là vì, đối với chủ nghĩa Mác, một cuộc cách mạng không giống như một cuộc đảo chính, hay sự bột phát của tình trạng bất mãn. Các cuộc cách mạng không phải chỉ là những cố gắng để hạ bệ nhà nước. Một cuộc đảo chính quân sự cánh hữu có thể làm thế, nhưng những người Mác-xít coi đó là một cuộc cách mạng. Theo nghĩa đầy đủ nhất, cách mạng xuất hiện chỉ khi một giai cấp xã hội lật đổ sự cai trị của giai cấp khác và thay thế nó bằng chính quyền của riêng mình.

Trong trường hợp cách mạng xã hội chủ nghĩa, điều này là giai cấp công nhân có tổ chức, cùng với những đồng minh khác của mình, giành quyền từ giai cấp tư sản, hay tầng lớp trung lưu tư bản chủ nghĩa. Nhưng Các Mác coi giai cấp công nhân cho tới giờ vẫn là giai cấp lớn nhất trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, chúng ta đang nói tới ở đây là hành động của đại đa số, không phải một dúm những kẻ nổi loạn. Vì chủ nghĩa xã hội là sự tự chủ của nhân dân, không ai có thể thay mặt bạn làm một cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng giống như không ai có thể thay mặt bạn trở thành chuyên gia chơi bài poker. Như G.K.Chesterton viết rằng, sự tự quyết của quần chúng nhân dân như vậy là "giống như việc viết bức thư tình của chính mình hay việc tự hỉ mũi. Có những thứ chúng ta muốn một người tự làm, kể cả khi anh ta làm không tốt"^[3]. Người hầu của tôi có lẽ khéo léo hơn rất nhiều trong việc hỉ mũi cho tôi hơn chính bản thân tôi, nhưng sẽ đáng tự trọng hơn khi tôi tự làm điều đó, hay ít ra là thỉnh thoảng (nếu tôi là Hoàng tử Charles). Cách mạng không thể do một tiểu đội toàn những người âm mưu trao vào tay bạn. Hay như Lênin khẳng định, nó cũng không thể bị mang ra nước ngoài và bị áp đặt vào mũi giáo, như Stalin đã làm ở Đông Âu. Chính bạn phải chủ động tham gia vào việc tạo ra nó, không thể như kiểu nghệ sĩ chỉ dẫn trợ lý của mình đi ra và đánh một con cá mập nhân danh anh ta (điều tương tự chắc chắn sẽ sớm xảy ra với những nhà viết tiểu thuyết). Chỉ khi đó, những người đã từng không hề có sức mạnh mới có được kinh nghiệm, hiểu biết và tự tin để tiến tới làm lại toàn bộ xã hội. Những cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể là những cuộc cách mạng dân chủ. Chính giai cấp thống trị mới là nhóm thiểu số phi dân chủ. Những cuộc khởi nghĩa như thế

lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân là bởi vì bản chất tự nhiên của họ là bức tường thành vững chắc nhất chống lại lực lượng chống đối. Theo đó, những cuộc cách mạng có nhiều khả năng thành công cũng chắc chắn sẽ là những cuộc cách mạng ít bạo lực nhất.

Điều này không phải để nói rằng, cách mạng sẽ không châm ngòi cho một phản ứng đẫm máu từ những chính quyền đang hoảng sợ sẵn sàng khùng bố chống lại lực lượng cách mạng. Nhưng ngay cả những nhà nước chuyên quyền cũng phải dựa vào sự ưng thuận thụ động nào đó từ những người bị cai trị, tuy miễn cưỡng và tạm thời. Bạn không thể cai quản tốt một quốc gia mà lúc nào cũng nằm trong tình trạng bất mãn triền miên với nhà nước, mà còn phủ nhận mọi sự tín nhiệm vào sự cai trị của bạn. Bạn có thể bắt giam một số người trong một số thời điểm, nhưng không phải bắt giam tất cả mọi người mọi lúc. Một nhà nước mất tín nhiệm như thế có thể tồn tại trong một thời gian khá dài. Chẳng hạn, chế độ đương thời ở Burma hay Zimbabwe. Nhưng, cuối cùng, ngay cả bạo chúa cũng phải chịu thất bại. Dù hệ thống phân biệt chủng tộc ở Nam Phi có tàn bạo và dã man đến đâu, cuối cùng cũng đến lúc để nhận ra rằng, nó không thể kéo dài hơn nữa. Có thể nói tương tự về chế độ độc tài ở Ba Lan, Đông Đức, Rumania và những quốc gia Xô Viết khác vào cuối những năm 1980. Điều đó cũng đúng với nhiều người Đảng Ulster ngày nay, những người sau nhiều năm đẫm máu buộc phải nhận ra rằng, việc bài trừ những công nhân Cơ Đốc giáo đơn giản là không thể thực hiện được.

Vậy thì, tại sao những nhà Mác-xít lại mong đợi ở cách mạng chứ không phải là ở nền dân chủ nghị viện và cải cách xã hội? Câu trả lời là, họ không mong đợi, hay nói rõ ra là không hoàn toàn như vậy. Chỉ những người được gọi là cực tả mới như vậy^[4]⁴. Một trong những sắc lệnh đầu tiên của những người Bôn-sê-vích khi họ lên nắm quyền ở Nga là xóa bỏ án tử hình. Trở thành một nhà cải cách hay một nhà cách mạng không giống như ủng hộ đội bóng Everton hay Arsenal. Hầu hết những nhà cách mạng cũng là những người ủng hộ nhiệt thành cải cách. Không phải bất kỳ cải cách cũ xưa nào, và không phải chủ nghĩa cải cách nào cũng là một liều thuốc chính trị chữa bách bệnh; nhưng những nhà cách mạng không mong sự thay đổi xã hội chủ nghĩa đến nhanh như sự thay đổi chế độ phong kiến hay chế độ tư bản chủ nghĩa. Có lẽ họ không khác biệt lắm với những nhà cải cách, ví dụ, bác bỏ việc đấu tranh chống lại những kết cục thương vong bởi vì chúng làm sao nhãng sự tập trung vào cuộc Cách mạng trên hết. Ngược lại, họ nhìn nhận những cải cách như thế theo khía cạnh dài hạn hơn và căn bản hơn. Cải cách là rất quan trọng; nhưng sớm hay muộn bạn sẽ tới điểm mà hệ thống không cho phép đi tiếp, mà đối với chủ nghĩa Mác, điều này được biết đến như là

quan hệ sản xuất của xã hội. Hay, theo ngôn ngữ bớt tính kỹ thuật bóng bẩy, một giai cấp thống trị kiểm soát nguồn lực vật chất và không hề muốn trao lại chúng. Chỉ khi ấy, một lựa chọn quyết định giữa cải cách và cách mạng dần dần hiện ra. Cuối cùng, như nhà sử học xã hội chủ nghĩa R.H.Tawney đã nhận xét, bạn có thể bóc một củ hành từng lớp vỏ một, nhưng bạn không thể lột từng cái móng của một con hổ. Tuy nhiên, việc bóc vỏ hành làm cải cách nghe đơn giản quá. Giờ đây, chúng ta coi đa số các cuộc cải cách như là những nét đặc trưng quý báu của xã hội tự do – bỏ phiếu phổ thông, phổ cập giáo dục không mất tiền, tự do báo chí, công đoàn... - đã đạt được bằng đấu tranh nhân dân bất chấp sự kháng cự tàn bạo của giai cấp thống trị.

Những nhà cách mạng cũng không nhất thiết phải bác bỏ nền dân chủ nghị viện. Nếu nó có thể giúp cho mục đích của họ, thì điều đó rõ ràng là tốt hơn nhiều. Tuy nhiên, những nhà Mác-xít dè dặt với dân chủ nghị viện – không phải vì nó mang tính dân chủ, mà bởi vì nó không đủ tính dân chủ. Quốc hội là thể chế mà những người bình thường được thuyết phục để giao phó hoàn toàn quyền lực của mình, và qua đó họ có rất ít quyền kiểm soát. Cách mạng nói chung được cho là trái ngược với dân chủ, giống như việc nhóm thiểu số xấu xa ngấm ngấm lật đổ ý chí của đại đa số. Trên thực tế, với tư cách là một quá trình mà con người nắm chính quyền bằng chính sự tôn vinh của họ thông qua hội đồng và hội nghị, nó sẽ mang nhiều tính dân chủ hơn bất kỳ thứ gì đang có hiện tại. Những người Bôn-sê-vích đã có một kỷ lục ấn tượng về sự tranh luận công khai trong đội ngũ của họ, và ý tưởng họ sẽ lãnh đạo đất nước như một đảng chính trị duy nhất không nằm trong chương trình ban đầu của họ. Ngoài ra, như chúng ta sẽ thấy sau này, quốc hội là một bộ phận của một nhà nước có nhiệm vụ đảm bảo cho quyền tối thượng của tư bản đối với lao động. Đây không chỉ là quan điểm của những người Mác-xít. Như một nhà phê bình thế kỷ XVII viết, Quốc hội Anh là "bức tường sở hữu"^[5]. Cuối cùng, Các Mác cũng cho rằng, quốc hội hay nhà nước không đại diện cho nhiều quần chúng nhân dân như là quyền lợi của sở hữu tư nhân. Cicero, như chúng ta đã thấy, nhiệt liệt tán thành quan điểm này. Không quốc hội nào trong một trật tự tư bản chủ nghĩa lại dám đối đầu với sức mạnh kinh hoàng của quyền sở hữu bất di bất dịch này. Nếu quốc hội đe dọa cản trở quá sâu vào sở hữu tư nhân, nó sẽ nhanh chóng bị đuổi ra khỏi cửa. Bởi vậy, sẽ rất kỳ quặc nếu những nhà xã hội chủ nghĩa coi những phòng tranh luận này là một phương tiện tất yếu để phát triển sự nghiệp của mình, chứ không phải chỉ là một trong nhiều phương tiện.

Chính Các Mác dường như tin rằng, ở những đất nước như nước Anh, Hà Lan và Mỹ, những nhà xã hội chủ nghĩa sẽ đạt được mục đích của mình bằng những phương tiện hòa bình. Ông đã không bác bỏ quốc hội hay cải

cách xã hội. Ông cho rằng, một đảng xã hội chủ nghĩa có thể nắm quyền chỉ với sự ủng hộ của đa số giai cấp công nhân. Ông là một chiến sĩ ủng hộ nhiệt thành các cơ quan cải cách, chẳng hạn như các đảng chính trị của giai cấp công nhân, công đoàn, hiệp hội văn hóa và những tờ báo chính trị. Ông cũng biện hộ cho những biện pháp cải cách cụ thể như mở rộng quyền bầu cử và rút ngắn ngày làm việc. Trên thực tế, ở một khía cạnh nào đó, ông khá lạc quan cho rằng, chính quyền bỏ phiếu phổ thông sẽ chôn vùi sự cai trị của tư bản chủ nghĩa. Đồng nghiệp của ông, Ph.Ăngghen cũng gắn tâm quan trọng đáng kể cho sự thay đổi xã hội mang tính hòa bình và luôn mong đợi cuộc cách mạng phi bạo lực.

Một trong những vấn đề đối với các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là chúng gần như chắc chắn nổ ra ở những nơi mà chúng khó giữ vững được nhất. Lenin ghi nhận sự trớ trêu này trong trường hợp cuộc nổi dậy Bôn-sê-vích. Những người bị đàn áp dã man và bị bỏ đói có lẽ sẽ cảm thấy chẳng có gì để mất khi tiến hành cách mạng. Mặt khác, như chúng ta đã thấy, điều kiện xã hội lạc hậu đẩy họ đến chỗ nổi dậy là điểm xuất phát tồi tệ nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong những điều kiện như vậy, lật đổ nhà nước sẽ dễ dàng hơn nhiều, nhưng bạn không phải trao trả những tài nguyên mà đáng lẽ sẽ giúp bạn xây dựng một sự thay thế khả thi hơn. Những người cảm thấy bằng lòng với hoàn cảnh của họ thì không có xu hướng làm cách mạng. Nhưng những người cảm thấy vô vọng lại không như vậy. Điều đáng buồn cho những nhà xã hội chủ nghĩa là con người sẽ cực kỳ miễn cưỡng chuyển đổi tình cảnh của họ chừng nào vẫn còn có cái gì đó trong tình cảnh đó dành cho họ.

Những người Mác-xít đôi khi bị chế giễu về sự bàng quan chính trị có chủ định của giai cấp công nhân. Những người bình thường có lẽ sẽ thờ ơ với những vấn đề chính trị hàng ngày của nhà nước mà họ cảm thấy không quan trọng với họ. Tuy nhiên, nếu nhà nước tìm cách đóng cửa các bệnh viện của họ, rời chuyển nhà máy của họ đến Tây Ailen, hay đặt một sân bay trong vườn sau của họ, chắc chắn họ bị thúc đẩy phải hành động. Cũng cần nhấn mạnh rằng, một kiểu hờ hững nào đó cũng là hoàn toàn hợp lý. Chừng nào một hệ thống xã hội vẫn có thể mang lại cho công dân của nó vài khoản thù lao ít ỏi, thì không hề phi lý khi họ gắn với những gì họ có, hơn là nhảy vào một tương lai bất định. Không nên chế giễu một chủ nghĩa bảo thủ như thế.

Trong bất kỳ trường hợp nào, đa số mọi người đều quá bận rộn với việc giữ cho bản thân mình tồn tại, mà không bận tâm mấy với các viễn cảnh tương lai. Cũng dễ hiểu là, tình trạng chia rẽ xã hội không phải là thứ mà đa số mọi người háo hức đi theo. Họ chắc chắn sẽ không đi theo chỉ bởi vì chủ nghĩa xã hội nghe có vẻ là một ý tưởng tốt đẹp. Chỉ đến khi nào tình trạng

nghèo khổ bắt đầu lấn át những hạn chế của sự biến đổi sâu sắc thì một cú nhảy vào tương lai mới bắt đầu dường như là một lời đề nghị hợp lý. Các cuộc cách mạng có xu hướng nổ ra khi người ta chấp nhận hầu như bất kỳ sự thay thế nào cho hiện tại. Trong tình cảnh ấy, không có nổi dậy mới là bất hợp lý. Sau nhiều thế kỷ phấn đấu cho quyền tối cao của tư lợi, chủ nghĩa tư bản có lẽ sẽ không phản nản gì khi những nhân công của nó nhận ra rằng, lợi ích chung của họ nằm ở việc cố gắng làm điều gì đó khác biệt vì một sự thay đổi.

Cải cách và dân chủ xã hội chắc chắn có thể mua chuộc cách mạng. Bản thân Các Mác cũng có đủ thời gian chứng kiến bước đầu của quá trình này ở nước Anh thời Victoria, nhưng chưa đủ để ghi nhận tác động đầy đủ của nó. Nếu một xã hội có giai cấp có thể ném cho những kẻ chân tay của nó đủ đầu thừa đuôi thẹo, thì khi đó xã hội ấy vẫn có thể an toàn. Khi nó không làm được như vậy, thì chắc chắn (dù không với nghĩa là tất yếu) rằng, những người ở phía thiệt thòi sẽ tìm cách thay thế nó. Tại sao lại không? Còn có gì tồi tệ hơn là chẳng còn tí đầu thừa đuôi thẹo nào cả? Tại thời điểm này, đánh cuộc vào một tương lai khác trở thành một quyết định hợp lý nhất. Và dù lý trí con người có mất sạch, nó vẫn đủ mạnh để biết khi nào việc ruồng bỏ hiện tại đối lấy tương lai là chắc chắn có lợi.

Những người đặt câu hỏi: ai sẽ hạ bệ chủ nghĩa tư bản có xu hướng quên rằng, theo nghĩa nào đó, điều này là không cần thiết. Chủ nghĩa tư bản hoàn toàn có khả năng sụp đổ dưới những mâu thuẫn nội tại mà không cần thậm chí một cái đẩy nhẹ nhất từ đối thủ của nó. Trên thực tế, nó đã đến rất gần điểm đó chỉ vài năm trước đây. Kết quả của một vụ nổ lớn toàn hệ thống, tuy nhiên, lại dễ trở thành chủ nghĩa man rợ hơn là chủ nghĩa xã hội, nếu không có một lực lượng chính trị có tổ chức nào sẵn sàng đưa ra một sự thay thế khác. Một lý do cấp bách, tại sao chúng ta cần một tổ chức như thế, trong sự kiện khủng hoảng vô cùng lớn của chủ nghĩa tư bản, một vài người chắc chắn sẽ bị tổn thương, và một hệ thống mới có lợi cho tất cả có lẽ sẽ được lôi ra từ đồng đống nát.

[1] Isaac Deutscher: Stalin, Harmondsworth, 1968, p.173.

[2] Thượng viện Anh (và một số nước khác trong Khối thịnh vượng chung) vẫn duy trì một phẩm hàm gọi là Black Rod (người cầm gậy đen), có nhiệm vụ duy trì trật tự trong các cuộc họp (ND).

[3] G.K.Chesterton: *Tính chính thống* (Orthodoxy), New York, 1946, p.83.

[4] Trong những năm 1970 đoàn kết chiến đấu, niềm tin trong sáng của một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa nhiều khi được đánh giá bằng câu trả lời cho

những câu hỏi chẳng hạn như: “Anh sẽ sử dụng tòa án luật tư sản nếu bạn của anh bị giết hại?” hoặc “Anh sẽ viết bài ủng hộ báo chí tư sản chứ?”. Tuy nhiên những người trong sáng thực sự hay những người cực tả là những người có thể trả lời một cách rõ ràng là “Không!” đối với câu hỏi “Bạn sẽ gọi đội cứu hỏa tư sản chứ?”.

[5] Christopher Hill: Người Anh của Chúa: Oliver Cromwell và Cách mạng Anh (God’s Englishman: Oliver Cromwell and the English Revolution), London, 1990, p.137.

CHƯƠNG 9

CHỦ NGHĨA MÁC DẪN TỚI NHÀ NƯỚC ĐỘC TÀI?

PHẢN BÁC:

Chủ nghĩa Mác tin vào một nhà nước nắm mọi quyền lực trong tay. Sau khi xóa bỏ tư hữu, những nhà cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ thống trị bằng quyền lực bạo ngược, và quyền lực đó sẽ chấm dứt tự do cá nhân. Điều này đã diễn ra ở tất cả những nơi mà chủ nghĩa Mác được áp dụng vào thực tế, không có lý do gì để mong đợi rằng mọi chuyện sẽ khác đi trong tương lai. Một phần trong logic của chủ nghĩa Mác là nhân dân phục tùng đảng, đảng phục tùng nhà nước, và nhà nước thì phục tùng một kẻ độc tài quái dị. Dân chủ tự do có thể không hoàn hảo, nhưng rõ ràng còn hơn bị nhốt trong bệnh viện tâm thần vì dám lên án một chính quyền chuyên chế dã man.

BIỆN GIẢI:

Mác là người phản đối không khoan nhượng nhà nước. Ông thậm chí còn mong đợi một thời điểm nhà nước sẽ tiêu vong. Những người phê bình ông có lẽ coi niềm hy vọng này là không tưởng một cách ngớ ngẩn, nhưng đồng thời, họ cũng không thể lên án ông vì có lòng nhiệt huyết đối với một chính quyền bạo ngược.

Ông đúng ra không hề không tưởng một cách ngớ ngẩn. Cái mà Mác hy vọng sẽ tiêu vong trong xã hội cộng sản chủ nghĩa không phải là nhà nước theo nghĩa là chính quyền trung ương. Bất kỳ nền văn hóa phát triển hiện đại nào đều cần cái đó. Thực vậy, trong quyển ba của bộ *Tư bản*, Mác đã viết theo quan điểm này rằng: “những hoạt động chung xuất phát từ bản chất của mọi cộng đồng”. Nhà nước với tư cách là một cơ quan quản lý hành chính sẽ tiếp tục sống mãi. Chỉ có nhà nước với tư cách là một công cụ bạo lực thì Mác mới hy vọng sẽ biến mất đi. Như ông đã nói trong *Tuyên ngôn của đảng cộng sản*, quyền lực nhà nước dưới chủ nghĩa cộng sản sẽ mất đi đặc tính chính trị của nó. Khi phản đối chủ nghĩa vô chính phủ ở thời của ông, Mác nhấn mạnh nhà nước chỉ biến mất theo nghĩa này. Cái phải ra đi là một loại quyền lực cụ thể, thứ quyền lực đã bảo vệ vững chắc cho sự cai trị của tầng lớp xã hội thống trị đối với phần còn lại của xã hội. Công viên quốc gia và trung tâm sát hạch lái xe vẫn còn.

Mác nhìn nhận nhà nước bằng chủ nghĩa hiện thực không thiên vị. Nhà nước rõ ràng không phải là một cơ quan trung lập về chính trị, xử lý các xung đột lợi ích xã hội hết sức công bằng vô tư. Nhà nước không phải là người công minh nhất trong mâu thuẫn giữa lao động và tư bản. Các nhà nước không có nhiệm vụ làm cách mạng thay đổi quyền sở hữu. Nhà nước tồn tại cùng với những thứ khác để bảo vệ trật tự xã hội hiện hành chống lại những người cố thay đổi nó. Nếu trật tự đó vốn dĩ phi lý, thì theo khía cạnh này, nhà nước cũng phi lý. Đây là điều mà Mác muốn thấy phải kết thúc, chứ không phải nhà hát quốc gia hay đồn cảnh sát.

Chẳng có gì là âm mưu đen tối với ý niệm rằng nhà nước phải mang tính đảng phái. Bất kỳ ai nghĩ như vậy rõ ràng đã không tham gia vào một cuộc biểu tình chính trị nào trong thời gian gần đây. Nhà nước tự do là trung lập giữa chủ nghĩa tư bản và những người chỉ trích nó cho đến khi nào những người chỉ trích nhà nước thắng thế. Khi đó, nhà nước sẽ xuất hiện với vòi rồng và đội quân cơ động. Không ai nghi ngờ nhà nước có thể bạo lực. Chỉ có Mác mới đưa ra câu trả lời mới cho vấn đề bạo lực này cuối cùng phục vụ cho ai. Chỉ có niềm tin vào sự vô tư không thiên vị một cách phi thực tế của nhà nước, chứ không phải là một kế hoạch đã được định sẵn thì một ngày nào đó chúng ta mới sống hòa thuận với nhau mà không cần sự gây hấn theo phản xạ tự nhiên của nhà nước. Trên thực tế, ngay cả nhà nước trong chừng mực nào đó cũng không còn tin vào sự vô tư không thiên vị của chính mình. Thậm chí, khi đánh đập công nhân biểu tình hay những người diễu hành hòa bình, cảnh sát không còn giả vờ như trung lập nữa. Các chính phủ, nhất là các chính phủ Công Đảng, chẳng buồn giấu giếm sự thù địch của họ đối với phong trào của người lao động. Như Jacques Ranciere bình luận: “luận điểm từng một thời tai tiếng của Mác cho rằng, chính phủ chỉ đơn giản là người đại diện kinh doanh cho tư bản quốc tế thì ngày nay rõ ràng là một sự thực mà cả “những người theo chủ nghĩa tự do” lẫn “những nhà xã hội chủ nghĩa” đều đồng ý. Sự đồng nhất các hoạt động chính trị với sự quản lý tư bản không còn là bí mật đáng xấu hổ được che đậy đằng sau “các hình thái” dân chủ; đó là sự thật được tuyên bố công khai mà nhờ đó những chính phủ của chúng ta có được tính hợp pháp chính đáng”^[1].

Điều này không phải để nói rằng, chúng ta có thể bỏ qua cảnh sát, tòa án, nhà tù hay thậm chí đội quân cảnh sát cơ động. Ví dụ, đội đặc nhiệm có thể rất cần thiết nếu một nhóm khủng bố được trang bị vũ khí hóa học hay nguyên tử đang sẵn sàng hành động, và những người càng có xu hướng cánh tả càng hiểu rõ thực tế này. Không phải tất cả bạo lực nhà nước đều mang danh nghĩa bảo vệ sự nguyên trạng. Trong quyển ba bộ *Tư bản*, chính Mác đã chỉ ra sự khác biệt giữa chức năng giai cấp cụ thể và chức năng giai cấp

trung lập của nhà nước. Người sĩ quan cảnh sát ngăn cản những kẻ du côn phân biệt chủng tộc đánh đập dã man một người châu Á không phải là hành động như một người đại diện của chủ nghĩa tư bản. Những căn phòng dành riêng cho phụ nữ bị cưỡng bức không phải là ví dụ xấu xa cho sự áp bức của nhà nước. Những nhân viên điều tra tịch thu máy tính tải nội dung khiêu dâm trẻ em không phải đang vi phạm nhân quyền một cách thô bạo. Chừng nào còn có tự do của con người thì sẽ cũng có cả sự lạm dụng tự do đó; và chỉ một vài sự lạm dụng kinh khủng đó cũng đủ để phải cách ly những kẻ gây rối vì sự an toàn của những người khác. Nhà tù không chỉ đơn giản là nơi trừng phạt những người bị tước đoạt về mặt xã hội, mặc dù nó đúng là như vậy.

Không có bằng chứng cho thấy Mác đã bác bỏ bất kỳ tuyên bố nào trong các tuyên bố trên. Trên thực tế, ông tin rằng nhà nước là một lực lượng đầy sức mạnh bảo vệ cái thiện. Chính vì thế, ông ủng hộ mạnh mẽ luật pháp để cải thiện điều kiện xã hội ở Anh thời Victoria. Chẳng có gì là áp bức khi vận hành các trại mồ côi dành cho những đứa trẻ bị bỏ rơi, hay khi đảm bảo rằng, mọi người lái xe cùng một bên khi đi đường. Cái mà Mác bác bỏ là truyện thần thoại ủy mị về nhà nước như là một khởi nguồn của sự hài hòa, nối kết một cách hòa bình các nhóm và giai cấp khác nhau. Theo ông, nhà nước là khởi nguồn của sự chia rẽ hơn là sự hòa thuận. Nhà nước thực sự tìm cách giữ xã hội lại với nhau, nhưng nó làm thế rất cục là bởi vì lợi ích của giai cấp thống trị. Đằng sau sự công bằng vô tư bề ngoài của nó là tình trạng chia rẽ đảng phái. Thể chế nhà nước “đeo cùm mới cho người nghèo, và trao sức mạnh mới cho người giàu... mãi mãi ấn định luật sở hữu và bất bình đẳng; chuyển sự chiếm đoạt một cách khéo léo sang quyền bất khả xâm phạm; và phục vụ cho ý muốn cho những người đầy tham vọng, bắt toàn bộ nhân loại thành lao động vĩnh viễn, nô lệ và đau khổ”. Đây không phải là lời của Mác, mà là (như chúng đã thấy) lời của Jean-Jacques Rousseau trong tác phẩm *Bàn về bất bình đẳng*. Mác không hề lập dị khi nhìn thấy mối quan hệ giữa quyền lực nhà nước và đặc quyền giai cấp. Đúng là ông không phải lúc nào cũng giữ quan điểm này. Là một môn đồ trẻ của Hêghen, ông nói về nhà nước bằng những lời lẽ tích cực. Nhưng đây là trước khi ông trở thành một nhà Mác-xít và cả khi ông trở thành nhà Mác-xít, ông vẫn nhấn mạnh rằng ông không phải là một nhà Mác-xít.

Những người nói về sự hòa thuận và nhất trí nên cảnh giác với cái người ta có thể gọi là quan điểm giáo sĩ công nghiệp về thực tại. Nói nôm na thì ý niệm này có nghĩa là, một bên là những ông chủ tham lam và một bên là những công nhân tham chiến, trong khi ở giữa là người giáo sĩ đúng mực, ăn nói nhẹ nhàng, có tư tưởng tự do đang cố gắng hết mình đưa hai bên đối chọi

đến gần với nhau, như là hiện thân của lẽ phải, công bằng và sự tiết chế. Nhưng tại sao lúc nào ở giữa cũng phải là nơi nhạy cảm? Tại sao chúng ta có xu hướng coi bản thân là ở giữa và người khác là cực đoan? Rốt cuộc, sự tự tiết chế của người này lại là chủ nghĩa cực đoan của người khác. Mọi người không ai rêu rao mình là cuồng tín, cũng như bảo mình là kẻ non nớt. Liệu có ai cố tìm cách giảng hòa nô lệ và chủ nô, hay thuyết phục người dân bản xứ chỉ than phiền nhẹ nhàng về những người đang âm mưu xóa sổ họ? Mảnh đất ở giữa phân biệt chủng tộc và chống phân biệt chủng tộc là gì?

Nếu Mác không dành thời gian cho nhà nước, phần nào là bởi vì ông coi nhà nước như một quyền lực tha hóa. Cứ như thể là cái thực thể đáng kính trọng này đã tịch thu sung công quỹ khả năng của con người để quyết định sự tồn tại của họ, và giờ đây đang làm điều đó nhân danh họ. Thật vô liêm sỉ nếu gọi quá trình này là “dân chủ”. Chính Mác bắt đầu sự nghiệp của mình như một nhà dân chủ cấp tiến và cuối cùng lại là một nhà cách mạng, khi ông nhận ra nền dân chủ đích thực đòi hỏi phải có nhiều chuyển đổi như thế nào; chính với tư cách là một nhà dân chủ mà ông đã thách thức uy quyền tối cao của nhà nước. Ông một lòng một dạ tin tưởng vào chủ quyền của nhân dân và hài lòng với cái bóng mờ của nhà nước được gọi là dân chủ nghị viện. Về nguyên tắc, ông không phản đối quốc hội, cũng giống như Lenin. Nhưng ông coi dân chủ là vĩ đại, không thể giao phó cho một mình quốc hội. Nó phải có tính địa phương, mang tính quần chúng và xuất hiện ở tất cả các thể chế của xã hội dân sự. Nó phải mở rộng đời sống kinh tế cũng như đời sống chính trị. Nó phải có nghĩa là sự tự chủ thực sự, chứ không phải chính phủ được giao phó cho một tầng lớp chính trị cao cấp. Nhà nước mà Mác bảo vệ là sự cai trị của công dân đối với chính họ, không phải của thiểu số đối với số đông.

Mác cho rằng, nhà nước là tách biệt với xã hội công dân. Có một mâu thuẫn hiển nhiên giữa hai điều đó. Ví dụ, chúng ta là những công dân bình đẳng trong nhà nước, nhưng không hề bình đẳng trong sự tồn tại xã hội hàng ngày. Sự tồn tại xã hội đó bị xé nát bởi các mâu thuẫn, nhưng nhà nước chiếu ra một hình ảnh không vết rạn nứt về nó. Nhà nước coi chính nó như là sự hình thành xã hội từ bên trên, nhưng trên thực tế, nó là sản phẩm của xã hội. Xã hội không xuất phát từ nhà nước, thay vào đó, nhà nước là kẻ ăn bám xã hội. Toàn bộ cơ cấu bị đảo lộn. Như một nhà phê bình điển đạt: “Nền dân chủ và chủ nghĩa tư bản bị lộn tùng phèo” - ám chỉ rằng, thay vì thể chế chính trị điều chỉnh chủ nghĩa tư bản, thì chủ nghĩa tư bản điều chỉnh chúng. Người phát ngôn đó là Robert Reich, cựu Bộ trưởng Bộ lao động Mỹ, người hoàn toàn không được coi là một nhà Mác-xít. Mục tiêu của Mác là khép lại khe hở giữa nhà nước và xã hội, hoạt động chính trị và cuộc sống hàng ngày,

bằng cách hòa tan nhà nước vào xã hội. Và ông gọi đó là dân chủ. Con người phải đòi lại quyền lực trong cuộc sống thường ngày đã bị nhà nước chiếm đoạt. Chủ nghĩa xã hội là sự hoàn thiện của nền dân chủ, không phải là sự phủ nhận nó. Chính vì vậy, nhiều người bảo vệ nền dân chủ không thể coi cách nhìn này đáng chê trách một tí nào.

Một điểm chung giữa các nhà Mác-xít là cho rằng quyền lực thực sự ngày nay nằm ở các ngân hàng, các tập đoàn và các định chế tài chính, mà những vị giám đốc của chúng chẳng bao giờ được ai bầu cử, và những quyết định của chúng có thể ảnh hưởng đến cuộc sống của hàng triệu người. Nhìn chung, sức mạnh chính trị là người hầu cận ngoan ngoãn của các Chúa tể vũ trụ (Masters of the Universe). Các chính phủ luôn quở trách những người Mác-xít, thậm chí còn đặt ra cả Sắc lệnh Hành vi phản xã hội^[2] để áp dụng với họ; nhưng nếu họ cố tìm cách chấm dứt công việc của chính phủ thì họ sẽ lâm vào tình trạng nguy hiểm là bị bắt vào tù bởi chính những lực lượng an ninh của chính phủ. Nhà nước giỏi lắm cũng chỉ có thể hy vọng thu dọn một vài hủ hoại về con người mà hệ thống hiện tại gây ra. Nó làm vậy, một phần vì vấn đề nhân đạo, và một phần để khôi phục lại lòng tin vào hệ thống đã bị lu mờ. Đây là những gì chúng ta gọi là nền dân chủ xã hội. Nói tóm lại, việc chính trị mang công mắc nợ kinh tế là lý do tại sao nhà nước, như chúng ta biết, không thể đơn giản bị bắt làm con tin cho những mục đích xã hội chủ nghĩa. Mác viết trong cuốn *Nội chiến ở Pháp* rằng, giai cấp công nhân không thể xê dịch bộ máy nhà nước hiện tại và sử dụng nó cho mục đích của mình. Bởi vì bộ máy đó có một xu hướng nội tại luôn gắn với hiện trạng. Cái phiên bản nghèo nàn, lệch lạc ghê gớm của nó về nền dân chủ chỉ phù hợp với những quyền lợi chống dân chủ đang thống trị hiện nay.

Mô hình quan trọng của Mác về sự tự trị của nhân dân là Công xã Paris năm 1871, trong vài tháng sôi động, những người lao động của tư bản Pháp nắm quyền điều hành chính số phận của họ. Công xã, như Mác miêu tả trong cuốn *Nội chiến ở Pháp*, bao gồm những ủy viên hội đồng địa phương, hầu hết là nam công nhân, được bầu cử bằng bỏ phiếu phổ thông và có thể bị các cử tri bãi miễn. Phục vụ công cộng cũng phải được trả lương, quân đội chính quy bị hủy bỏ, và cảnh sát chịu trách nhiệm trước Công xã. Quyền lực trước đây do nhà nước Pháp thực thi nay do các chiến sĩ công xã đảm đương. Các cha xứ bị trục xuất khỏi đời sống công cộng, trong khi các tổ chức giáo dục được mở ra cho những người dân thường và được giải phóng khỏi sự can thiệp của cả nhà thờ và nhà nước. Quan tòa, thẩm phán và công chức được bầu ra, có trách nhiệm với người dân và có thể bị người dân bãi nhiệm. Công xã, dưới danh nghĩa sản xuất hợp tác xã cũng chủ định xóa bỏ sở hữu tư nhân.

Mác viết: “Không phải cứ 3 năm hoặc 6 năm một lần lại quyết định cá nhân nào trong giai cấp thống trị phải đại diện và đàn áp nhân dân tại Nghị viện, quyền đầu phiếu phổ thông phải phục vụ nhân dân đã được tổ chức thành Công xã”. Ông viết tiếp: “Công xã... về thực chất nó là một chính phủ cho giai cấp công nhân... là hình thức chính trị tốt cực đã tìm ra được khiến cho có thể thực hiện được việc giải phóng lao động về mặt kinh tế”^[3]. Mặc dù ông không phải không chỉ trích cái công trình xấu số này (chẳng hạn ông nói rằng, đa số các chiến sĩ Công xã không phải là những nhà xã hội chủ nghĩa); ông đã tìm thấy trong đó nhiều yếu tố của chính trị xã hội chủ nghĩa. Viễn cảnh này ra đời từ thực tiễn giai cấp công nhân, chứ không phải từ một thực tiễn bản vẽ thiết kế nào đó. Trong một thời khắc ngắn ngủi nhưng đầy mê hoặc, nhà nước đã không còn là quyền lực tha hóa nữa mà thay vào đó là hình thái của chính quyền nhân dân tự trị.

Những gì đã diễn ra trong những tháng đó ở Paris được Mác miêu tả là “nền chuyên chính vô sản”. Một vài câu nói nổi tiếng của ông làm ớn lạnh những nhà phê bình ông. Nhưng điều ông ám chỉ trong những lời lẽ nghe ghê gớm ấy chính là nền dân chủ nhân dân. Nền chuyên chính vô sản đơn giản nghĩa là sự cầm quyền bởi số đông. Bất luận thế nào thì cụm từ “chuyên chính” trong thời của Mác không nhất thiết nói đến những gì cụm từ này bao hàm ngày nay. Nó muốn nói đến sự vi phạm hiến pháp chính trị bên ngoài pháp luật. Đối thủ tranh luận chính trị của Mác, Auguste Blanqui, một người có đặc điểm nổi bật là bị tất cả chính phủ Pháp từ 1815 đến 1880 bỏ tù, đã gọi “nền chuyên chính vô sản” để ám chỉ sự cai trị nhân danh quần chúng nhân dân; bản thân Mác dùng nó để chỉ chính phủ của nhân dân. Blanqui được bầu làm chủ tịch xã, nhưng chỉ ngồi ở ghế bù nhìn. Đơn giản là ông ở tù trong thời gian đó.

Đôi khi Mác viết nhà nước như thể chỉ là một công cụ trực tiếp của giai cấp thống trị. Tuy nhiên, trong các tác phẩm viết về lịch sử của ông, ông thường tỏ ra có sắc thái hơn rất nhiều. Nhiệm vụ của nhà nước chính trị không phải chỉ để phục vụ quyền lợi trước mắt của giai cấp cầm quyền. Nó cũng phải duy trì sự liên kết xã hội; và mặc dù, hai mục đích này cuối cùng chỉ là một, nhưng vẫn có một mâu thuẫn sâu sắc giữa chúng trong thời gian ngắn hạn hay trung hạn. Ngoài ra, nhà nước dưới chủ nghĩa tư bản có các quan hệ giai cấp độc lập hơn so với, ví dụ như chế độ phong kiến. Vua chúa phong kiến là nhân vật cầm quyền cả chính trị và kinh tế, trong khi đó dưới chủ nghĩa tư bản, các vai trò này thường tách biệt. Nghị sĩ Quốc hội nhìn chung không phải là ông chủ sử dụng lao động. Có nghĩa là, bộ mặt nhà nước tư bản chủ nghĩa được đặt lên trên các quan hệ giai cấp không chỉ đơn giản là một bộ mặt. Nhà nước độc lập về quyền lợi vật chất như thế nào phần

lớn phụ thuộc vào việc thay đổi các điều kiện lịch sử. Mác dường như lý luận rằng, trong cái gọi là mô hình sản xuất châu Á, kéo theo đó là nhiều công trình thủy lợi rộng lớn mà chỉ nhà nước mới có thể đảm đương, nhà nước đúng là lực lượng xã hội thống trị. Cái gọi là những nhà Mác-xít tầm thường có xu hướng thừa nhận mối quan hệ một đối một giữa nhà nước và giai cấp thống trị về kinh tế, và có nhiều lúc điều này là đúng. Đã có những lúc giai cấp chiếm hữu trực tiếp điều hành nhà nước. George Bush và những ông chủ dầu mỏ của ông ta là trường hợp điển hình. Nói cách khác, một trong những thành tựu đáng ghi nhận của Bush là đã chứng minh được chủ nghĩa Mác thông tục là đúng đắn. Ông ta cũng dường như đã cố gắng hết sức để làm cho hệ thống tư bản chủ nghĩa trở nên tồi tệ nhất, một thực tế nữa khiến người ta tự hỏi, liệu ông có bí mật làm việc cho Bắc Triều Tiên hay không?

Tuy nhiên, các quan hệ đang xét đến ở đây thường phức tạp hơn những gì chính quyền Bush có thể gợi ý (thực tế, hầu hết mọi thứ trong cuộc sống con người phức tạp hơn những gì nó muốn nói). Ví dụ, có những giai đoạn giai cấp này cai trị nhân danh một giai cấp khác. Ở nước Anh thế kỷ XIX, như chính Mác đã chỉ ra, tầng lớp quý tộc đảng Whig vẫn là giai cấp chính trị cầm quyền, trong khi tầng lớp trung lưu công nghiệp ngày càng chi phối nhiều hơn về kinh tế; và nói chung, tầng lớp quý tộc đó vẫn đại diện cho quyền lợi của tầng lớp trung lưu công nghiệp. Mác cũng lý luận rằng, Louis Bonaparte cai trị nước Pháp vì quyền lợi của chủ nghĩa tư bản tài chính, trong khi vẫn thể hiện mình là đại diện cho tầng lớp tiểu nông. Tương tự, đảng Quốc xã cai trị vì quyền lợi của giới tư bản bên trên, nhưng làm điều đó qua một lý tưởng có bề ngoài rõ ràng vì giai cấp trung lưu bên dưới. Họ vì thế, có thể nổi giận với những kẻ ký sinh thuộc tầng lớp trên và những người giàu ăn không ngồi rồi theo những cách có thể bị những người thiếu chính chắn chính trị không hoàn toàn hiểu nhầm. Chủ nghĩa phát xít quả là một hình thái của chủ nghĩa cấp tiến. Không có cơ hội cho nền văn minh của giai cấp trung lưu tự do...Chỉ có chủ nghĩa cấp tiến của cánh hữu chứ không phải cánh tả.

Không giống như nhiều người theo chủ nghĩa tự do, Mác không phản đối quyền lực theo cách như vậy. Khó mà nói rằng, mọi quyền lực là đáng ghét để xoa dịu những người không có quyền lực, ít nhất, không phải bởi những người đã có chút ít của để dành. Những người cho rằng, từ “quyền lực” luôn có vẻ không xứng đáng thì quả là may mắn. Quyền lực trong sự nghiệp giải phóng nhân loại không được nhầm lẫn với chuyên chế. Khẩu hiệu “Quyền Lực Đen”^[4] mơ hồ hơn nhiều tiếng gào thét “Đả đảo quyền lực!”. Tuy nhiên, chúng ta chỉ biết được quyền lực như thế là sự giải phóng thực sự nếu

nó cố gắng chuyển đổi không chỉ thiết chế chính trị hiện tại, mà còn chính ở ý nghĩa của bản thân quyền lực. Chủ nghĩa xã hội không dẫn đến việc thay thế một nhóm cai trị này bằng nhóm cai trị khác. Khi nói về Công xã Paris, Mác nhận xét rằng: “Đó không phải là một cuộc cách mạng để chuyển giao quyền lực ấy từ tay một bộ phận của giai cấp thống trị này sang tay một bộ phận khác, mà là một cuộc cách mạng để đập tan chính ngay bộ máy ghê tởm đó của sự thống trị giai cấp”[\[5\]](#).

Chủ nghĩa xã hội đem lại một sự thay đổi trong chính khái niệm về chủ quyền. Không có nhiều điểm giống nhau giữa những gì mà từ “quyền lực” muốn nói tới ở London ngày nay và những gì nó ám chỉ ở Paris năm 1871. Hình thái phát triển rực rỡ nhất của quyền lực là quyền lực với chính nó, và dân chủ nghĩa là việc thi hành khả năng này bằng tập thể. Chính phong trào Khai sáng đã khẳng định rằng, hình thái duy nhất của chủ quyền đáng để biện hộ cái mà chính chúng ta đã tạo thành. Sự tự quyết đó là nội hàm có giá trị quý báu nhất của tự do. Và dù con người có thể sẽ lạm dụng tự do của mình, họ cũng sẽ không phải là con người một cách đầy đủ nếu không có tự do. Đôi khi họ bị cho là đã quyết định vội vàng và ngu ngốc- những quyết định mà một nhà chuyên quyền khôn ngoan có lẽ không mắc phải. Nhưng nếu những quyết định đó không phải là những quyết định của họ, chắc chắn có gì đó trống rỗng và không đáng tin về họ, tuy nhiên, có thể họ là người có đầu óc biết suy xét.

Vậy, quyền lực sẽ tồn tại từ hiện tại từ bản chủ nghĩa sang tương lai xã hội chủ nghĩa - nhưng không ở trong cùng một hình thái. Chính ý niệm về quyền lực cũng đã trải qua một cuộc cách mạng. Nhà nước cũng vậy. Theo một nghĩa của từ “nhà nước”, thì “chủ nghĩa xã hội nhà nước” cũng có nội hàm nhiều mâu thuẫn như “thuyết nhận thức luận của Tiger Woods”. Nhưng theo nghĩa khác, từ này lại có ý nghĩa nào đó. Với Mác, vẫn còn một nhà nước dưới chủ nghĩa xã hội; chỉ khi vượt qua chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, thì nhà nước áp bức sẽ được thay thế bằng một cơ quan quản lý hành chính. Nhưng đó không phải là một nhà nước mà bản thân chúng ta sẽ nhận ra dễ dàng như thế. Cứ như là có ai đó chỉ ra một mạng lưới phân cấp của những cộng đồng tự trị, được quản lý linh hoạt bởi một chính quyền trung ương được bầu cử dân chủ, và công bố “có nhà nước rồi”, khi chúng ta đang mong đợi một cái gì đó đường bệ và vĩ đại - ví dụ, cái gì đó giống như Điện Westminster, Nhà Trắng và Hoàng Tử Andrew bí ẩn khó hiểu.

Một phần của mối bất hòa giữa Mác với những người vô chính phủ là vấn đề quyền lực cơ bản như thế nào trong mọi trường hợp. Đây thực sự có phải là vấn đề? Theo quan điểm của Mác thì đó không phải là vấn đề. Với ông, quyền lực chính trị phải được thiết lập trong một bối cảnh lịch sử rộng

hơn. Đã có người đặt câu hỏi, quyền lực phục vụ cho quyền lợi vật chất gì, và theo ông, đây mới là những vấn đề cốt lõi. Nếu ông chỉ trích những người bảo thủ lý tưởng hóa nhà nước, thì ông cũng mất kiên nhẫn với những người vô chính phủ đã đánh giá quá mức tầm quan trọng của nhà nước. Mác không “cụ thể hóa” quyền lực, mà tách nó ra khỏi môi trường xã hội xung quanh và coi quyền lực như một thứ trong chính nó. Đây rõ ràng là một trong những ưu điểm trong công trình của ông. Cái mà Mác bỏ sót về quyền lực lại là cái mà người đồng bào của ông là Nietzsche và Freud nhận ra theo những cách khác nhau rõ rệt. Quyền lực có lẽ không phải là thứ ở trong chính nó; nhưng có một yếu tố ở trong nó đang tắm mình trong uy quyền vì lợi ích của chính bản thân nó - điều vô dương oai không có mục tiêu cụ thể nào, và luôn luôn vượt quá những lợi ích thực tế mà nó đã theo đuổi. Shakespeare biết điều này khi ông viết về quan hệ giữa Prospero và Ariel trong vở kịch Bão tố. Ariel là sứ giả trung thành của quyền lực Prospero, nhưng ông ta không ngừng trốn chạy sự ngự trị này, và chỉ làm việc của bản thân mình. Với bản tính đùa cợt tinh quái, ông ta chỉ thích thú với những quyền lực ma thuật của ông như là những mục đích tự thân, không để chúng bị ràng buộc vào ý định chiến lược của ông chủ của mình. Coi quyền lực đơn giản chỉ là phương tiện là đã bỏ qua bản chất quan trọng này của nó; và làm như vậy, có lẽ sẽ hiểu nhầm, tại sao quyền lực lại mang tính chất cưỡng chế kinh khủng như nó vốn bị hiểu như thế.

[1] Jacques Ranciere: Sự bất hòa (Dis-agreement), Minneapolis, 1999, p.113.

[2] Sắc lệnh Hành vi phản xã hội do thủ tướng Anh Toni Blair ban hành năm 1998 nhằm điều chỉnh một số hành vi dân sự (ND).

[3] Nội chiến ở Pháp, trong Các Mác và Ăngghen: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia, H.1994, t.17, tr.454.

[4] Quyền lực đen (Black Power) là một khẩu hiệu chính trị được sử dụng trong phong trào đòi quyền lợi và tôn trọng giá trị của người da đen, chủ yếu là người Mỹ gốc Phi trong những năm 1960 và 1970. Phong trào này cũng lan rộng ra nhiều nơi trên thế giới (ND).

[5] Dự thảo lần thứ nhất cuốn *Nội chiến ở Pháp*, trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H.1994, t.17, tr.715.

CHƯƠNG 10

CHỦ NGHĨA MARX KHÔNG CÓ VAI TRÒ GÌ ĐỐI VỚI CÁC PHONG TRÀO CẤP TIẾN HIỆN ĐẠI?

PHẢN BÁC:

Tất cả những phong trào cấp tiến đáng chú ý nhất trong vòng 4 thập kỷ qua đều xuất hiện bên ngoài chủ nghĩa Mác. Phong trào nữ quyền, chủ nghĩa bảo vệ môi trường, bình đẳng cho người đồng tính, chính trị dân tộc thiểu số, quyền của động vật, chống toàn cầu hóa, phong trào vì hòa bình - tất cả những vấn đề này đã thay thế sự tận tâm đối với đấu tranh giai cấp, và đại diện cho những dạng thức mới của hoạt động chính trị, khiến chủ nghĩa Mác trở nên lỗi thời. Ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác đối với các phong trào nói trên là nhỏ bé và không mấy ấn tượng. Tất nhiên là vẫn có một cánh tả chính trị, nhưng điều đó chỉ đúng đối với một thế giới hậu giai cấp và hậu hiện đại mà thôi.

BIỆN GIẢI:

Một trong số những trào lưu chính trị mới phát triển rực rỡ nhất hiện nay là phong trào chống chủ nghĩa tư bản, do đó khó có thể nói đã có sự đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác. Dù phong trào này có phê phán tư tưởng mácxít thế nào đi chăng nữa, thì sự chuyển biến từ chủ nghĩa Mác sang chống chủ nghĩa tư bản khó có thể nói là một bước ngoặt to lớn. Trên thực tế, chính những bàn luận của chủ nghĩa Mác về các xu thế cấp tiến khác đã tạo nên uy tín của học thuyết này. Chẳng hạn, lấy ví dụ cụ thể là mối quan hệ giữa chủ nghĩa Mác và phong trào phụ nữ. Nói đúng ra thì những mối quan hệ này đã được đề cập quá nhiều. Đã có những người Mác-xít nam giới từng bỏ qua vấn đề tình dục học, hoặc tìm cách dành riêng vấn đề chính trị nữ quyền phục vụ cho mục đích của mình. Trong truyền thống Mác-xít cũng gặp rất nhiều trường hợp mà may mắn lắm thì được coi là phi giới tính chứ không thì chỉ là kiểu tưởng giả đáng ghét mà thôi. Thế nhưng đó chưa phải là tất cả như một số nhà nữ quyền theo chủ trương ly khai thời kỳ những năm 1970 và 1980 muốn tin một cách vị kỷ. Nhiều nhà Mác-xít là nam giới đã học hỏi, tiếp thu một cách nhẫn nại và kiên trì chủ nghĩa nữ quyền trên cả phương diện cá nhân và chính trị. Đồng thời, chủ nghĩa Mác cũng đóng góp một phần không nhỏ đối với chủ nghĩa nữ quyền trên phương diện tư tưởng lẫn hành động thực tiễn.

Một loạt các câu hỏi quan trọng đã được đặt ra từ vài thập niên trước, khi cuộc tranh luận liên quan đến chủ nghĩa Mác và thuyết nữ quyền trở nên sôi động nhất^[1]. Quan điểm Mác-xít đối với lao động trong gia đình là gì, một câu hỏi mà bản thân Mác gần như bỏ quên? Phải chăng theo quan điểm Mác-xít, phụ nữ cũng hình thành một giai cấp xã hội? Làm sao để một lý thuyết chủ yếu về sản xuất công nghiệp có thể lý giải các vấn đề như chăm sóc trẻ em, tiêu dùng, hoạt động tình dục và gia đình? Liệu gia đình có vị trí trung tâm trong xã hội tư bản? Hay có đúng là chủ nghĩa tư bản sẽ lừa con người vào trong những doanh trại công xã nếu điều đó mang lại lợi nhuận và không bị ai lên án? (Tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* công kích mạnh mẽ gia đình giai cấp trung lưu, một trường hợp mà Ăngghen, với mong muốn đạt tới sự thống nhất biện chứng giữa lý luận và thực tế, đã chấp nhận một cách đầy nhiệt huyết trong đời sống riêng ngoài đời của ông). Liệu có thể có tự do cho phụ nữ mà không cần đến xóa bỏ xã hội có giai cấp được không? Chủ nghĩa tư bản và chế độ phụ quyền có mối quan hệ như thế nào, dấu biết rằng chế độ phụ quyền tồn tại lâu đời hơn rất nhiều trước chủ nghĩa tư bản? Một số người ủng hộ thuyết nữ quyền theo Mác-xít quan niệm rằng, chỉ khi nào chủ nghĩa tư bản bị lật đổ thì tình trạng áp bức phụ nữ mới chấm dứt. Một số khác (và có lẽ đáng tin cậy hơn) đưa ra luận điểm rằng, chủ nghĩa tư bản vẫn cứ tồn tại mà chẳng cần đến phương thức áp bức ấy. Theo quan điểm này thì bản chất của chủ nghĩa tư bản chẳng đòi hỏi sự khuất phục của người phụ nữ. Thế nhưng, cả hai vấn đề chế độ phụ quyền và xã hội có giai cấp trên thực tế có liên quan mật thiết với nhau đến nỗi thật khó mà hình dung nếu lật đổ cái này lại không làm rung cái kia.

Đa phần trong các tác phẩm của Mác không phân định rõ vai trò của giới tính - mặc dù điều này đôi khi có thể được lý giải là chủ nghĩa tư bản cũng như vậy, ít nhất là trên một số phương diện. Chúng ta đã chỉ ra rằng hệ thống tư bản chủ nghĩa không phân biệt giới, sắc tộc, hay huyết thống xã hội... khi nó xác định sẽ bóc lột ai hay sẽ bán hàng cho ai. Nếu như người lao động trong các tác phẩm của Mác luôn là nam giới thì cũng chẳng phải do bản chất của chủ nghĩa tư bản. Lý do là bởi bản thân Mác cũng là một quý ông đáng kính sống dưới thời đại theo truyền thống Victoria. Nhưng mặc dù vậy, Mác vẫn cho rằng mối quan hệ sinh sản thông qua hoạt động tình dục có tầm quan trọng bậc nhất. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, ông thậm chí còn tuyên bố gia đình là mối quan hệ xã hội duy nhất. Khi nói về sản xuất ra bản thân đời sống - “của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi, nảy nở” - hai bản đại tự sự của lịch sử về sản xuất tính dục và sản xuất vật chất (mà nếu thiếu một trong hai cái này thì lịch sử nhân loại sẽ nhanh chóng kết thúc) được Mác coi là có mối liên quan mật thiết với nhau. Thứ

đặc biệt nhất do con người tạo ra chính là con người. Theo đó, con người tạo ra sức lao động mà bất kỳ hệ thống xã hội nào cũng phải cần đến để duy trì sự tồn tại của mình. Tái sản xuất vật chất và sinh sản của con người đều có lịch sử riêng, mà không thể nhập vào làm một. Nhưng đồng thời, cả hai đều là nơi diễn ra những cuộc xung đột, những bất công truyền đời, và nạn nhân của mỗi quá trình đều có chung một lợi ích giải phóng chính trị.

Ph.Ăngghen (người đã thực hiện đoàn kết chính trị cũng như đoàn kết giới tính với giai cấp vô sản bằng việc ông đã yêu một người xuất thân từ tầng lớp lao động) cho rằng, giải phóng phụ nữ không thể tách rời với việc chấm dứt xã hội phân chia giai cấp (và do người tình của ông cũng là người gốc Ailen, nên ông đã bổ sung thêm phần chống thực dân vào trong mối quan hệ của họ). Nguồn gốc của gia đình, của chế độ sở hữu và của nhà nước của Ph.Ăngghen thực sự là một tác phẩm nhân loại học xã hội đầy ấn tượng, mặc dù còn đầy thiếu sót, nhưng cũng có rất nhiều những khái niệm hay. Tuy tác phẩm chưa bao giờ lên tiếng hoài nghi đối với sự phân công lao động mang tính quy ước về mặt giới tính, song nó vẫn coi sự áp bức phụ nữ của nam giới là “sự phục tùng nhóm người thượng đẳng”. Những người Bôn-sê-vích đã đặt vấn đề phụ nữ một cách rất nghiêm túc: cuộc sống nổi dậy lật đổ Sa hoàng được phát động bằng cuộc biểu tình diễn ra đúng ngày Quốc tế phụ nữ năm 1917. Ngay sau khi giành được chính quyền, Đảng đã đặt ưu tiên chính trị đối với vấn đề nam nữ bình đẳng và lập ra một Ban thư ký Quốc tế phụ nữ. Và cũng chính Ban thư ký Quốc tế Phụ nữ này đã triệu tập được Đại hội Quốc tế Phụ nữ Lao động đầu tiên với sự tham dự của các đoàn đại biểu từ hai mươi quốc gia trên thế giới mà lời kêu gọi: “Vì phụ nữ cần lao trên toàn thế giới” của hội nghị đã coi mục đích của chủ nghĩa cộng sản và mục đích của phong trào giải phóng phụ nữ là gắn bó chặt chẽ với nhau.

Robert J.C.Young viết rằng: “Trước khi xuất hiện phong trào phụ nữ trong thập niên 1960, thật ấn tượng khi chỉ có những người nam giới của các phe phái xã hội chủ nghĩa hay cộng sản chủ nghĩa mới đặt vấn đề bình đẳng của người phụ nữ phải là bản chất bên trong của các hình thức giải phóng chính trị khác”^[2]. Trong những năm đầu thế kỷ XX, chỉ có phong trào cộng sản mới đặt vấn đề về giới một cách hệ thống và đưa ra bàn luận bên cạnh những vấn đề khác liên quan đến chủ nghĩa dân tộc và thuộc địa. Young viết tiếp: “Chủ nghĩa cộng sản là cương lĩnh chính trị đầu tiên và duy nhất nhận thức được mối quan hệ đan xen giữa các hình thức bóc lột và thống trị khác nhau [vấn đề giai cấp, giới và chủ nghĩa thực dân]; đồng thời, thấy được sự cần thiết phải xóa bỏ mọi hình thức đó như là nền tảng cơ bản để thực hiện thành công sự nghiệp giải phóng mỗi người”. Hầu hết các xã hội gọi là xã

hội chủ nghĩa ngày nay đều nỗ lực thúc đẩy những tiến bộ về quyền của phụ nữ. Thậm chí, nhiều quốc gia trong số họ đã đặt “vấn đề của người phụ nữ” với một sự nghiêm túc đáng ca ngợi từ rất lâu trước khi phương Tây đề cập đến việc giải quyết vấn đề này một cách thực sự. Đối với những vấn đề giới và tình dục, thì thành tích thực tế của chủ nghĩa cộng sản có sai sót nghiêm trọng. Dù có như vậy, thì như nhà xã hội học Michèle Barrett nhận xét: “không kể từ tưởng đấu tranh vì nữ quyền, thì từ trước đến nay chưa hề có một tiền lệ nào có được những phân tích có tính phê phán đối với vấn đề áp bức phụ nữ có thể sánh ngang tầm sự chú ý của mọi thể hệ những nhà tư tưởng Mác-xít dành cho vấn đề này”[3].

Nếu như chủ nghĩa Mác có thể ví như là một người chiến sĩ kiên định đấu tranh vì nữ quyền, thì chủ nghĩa Mác cũng là người ủng hộ đầy nhiệt huyết cho các phong trào chống thực dân trên toàn thế giới. Thực vậy, trong suốt nửa đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa Mác luôn là nguồn cảm hứng lớn nhất của những phong trào này. Do đó, những người Mác-xít đã trở thành đội quân tiên phong của ba cuộc đấu tranh chính trị vĩ đại nhất trong lịch sử hiện đại. Đó là cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, cuộc đấu tranh giải phóng phụ nữ, và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Phát xít. Riêng đối với các nhà lý luận thuộc thế hệ tiên phong của phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, thì chủ nghĩa Mác chính là xuất phát điểm không thể thiếu. Vào đầu những năm 1920 và 1930, những ai dù là nam hay nữ nếu bị phát giác là người cổ vũ bình đẳng giữa các dân tộc đều bị quy là những người cộng sản. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đa phần chủ nghĩa dân tộc châu Phi, kể từ Nkrumah và Fanon trở đi, đều bị ảnh hưởng bởi một hình thức nào đó của chủ nghĩa Mác hoặc chủ nghĩa xã hội. Đa phần các đảng cộng sản ở các nước châu Á đều kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa dân tộc vào trong đường lối hành động của mình. Như Jules Townshend đã viết:

“Trong khi các giai cấp công nhân, ngoại trừ ở Pháp và Ý dường như là nằm im ở các nước tư bản phát triển (trong những năm 1960), thì giai cấp nông dân, cùng với tầng lớp trí thức ở châu Á, châu Phi và Mỹ La tinh đang tiến hành cách mạng, hoặc xây dựng những xã hội mới theo con đường xã hội chủ nghĩa. Từ châu Á, nguồn cảm hứng được khuấy lên từ cuộc Cách mạng Văn hóa của Mao Trạch Đông ở Trung Quốc năm 1966, và cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Cộng dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh ở Việt Nam. Ở châu Phi, những viên cảnh giải phóng và chủ nghĩa xã hội của Nyerere ở Tanzania, Nkrumah của Ghana, Cabral của Guinea-Bissau, Franz Fanon của Angiêri. Còn Mỹ Latinh là cuộc cách mạng Cuba của Fidel Castro và Che Guevara”[4].

Từ Malaysia đến vùng Caribe, từ Ailen đến Angiêri, chủ nghĩa dân tộc

cách mạng khiến chủ nghĩa Mác phải tự xét lại mình. Cùng lúc ấy, chủ nghĩa Mác tìm cách đưa ra cho các phong trào giải phóng ở các nước thuộc Thế giới thứ ba điều gì đó mang tính chất xây dựng hơn là thay thế sự cai trị của giai cấp bản địa. Chủ nghĩa Mác cũng nhìn vượt lên trên sự tôn sùng dân tộc một cách mù quáng để hướng tới một viễn cảnh mang tính chủ nghĩa quốc tế nhiều hơn. Nếu chủ nghĩa Mác đã cổ vũ các phong trào giải phóng dân tộc tại các nước được gọi là Thế giới thứ ba ấy, thì đồng thời nó luôn nhấn mạnh rằng, quan điểm của những phong trào này cần hướng tới quốc tế xã hội chủ nghĩa hơn là chỉ giới hạn ở tư sản dân tộc. Vậy mà lời khuyến nghị ấy gần như bị bỏ qua.

Khi giành được chính quyền, những người Bôn-sê-vích tuyên bố quyền tự quyết đối với các dân tộc thuộc địa. Phong trào cộng sản thế giới đã phải hoạt động tích cực để biến tinh thần này thành hiện thực. Lênin là nhà lý luận chính trị đầu tiên trên thế giới đã nhận thức được tầm quan trọng của các phong trào giải phóng dân tộc, mặc dù ông có quan điểm phê phán chủ nghĩa dân tộc. Lênin cũng phản đối chủ nghĩa dân tộc lãng mạn cho rằng giải phóng dân tộc là một vấn đề của dân chủ cấp tiến, chứ không phải là thứ tình cảm thuộc chủ nghĩa Sô-vanh. Bằng một sự kết hợp sức mạnh có một không hai, chủ nghĩa Mác bởi vậy đã trở thành vừa ủng hộ phong trào đấu tranh chống thực dân, lại vừa lên án chống lại tư tưởng dân tộc chủ nghĩa. Như Kevin Anderson bình luận: “Trong hơn ba thập kỷ trước khi Ấn Độ giành được độc lập và hơn bốn thập kỷ trước khi các phong trào giải phóng ở châu Phi chiếm vị trí lãnh đạo trong những năm 1960, [Lênin] đã là người có công khái quát hóa các phong trào dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc thành lý luận, và coi các phong trào ấy là một nhân tố quan trọng trong nền chính trị học thế giới”^[5]. Lênin viết vào năm 1920 rằng: “Tất cả các Đảng Cộng sản cần phải trực tiếp tham gia hỗ trợ các phong trào cách mạng diễn ra tại các dân tộc phụ thuộc và kém lợi thế (ví dụ như ở Ailen, và những người da đen ở châu Mỹ) và các nước thuộc địa”. Lênin công kích lại cái mà ông gọi là “chủ nghĩa Sô-vanh Đại Nga” tồn tại ngay trong Đảng Cộng sản Xô-viết. Tuy nhiên, quan điểm ấy đã không ngăn cản Lênin tán thành sự thôn tính Ukraina và sau đó là sự gia nhập bắt buộc của Georgia. Một số người Bôn-sê-vích khác, trong đó có Trotsky và Rosa Luxemburg, đã tỏ rõ lập trường chống chủ nghĩa dân tộc mạnh mẽ.

Bản thân Mác cũng còn đôi chút mơ hồ khi đề cập đến những vấn đề chính trị chống chủ nghĩa thực dân. Sự nghiệp thời kỳ đầu của Mác có xu hướng ủng hộ cuộc đấu tranh chống chính quyền thực dân chỉ khi nào cuộc đấu tranh ấy chắc chắn thúc đẩy mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mác từng tuyên bố gây xôn xao dư luận rằng có những dân tộc “không giữ vai trò

lịch sử nào” và tất sẽ đi đến chỗ tuyệt diệt. Chỉ riêng ở châu Âu, người Séc, người Sôvenia, người Dalmatians, người Rumani, người Croatia, người Serb, người Moravi, người Ukraina và những dân tộc khác sẽ bị cất giữ trong lọ tro của lịch sử. Đã có lúc Ăngghen hăng hái ủng hộ việc chiếm Angiêri làm thuộc địa và Hoa Kỳ xâm chiếm Mexico; trong khi đó Mác lại tỏ ra không mấy kính trọng người hùng giải phóng Mỹ Latinh như Simon Bolivar. Ông còn nhận xét rằng, Ấn Độ đừng nên tự kiêu với lịch sử của mình; mà sự nô dịch của đất nước trước người Anh vô hình chung đã tạo ra những tiền đề cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra trên tiểu lục địa này. Nhưng đó không phải là cách nói sẽ giúp bạn kiếm được điểm cao nhất cho môn học về hậu chủ nghĩa thực dân ở các trường đại học Anh hay Mỹ.

Nếu như Mác có thể phát biểu một cách tích cực về chủ nghĩa thực dân, thì điều đó chẳng phải vì Mác ưa chuộng hình ảnh một dân tộc này chà đạp một dân tộc khác. Lý do là Mác coi sự áp bức (mà ông phán xét là ghê tởm và hèn hạ) gắn liền với sự xuất hiện của tính hiện đại tư bản chủ nghĩa tại các nước “chưa phát triển”. Từ đó, Mác coi điều đó không những tạo ra một số lợi ích nhất định cho những nước này, mà còn là sự chuẩn bị cho con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã bàn về ưu nhược điểm của kiểu tư duy “theo mục đích luận” này.

Nói chủ nghĩa thực dân chứa đựng những khía cạnh tiến bộ có lẽ là khó nghe đối với hầu hết tác giả phương Tây thời hậu thuộc địa, vì họ sợ rằng thú nhận một điều gì đó là sai lầm chính trị đều có thể đem dâng nộp cho chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa vị chủng (ethnocentrism). Tuy nhiên, đó là điều bình thường đối với các sử gia Ấn Độ và Ailen^[6]. Vậy một hiện tượng phức tạp kinh khủng như chủ nghĩa thực dân - từng tồn tại khắp nơi và trải qua nhiều thế kỷ - lại chẳng có một kết quả tích cực nào ư? Ở Ailen thế kỷ XIX, chính quyền đô hộ của người Anh đã đem đến nạn đói, bạo lực, hủy diệt, chủng tộc bá chủ và cả đàn áp tôn giáo. Nhưng theo chân họ còn có văn chương, ngôn ngữ, giáo dục, phần nào dân chủ, mà nhờ đó các phong trào dân tộc đã biết tổ chức và cuối cùng cũng giành lấy chính quyền. Đó là những thứ có giá trị đồng thời cũng thúc đẩy một sự nghiệp chính trị đáng trân trọng.

Trong khi đó có rất nhiều người Ailen tha thiết được hòa nhập vào thế giới hiện đại bằng cách học tiếng Anh thì cũng có một bộ phận người Rô-măng Ai Nhĩ Lan vẫn kẻ cả đeo đuổi thứ tiếng nói riêng của dân tộc mình. Chúng ta cũng thấy thành kiến tương tự ở một số học giả hậu thuộc địa ngày nay, mà đối với họ thì tính hiện đại của chủ nghĩa tư bản hoàn toàn là một thảm họa. Nhưng quan niệm ấy không được các dân tộc hậu thuộc địa chia sẻ mặc dù sự nghiệp của họ được các học giả đó ủng hộ. Dĩ nhiên sẽ tốt hơn

đôi với người dân Ailen nếu bắt đầu con đường dân chủ (và dần dần thịnh vượng) theo một cách ít đau buồn hơn. Người Ailen đáng lẽ không bao giờ phải chịu nỗi nhục của người dân thuộc địa như trước đây. Nhưng cũng nhờ có vậy họ đã giành được giá trị nào đó trong hoàn cảnh này.

Do đó, Mác rất có thể tìm thấy một số khuynh hướng “tích cực” nào đấy của chủ nghĩa thực dân. Nhưng dù có vậy, điều này không ngăn cản Mác tố cáo bản chất “man rợ” của chính quyền thực dân ở Ấn Độ và nhiều nơi khác, cũng như ngăn ông cổ vũ phong trào nổi loạn ở Ấn Độ (Indian Rebellion) năm 1857. Ông bình luận, sự tàn bạo của những kẻ nổi dậy năm 1857 phản ánh một cách trung thực bản chất cướp bóc của chính người Anh đối với đất nước Ấn Độ. Chủ nghĩa đế quốc Anh ở Ấn Độ không còn là một quá trình khai phá văn minh nhân đạo nữa mà trở nên một “cuộc báo thù đẫm máu”^[7]. Thực trạng ở Ấn Độ đã bóc trần “thói đạo đức giả và sự man rợ cố hữu của văn minh tư sản” dẫu đội lốt đáng kính ở chính quốc, song lại trần trụi ở bên ngoài⁷. Thực vậy, như Aijaz Ahmad nhận định, chưa có một nhà cải cách Ấn Độ có tầm ảnh hưởng của thế kỷ XIX nào có một lời giải thích rõ ràng như Mác đã có đối với vấn đề độc lập dân tộc của Ấn Độ⁷.

Không những thế, Mác còn công khai từ bỏ ý kiến trước đó của ông về vấn đề xâm chiếm Mexico cũng giống như Ăngghen đối với việc Pháp xâm chiếm Angieri. Điều này, mà trong trường hợp Ăngghen phản ánh một cách chua xót, đã không cho thấy cái gì khác ngoại trừ đổ máu, chiến tranh, bạo lực và “sự ngạo mạn trắng tráo” của những kẻ khai phá văn minh đối với người dân bản xứ “có nòi giống kém cỏi hơn”. Ăngghen nhấn mạnh, chỉ còn cách duy nhất là tiến hành cách mạng mới có thể cứu vãn được tình thế. Mác cũng ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc Trung Quốc chống lại cái mà Mác khinh bỉ gọi là “những tên thương lái văn minh” thực dân. Nói cách khác, ông muốn sửa chữa lại thái độ sô vanh chủ nghĩa trước đây của mình, ủng hộ những cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa, cho dù dân tộc ấy có “vai trò lịch sử” hay không. Khẳng định bất kỳ một dân tộc nào áp bức dân tộc khác thì đồng nghĩa với tự tay trói mình. Mác coi nền độc lập của Ailen là tiền đề cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tại nước Anh. Trong Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, Mác viết rằng, mâu thuẫn của giai cấp công nhân với giới chủ ban đầu được diễn ra dưới hình thức là một cuộc đấu tranh dân tộc.

Tôi vẫn đi theo truyền thống là những vấn đề về văn hóa, giới, ngôn ngữ, sự khác biệt, bản sắc và dân tộc không tách rời các vấn đề liên quan đến quyền lực nhà nước, bất bình đẳng về mặt vật chất, bóc lột lao động, cướp bóc đến quốc, phản kháng chính trị của quần chúng và sự chuyển đổi cách mạng. Tuy nhiên, nếu loại trừ nhóm vấn đề thứ hai ra khỏi nhóm vấn đề thứ

nhất thì chúng ta sẽ có một thứ gì đó tựa tựa như lý luận hậu thuộc địa ngày nay. Đâu đó trên thế giới trong những năm 1980 đã tồn tại một quan điểm ầu trĩ cho rằng, chủ nghĩa Mác mang tai tiếng đã phải nhường đường cho một thứ chủ nghĩa hậu thực dân phù hợp hơn về mặt chính trị. Trong thực tế, điều này dẫn đến cái mà các nhà triết học gọi là một sai lầm phạm trù, chẳng khác nào đem so một con chuột với khái niệm đời sống hôn nhân. Chủ nghĩa Mác là một phong trào chính trị quần chúng, trải khắp các châu lục và đi qua nhiều thế kỷ, là lý tưởng mà biết bao con người đã chiến đấu và thậm chí hy sinh vì nó. Trong khi đó, chủ nghĩa hậu thực dân là một thứ ngôn ngữ kinh viện, hiếm khi người ta nói tới, ngoại trừ trong vài trăm trường đại học, và thậm chí, chủ nghĩa hậu thực dân có lúc còn là thứ chẳng thể hiểu nổi, không khác gì tiếng Swahili[8] đối với những người châu Âu bình thường.

Xét về góc độ lý luận, chủ nghĩa hậu thực dân bắt đầu xuất hiện vào cuối thế kỷ XX - thời điểm đang diễn ra các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Tác phẩm quan trọng của trào lưu này là cuốn sách *Đông phương học* của Edward Said xuất hiện vào giữa năm 1970, đúng thời điểm một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng của chủ nghĩa tư bản đã làm nhụt chí tinh thần cách mạng tại phương Tây. Song, có lẽ điều đáng nói là cuốn sách của Edward Said mang tính chất chống Mác-xít một cách mạnh mẽ. Chủ nghĩa hậu thực dân một mặt nào đó vẫn bảo vệ di sản cách mạng nhưng đồng thời lại rũ bỏ nó. Đó là một tiến trình hậu cách mạng thích hợp với một thế giới hậu cách mạng. Đây là may mắn lắm nó mới tạo ra được một tác phẩm có kiến thức nghèo nàn và không gì đặc sắc còn nếu không thì nó chỉ còn là khoa quan hệ quốc tế của chủ nghĩa hậu thực dân.

Do đó, không phải giờ đây giai cấp đang như đã nhường chỗ cho vấn đề bản sắc và dân tộc. Mâu thuẫn giữa một bên là các tập đoàn xuyên quốc gia với một bên là những người công nhân bị trả lương rẻ mạt, thường là người dân tộc thiểu số và đa phần là lao động nữ ở những nước nam bán cầu thực chất là vấn đề giai cấp- theo đúng định nghĩa của từ này do Mác đưa ra. Hoàn toàn không phải là quan điểm “lấy phương Tây làm trung tâm”, chẳng hạn như về những người thợ hầm lò hay những công nhân lao động trong các xưởng máy phương Tây, giờ đây đã được thay thế bằng những quan điểm mang tính địa phương hơn. Giai cấp luôn là một hiện tượng mang tính quốc tế. Mác muốn nói rằng, giai cấp công nhân là người nhận thức được họ không có quê hương, nhưng trên thực tế chính chủ nghĩa tư bản mới là người như vậy. Về mặt nào đó, thì toàn cầu hóa chẳng phải là cái gì mới mẻ, bởi nếu lướt qua Tuyên ngôn của Đảng cộng sản có thể thấy ngay điều đó. Phụ nữ luôn chiếm số đông trong lực lượng lao động, và vấn đề áp bức dân tộc mãi mãi không thể tách khỏi bóc lột kinh tế. Cái gọi là các phong trào xã hội

mới đa phần chẳng mới gì nhiều. Và quan niệm cho rằng họ đã thoát ra khỏi ảnh hưởng của một chủ nghĩa Mác chống đa nguyên và luôn bị giai cấp áp bức là đã bỏ qua một thực tế rằng, họ và chủ nghĩa Mác thật sự là đồng minh của nhau trong cả một thời gian dài.

Những người theo chủ nghĩa hậu thực dân nhiều khi quy kết Mác là người có quan điểm lấy châu Âu là trung tâm, luôn tìm cách áp đặt những giá trị phương Tây mang tính duy lý của người da trắng lên mọi lĩnh vực rất khác nhau của hành tinh này. Lẽ dĩ nhiên, Mác là một người châu Âu, như chúng ta có thể thấy trong mỗi quan tâm cháy bỏng của ông đối với giải phóng chính trị. Truyền thống các tư tưởng về vấn đề giải phóng đã làm nên trang sử của châu Âu, cũng giống như tình trạng nô lệ đã làm được lịch sử đó. Châu Âu là cái nôi của dân chủ nhưng cũng là nơi có những trại tập trung chết người. Nếu phải kể đến nạn diệt chủng ở Cônggô, thì ở châu Âu cũng phải kể đến những chiến sĩ Công xã Pari và phong trào đấu tranh đòi quyền bỏ phiếu cho phụ nữ (Suffraettes). Châu Âu ghi dấu ấn sự ra đời của chủ nghĩa xã hội và cả chủ nghĩa phát xít; là nơi chôn nhau của cả Sophocles^[9] và tài tử điện ảnh Arnold Schwarzenegger, quyền công dân và tên lửa hành trình Cruise, huyền thoại về chủ nghĩa nữ quyền và một di sản của nạn đói. Những nơi khác trên trái đất này tương tự như vậy cũng được đánh dấu bởi sự pha trộn giữa thực tiễn khai sáng và hành động áp bức. Chỉ những người quá ấu trĩ coi châu Âu chỉ có tiêu cực và hậu thuộc địa toàn là những điều tốt đẹp mới không nhận ra được thực tế này. Một số người trong số họ tự cho mình là những người theo chủ nghĩa đa nguyên. Trên thực tế, đa phần trong số họ là những người châu Âu mang trong mình mặc cảm tội lỗi, chứ đâu phải là những người theo chủ nghĩa hậu thực dân oán hận châu Âu. Cảm giác tội lỗi của họ hầu như không dành cho chủ nghĩa phân biệt chủng tộc tiềm ẩn trong sự khinh miệt của họ đối với châu Âu.

Tất nhiên, Mác vẫn còn một số hạn chế nhất định do điều kiện xã hội thời đó. Quả thực, nếu tư tưởng của Mác vẫn còn giá trị thì đó cũng là điều không thể khác được. Mác là một học giả phương Tây thuộc tầng lớp trung lưu. Nhưng trên thực tế, không có nhiều học giả phương Tây thuộc tầng lớp trung lưu dám lên tiếng đòi lật đổ cả một đế chế và giải phóng công nhân trong các nhà máy. Và trên thực tế có rất nhiều người trí thức của chế độ thực dân đã không làm được như thế. Chẳng những vậy, có thể hơi trịch thượng khi nói rằng, tất cả những vị lãnh tụ dũng cảm có ý thức chống thực dân tiếp thu tư tưởng của Mác, kể từ James Connolly cho đến C.L.R. James, đều là những nạn nhân bị lừa dối của Phong trào khai sáng phương Tây. Cái phong trào vĩ đại ấy cổ xúy cho tự do, lý trí và tiến bộ (xuất phát từ chính tầng lớp trung lưu ở châu Âu thế kỷ XVIII) không những là sự giải phóng

đầy mê hoặc thoát khỏi ách bạo chúa, nhưng đồng thời ẩn chứa trong nó một hình thức của chế độ chuyên quyền. Và chỉ có Mác mới là người có công thức tỉnh chúng ta trước mâu thuẫn này. Ông bảo vệ những tư tưởng của giai cấp tư sản về tự do, lý trí và tiến bộ; nhưng đồng thời cũng muốn tìm hiểu xem tại sao những tư tưởng đó lại phản bội chính mình mỗi khi được áp dụng trong thực tiễn. Do đó, Mác là một nhà phê bình của Phong trào khai sáng - và như tất cả các hình thức phê bình hiệu quả nhất, Mác là người trong cuộc. Cùng một lúc, Mác vừa là một nhà bảo vệ quan điểm vững vàng lại vừa là một nhà phản biện dữ tợn.

Những người đang tìm con đường giải phóng chính trị không được phép quá kén chọn thành phần xuất thân của những người đang dang tay giúp mình. Fidel Castro không quay lưng với cách mạng xã hội chủ nghĩa vì Mác là nhà tư sản Đức. Những người cấp tiến ở châu Á, châu Phi vẫn ngoan cố không quan tâm đến thực tế là Trotsky xuất thân là một người Nga Do Thái. Thường thì chỉ những người theo chủ nghĩa tự do thuộc tầng lớp trung lưu mới bận tâm “chiều cổ” đến những người lao động, ví dụ như bằng cách rao giảng với họ về chủ nghĩa đa văn hóa hay là về William Morris^[10]. Trong khi đó, bản thân những người lao động lại không hay mắc chứng loạn thần kinh đặc quyền ấy và sẵn lòng đón nhận bất kỳ một sự giúp đỡ chính trị nào miễn là có lợi. Do đó, nó chỉ đúng với những người sống trong thế giới thực dân lần đầu tiên biết về tự do chính trị của Mác. Mác đúng là một người châu Âu, nhưng những tư tưởng của ông lại bén rễ trước tiên ở châu Á và ở cái gọi là Thế giới thứ ba thì những tư tưởng đó mới sinh sôi nảy nở mạnh mẽ nhất. Hầu hết những xã hội được gọi là mácxít đều không phải ở châu Âu. Dù thế nào thì các lý thuyết cũng chưa bao giờ được tiếp thu một cách đơn giản và triển khai thực hiện bởi đông đảo quần chúng nhân dân, chúng sẽ được làm lại một cách có chủ ý trong quá trình thực hiện. Điều đó đặc biệt đúng với phong trào chống thực dân đi theo chủ nghĩa Mác.

Những người phê phán Mác nhiều khi chú ý đến một khuynh hướng gọi là Prômêtê trong tác phẩm của ông: con người có quyền uy tối thượng trước tự nhiên cùng với một niềm tin vào sự tiến bộ không có giới hạn của con người. Quả thực là có một xu hướng như vậy trong tác phẩm của Mác, như ta có thể thấy ở một nhà trí thức châu Âu thế kỷ XIX. Vào cái thời 1860, người ta chẳng hề quan tâm đến vấn đề túi ni lông và khí thải cacbon. Bên cạnh đó, nhiều khi cần thiết phải chinh phục thiên nhiên. Nếu chúng ta không nhanh chóng xây dựng những con đê chắn sóng biển, thế giới chúng ta đang có nguy cơ bị mất Bangladesh. Những đợt tấn công của căn bệnh thương hàn chính là sự thử thách uy quyền tối cao của con người trước thiên nhiên. Xây dựng những cây cầu, tiến hành phẫu thuật não cũng có ý nghĩa

như vậy. Vất vả bò và xây dựng thành phố là cách chinh phục thiên nhiên phục vụ cho mục đích của chúng ta. Ý niệm cho rằng chúng ta sẽ không bao giờ chiến thắng tự nhiên là sự ủy mị vô lý. Tuy nhiên, cho dù chúng ta có những lúc cần chiến thắng tự nhiên thì chúng ta chỉ có thể làm được điều đó bằng sự hòa hợp đầy cảm thông với những vận động nội tại trong lòng tự nhiên được gọi là khoa học.

Mác coi thói đa cảm ấy (mà ông gọi là “một thái độ ấu trĩ đối với tự nhiên”) phản ánh một quan điểm mê tín đối với thế giới tự nhiên, trong đó chúng ta chỉ biết quy phục trước uy quyền tối cao. Và cái mối quan hệ nhiều bí ẩn này với thế giới xung quanh chúng ta dường như lại xuất hiện trở lại trong thời hiện đại mà Mác từng gọi là chủ nghĩa sùng bái hàng hóa vật chất. Một lần nữa đời sống của chúng ta lại do thế lực xa lạ ở bên ngoài quyết định - những mảnh vật chất mang theo dạng thức sống hung ác. Đúng là những sức mạnh tự nhiên giờ đây không còn là ác quỷ hay nữ thần nữa, mà là dòng chuyển dịch của hàng hóa trên thị trường mà chúng ta hầu như không thể kiểm soát được giống như Ôđixê đứng trước thần biển vậy. Về điểm này, phê phán kinh tế học tư bản chủ nghĩa của Mác gắn chặt với mối quan tâm của Mác đối với tự nhiên.

Ngay từ tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, có thể thấy Mác đã đưa những yếu tố địa lý và khí hậu vào trong các phân tích xã hội của ông. Mác còn công khai lên tiếng rằng, tất cả các phân tích lịch sử “đều xuất phát từ những cơ sở tự nhiên ấy và những thay đổi của chúng do hoạt động của con người gây ra trong quá trình lịch sử”[\[11\]](#). Các Mác viết trong *Tư bản* về “con người trong xã hội hóa, những người sản xuất liên hợp, điều tiết một cách hợp lý sự trao đổi chất đó của họ với giới tự nhiên, đặt sự trao đổi chất đó dưới sự kiểm soát chung của họ, chứ không để cho nó thống trị họ như là một lực lượng mù quáng”[\[12\]](#). Cái bị đe dọa là “sự trao đổi” chứ không phải là quyền thế; sự kiểm soát hợp lý chứ không phải là thống trị bằng bạo lực. Bất luận thế nào thì chàng Prômêthê của Mác (nhân vật thần thoại yêu thích của ông) cũng không giống người ủng hộ nhiệt thành công nghệ mà giống một người chống đối chính trị nhiều hơn. Đối với Mác, cũng như là đối với Dante, Milton, Goethe, Blake, Beethoven và Byron thì chàng Prômêthê đều là hiện thân của cách mạng, của năng lực sáng tạo và là sự nổi loạn chống các vị thần[\[13\]](#).

Sự qui chụp cho rằng Mác chẳng qua cũng chỉ là một người theo chủ nghĩa duy lý theo trường phái Khai sáng ra sức tước đoạt thiên nhiên nhân danh Con người là hoàn toàn sai lầm. Khó có thể tìm thấy nhà tư tưởng nào thời Victoria lại có được khả năng nhìn trước được chủ nghĩa môi trường hiện đại một cách ấn tượng như vậy. Một nhà bình luận thời hiện đại nhận xét rằng những tác phẩm của Mác “là những hiểu biết uyên bác nhất về

những vấn đề phức tạp xung quanh quyền làm chủ thiên nhiên trong số những tư duy xã hội thế kỷ XIX, hay uyên bác nhất trong số những đóng góp của các giai đoạn trước đó”[14]. Ngay cả những người hâm mộ Mác trung thành nhất cũng thấy lời nhận xét này là sự đề cao quá mức, nhưng vẫn chứa đựng mầm mống chắc khỏe của sự thật. Ăngghen thời còn trẻ cũng tán đồng quan điểm sinh thái với Mác khi ông viết rằng “biến trái đất này thành một đối tượng để cò kè mặc cả - trong khi đó trái đất này là của tất cả chúng ta không trừ một ai, và cũng là điều kiện tồn tại đầu tiên của chúng ta - là bước cuối cùng để biến mình thành đối tượng để cò kè mặc cả”[15].

Trái đất là điều kiện đầu tiên cho sự tồn tại của chúng ta. Tức là nếu ta muốn có một cơ sở nền tảng cho các hoạt động con người thì ta phải tìm kiếm nó ở trái đất. Đó là tuyên bố của Mác trong tác phẩm *Phê phán cương lĩnh Gotha*, theo đó ông nhấn mạnh rằng, chính Tự nhiên chứ không phải lao động hay sản xuất nói một cách riêng rẽ, là gốc rễ của sự tồn tại của loài người. Ăngghen lúc về già cũng viết trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên* rằng: “chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên, mà trái lại, bản thân chúng ta, với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc của chúng ta, là thuộc về giới tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với tự nhiên là ở chỗ chúng ta, khác với tất cả các sinh vật khác, là chúng ta nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng những quy luật đó một cách chính xác”. Đúng là trong *Chủ nghĩa xã hội: Không tưởng và Khoa học*, Ăngghen nói về loài người như là “vị chúa tể sáng suốt và thực sự của tự nhiên”. Nhưng, cũng đúng là Ăngghen tự bêu diều kiến thức về thiên nhiên của mình như là một thành viên nhiệt thành thuộc hội săn bắt quạ Cheshire vậy. Nhưng nếu theo nguyên lý chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác thì không có ai và không có gì là hoàn hảo.

Mác từng nhận xét: “Ngay cả một xã hội, một nước, và thậm chí tất cả các xã hội tồn tại trong một thời kỳ gộp lại, cũng đều không phải là kẻ sở hữu đất đai. Họ chỉ là những người chiếm hữu đất đai ấy, là những người sử dụng những đất đai ấy và với tư cách là những *boni patres familias* (những người cha hiền của gia đình), họ phải để lại những đất đai, đã được cải thiện, cho các thế hệ sau”[16]. Rõ ràng ông nhận thức rõ sự xung đột giữa một bên là sự khai thác tài nguyên thiên nhiên của chủ nghĩa tư bản vì mục đích trước mắt và một bên là sự sản xuất bền vững vì mục đích lâu dài. Mác nhắc đi nhắc lại rằng, phát triển kinh tế chỉ đạt được nếu không làm phương hại những điều kiện tự nhiên và toàn cầu là nơi mà hạnh phúc của các thế hệ tương lai sẽ phải trông cậy vào đó. Không có gì phải nghi ngờ là Mác sẽ đi đầu trong phong trào đấu tranh bảo vệ môi trường nếu ông còn sống đến tận

hôm nay. Là người có quan điểm bảo vệ môi trường sinh thái, Mác nhận xét rằng, chủ nghĩa tư bản “đang phung phí sức sống của mảnh đất này” và đang làm xói mòn một nền nông nghiệp “hợp lý”.

Trong tác phẩm *Tư bản*, Mác viết: “đất đai được canh tác một cách có ý thức và hợp lý, coi là sở hữu cộng đồng vĩnh viễn, là điều kiện sinh sống và tái sản xuất không thể di nhượng được của những thế hệ thường xuyên nối tiếp nhau của loài người”^[17]. Theo quan điểm của ông, nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa thành công được là nhờ hút kiệt “nguồn gốc ban đầu của mọi của cải... đất đai và người lao động”. Khi phê phán tư bản công nghiệp, Mác bàn luận đến xả chất thải, tàn phá rừng, ô nhiễm sông hồ, các chất độc hại đối với môi trường và chất lượng không khí. Mác quan niệm rằng tính bền vững của môi trường sinh thái có tầm quan trọng đặc biệt trong nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa^[18].

Ấn sâu mỗi quan tâm của Mác đối với tự nhiên là một tầm nhìn triết học. Mác là một nhà duy vật chủ nghĩa và đồng thời là một nhà tự nhiên chủ nghĩa, theo đó con người là một bộ phận của tự nhiên và cố tình quên mất bản chất sinh học của chính mình. Thậm chí trong bộ *Tư bản*, Mác cũng viết tự nhiên là “cơ thể” của loài người: “mà (loài người) phải duy trì quá trình trao đổi không ngừng với nó”. Còn những công cụ sản xuất được coi như là “những cơ quan nối dài của cơ thể”. Toàn bộ nền văn minh, từ các thượng nghị sĩ cho đến tàu ngầm chỉ đơn giản là sự nối dài những năng lực cơ thể của chúng ta. Cơ thể và thế giới, chủ thể và khách thể tồn tại trong một cân bằng mong manh, do đó môi trường của chúng ta cũng mang tính biểu trưng cho hệ thống ý nghĩa của con người, cũng tương tự như ngôn ngữ vậy. Mác coi mặt đối lập của cái này là “sự tha hóa” - ở đó, chúng ta không thể tìm thấy sự phản ánh của chính mình trong một thế giới vật chất đầy thú tính, và do đó, đánh mất mối liên hệ với bản chất năng động nhất của chính chúng ta.

Một khi mối quan hệ qua lại giữa cái tôi và tự nhiên bị phá vỡ, nhân loại chúng ta sẽ rơi vào một thế giới vật chất vô nghĩa của chủ nghĩa tư bản, mà ở trong đó tự nhiên chẳng khác nào một thứ dễ bị uốn nắn theo bất cứ hình dáng nào mà chúng ta mong muốn. Cùng lúc đó, cái tôi bị tách khỏi Tự nhiên, bị tách khỏi cái thể xác của nó, và tách khỏi thể xác của những người khác. Mác còn tin rằng, thậm chí cả giác quan cơ thể của chúng ta cũng “trở thành hàng hóa” dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, giống như thể xác, được chuyển đổi thành một công cụ sản xuất trừu tượng đơn thuần, không thể nào cảm nhận được cuộc sống giác quan của chính nó nữa. Chỉ với chủ nghĩa cộng sản thì chúng ta mới lại cảm nhận được thể xác của mình. Ông lập luận, chỉ khi đó, chúng ta mới có thể vượt lên trên lý trí mang tính phương tiện tàn nhẫn để tận hưởng niềm vui của thế giới tinh thần và thẩm mỹ. Thực

vậy, công trình của ông mãi mãi “mang tính thẩm mỹ”. Trong tác phẩm *Grundrisse* của mình, Mác nhận xét rằng dưới chủ nghĩa tư bản, tự nhiên hoàn toàn trở thành đối tượng của thuyết vị lợi, và không được công nhận là “tự nó có quyền lực”.

Theo quan điểm của Mác, thông qua hoạt động sản xuất vật chất, con người điều chỉnh và kiểm soát “quá trình trao đổi chất” theo hai chiều giữa bản thân con người và tự nhiên, chứ không phải là uy quyền tối cao kiêu ngạo nào đó. Và tất cả những yếu tố này - tự nhiên, lao động, thể xác biết đau đớn và biết sản xuất cùng với các nhu cầu của thể xác - hình thành nên cái mà Mác gọi là cơ sở hạ tầng tồn tại mãi mãi của lịch sử nhân loại. Đó là một bài văn tự sự chạy suốt các nền văn hóa nhân loại, để lại những dấu ấn không thể xóa nhòa lên các nền văn hóa ấy. Với tư cách là sự trao đổi “chất” giữa con người và tự nhiên, lao động của con người theo quan điểm của Mác là một điều kiện “vĩnh cửu” không thể thay đổi. Cái sẽ thay đổi - cái khiến cho các loài tự nhiên có lịch sử - là những cách thức khác nhau mà con người chúng ta tác động không ngừng lên tự nhiên. Con người tạo ra các phương tiện để duy trì sự tồn tại của mình theo nhiều cách khác nhau. Điều này hoàn toàn tự nhiên, theo cái nghĩa đó là cần thiết cho sự sinh sôi nảy nở của loài này. Nhưng nó còn mang tính văn hóa và lịch sử, kéo theo đó như nó vẫn vậy là những hình thức cụ thể của chủ quyền, xung đột và bóc lột. Không còn lý do nào để cho rằng, chấp nhận bản chất “vĩnh cửu” của lao động sẽ lừa dối chúng ta đi đến chỗ tin rằng các hình thái xã hội ấy cũng là vĩnh cửu.

Cái “điều kiện buộc phải chấp nhận có bản chất vĩnh cửu đối với sự tồn tại của con người” này có thể đối lập với sự áp bức của cái thể xác vật chất, tự nhiên theo quan điểm hậu hiện đại mà đang tìm cách hòa tan thành văn hóa. Chính cái từ “tự nhiên” đó gây ra sự rùng mình chính trị. Tất cả sự chú ý đến bản chất sinh học chung của chúng ta sẽ trở thành thứ tội ác tư tưởng có tên gọi là “chủ nghĩa sinh học”. Chủ nghĩa hậu hiện đại rất sợ cái bất biến mà nó tưởng tượng một cách sai lệch là sự xuất hiện ở khắp mọi nơi trên phương diện phản ứng chính trị. Do thể xác của con người hầu như không biến đổi trong quá trình tiến hóa, nên tư tưởng hậu hiện đại chỉ có thể thích ứng được với nó như là một “kiến tạo văn hóa”. Từ trước đến nay chưa có một nhà tư tưởng nào lại nhận thức được rõ như Mác về quá trình hòa giải về mặt xã hội giữa tự nhiên và thể xác. Quá trình hòa giải đó được gọi là lao động, đã đưa tự nhiên thành có ý nghĩa đối với con người. Lao động là một hành động có ý nghĩa. Không bao giờ chúng ta nhồi nhét vào một đối tượng vật chất nhất định. Thay vào đó, thế giới vật chất đối với chúng ta luôn chứa đầy ý nghĩa nhân bản, và thậm chí, một sự trống không cũng là một dấu hiệu có ý nghĩa nào đó. Tiểu thuyết của Thomas Hardy đã minh họa điều này một

cách tuyệt vời.

Mác tin rằng, lịch sử xã hội loài người là một bộ phận của lịch sử tự nhiên. Điều đó có nghĩa là cùng với một số thuộc tính khác, thuộc tính xã hội là vốn có trong giống loài động vật như con người chúng ta. Sự hợp tác xã hội là cần thiết cho sự tồn tại vật chất của con người, nhưng đồng thời đó còn là một phần trong quá trình tự hoàn thiện của con người với tư cách là một loài. Do đó, nếu xét theo khía cạnh nào đó, tự nhiên là một phạm trù xã hội thì xã hội cũng là một phạm trù tự nhiên. Tuy nhiên, dễ nhận thấy rằng những người theo chủ nghĩa hậu hiện đại chỉ chú trọng đến trường hợp thứ nhất mà lơ đi trường hợp thứ hai. Theo Mác, mối quan hệ giữa tự nhiên và con người không mang tính đối xứng. Cuối cùng, như ông viết trong *Hệ tư tưởng Đức*, tự nhiên có vị trí kiểm soát toàn bộ. Đối với cá nhân mỗi con người, điều này được gọi là cái chết. Giác mộng của Phaoxtơ về tiến bộ không giới hạn trong một thế giới vật chất, biết đáp lại thử thách của chúng ta một cách kỳ diệu, đã bỏ qua “vị trí ưu tiên của giới tự nhiên bên ngoài”. Ngày nay, hiện tượng này không còn được gọi là giác mộng của Phaoxtơ, mà là giấc mơ Mỹ. Đó là một quan điểm âm thầm căm ghét vật chất bởi vì nó ngăn cản con đường chúng ta tiến đến vô hạn. Đó là lý do giải thích tại sao thế giới vật chất hoặc là cần phải chế ngự bằng sức lực, hoặc là phải được hòa tan vào trong văn hóa. Chủ nghĩa hậu hiện đại và tinh thần tiên phong là hai mặt của một đồng tiền. Nhưng không ai trong số họ có thể chấp nhận được thực tế rằng, chính những hạn chế của chúng ta khiến chúng ta được như hiện nay, cũng hoàn toàn giống như quá trình lịch sử nhân loại chính là sự không ngừng vượt qua giới hạn của những hạn chế ấy.

Mác quan niệm rằng, con người thuộc về tự nhiên nhưng con người có khả năng chế ngự tự nhiên; và sự tách biệt một phần như vậy với tự nhiên bản thân nó là một phần bản chất của con người^[19]. Chính những công nghệ mà chúng ta sử dụng để tác động lên tự nhiên và văn hóa hình thành nên một thể thống nhất phức hợp, nhưng Mác cương quyết không chấp nhận hòa tan cái này vào trong cái kia. Từ những tác phẩm thời kỳ đầu nhưng sớm bộc lộ tài năng của mình, ông đã mong ước về một sự thống nhất tốt bậc giữa tự nhiên và con người. Trong những năm tháng trưởng thành hơn sau này, ông thừa nhận rằng sẽ luôn tồn tại một sự không dung hòa hay tính không đồng dạng giữa tự nhiên và con người, và đích danh mâu thuẫn ấy chính là lao động. Rõ ràng là với đôi chút ân hận, ông phản đối trí tưởng tượng theo kiểu tô hồng, gán như tồn tại từ rất lâu cùng với con người, theo đó, một tự nhiên hết sức giàu có luôn sẵn lòng đáp lại mọi khát vọng của chúng ta:

Cuộc sống này với tôi kỳ diệu biết bao nhiêu,

Trái táo chín cứ đung đưa ngang tầm với.
Những chùm nho chín mọng ngả bên tôi,
Ép những giọt ngọt lịm vào môi tôi chờ đợi.
Trái xuân đào và đào tươi còn chờ tay hái,
Ruộng dưa kia như ngáng bước chân tôi.
Giờ đây chỉ còn tôi nằm im trên thảm cỏ,
Bởi kết quanh mình là những dải hoa tươi.
(Andrew Marvell: Khu vườn)

Mác tin vào cái mà ông gọi là “nhân cách hóa thế giới tự nhiên”. Nhưng trong quan niệm của Mác, tự nhiên vẫn có chút gì đó ngang bướng chống lại con người ngay cả khi có thể chế ngự được sự phản kháng của tự nhiên đối với nhu cầu của con người. Và điều này có những mặt tích cực của nó. Bởi vì rằng, vượt qua trở ngại là góp phần là góp phần làm nên tính sáng tạo của chúng ta. Một thế giới chỉ toàn những điều kỳ diệu chắc chắn sẽ trở thành nơi buồn tẻ. Và vào một ngày nào đó trong khu vườn kỳ diệu kia có lẽ Marvell lại ước quay trở về sống ở Luân đôn.

Liệu Mác có tin tưởng vào khả năng mở rộng vô tận sức mạnh của con người, nhất là theo một cách vi phạm vào những nguyên tắc môi trường sinh thái của chúng ta? Quả thật là có lúc Mác đã hạ thấp vai trò của những giới hạn của tự nhiên đặt lên sự phát triển của con người, một phần do những người có quan điểm chống lại ông như Thomas Malthus đã quá cường điệu nó. Mác ý thức rõ những giới hạn của tự nhiên đặt lên lịch sử, nhưng ông vẫn cho rằng chúng ta vẫn có thể mở rộng những giới hạn đó trong một quá trình lâu dài. Dĩ nhiên có một khuynh hướng rõ ràng mà ta gọi là chủ nghĩa lạc quan công nghệ - thậm chí đôi khi còn gọi là khúc ca khai hoàn trong tác phẩm của Mác: một viễn cảnh nhân loại khi các lực lượng sản xuất được giải phóng trong một thế giới mới rộng rãi. Sau này một số nhà Mác-xít (đơn cử như Trotsky) đã mở rộng viễn cảnh này thành xã hội không tương cực đoan khi dự đoán về một tương lai gồm toàn những người hùng và những bậc vĩ nhân^[20]²⁰. Tuy vậy, vẫn tồn tại một Mác khác, như chúng ta đã thấy, sự phát triển ấy cần phải thích hợp với phẩm giá và hạnh phúc của con người. Chỉ có chủ nghĩa tư bản mới nhìn nhận sản xuất là có tiềm năng vô hạn, còn chủ nghĩa xã hội lại đặt sản xuất vào trong bối cảnh những giá trị đạo đức và thẩm mỹ. Và như Mác viết trong tập đầu tiên của bộ *Tư bản*: “dưới một hình thức phù hợp với sự phát triển toàn diện của con người”.

Như Ted Benton nhận xét, thừa nhận những giới hạn của tự nhiên là không phù hợp không những với giải phóng chính trị mà còn với những phiên bản không tương cực đoan của giải phóng chính trị^[21]²¹. Tài nguyên của thế giới

không phải để tất cả chúng ta sống ngày càng sung túc hơn, mà để cho tất cả chúng ta được sống đầy đủ. G.A.Cohen viết: “Lời hứa hẹn về sự giàu có không phải là dòng hàng hóa tuôn chảy không dứt, mà là sự đầy đủ được tạo ra bằng những cố gắng ít nhọc nhằn nhất”^[22]. Cái ngăn trở điều đó diễn ra là chính trị chứ không phải là Tự nhiên. Như chúng ta đều biết, Mác quan niệm rằng, chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải mở rộng lực lượng lao động sản xuất; nhưng sự mở rộng đó không phải là nhiệm vụ của bản thân chủ nghĩa xã hội mà là của chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa xã hội khai thác sự giàu có vật chất ấy chứ không phải tích lũy nó. Chỉ có Stalin, chứ không phải Mác, mới quan niệm chủ nghĩa xã hội là vấn đề phát triển lực lượng sản xuất. Chủ nghĩa tư bản là một người học việc của thầy phù thủy: nó tập trung sức mạnh phóng ra như vũ bão đe dọa hủy diệt chúng ta. Nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội không phải là khích lệ những quyền năng ấy mà đặt chúng dưới sự kiểm soát sáng suốt của con người.

Hiện nay, chúng ta đang phải đối mặt với hai mối đe dọa lớn đối với sự tồn vong của nhân loại là quân sự và môi trường. Trong tương lai hai mối đe dọa này ngày càng có xu hướng hội tụ với nhau khi những cuộc tranh giành nguồn tài nguyên khan hiếm leo thang thành xung đột có vũ trang. Trong nhiều năm qua, những người cộng sản đã tỏ rõ ra là những người ủng hộ nhiệt thành cho hòa bình. Lý do cho việc đó có thể được Ellen Meiksins Wood tổng kết lại: “Điều hiển nhiên đối với tôi là, cái nguyên lý cạnh tranh, bóc lột và mở rộng không ngừng của tích lũy tư bản chủ nghĩa trong bối cảnh hệ thống quốc gia - dân tộc trong tương lai gần và tương lai xa sẽ dẫn đến mất ổn định; và chủ nghĩa tư bản... đang và sẽ tiếp tục là mối đe dọa lớn nhất đối với nền hòa bình thế giới trong một tương lai không xa”^[23]. Nếu phong trào hòa bình phải đi tìm nguyên nhân gốc rễ của sự xâm lăng trên toàn cầu, thì nó không thể bỏ qua cái bản chất của con quái vật đang nuôi dưỡng sự xâm lăng đó. Và do đó có nghĩa là nó không thể bỏ qua những phát kiến của chủ nghĩa Mác.

Cũng tương tự như vậy với chủ nghĩa bảo vệ môi trường. Wood lập luận rằng chủ nghĩa tư bản không thể tránh khỏi hủy hoại sinh thái, bởi để tích lũy được, động lực phát triển của nó phải có bản chất chống xã hội. Hệ thống này có thể dung thứ cho sự bất bình đẳng dân tộc và bất bình đẳng giới, nhưng với bản chất của mình, nó không thể nào đến với hòa bình thế giới hay trân trọng thế giới vật chất. Wood còn nhận xét rằng, chủ nghĩa tư bản “có thể có một sự quan tâm nhất định đến vấn đề sinh thái, nhất là khi bản thân công nghệ bảo vệ môi trường mang lại lợi nhuận trên thị trường. Nhưng sự phi lý mang tính bản chất trong động lực tích lũy tư bản này, bất chấp tất cả để phục vụ cho yêu cầu mở rộng tư bản và cả cái gọi là tăng trưởng, sẽ

không tránh khỏi thù địch với sự cân bằng sinh thái". Câu khẩu hiệu xưa của những người cộng sản "Chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa man rợ" nghe có vẻ khái huyền với một số người. Nhưng khi lịch sử đang trông chừng trước viễn cảnh chiến tranh hạt nhân và thảm họa môi trường, thì khẩu hiệu ấy lại là một sự thật nghiêm túc hơn bao giờ hết. Nếu chúng ta không hành động ngay từ bây giờ thì có lẽ chủ nghĩa tư bản sẽ là cái chết của chính chúng ta./.

KẾT LUẬN

Vậy đây, Mác có một niềm tin tha thiết vào con người và luôn nghi ngờ những giáo điều trừu tượng. Ông đã không quá câu nệ đến khái niệm về một xã hội hoàn hảo nhưng lại rất quan tâm đến vấn đề bình đẳng. Mác không mơ tưởng gì về một tương lai trong đó tất cả chúng ta đều đóng khung trong những bộ đồng phục chật cứng, bị đóng dấu trên lưng những mã số An sinh xã hội. Thay vào đó, ông hy vọng nhìn thấy một tương lai đa dạng chứ không phải sự đồng nhất. Mác không hề nói rằng: con người chỉ là những con rối vô dụng của lịch sử. Thậm chí ông còn kiên quyết chống lại nhà nước hơn cả những người bảo thủ cánh hữu. Mác nhìn nhận chủ nghĩa xã hội chính là dân chủ ở tầm cao chứ không phải là kẻ thù của dân chủ. Mô hình xây dựng một xã hội tốt đẹp của ông chịu ảnh hưởng của hình thức tự biểu hiện mỹ học. Mác tin rằng vẫn có thể tiến hành những cuộc cách mạng không đổ máu, và rằng chống lại cải cách xã hội là điều không tưởng. Ông không hề chỉ tập trung vào tầng lớp lao động giản đơn nhưng cũng không hề coi xã hội chỉ bao gồm hai giai cấp đối kháng.

Mác không tôn sùng một cách quá đáng sản xuất vật chất. Trái lại, ông cho rằng cần hoàn toàn thủ tiêu sản xuất vật chất. Với Mác, lý tưởng là nghỉ ngơi chứ không phải là lao động. Nếu như ông quá chú trọng đến góc độ kinh tế học, thì chẳng qua là để làm giảm bớt tầm quan trọng của nó đối với con người. Chủ nghĩa duy vật của Mác mang đậm giá trị đạo đức và tinh thần cao cả. Ông hết lòng ngợi ca tầng lớp trung lưu, coi chủ nghĩa xã hội là sự kế thừa những di sản vĩ đại của tầng lớp trung lưu về tự do, dân quyền, và thịnh vượng. Quan niệm của Mác về tự nhiên và môi trường đáng ngạc nhiên là đã vượt xa thời đại mà ông đang sống. Không thể có người chiến sĩ kiên trung nào vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ, hòa bình thế giới, chống chủ nghĩa phát xít và độc lập cho các nước thuộc địa như phong trào chính trị mà công trình của Mác đã sản sinh ra.

Và cũng chưa từng có nhà tư tưởng nào bị lăm hiểm khích đến như vậy!

[\[1\]](#) Để biết thêm chi tiết về những tranh luận này, tham khảo Juliet

Mitchel: Bất động sản của phụ nữ (Women's Estate), Harmondsworth, 1971; S. Rowbotham, L. Segal và H. Wainwright: *Vượt lên trên sự phân tầng* (Beyond the Fragments), Newcastle and London, 1979; L. Sargent (ed.): *Phụ nữ và cách mạng* (Women and Revolution), Montreal, 1981; và Michele Barrett: *Sự áp bức phụ nữ ngày nay* (Women's Oppression Today), London, 1986.

[2] Robert J. C. Young: *Chủ nghĩa hậu thực dân: một cách tiếp cận lịch sử* (Postcolonialism: An Historical Introduction), Oxford, 2001, tr.372-373, 142.

[3] T.Bottomore (Chủ biên): *Từ điển tư tưởng mácxít* (A Dictionary of Marxist Thought), Oxford, 1983, tr.190.

[4] Jules Townshend: *Chính trị học Mácxít* (The Politics of Marxism), London và New York, 1996, tr.142.

[5] Kevin B.Anderson: “Sự phát hiện lại và kiên trì phép biện chứng trong môn triết học và chính trị học thế giới”, trong S.Budgeon, S.Kouvelakis và S.Zizek: *Khởi động lại Lênin: Hướng tới một chính trị thật sự* (Lenin Reloaded: Towards a Politicong sản of Truth), London, 2007, tr.121.

[6] Xem thêm thuật chép sử của người Ấn Độ trong Aijaz Ahmad: *In Theory: Classes, Nations, Literatures*, London, 1992, Ch.6.

[7] Aijaz Ahmad: *In Theory: Classes, Nations, Literatures*, London, 1992, tr.228.

7 Aijaz Ahmad: *In Theory: Classes, Nations, Literatures*, London, 1992, tr. 235.

7 Aijaz Ahmad: *In Theory: Classes, Nations, Literatures*, London, 1992, tr. 236.

[8] Một ngôn ngữ được sử dụng nhiều ở một số nước châu Phi như Kenya, Somali, Mozambique... (ND).

[9] Nhà viết kịch nổi tiếng của Hy Lạp (497-407 trước Công nguyên – ND).

[10] Nhà nghệ sĩ, nhà văn và nhà xã hội không tưởng người Anh thế kỷ XIX (ND).

[11] “Hệ tư tưởng Đức”, tập 1, trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H.1995, t.3, tr.29.

[12] Công thức tam vị thể, tập thứ ba, quyển III: Toàn bộ quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H.2002, t.25 (p.II), tr.545.

[13] John Bellamy Foster: *Mác và Môi trường* (Marx and Environment), trong E.M.Wood và J.B.Foster (Chủ biên): *Bảo vệ lịch sử* (In Defense of History), New York, 1997, tr.150.

[14] W.Leiss: *The Domination of Nature*, Boston, 1974, tr.198, 153.

[15] Phép biện chứng của tự nhiên, trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H.2002, t.20, tr.655.

[16] Địa tô đất xây dựng, Địa tô đất hàm mỏ, Giá cả ruộng đất, tập thứ ba, quyển thứ III: Toàn bộ quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H.2002, t.25 (p.II), tr.477.

[17] Sự phát sinh của địa tô tư bản chủ nghĩa, tập thứ ba, quyển thứ III: Toàn bộ quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, trong *Các Mác và Ăngghen: Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H.2002, t.25 (p.II), tr.532.

[18] Xem thêm Ted Benton: “Chủ nghĩa Mác và những giới hạn tự nhiên”, Tạp chí *Cánh tả mới*, số 178 (November/December 1989), tr.83.

[19] Đề biết những giải thích kinh điển cho những tư tưởng của Mác về chủ đề này, tham khảo Alfred Schmidt: *Khái niệm về tự nhiên trong Mác* (The Concept of Nature in Marx), London, 1971.

[20] Tham khảo thêm đoạn cuối cùng trong *Văn học và Cách mạng* của Trotsky.

[21] Benton: *Chủ nghĩa Mác và những giới hạn tự nhiên* (Marxism and Natural Limits), tr.78.

[22] G.A.Cohen: *Bảo vệ học thuyết Lịch sử của Các Mác* (Karl Marx's Theory of History: A Defence), Oxford, 1978, tr.307.

[23] Ellen Meiksins Wood: *Chủ nghĩa tư bản và sự giải phóng con người* (Capitalism and Human Emancipation), Tạp chí *Cánh tả mới*, số 67, January/February 1988, tr.5.

HẾT

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com